



Hướng dẫn về khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs)

Harry D. Jonas, Pete Wood và Stephen Woodley, Chủ biên



Tuyển tập Hướng dẫn thực hành tốt của IUCN WCPA, số 36



CÁC ẢN PHẨM CỦA IUCN WCPA

IUCN WCPA xuất bản hai bộ ấn phẩm quan trọng, cung cấp các nguồn tài liệu có tính thẩm quyền cho các nhà quản lý khu bảo tồn và khu vực áp dụng các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs), các nhà hoạch định chính sách và giới khoa học. Các định nghĩa và hướng dẫn chi tiết về các khu bảo tồn và OECMs có thể được tìm thấy ở mặt trong của bìa sau ấn phẩm này.

Bộ hướng dẫn Thực hành tốt và Báo cáo Kỹ thuật là kết quả của sự hợp tác giữa các chuyên gia thực hành chuyên sâu, tận tâm hỗ trợ việc thực hiện tốt hơn công tác bảo tồn trên thực địa, chắt lọc các bài học và khuyến nghị từ khắp mạng lưới IUCN WCPA. Khi được áp dụng thực tế, các tài liệu này giúp tăng cường năng lực của các tổ chức và cá nhân để quản lý các hệ thống bảo tồn một cách hiệu quả, công bằng và bền vững, đồng thời giúp ứng phó với vô số thách thức trên toàn thế giới. Bộ hướng dẫn này cũng hỗ trợ các chính phủ, các cơ quan quản lý khu bảo tồn, các tổ chức phi chính phủ, các cộng đồng và các đối tác khu vực tư nhân trong việc thực hiện các cam kết và mục tiêu đã đề ra, đặc biệt là liên quan đến Công ước về Đa dạng sinh học.

Để biết thêm thông tin về tất cả các ấn phẩm của WCPA, vui lòng truy cập: <https://www.iucn.org/our-union/commissions/world-commission-protected-areas/our-work/wcpa-publications>

Để biết thông tin về việc xuất bản cùng WCPA, vui lòng truy cập: <https://www.iucn.org/our-union/commissions/world-commission-protected-areas/our-work/wcpa-publications/publishing-wcpa>.

Các tài liệu bổ sung có sẵn tại: www.30x30.solutions

Đóng góp vào nâng cao năng lực cho Chương trình một Hành tinh được Bảo vệ tại: www.protectedplanet.net

Hướng dẫn về khu vực có
các biện pháp bảo tồn
hiệu quả khác (OECMs)



IUCN - Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế

IUCN là một Liên minh mà thành viên bao gồm cả các tổ chức chính phủ và xã hội dân sự. IUCN cung cấp cho các tổ chức công, tư và phi chính phủ, những tri thức và công cụ thúc đẩy sự tiến bộ của con người, phát triển kinh tế song hành cùng bảo tồn thiên nhiên.

Được thành lập vào năm 1948, IUCN hiện là mạng lưới môi trường lớn nhất và đa dạng nhất trên thế giới, khai thác tri thức, nguồn lực và tầm ảnh hưởng của hơn 1.400 tổ chức thành viên và khoảng 16.000 chuyên gia. Đây là liên minh hàng đầu về dữ liệu, đánh giá và phân tích bảo tồn. Số lượng thành viên đồng đẳng giúp IUCN trở thành nơi khởi tạo các ý tưởng, là vườn ươm và kho lưu trữ đáng tin cậy của các hướng dẫn thực hành, công cụ và tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất.

IUCN cung cấp một không gian trung lập, nơi các bên liên quan đa dạng bao gồm các chính phủ, tổ chức phi chính phủ, giới khoa học, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương, các tổ chức của Cộng đồng dân tộc thiểu số và các bên khác có thể hợp tác để xây dựng và thực hiện các giải pháp cho các thách thức môi trường và tiến tới phát triển bền vững.

iucn.org



Ủy ban Thế giới về các Khu bảo tồn của IUCN

Ủy ban Thế giới về các Khu bảo tồn (WCPA) của IUCN là mạng lưới chuyên môn hàng đầu thế giới về các khu bảo tồn và khu được bảo tồn. Ủy ban có hơn 2.500 thành viên ở trên 140 quốc gia, cung cấp các khuyến nghị chiến lược cho các nhà hoạch định chính sách và hoạt động để tăng cường năng lực và đầu tư cho việc thành lập và quản lý các khu bảo tồn. Bộ Báo cáo Kỹ thuật là một trong những sản phẩm chủ lực của Ủy ban, cung cấp hướng dẫn kịp thời về các khía cạnh của quy hoạch, quản lý và đánh giá khu bảo tồn.

iucn.org/wcpa



WWF

Trong hơn 60 năm, WWF đã và đang bảo vệ tương lai của thiên nhiên. Là tổ chức bảo tồn hàng đầu thế giới, WWF hoạt động tại 100 quốc gia và được hỗ trợ bởi hơn 1,3 triệu thành viên tại Hoa Kỳ và gần 5 triệu thành viên trên toàn cầu. Cách làm việc độc đáo của WWF kết hợp phạm vi toàn cầu với nền tảng khoa học, bao gồm hành động ở mọi cấp độ từ địa phương đến toàn cầu, và đảm bảo cung cấp các giải pháp sáng tạo đáp ứng nhu cầu của cả con người và thiên nhiên.

worldwildlife.org

Hướng dẫn về khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs)

Harry D. Jonas, Pete Wood và Stephen Woodley, Chủ biên

Việc chỉ định các thực thể địa lý trong tài liệu này, và cách trình bày tài liệu, không hàm ý bất kỳ ý kiến nào từ phía IUCN hoặc các tổ chức tham gia khác liên quan đến tình trạng pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, hoặc khu vực nào, hay của các cơ quan chức trách của chúng, hoặc liên quan đến việc phân định biên giới hoặc ranh giới của các quốc gia, lãnh thổ hoặc khu vực đó.

Các quan điểm được trình bày trong tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm của IUCN hoặc các tổ chức tham gia khác.

IUCN trân trọng ghi nhận sự hỗ trợ của các Đối tác Khung đã cung cấp nguồn tài trợ chính, bao gồm: Bộ Ngoại giao Đan Mạch; Bộ Ngoại giao Phần Lan; Chính phủ Pháp và Cơ quan Phát triển Pháp (AFD); Bộ Môi trường Hàn Quốc; Bộ Môi trường, Khí hậu và Phát triển Bền vững của Đại công quốc Luxembourg; Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (Norad); Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển (Sida); Cơ quan Phát triển và Hợp tác Thụy Sĩ (SDC) và Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

Ấn phẩm này được thực hiện một phần nhờ tài trợ từ Quỹ từ thiện Margaret A. Cargill.

Xuất bản bởi: IUCN, Gland, Thụy Sĩ.

Thực hiện bởi: Nhóm Chuyên gia về OECMs thuộc Ủy ban Thế giới về Các Khu Bảo tồn của IUCN.

Bản quyền: © 2024 IUCN – Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên.

Việc sao chép tài liệu này phục vụ mục đích giáo dục hoặc phi thương mại khác được cho phép mà không cần sự chấp thuận bằng văn bản từ chủ sở hữu bản quyền, với điều kiện ghi rõ nguồn đầy đủ.

Việc sao chép tài liệu này để bán hoặc cho các mục đích thương mại khác bị cấm nếu không có sự cho phép bằng văn bản từ chủ sở hữu bản quyền.

Trích dẫn:	Jonas, H. D., Wood, P. & Woodley, S., Volume Editors (2024). Guidance on other effective area-based conservation measures (OECMs). IUCN WCPA Good Practice Series, No.36. Gland, Switzerland: IUCN.
ISBN:	978-2-8317-2315-0 (PDF)
DOI:	https://doi.org/10.2305/LAAW4624
Ảnh bìa:	Chuyên gia sinh học giám sát động vật hoang dã trong khu bảo tồn nhượng quyền Los Amigos, Peru. © Consuelo Alarcon (ACCA)
Bìa sau:	© Bastien Preuss / WWF France
Trình bày:	Miller Design

Mục lục

Lời nói đầu	VIII
Trích yếu	X
Lời cảm ơn và thông tin bổ sung	XII
Các từ viết tắt	XIII
Thuật ngữ	XIV
1. Giới thiệu	2
1.1 Bối cảnh	3
1.2 Các hướng dẫn thực hành tốt này	4
1.3 Sử dụng các hướng dẫn thực hành tốt	5
2. Định nghĩa và tiêu chí của CBD	6
2.1 Định nghĩa về OECMs	7
2.2 Phân biệt OECMs với các khu bảo tồn	9
2.3 Các tiêu chí của CBD để xác định OECMs	11
2.4 Các mục tiêu quản lý cho OECMs	13
2.5 OECMs và các giá trị khác	15
2.6 Phân biệt giữa Mục tiêu 3 và 10	17
3. Những yếu tố then chốt và điều kiện thúc đẩy OECMs	18
3.1 Giới thiệu	19
3.2 Tại sao cần xác định và báo cáo OECMs?	19
3.3 Quyền, sự tham gia và tính minh bạch	21
3.4 Các quy trình OECM quốc gia	24
3.5 Luật pháp và chính sách	26
3.6 Thiết lập các OECMs mới	29
3.7 Phục hồi sinh thái và OECMs	29
3.8 Các ví dụ về các OECMs tiềm năng	30
3.9 Ví dụ về các khu vực không có khả năng đáp ứng tiêu chí của CBD	31
4. Giới thiệu công cụ xác định tại chỗ	32
4.1 Công cụ tại chỗ để xác định OECMs	33
4.2 Nguồn dữ liệu và làm việc với dữ liệu không đầy đủ và không chắc chắn	35
4.3 Sự tham gia của các bên có quyền và các bên liên quan	36
4.4 Khởi xướng và dẫn dắt quy trình xác định khu vực	37
5. Xác định OECM: Sàng lọc, đồng thuận và đánh giá đầy đủ	39
5.1 Bước 1: Rà soát	40
5.2 Bước 2: Đồng thuận	43
5.3 Bước 3: Đánh giá đầy đủ	44
5.3.1 Áp dụng Tiêu chí 3: Khu vực được xác định rõ ràng về mặt địa lý	44
5.3.2 Áp dụng Tiêu chí 4: Đa dạng sinh học quan trọng	48
5.3.3 Áp dụng Tiêu chí 5: Được quản trị và quản lý	51
5.3.4 Áp dụng Tiêu chí 6: Bảo tồn tại chỗ	52
5.3.5 Áp dụng Tiêu chí 7: Quản trị và quản lý bền vững	54
5.3.6 Áp dụng Tiêu chí 8: Quản trị và quản lý công bằng	55
5.4 Các cân nhắc đặc biệt để xác định OECM trong các loại hình quản trị và kiểu sinh thái	57

6. Báo cáo các OECMs lên Cơ sở Dữ liệu Thế giới về OECMs	60
7. Giám sát OECMs	63
8. Tăng cường OECMs	67
8.1 Nâng cao kiến thức và năng lực của các bên hỗ trợ	68
8.2 Tăng cường nội bộ, bao gồm cả quản trị	70
8.3 Tăng cường quản lý và giám sát OECMs	71
8.3.1 Xác định các hành động cần thiết	72
8.3.2 Tổ chức quản lý	72
8.3.3 Giám sát và quản lý thích ứng	74
8.3.4 Lập hồ sơ phương pháp quản lý	75
8.3.5 Tầm quan trọng của sự tham gia	75
8.4 Tăng cường công nhận pháp lý cho các OECMs	75
8.5 Tăng cường hỗ trợ tài chính cho các OECMs	77
8.6 Bảo vệ các OECMs	81
Tài liệu tham khảo	83
Phụ lục	87
1. Những người đóng góp	87
2. Mối liên hệ giữa các tiêu chí xác định OECM trong quyết định 14/8 của CBD (Phụ lục III) và Công cụ đánh giá tại chỗ của IUCN để xác định OECM	89
3. OECM và các Mục tiêu GBF khác, ngoài Mục tiêu 3 và 10	90
4. Các câu hỏi có thể được xem xét trong quy trình OECM quốc gia nhằm thiết lập các tiêu chuẩn và hỗ trợ áp dụng công cụ đánh giá tại chỗ	91
5. Cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ về các Khu bảo tồn và OECMs	92
6. Các cơ chế tài chính khác nhau cho các khu bảo tồn	93

Danh sách các Nghiên cứu điển hình

1. Khu bảo tồn nhượng quyền Los Amigos	10
2. Khu vực bảo vệ nguồn nước North Tyndal	14
3. Cơ sở Nông thôn Wits, Nam Phi	14
4. Khu bảo tồn thiên nhiên La Ilusión	21
5. Hutan Harapan	22
6. Khu bảo tồn Takitumu	23
7. Quy trình OECMs quốc gia của Nam Phi	24
8. Quy trình quốc gia của Nhật Bản cho các OECMs trên đất tư nhân	25
9. Công cụ hỗ trợ ra quyết định của Canada	28
10. Dự thảo quy định hành chính về OECMs của Philippines	28
11. Khuôn viên chính của Trường Cao đẳng Dịch vụ Biên giới Canada	34
12. Khu bảo tồn Cộng đồng để Bảo tồn Vẹt Xám	38
13. Playa Blanca	38
14. Khu bảo vệ chim hoang dã Freshima	42
15. Vùng đất ngập nước Belfast	45
16. Sếu và vùng đồng bằng Cheorwon ở Hàn Quốc	48
17. Vùng ngập lũ Kadwa Kosi	52
18. Đáp ứng yêu cầu về quản trị và quản lý “bền vững” tại Disko Fan	54
19. Đồng cỏ cộng đồng Dixie	56
20. Quyền sử dụng đất của người Sámi	58
21. Hồ Madroño	59
22. Khu bảo tồn thiên nhiên Jabarkhet	59
23. Rừng cổ thụ hồ South Freezy	59
24. Quy trình OECMs quốc gia của Côlômbia	62
25. Rừng tư nhân thuộc khu đất Gadoli và Manda Khal	64
26. Giao ước cộng đồng sinh văn hóa Ulu Papar	71
27. Conserva Aves	74
28. Các cơ chế tài chính cho OECMs	80
29. Kế hoạch tài chính đa dạng sinh học BIOFIN	80

Hình

1. Khung OECM tạo ra nhiều cơ hội và thách thức	4
2. Năm yếu tố chính liên quan đến OECMs được đề cập trong bộ hướng dẫn này	5
3. Bốn tiêu chí của CBD để xác định một OECM	11
4. Bảo tồn có thể là mục tiêu chính, phụ hoặc phụ trợ trong quản lý OECM	13
5. Các lợi ích tiềm năng về sinh kế, đa dạng sinh học, hệ sinh thái và khí hậu của OECMs	15
6. Cách tiếp cận cấp quốc gia của Nam Phi trong việc thiết lập các điều kiện hỗ trợ cho OECMs	24
7. Ba bước để xác định OECMs	33
8. OECMs có thể góp phần tăng cường kết nối sinh thái để bổ sung cho các khu bảo tồn, tạo thành mạng lưới các khu vực được bảo vệ và bảo tồn	46

Hộp

1. Phân loại các mục tiêu OECM dẫn đến kết quả bảo tồn	13
2. Mục tiêu 3 và 10 của Khung Đa dạng Sinh học Toàn cầu	17
3. Lợi ích tiềm năng cho người dân và các nhóm từ việc xác định và báo cáo một khu vực là OECM	20
4. Các vấn đề mà luật pháp và chính sách liên quan đến OECM hướng đến giải quyết	27
5. Phục hồi sinh thái trong các khu OECMs	30
6. Nguyên tắc đồng thuận Tự nguyện, Được báo trước và Được thông tin đầy đủ	43
7. Các phản ứng pháp lý và chính sách để tăng cường OECMs	76
8. Những người bảo vệ nhân quyền môi trường	81

Bảng

1. Các yếu tố trong định nghĩa OECM	8
2. Các tiêu chí và tiêu chí phụ của CBD để xác định OECM, kèm ghi chú giải thích	12
3. Quy trình chung cho sự tham gia của các bên liên quan trong việc xác định OECM tại chỗ	37
4. Các loại giá trị đa dạng sinh học cần xem xét để công nhận là OECM và cơ sở lý luận cho từng loại	49
5. Các bộ dữ liệu toàn cầu có sẵn để hỗ trợ xác định OECMs	50
6. Phân loại các mối đe dọa trực tiếp của Chương trình Đối tác về Biện pháp Bảo tồn IUCN	53
7. Các nguyên tắc cơ bản trong xác minh dữ liệu OECM để đưa vào cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ	62
8. Hướng dẫn, nguồn dữ liệu và các công cụ xác định OECMs tại chỗ hữu ích cho việc giám sát các OECMs	65
9. Ví dụ về mẫu tài liệu quản lý đơn giản cho một OECM	75
10. Sáu nhóm chi phí chính liên quan đến các khu bảo tồn	78

Lời nói đầu

Việc thiết lập một mạng lưới các khu bảo tồn toàn cầu là nền tảng của các nỗ lực quốc tế nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, như đã được nêu trong Công ước về Đa dạng sinh học (CBD). Cam kết này, được các Bên phê chuẩn Công ước cùng nhau thực hiện, phản ánh sự đồng thuận toàn cầu về nhu cầu cấp thiết trong bảo vệ di sản thiên nhiên của hành tinh chúng ta.

Tuy nhiên, sự phát triển của các chiến lược bảo tồn toàn cầu đã vượt ra ngoài phạm vi các khu bảo tồn. Mục tiêu Đa dạng sinh học Aichi số 11, được thông qua theo Quyết định X/25 trong Kế hoạch Chiến lược về Đa dạng sinh học 2011-2020, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo tồn đa dạng sinh học thông qua “hệ thống các khu bảo tồn và khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs) được quản lý hiệu quả và công bằng, có tính đại diện về mặt sinh thái và kết nối tốt, được tích hợp vào các cảnh quan đất liền và biển rộng lớn hơn”. Đây là dấu mốc đánh dấu sự công nhận chính thức của OECM như là những thành phần thiết yếu trong cách tiếp cận toàn diện đối với bảo tồn đa dạng sinh học.

Để củng cố thêm nhiệm vụ này, Quyết định XI/24 của Hội nghị các Bên đã đặc biệt mời Chương trình Khu bảo tồn Toàn cầu của IUCN, Ủy ban Thế giới về các Khu bảo tồn của IUCN (WCPA), các văn phòng khu vực của IUCN và các đối tác khác điều chỉnh các sáng kiến tăng cường năng lực và hướng dẫn kỹ thuật nhằm hỗ trợ việc thực hiện đầy đủ Mục tiêu Đa dạng sinh học Aichi số 11. Nhiệm vụ này, được thực hiện với sự phối hợp của Ban Thư ký CBD và được hỗ trợ bởi các nhà tài trợ chính, bao gồm cả Thụy Sĩ, đã nhấn mạnh giá trị gia tăng của IUCN trong việc thúc đẩy các mục tiêu bảo tồn toàn cầu.

Cụm từ “khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác” được khẳng định rõ ràng trong Mục tiêu 3 của Khung Đa dạng sinh học Toàn cầu Côn Minh – Montreal (GBF). Sự kế thừa này cho thấy tầm quan trọng của OECM trong việc đạt được tầm nhìn chung của chúng ta về một tương lai bền vững hơn.

Thế giới hiện đang có cơ hội để ghi nhận tốt hơn công tác bảo tồn trên thực tế đang diễn ra bên ngoài các khu bảo tồn được công nhận chính thức, do nhiều chủ thể khác nhau, bao gồm các cộng đồng dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương, khu vực tư nhân và các cơ quan nhà nước.

Việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECMs mang lại cơ hội góp phần ngăn chặn và đảo ngược tình trạng mất đa dạng sinh học, thúc đẩy sự tham gia và hỗ trợ các bên có quyền và các bên liên quan, và thúc đẩy các quan hệ đối tác công bằng hơn trong các nỗ lực bảo tồn toàn cầu. Thông qua đó, OECMs góp phần vào việc bảo tồn đa dạng sinh học theo nhiều cách, chẳng hạn như: bảo tồn các hệ sinh thái, sinh cảnh và hành lang đa dạng sinh học đại diện quan trọng; hỗ trợ sự phục hồi của các loài bị đe dọa; duy trì các chức năng hệ sinh thái và đảm bảo các dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường khả năng chống chịu trước các mối đe dọa; và góp phần cải thiện công tác quản lý và phục hồi các khu vực có tiềm năng hỗ trợ cho việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ lâu dài.

OECM mang lại cơ hội đầy tiềm năng để tăng cường tính công bằng, hiệu quả và độ bao phủ của hệ thống bảo tồn, dưới nhiều mô hình quản trị và quản lý khác nhau. Tuy nhiên, việc duy trì toàn bộ giá trị của OECMs trong việc thúc đẩy bảo tồn toàn diện, công bằng và hiệu quả cần có những nỗ lực đáng kể để xây dựng năng lực ở cấp quốc gia và khu vực cho việc xác định, giám sát và duy trì các giá trị đa dạng sinh học của các khu vực này. Việc này sẽ đóng góp một cách thiết thực cho cả nhu cầu địa phương và các mục tiêu bảo tồn toàn cầu, bao gồm cả trong khuôn khổ GBF và các Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Tài liệu này không chỉ phản ánh những tư duy mới nhất trong chính sách bảo tồn mà còn đảm bảo sự phù hợp với sứ mệnh bao trùm của IUCN là bảo tồn tính toàn vẹn và đa dạng của thiên nhiên. Khi chúng ta tiến về phía trước, hướng dẫn này sẽ đóng vai trò là một công cụ quan trọng cho cả các nhà thực hành và các nhà hoạch định chính sách, đảm bảo rằng các OECMs tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong các nỗ lực bảo tồn toàn cầu.



TS. Grethel Aguilar
Tổng Giám đốc,
Liên minh Bảo tồn Thiên
nhiên Quốc tế

Thông điệp từ Bà Astrid Schomaker, Thư ký Điều hành Ban Thư ký Công ước Đa dạng sinh học

Các Bên tham gia Công ước Đa dạng sinh học đã thông qua Khung Đa dạng sinh học Toàn cầu Côn Minh – Montreal vào năm 2022. Đây là một thỏa thuận toàn cầu đầy tham vọng nhằm ngăn chặn và đảo ngược tình trạng suy giảm đa dạng sinh học và đưa thiên nhiên vào con đường phục hồi vào năm 2030 vì lợi ích của con người và hành tinh.

Mục tiêu 3 cam kết các Bên bảo tồn 30% diện tích đất liền, vùng nước nội địa, ven biển và biển vào năm 2030 thông qua các khu bảo tồn và các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs), thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của người dân tộc thiểu số và truyền thống nếu có. OECMs đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu của Khung bằng cách bổ sung cho các khu bảo tồn và bảo vệ đa dạng sinh học bên ngoài các khu bảo tồn truyền thống.

OECMs góp phần vào Mục tiêu A của Khung thông qua bảo tồn các chức năng hệ sinh thái và đa dạng loài, đồng thời đóng góp vào Mục tiêu B bằng cách hỗ trợ sử dụng bền vững và quản lý công bằng. Việc tích hợp chúng vào các chiến lược và kế hoạch hành động đa dạng sinh học quốc gia (NBSAP) giúp tăng cường các cam kết quốc gia đối với các mục tiêu bảo tồn dựa trên khu vực, bao gồm Mục tiêu 3, và thúc đẩy sự hài hòa trong quản lý đất liền và biển. Bằng cách công nhận các phương thức quản trị và quản lý đa dạng, OECMs thúc đẩy quan hệ đối tác và thu hút các bên liên quan tham gia vào các nỗ lực bảo tồn đa dạng sinh học rộng lớn hơn.

Các tiêu chí OECM đã được thống nhất vào năm 2018, và các Bên tham gia Công ước cũng như các chủ thể khác đã gặp phải những thách thức trong việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường các khu vực quan trọng này. Trong quyết định 14/8, các Bên đã yêu cầu IUCN cung cấp hướng dẫn bổ sung về OECM và ấn phẩm này cung cấp một cơ sở vững chắc để hỗ trợ sự tham gia rộng rãi vào khuôn khổ OECM theo hướng mang lại toàn diện, công bằng và hiệu quả trong bảo tồn.

Tôi xin chúc mừng các tác giả và các thành viên của Nhóm Chuyên gia về OECMs của Ủy ban Thế giới về các Khu bảo tồn của IUCN vì đã hoàn thành ấn phẩm này. Đây là một thành tựu quan trọng, tăng cường đáng kể các nỗ lực toàn cầu trong thực hiện Khung Đa dạng sinh học Toàn cầu Côn Minh – Montreal và trao quyền cho các quốc gia trong việc tích hợp các biện pháp bảo tồn quan trọng này vào các Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về Đa dạng sinh học quốc gia.



Bà Astrid Schomaker
Thư ký Điều hành của Ban Thư ký Công ước Đa dạng sinh học

Trích yếu

Khung Đa dạng sinh học Toàn cầu Côn Minh – Montreal, được thông qua vào năm 2022, cung cấp một khuôn khổ cho việc thực hiện hiệu quả Công ước Đa dạng sinh học (CBD) thông qua bốn mục tiêu chung và 23 mục tiêu cụ thể. Mục tiêu 3 kêu gọi các Bên bảo tồn hiệu quả ít nhất 30% diện tích đất liền, vùng nước nội địa, và các khu vực ven biển và biển vào năm 2030.

Được biết đến một cách phổ biến là “mục tiêu 30x30”, Mục tiêu 3 đang khuyến khích các cơ quan chính phủ và các chủ thể khác thúc đẩy các loại hình bảo tồn dựa trên khu vực toàn diện, công bằng và hiệu quả. Hướng dẫn này tập trung vào “các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác” (OECMs). OECM là một khu vực mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ lâu dài, bổ sung cho các khu bảo tồn trong các mạng lưới bảo tồn.

Trong khi các khu bảo tồn phải có mục tiêu chính là bảo tồn, OECMs có thể được quản lý theo nhiều mục đích khác nhau nhưng phải mang lại kết quả bảo tồn hiệu quả. OECMs có thể được quản lý với bảo tồn là mục tiêu chính hoặc phụ, hoặc việc bảo tồn lâu dài có thể chỉ đơn giản là kết quả đi kèm của các hoạt động quản lý.

Việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường các OECMs mang lại một cơ hội quan trọng để thúc đẩy và hỗ trợ công tác bảo tồn hiệu quả lâu dài trên thực tế, bổ sung cho công tác bảo tồn cho các khu bảo tồn chính thức. Tương tự như các khu bảo tồn, OECMs có thể tồn tại dưới nhiều hình thức quản trị khác nhau, bao gồm thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của người dân tộc thiểu số và địa phương, khu vực tư nhân và các cơ quan chính phủ. OECMs góp phần vào các hệ thống bảo tồn có tính đại diện sinh thái và được kết nối tốt, được tích hợp trong các cảnh quan đất liền và biển rộng lớn hơn, qua đó tạo ra nhiều kết quả bảo tồn tích cực, bao gồm:

- Bảo tồn các hệ sinh thái, sinh cảnh và hành lang đa dạng sinh học quan trọng;
- Hỗ trợ sự phục hồi của các loài bị đe dọa;
- Duy trì các chức năng hệ sinh thái và đảm bảo các dịch vụ hệ sinh thái;
- Tăng cường khả năng chống chịu trước các mối đe dọa;
- Giữ lại và kết nối các phần diện tích của các hệ sinh thái bị phân mảnh trong các cảnh quan đã phát triển;
- Tăng cường mối liên kết giữa cộng đồng địa phương và các hệ sinh thái cung cấp các lợi ích từ đa dạng sinh học.

Bộ hướng dẫn này được thiết kế để thúc đẩy các thực hành tốt liên quan đến việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECMs. Tài liệu dành cho nhiều nhóm đối tượng có thẩm quyền và các bên liên quan sử dụng để hiểu thêm liệu một khu vực có đáp ứng các tiêu chí của CBD để xác định là một OECM hay không, cách thức báo cáo dữ liệu OECM ở cấp quốc gia và toàn cầu, và cách giám sát và tăng cường OECMs. Nhóm Chuyên gia về OECMs của Ủy ban Thế giới về các Khu bảo tồn của IUCN (WCPA) sẽ cập nhật hướng dẫn này khi các thực hành tốt mới được xác lập.

Bộ hướng dẫn này bao gồm tám phần

- **Phần 1** trình bày bối cảnh hình thành thuật ngữ “khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác”, và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường các OECMs.
- **Phần 2** trình bày định nghĩa về OECM và cung cấp các giải thích rõ ràng về từng yếu tố của định nghĩa cũng như các tiêu chí cho một OECM.
- **Phần 3** thảo luận về các lý do để xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECMs, nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tham gia và tính minh bạch đối với các quy trình liên quan đến OECM, cung cấp hướng dẫn về luật pháp và chính sách liên quan đến OECMs, và đưa ra các ví dụ về các OECM tiềm năng.

- **Phần 4** giới thiệu *Công cụ tại chỗ của IUCN để xác định khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs)*, bao gồm yêu cầu về các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền và sự đồng thuận.
- **Phần 5** trình bày ba bước để xác định một OECM, cụ thể là Rà soát, đồng thuận và đánh giá đầy đủ, và thảo luận về việc áp dụng tám tiêu chí được sử dụng trong công cụ tại chỗ.
- **Phần 6** trình bày chi tiết các quy trình liên quan đến việc báo cáo OECMs, với trọng tâm là cơ sở dữ liệu của Chương trình Hành tinh được Bảo vệ toàn cầu được quản lý bởi Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới thuộc Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc.
- **Phần 7** cung cấp hướng dẫn về việc giám sát các OECMs.
- **Phần 8** tập trung vào các cơ hội để tăng cường các OECMs, bao gồm những nội dung liên quan đến các cơ chế quản lý, nâng cao kiến thức và nâng cao năng lực cho các bên hỗ trợ, tăng cường công nhận pháp lý, tăng cường tài chính và bảo vệ OECMs và những người quản lý chúng khi bị đe dọa.



Các loài bị đe dọa như linh miêu Iberia có thể được hưởng lợi từ các nỗ lực bảo tồn liên quan đến OECMs
© Antonio LIÉBANA

Lời cảm ơn và thông tin bổ sung

Bộ hướng dẫn này được xây dựng bởi Nhóm Chuyên gia về Khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác của IUCN WCPA. Nhóm Chuyên gia có hơn 450 thành viên từ khắp nơi trên thế giới và thúc đẩy công tác về OECMs thông qua một số nhóm công tác theo khu vực và chủ đề. Bộ hướng dẫn này là phiên bản báo cáo kỹ thuật cập nhật và mở rộng của IUCN WCPA, *Công nhận và báo cáo các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác* (IUCN WCPA Task Force on OECMs, 2019). Bộ hướng dẫn này cập nhật nội dung hướng dẫn năm 2019 cho phù hợp với Khung Đa dạng sinh học Toàn cầu Côn Minh – Montreal, bao gồm các thực hành tốt mới xuất hiện và cung cấp các nghiên cứu điển hình mới.

Ấn phẩm này được biên tập bởi Harry Jonas, Pete Wood và Stephen Woodley. Quản lý xuất bản là Ryan Zlatanova. Nhóm biên tập trân trọng ghi nhận sự đóng góp của hơn 220 người đã hỗ trợ cho việc xuất bản ấn phẩm năm 2019 và ấn phẩm này. Danh sách đầy đủ các cộng tác viên được trình bày trong [Phụ lục 1](#). Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) đã hỗ trợ tài chính và cho phép sử dụng các hình ảnh minh họa trong toàn bộ ấn phẩm này.

Bên cạnh tài liệu hướng dẫn này, Nhóm Chuyên gia đã xuất bản *Công cụ tại chỗ để xác định khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs)* (Jonas và cộng sự, 2023), cùng với một loạt các tài liệu hỗ trợ đào tạo, các nghiên cứu điển hình, phim, báo cáo và các bài báo khoa học. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập [trang web](#) của Nhóm Chuyên gia OECM. Mọi thắc mắc hoặc góp ý xin gửi tới địa chỉ: ocem@wcpa.iucn.org.

Kathy MacKinnon là đồng tác giả của Báo cáo Kỹ thuật năm 2019 về OECMs và Công cụ tại chỗ về xác định các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs) năm 2023, nhưng bà đã qua đời trước khi các hướng dẫn cập nhật này được xuất bản. Bên cạnh vai trò là Chủ tịch của IUCN WCPA, Kathy đã đồng hành chặt chẽ với Harry Jonas trong gần một thập kỷ với vai trò là đồng chủ tịch của Nhóm Chuyên gia về OECMs của IUCN WCPA. Ấn phẩm này được dành để tưởng nhớ bà, cũng như ghi nhận những nỗ lực bền bỉ của những người đang gìn giữ và quản lý các khu vực đặc biệt, vốn hiện nay đang được công nhận là OECMs.

Các từ viết tắt

CBD	Công ước Đa dạng sinh học
COP	Hội nghị các Bên tham gia CBD
EBSA	Khu vực biển có ý nghĩa sinh thái hoặc sinh học
FPIC	Đồng thuận, Tự nguyện, Báo trước và Được thông tin đầy đủ
GBF	Khung Đa dạng sinh học Toàn cầu Côn Minh – Montreal
GD-PAME	Cơ sở dữ liệu toàn cầu về hiệu quả quản lý khu bảo tồn
ICCA	Lãnh thổ và khu vực được bảo tồn bởi các dân tộc bản địa và cộng đồng địa phương
IP	Người dân bản địa
IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
KBA	Khu vực Đa dạng sinh học Trọng yếu
LC	Cộng đồng địa phương
NGOs	Các tổ chức phi chính phủ
OECM	Khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác
PAME	Hiệu quả quản lý khu bảo tồn
SDGs	Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc
LHQ	Liên Hợp Quốc
UNEP	Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc
UNEP-WCMC	Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc
WCC	Đại hội Bảo tồn Thế giới của IUCN
WCPA	Ủy ban Thế giới về các Khu bảo tồn của IUCN
WDPA	Cơ sở dữ liệu Thế giới về các Khu bảo tồn
WD-OECM	Cơ sở dữ liệu Thế giới về OECMs
WWF	Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên

Thuật ngữ

30x30: Cách viết tắt phổ biến để chỉ Mục tiêu 3 của GBF. Mục tiêu 3 phải được hiểu bằng cả hai yếu tố về số lượng (ít nhất 30% độ che phủ) và chất lượng (ví dụ: kết nối và đại diện sinh thái), và bất kỳ tham chiếu nào đến ‘30x30’ trong ấn phẩm này đều hàm ý bao gồm cả hai yếu tố trên.

Đa dạng sinh học: Sự biến đổi giữa các sinh vật sống từ mọi nguồn, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hệ sinh thái trên cạn, biển và nước ngọt, cùng với các tổ hợp sinh thái mà chúng là một phần cấu thành; điều này bao gồm sự đa dạng trong loài, giữa các loài và giữa các hệ sinh thái (Điều 2 CBD, 1992).

OECD tiềm năng: Là một khu vực có khả năng được công nhận là OECD (xem trang tiếp theo) mà cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với đất đai, bao gồm cả Cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương (xem bên dưới), đã đồng ý để nó được đánh giá theo các tiêu chí OECD. Một OECD tiềm năng vẫn chưa được xác định là đáp ứng các tiêu chí yêu cầu.

Tài chính bảo tồn: Theo định nghĩa của Liên minh Tài chính Bảo tồn, đây là các cơ chế và chiến lược nhằm tạo ra, quản lý và triển khai các nguồn tài chính và điều chỉnh các ưu đãi để đạt được các kết quả bảo tồn thiên nhiên (Meyers và cộng sự, 2020).

Khu vực được bảo tồn: Các Bên tham gia CBD và các tổ chức khác ngày càng đề cập đến “các khu bảo tồn và khu vực được bảo tồn” (xem ví dụ: quyết định 14/8 của CBD và Danh lục Xanh của IUCN về các Khu bảo tồn và khu vực được bảo tồn). Trong ngữ cảnh này, “khu vực được bảo tồn” bao gồm cả những khu vực đáp ứng tiêu chí của “khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác”, bất kể đã được báo cáo chính thức hay chưa.

Giá trị văn hóa và tinh thần: Các giá trị giải trí, tôn giáo, thẩm mỹ, lịch sử và xã hội liên quan đến các lợi ích hữu hình và vô hình mà thiên nhiên và các đặc điểm tự nhiên mang lại cho con người trong các nền văn hóa và xã hội khác nhau. Trọng tâm là những lợi ích góp phần vào kết quả bảo tồn (ví dụ: các thực hành quản lý truyền thống mà các loài chủ chốt hoặc toàn bộ hệ sinh thái phụ thuộc vào, hoặc sự hỗ trợ chung của xã hội đối với bảo tồn), cũng như di sản phi vật thể, bao gồm các thực hành văn hóa và tinh thần (theo Verschuuren và cộng sự, 2021).

Các khu vực biển có ý nghĩa sinh thái và sinh học (EBSAs): Các khu vực đặc biệt trong đại dương hỗ trợ chức năng lành mạnh và nhiều dịch vụ mà chúng cung cấp. EBSA được xác định trên cơ sở một loạt các tiêu chí khoa học bao gồm tính độc đáo, tính mong manh, tầm quan trọng đối với các loài bị đe dọa, năng suất và đa dạng (<https://www.cbd.int/ebsa/>).

Giám sát sinh thái: Quá trình thu thập, phân tích và báo cáo dữ liệu sinh thái một cách có hệ thống, theo phương pháp chuẩn hóa và định kỳ theo thời gian, nhằm hiểu rõ tình trạng của một loài, một quá trình sinh thái hoặc một hệ sinh thái.

Hệ sinh thái: Một quần thể năng động bao gồm các quần xã thực vật, động vật, vi sinh vật và môi trường vô sinh xung quanh chúng, tương tác với nhau như một đơn vị chức năng (CBD, Điều 2, 1992).

Cách tiếp cận hệ sinh thái: Một chiến lược để quản lý tổng hợp đất, nước và các nguồn tài nguyên sinh vật nhằm thúc đẩy bảo tồn và sử dụng bền vững một cách công bằng. Việc áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái sẽ giúp đạt được sự cân bằng ba mục tiêu của CBD. Cách tiếp cận này dựa trên việc áp dụng các phương pháp khoa học phù hợp, tập trung vào các cấp độ tổ chức sinh học bao gồm các quá trình, chức năng và tương tác thiết yếu giữa các sinh vật và môi trường của chúng. Nó công nhận rằng con người, với sự đa dạng văn hóa của họ, là một thành phần không thể tách rời của các hệ sinh thái. (<https://www.cbd.int/ecosystem/>).

Bảo tồn hiệu quả: Bảo tồn mang lại kết quả thành công trong việc bảo tồn các hệ sinh thái bản địa và các thành phần của chúng, bao gồm các loài, đa dạng di truyền và các quá trình sinh thái.

Tài chính bền vững: “Khả năng đảm bảo đủ các nguồn tài chính ổn định và dài hạn, phân bổ kịp thời và theo hình thức phù hợp, để chi trả toàn bộ chi phí cho công tác bảo tồn và đảm bảo các nguồn lực đó được quản lý một cách hiệu quả và hợp lý” (Emerton và cộng sự, 2006).

Đồng thuận Tự nguyện, Báo trước và Được thông tin đầy đủ (FPIC): Là điều kiện tiên quyết trong quy trình đánh giá OECD của một khu vực được sử dụng, sở hữu hoặc được thừa nhận bởi cộng đồng dân tộc thiểu số hoặc cộng đồng địa phương. Trong các trường hợp đó, sự đồng thuận tự nguyện, báo trước và được thông tin đầy đủ của họ đối với quy trình đánh giá phải được thu thập và lập hồ sơ, với sự tham gia của các đại diện hợp pháp của cộng đồng.

Nếu họ đồng thuận, họ có thể rút lại sự đồng thuận đó ở bất kỳ giai đoạn nào. Hơn nữa, FPIC cho phép họ đàm phán các điều kiện trong thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá dự án. Điều này cũng được gắn liền với quyền tự quyết phổ quát của cộng đồng dân tộc thiểu số (Liên Hợp Quốc, 2007). Các nhóm khác (ví dụ: cộng đồng người gốc Phi) cũng có thể có quyền đối với FPIC theo các quy định địa phương (Liên Hợp Quốc, 2018).

Cơ quan quản trị: Một cơ quan chính phủ, cá nhân, chính phủ hoặc tổ chức của cộng đồng dân tộc thiểu số, tổ chức phi lợi nhuận, tập đoàn, nhóm cộng đồng, hoặc cơ quan khác hoặc tập hợp các cơ quan được công nhận có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc đưa ra quyết định về các mục tiêu và quản lý của một khu vực. IUCN công nhận bốn loại hình quản trị và chín loại hình phụ.

Sinh cảnh: Nơi hoặc loại địa điểm mà một sinh vật hoặc quần thể sinh sống tự nhiên (CBD Article 2, 1992).

Lãnh thổ bản địa và truyền thống: Mục tiêu 3 của GBF đề cập đến sự cần thiết phải thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của người dân tộc thiểu số và truyền thống nếu thích hợp.” Thuật ngữ này chưa được CBD định nghĩa. Định nghĩa về ICCA, do Liên minh ICCA đề xuất và được Cơ quan Đăng ký ICCA tham chiếu, liên quan đến các lãnh thổ và khu vực được bảo tồn bởi cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, là một điểm tham chiếu hữu ích.

Cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương: Bộ hướng dẫn này tuân theo cách sử dụng của CBD đối với các thuật ngữ ‘Cộng đồng dân tộc thiểu số’ và ‘cộng đồng địa phương’.

Vùng nước nội địa: CBD thông qua định nghĩa về đất ngập nước được sử dụng bởi công ước Ramsar: “Các vùng đầm lầy, bãi lầy, đất than bùn hoặc nước, dù là tự nhiên hay nhân tạo, thường xuyên hay tạm thời, với nước tĩnh hoặc chảy, ngọt, lợ hoặc mặn, bao gồm cả các khu vực nước biển có độ sâu khi thủy triều thấp không vượt quá sáu mét.” ‘Vùng nước nội địa’ là các vùng đất ngập nước nằm trong ranh giới đất liền. ‘Vùng nước nội địa’ bao gồm cả những vùng nằm ở khu vực ven biển, ngay cả khi liền kề với môi trường biển. Giống như đất ngập nước, hệ thống nước nội địa có thể là nước ngọt, nước mặn (muối) hoặc pha trộn của cả hai (nước lợ) (CBD, 2008).

Bảo tồn tại chỗ: Việc bảo tồn các hệ sinh thái và sinh cảnh tự nhiên, duy trì và phục hồi các quần thể loài sống khả thi trong môi trường tự nhiên của chúng hoặc, trong trường hợp các loài được thuần hóa hoặc trồng trọt, trong môi trường nơi chúng đã phát triển các đặc tính riêng biệt của mình (Điều 2 CBD, 1992). Điều này trái ngược với bảo tồn chuyển chỗ (ex situ) tại các vườn thú, thủy cung, vườn bách thảo, và những nơi tương tự.

Khu vực Đa dạng sinh học Trọng yếu (KBAs): Các khu vực có đóng góp quan trọng vào duy trì lâu dài đa dạng sinh học toàn cầu trong các hệ sinh thái trên cạn, nước ngọt và biển. Chúng được xác định bằng một bộ tiêu chí chuẩn dựa trên các ngưỡng được xác định một cách khoa học (IUCN, 2016).

Pháp luật: Hệ thống các quy định điều chỉnh mối quan hệ giữa các chính phủ, giữa chính phủ với công dân (bao gồm cả cá nhân và pháp nhân), giữa các công dân với nhau, và giữa chính phủ/công dân với thiên nhiên.

Lâu dài: Đề cập đến ý tưởng rằng một OECM được kỳ vọng sẽ mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ vĩnh viễn, và không phải là tạm thời hoặc có giới hạn thời gian.

Cơ quan quản lý: Tổ chức hoặc thực thể chịu trách nhiệm quản lý thường xuyên một khu vực. Cơ quan quản lý có thể hoặc không tương ứng với cơ quan quản trị.

Khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECM): Quyết định 14/8 của CBD định nghĩa OECM là “Một khu vực được xác định rõ ràng về mặt địa lý, không thuộc khu bảo tồn, được quản trị và quản lý để đạt được các kết quả tích cực và bền vững lâu dài về bảo tồn tại chỗ đa dạng sinh học, cùng với các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan và khi phù hợp các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế - xã hội và các giá trị liên quan khác tại địa phương.”

Chính sách: “Chính sách” khác với “luật pháp” ở chỗ nó thường mang tính định hướng (hướng dẫn hành động và quyết định) trong khi luật mang tính bắt buộc hoặc quy phạm (kiểm soát và cho phép các hành động và quyết định). Chính sách có thể bao gồm các dạng như ‘các chính sách cụ thể’, hướng dẫn, chiến lược, khung chương trình và quy trình vận hành tiêu chuẩn.

OECM tiềm năng: Một khu vực được xác định có các đặc trưng của OECM, hoặc có thể đạt được các đặc trưng OECM nếu được phục hồi phù hợp.

Khu bảo tồn: CBD định nghĩa khu bảo tồn là: “Một khu vực được xác định về mặt địa lý, được công nhận hoặc điều chỉnh và quản lý để đạt được các mục tiêu bảo tồn cụ thể” (Điều 2 CBD, 1992). IUCN đưa ra định nghĩa chi tiết hơn: “Một không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, dành riêng và quản lý, thông qua các biện pháp pháp lý hoặc các biện pháp hiệu quả khác, để đạt được việc bảo tồn thiên nhiên lâu dài, cùng với các dịch vụ hệ sinh thái và giá trị văn hóa liên quan” (Dudley, 2008). CBD và IUCN công nhận hai định nghĩa này tương đương trong thực tế (Lopoukhine và Dias, 2012) vì trong cả hai trường hợp, các khu vực này đều nhằm mục đích đạt được bảo tồn tại chỗ.

Bên có quyền: Trong bối cảnh các khu bảo tồn và OECMs, bên có quyền là cá nhân, nhóm hoặc tổ chức có quyền hợp pháp hoặc theo tập quán đối với đất đai, nước và tài nguyên thiên nhiên.

Bên liên quan: Trong bối cảnh các khu bảo tồn và OECMs, bên liên quan là những cá nhân, nhóm hoặc tổ chức có lợi ích và mối quan tâm trực tiếp hoặc gián tiếp đối với đất đai, nước và tài nguyên thiên nhiên, nhưng không nhất thiết phải có quyền hợp pháp hoặc theo tập quán đối với chúng.

Sử dụng bền vững: Việc sử dụng các thành phần của đa dạng sinh học theo cách thức và mức độ không dẫn đến sự suy giảm đa dạng sinh học về lâu dài, qua đó duy trì tiềm năng của nó để đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của các thế hệ hiện tại và tương lai (Điều 2 CBD, 1992).

Phần 1.

Giới thiệu



© Hutan Harapan/Aulia Erlangga

Rừng mưa nhiệt đới vùng đất thấp trong khu rừng Harapan, Sumatra. Trước đây là một khu vực được cấp phép khai thác gỗ, khu rừng này hiện được quản lý cho các dịch vụ môi trường và để bảo vệ và phục hồi đa dạng sinh học cao của khu vực. Việc công nhận là OECM phản ánh vai trò quan trọng của các khu vực không phải là khu bảo tồn nhưng có đóng góp quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học.

1.1 Bối cảnh

Khung Đa dạng sinh học Toàn cầu Côn Minh – Montreal (GBF), được thông qua vào năm 2022, là một khuôn khổ cho việc thực hiện hiệu quả Công ước Đa dạng sinh học (CBD) thông qua một khung chiến lược, bao gồm bốn mục tiêu dài hạn đến năm 2050 và 23 mục tiêu cụ thể cho năm 2030. Sứ mệnh đến năm 2030 của GBF là “ngăn chặn và đảo ngược tình trạng mất đa dạng sinh học để đưa thiên nhiên vào quỹ đạo phục hồi vì lợi ích của con người và hành tinh.” Mục tiêu 3 nhằm nâng cao chất lượng đa dạng sinh học bằng cách bảo vệ các hệ sinh thái, loài và đa dạng di truyền thông qua việc bảo tồn và quản lý các khu vực có tầm quan trọng đặc biệt đối với đa dạng sinh học. Mục tiêu này kêu gọi các Bên tham gia CBD:

*Đảm bảo và tạo điều kiện để đến năm 2030, ít nhất 30% diện tích đất liền, vùng nước nội địa, và các khu vực ven biển và biển, đặc biệt là các khu vực có tầm quan trọng đối với đa dạng sinh học và các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái, được bảo tồn và quản lý hiệu quả thông qua các hệ thống khu bảo tồn và **khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác** có tính đại diện về mặt sinh thái, kết nối tốt và quản trị công bằng, thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của người dân tộc thiểu số, nếu có, và được tích hợp vào các cảnh quan đất liền, cảnh quan biển và đại dương rộng lớn hơn, đồng thời đảm bảo rằng mọi hoạt động sử dụng bền vững, nếu phù hợp ở những khu vực đó, hoàn toàn phù hợp với các kết quả bảo tồn, **công nhận và tôn trọng các quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số** và cộng đồng địa phương, bao gồm cả quyền đối với các lãnh thổ truyền thống của họ (CBD 2022; nhấn mạnh được thêm vào).*

Mục tiêu 3 đặt ra thách thức cho các bên liên quan trong việc tăng cường các nỗ lực hiện có liên quan đến các khu bảo tồn và khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs), và khuyến khích tìm hiểu ý nghĩa thực tiễn trong bối cảnh thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của người dân tộc thiểu số. Mục tiêu 3 được xây dựng dựa trên Quyết định 14/8 của các Bên tham gia CBD, định nghĩa OECM là những khu vực bên ngoài các khu bảo tồn nơi đa dạng sinh học được bảo tồn hiệu quả (xem Phần 2.1).

Khung OECM được thiết kế để cho phép việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường các nỗ lực bảo tồn bên ngoài các khu bảo tồn (CBD, 2018). Nó thúc đẩy các quan hệ đối tác công bằng trong bảo tồn bằng cách cho phép nhiều chủ thể được công nhận và hỗ trợ cho những đóng góp của họ vào việc bảo tồn đa dạng sinh học và các chức năng hệ sinh thái. Nó mở rộng các loại hình khu vực có thể đóng góp vào các mục tiêu đa dạng sinh học toàn cầu từ các khu vực dành riêng cho bảo tồn, đến những khu vực chủ yếu được quản lý cho các kết quả khác nhưng vẫn mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ lâu dài. Bằng cách mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ hiệu quả, OECMs có thể góp phần duy trì đa dạng sinh học hiện có và cải thiện các kết quả bảo tồn đa dạng sinh học. Chúng đạt được điều này bằng cách bảo tồn các hệ sinh thái, sinh cảnh và hành lang đa dạng sinh học quan trọng; hỗ trợ phục hồi các loài bị đe dọa; duy trì các chức năng hệ sinh thái và đảm bảo các dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường khả năng chống chịu trước các mối đe dọa; và giữ lại và kết nối các tàn dư của các hệ sinh thái bị phân mảnh trong các cảnh quan bị suy thoái (Jonas và cộng sự, 2024; UNEP-WCMC và IUCN, 2024). OECMs cũng góp phần vào các mạng lưới bảo tồn có tính đại diện về mặt sinh thái và kết nối tốt, được tích hợp trong các cảnh quan đất liền và biển rộng lớn hơn. Khung OECM cũng đang tạo ra một loạt các thách thức mà Bộ hướng dẫn này hướng đến hỗ trợ giải quyết (xem Hình 1; Claudet và cộng sự, 2022; Gurney và cộng sự, 2021).

Việc công nhận và/hoặc thiết lập các OECMs không phải là sự thay thế cho việc quản lý hiệu quả hơn các khu bảo tồn hiện có hay việc thành lập các khu bảo tồn mới. Điều quan trọng là phải đạt được Mục tiêu 3 bằng cách sử dụng tất cả các phương pháp tiếp cận sẵn có. Việc quản trị công bằng và quản lý hiệu quả các khu bảo tồn vẫn là một phương pháp tiếp cận thiết yếu và được chứng minh cho việc bảo tồn thiên nhiên và đạt được Mục tiêu 3. Thông tin chi tiết hơn về Mục tiêu 3 có thể tìm thấy trên trang web Bộ công cụ Giải pháp 30x30 và trong ấn phẩm 30x30: Hướng dẫn Thực hiện Mục tiêu 3 một cách Toàn diện, Công bằng và Hiệu quả (WWF và IUCN WCPA, 2023).

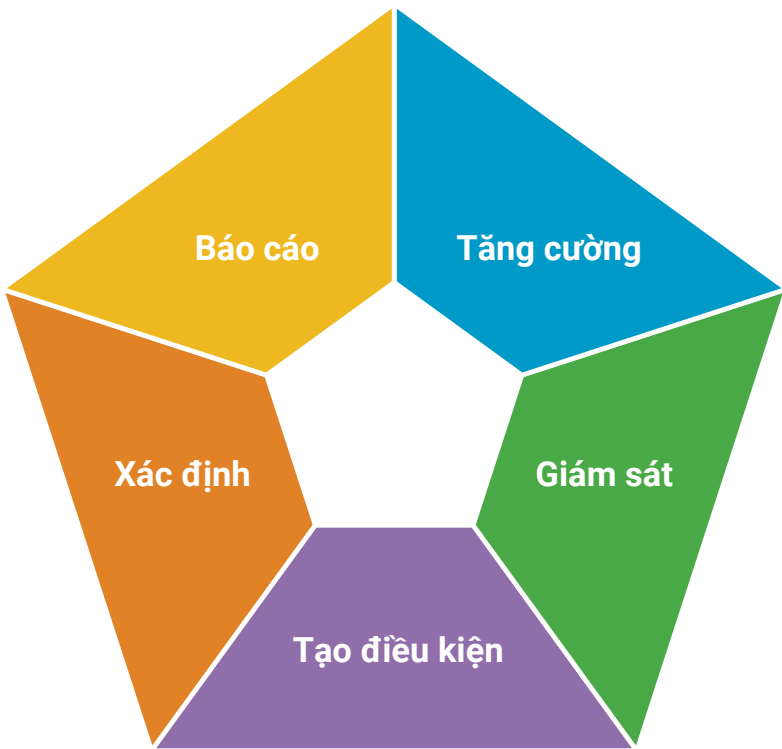


1.2 Các hướng dẫn thực hành tốt

IUCN WCPA đã làm việc trong hai năm để xây dựng các khuyến nghị kỹ thuật nhằm cung cấp thông tin cho các cuộc thảo luận của các Bên tham gia CBD tại COP 14 (Jonas và cộng sự, 2018; xem [Số đặc biệt của tạp chí PARKS](#) để biết thêm các nghiên cứu điển hình đã cung cấp thông tin cho quá trình đó: IUCN WCPA, 2018). Quyết định 14/8 của CBD (đoạn 9) mời IUCN và các cơ quan chuyên môn khác hỗ trợ các Bên trong việc xác định OECMs và áp dụng các khuyến nghị khoa học và kỹ thuật về các tiêu chí để xác định chúng. Đáp lại, IUCN WCPA đã xuất bản báo cáo kỹ thuật về [Công nhận và báo cáo các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác](#) (IUCN WCPA Task Force on OECMs, 2019) và [Công cụ tại chỗ để xác định các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác \(OECMs\)](#) (Jonas và cộng sự, 2023). Bộ hướng dẫn này cập nhật Báo cáo Kỹ thuật năm 2019 và tập trung vào OECMs như một thành phần then chốt của các khu vực bảo tồn hiệu quả theo Mục tiêu 3.

- Bộ hướng dẫn này giải thích định nghĩa và các tiêu chí của một OECM và cung cấp hướng dẫn về năm yếu tố quan trọng để thúc đẩy bảo tồn ngoài các khu bảo tồn, cụ thể là: thiết lập các điều kiện thuận lợi cho OECM, xác định OECM, báo cáo OECM, giám sát OECM và tăng cường OECM. **Phần 2** trình bày định nghĩa về OECM, và cung cấp các giải thích rõ ràng về từng yếu tố trong định nghĩa cũng như các tiêu chí của một OECM. **Phần 3** thảo luận các lý do để xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECMs, nhấn mạnh tầm quan trọng của các điều kiện thuận lợi, sự tham gia và tính minh bạch trong các quy trình liên quan đến OECM, và cung cấp

Hình 1. Khung OECM tạo ra nhiều cơ hội và thách thức (Nguồn: Phỏng theo WWF, 2022)



Hình 2. Năm yếu tố chính liên quan đến OECMs được đề cập trong bộ hướng dẫn này (Nguồn: Các tác giả biên soạn)

hướng dẫn về luật pháp và chính sách liên quan đến OECM. **Phần 4** giới thiệu Công cụ tại chỗ để xác định các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs) của IUCN WCPA, nhấn mạnh tầm quan trọng của các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền và sự đồng thuận, và cung cấp các ví dụ về các OECM tiềm năng. **Phần 5** trình bày chi tiết ba bước để xác định một OECM, cụ thể là rà soát, đồng thuận và đánh giá đầy đủ. **Phần 6** trình bày chi tiết các quy trình liên quan đến việc báo cáo OECMs, với trọng tâm là cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ toàn cầu do Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc quản lý. **Phần 7** cung cấp hướng dẫn về việc giám sát OECMs. **Phần 8** tập trung vào các cơ hội để tăng cường OECMs, bao gồm nâng cao kiến thức và phát triển năng lực cho các bên hỗ trợ, tăng cường quản lý và giám sát, tăng cường công nhận pháp lý, tăng cường tài chính và bảo vệ OECMs và những người quản lý chúng khi bị đe dọa.

1.3 Sử dụng các hướng dẫn thực hành tốt

Đối tượng chính của bộ hướng dẫn này là các Bên tham gia CBD, các cơ quan chính phủ, các cơ quan của Liên Hợp Quốc, các tổ chức phi chính phủ (NGO), khu vực tư nhân, cộng đồng dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương, và các tổ chức, cơ quan và cá nhân quan tâm khác tham gia thực hiện bảo tồn đa dạng sinh học và theo dõi tiến độ đạt được Mục tiêu 3 của GBF và các mục tiêu bảo tồn khác. Bộ hướng dẫn này áp dụng được cho cả trên cạn, vùng nước nội địa và biển, bao gồm trong và ngoài phạm vi quyền tài phán quốc gia. Bộ hướng dẫn này được thiết kế để thúc đẩy việc áp dụng đúng đắn và nhất quán các tiêu chí của CBD đối với OECMs, từ đó thúc đẩy việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECMs.

Bộ hướng dẫn này nên được sử dụng cùng với Công cụ tại chỗ để xác định các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs) (Jonas và cộng sự, 2023) và các hướng dẫn và tài liệu khác thể hiện và thúc đẩy các tiêu chí OECM do CBD đề ra. Rộng hơn, việc áp dụng khung OECM phải phù hợp với các nguyên tắc do CBD đặt ra.

Phần 2.

Định nghĩa và tiêu chí của CBD



© WWF-Thái Bình Dương/Tom Vierus

OECM biển là một trong những phương tiện để bảo tồn các loài nguy cấp như đồi mồi.

Phần này trình bày định nghĩa về OECM (2.1) và cung cấp hướng dẫn về sự khác biệt giữa OECMs và các khu bảo tồn (2.2). Nội dung thảo luận về các tiêu chí để xác định OECMs đã được các Bên tham gia thông qua trong Quyết định 14/8 của CBD vào năm 2018 (2.3), một phân loại đơn giản về các hình thức quản trị cho các khu vực (2.4), sự liên quan của các giá trị kinh tế và xã hội trong OECMs (2.5), và sự phân biệt giữa OECMs và các khu vực được quản lý bền vững có thể được báo cáo theo các mục tiêu khác của GBF (2.6).

2.1 Định nghĩa về OECM

Thực hành tốt: Nhận thức được cơ sở lý luận cho khung OECM và hiểu định nghĩa và các tiêu chí để xác định một OECM.

Nhiều khu vực quan trọng đối với bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ không phải là khu bảo tồn. Việc CBD thông qua khái niệm OECM (xem Phần 1) cho phép sự đóng góp của các khu vực không phải là khu bảo tồn chính thức được xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường tốt hơn. Một OECM được CBD định nghĩa trong Quyết định 14/8 là:

Một khu vực được xác định rõ ràng về mặt địa lý, không thuộc khu bảo tồn, được quản trị và quản lý để đạt được các kết quả tích cực và bền vững lâu dài về bảo tồn tại chỗ đa dạng sinh học, cùng với các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan và khi phù hợp các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế - xã hội và các giá trị liên quan khác tại địa phương (CBD, 2018).

Các yếu tố của định nghĩa này được mô tả trong [Bảng 1](#).

Đặc điểm chính của một OECM là khu vực đó **có thể được quản trị, quản lý và sử dụng một cách bền vững cho nhiều mục đích, miễn là điều này dẫn đến việc đa dạng sinh học quan trọng được bảo tồn hiệu quả, tại chỗ, lâu dài**. Bảo tồn đa dạng sinh học có thể là, hoặc không phải là, mục tiêu chính của việc quản lý khu vực. Cũng có thể có các mục tiêu khác (ví dụ: quản lý nguồn nước), và trong một số trường hợp, bảo tồn đa dạng sinh học hoàn toàn không phải là mục tiêu của việc quản lý khu vực, mà chỉ là một kết quả ngẫu nhiên của cách thức quản lý. Một OECM có thể được quản trị và/hoặc quản lý bởi một cơ quan chính phủ, tổ chức tư nhân (ví dụ: một công ty, trường đại học, hoặc tổ chức phi lợi nhuận), bởi cộng đồng dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương, hoặc trong một hình thức đồng quản lý.

Việc xác định và báo cáo một khu vực là OECM là tự nguyện, và chỉ có thể được thực hiện bởi hoặc với sự đồng thuận của thực thể quản trị của khu vực. Việc báo cáo một khu vực là OECM không thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng đất hoặc phương thức quản lý khu vực đó, cũng như không thay đổi hình thức quản trị. Việc xác định một khu vực là OECM không có nghĩa là nó trở thành sở hữu hoặc kiểm soát của nhà nước.

Bảng 1. Các yếu tố trong định nghĩa OECM.

Yếu tố	Định nghĩa
Một khu vực được xác định rõ ràng về mặt địa lý	Một khu vực được phân định không gian với ranh giới được thống nhất và phân định, có thể bao gồm đất liền, vùng nước nội địa, các khu vực biển và ven biển, hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của chúng. Trong những trường hợp đặc biệt, ranh giới có thể được xác định bởi các đặc điểm địa lý có tính biến động theo thời gian, chẳng hạn như bờ sông, mực nước cao hoặc phạm vi băng biển. ¹
không phải là Khu bảo tồn	CBD định nghĩa khu bảo tồn là “một khu vực được xác định về mặt địa lý được công nhận hoặc điều chỉnh và quản lý để đạt được các mục tiêu bảo tồn cụ thể.” Các khu vực đã được công nhận là khu bảo tồn hoặc nằm trong các khu bảo tồn không nên được công nhận hoặc báo cáo là OECM. ²
được quản trị và quản lý	‘Quản trị’ có nghĩa là khu vực đó thuộc thẩm quyền của một thực thể cụ thể, hoặc một sự kết hợp các thực thể đã được thống nhất. ¹ ‘Quản lý’ có nghĩa là các hành động được thực hiện để kiểm soát các mối đe dọa đối với các giá trị tự nhiên của khu vực, và duy trì hoặc nâng cao các giá trị đó. Lưu ý rằng ‘quản lý’ có thể bao gồm quyết định để khu vực không bị tác động. ³
theo những cách đạt được các kết quả tích cực...	Kết quả bảo tồn tích cực: quản trị và quản lý phải dẫn đến việc đa dạng sinh học của khu vực được duy trì hoặc nâng cao. Các hoạt động gây hại cho môi trường phải được ngăn chặn hoặc kiểm soát. Đa dạng sinh học luôn được bảo vệ tại chỗ, hoặc là một phần của phương pháp tiếp cận bảo tồn toàn bộ hệ sinh thái. ¹
...các kết quả bền vững lâu dài	Các kết quả tích cực được kỳ vọng sẽ tiếp tục trong dài hạn. Quản trị và quản lý phải có ý định duy trì các hoạt động dẫn đến bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học quan trọng một cách bền vững. Các hoạt động có thể thể hiện rõ ràng cam kết về tính lâu dài và bao gồm các biện pháp bảo vệ làm cho việc đảo ngược hoặc sửa đổi trở nên khó khăn. Nếu tính lâu dài không được nêu rõ, thì cần có cơ sở hợp lý để củng cố kỳ vọng rằng hoạt động bảo tồn sẽ tiếp tục vô thời hạn. Việc quản lý chỉ mang lại kết quả bảo tồn ngắn hạn hoặc tạm thời thì không được coi là một OECM. Tương tự, các khu vực hoặc thực hành rõ ràng chỉ mang tính chất tạm thời, hoặc không có cam kết rõ ràng cho việc bảo tồn lâu dài, cũng không đủ điều kiện là một OECM. ¹
cho việc bảo tồn tại chỗ	CBD định nghĩa bảo tồn tại chỗ là “việc bảo tồn các hệ sinh thái và sinh cảnh tự nhiên, duy trì và phục hồi các quần thể loài có khả năng tồn tại trong môi trường tự nhiên của chúng hoặc, trong trường hợp các loài được thuần hóa hoặc trồng trọt, trong môi trường nơi chúng đã phát triển các đặc tính riêng biệt của mình.” ²
Bảo tồn	Bảo tồn có nghĩa là duy trì các hệ sinh thái và sinh cảnh tự nhiên hoặc bán tự nhiên, và các quần thể loài có khả năng tồn tại trong môi trường sống tự nhiên của chúng. ²
Đa dạng sinh học	CBD định nghĩa đa dạng sinh học là “Sự biến đổi giữa các sinh vật sống từ mọi nguồn, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hệ sinh thái trên cạn, biển và nước ngọt, cùng với các tổ hợp sinh thái mà chúng là một phần cấu thành; điều này bao gồm sự đa dạng trong loài, giữa các loài và giữa các hệ sinh thái.” ²
với các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan	Các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan chặt chẽ với bảo tồn đa dạng sinh học. OECMs có thể bảo vệ các dịch vụ hệ sinh thái, nhưng việc quản lý các dịch vụ này không được làm ảnh hưởng đến việc bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học quan trọng của khu vực. Dịch vụ hệ sinh thái có thể bao gồm các dịch vụ cung cấp như cung cấp thực phẩm và nước; các dịch vụ điều tiết như điều tiết lũ lụt, hạn hán, suy thoái đất và dịch bệnh; các dịch vụ hỗ trợ như hình thành đất và chu trình dinh dưỡng; và các dịch vụ văn hóa như mang lại các giá trị giải trí, tinh thần, tôn giáo và các lợi ích phi vật chất khác. ¹
và, nếu có, các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế-xã hội và các giá trị khác phù hợp tại địa phương	Các giá trị văn hóa và tinh thần bao gồm các giá trị giải trí, tôn giáo, thẩm mỹ, lịch sử và xã hội liên quan đến các lợi ích hữu hình và vô hình mà thiên nhiên và các đặc điểm tự nhiên mang lại cho con người, đặc biệt nhấn mạnh đến những giá trị góp phần vào kết quả bảo tồn (ví dụ: các thực hành quản lý truyền thống mà các loài quan trọng hoặc toàn bộ hệ sinh thái phụ thuộc vào, hoặc sự hỗ trợ của xã hội đối với việc bảo tồn các cảnh quan vì giá trị nghệ thuật hoặc vẻ đẹp của chúng) và di sản phi vật thể, bao gồm các thông lệ văn hóa và tinh thần. ⁵

¹. Jonas và cộng sự, 2023. ². CBD, 1992. ³. Borrini-Feyerabend và cộng sự, 2013. ⁴. Dudley, 2008. ⁵. Verschuuren và cộng sự, 2021.

2.2 Phân biệt các OECMs với khu bảo tồn

Thực hành tốt: Các OECMs và khu bảo tồn không chồng lấn. Các khu vực có giá trị đa dạng sinh học quan trọng được xác định và báo cáo là khu bảo tồn hoặc OECMs, công nhận các khu vực cộng đồng dân tộc thiểu số và truyền thống, có tính đến các đặc điểm của khu vực, các quy định quốc gia, và mong muốn của các chủ thể có quyền và các bên liên quan.

Các OECMs hỗ trợ cho các khu bảo tồn bằng cách khuyến khích bảo tồn đa dạng sinh học ở những nơi không phải là khu bảo tồn. Các OECMs và khu bảo tồn thường phối hợp với nhau để đạt được mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học như một mạng lưới bảo tồn, trong một cảnh quan đất liền, cảnh quan sông hoặc cảnh quan biển.

Các định nghĩa về khu bảo tồn do CBD (Điều 2, 1992) và IUCN (Dudley, 2008) đưa ra là tương đương. IUCN định nghĩa khu bảo tồn là:

Một không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, cam kết và quản lý thông qua các biện pháp pháp lý hoặc hiệu quả khác, nhằm đạt được mục tiêu bảo tồn thiên nhiên lâu dài cùng với các dịch vụ hệ sinh thái và giá trị văn hóa liên quan.

Đặc điểm xác định của một khu bảo tồn là khu vực đó được công nhận, quản lý và phục vụ riêng cho mục đích bảo tồn. Các khu bảo tồn có các mục tiêu bảo tồn là mục tiêu chính của khu vực. Yếu tố cốt lõi xác định của một OECM là **kết quả bảo tồn đa dạng sinh học, bất kể mục tiêu của khu vực là gì.**

Một OECM là một khu vực mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ hiệu quả. Trong bối cảnh này, bảo tồn có thể là mục tiêu chính hoặc phụ của việc quản lý, hoặc nó có thể hoàn toàn không phải là một mục tiêu (mang lại các kết quả phụ).

Các khu bảo tồn và OECMs có một số đặc điểm chung. Cả hai đều phải:

- Là một không gian địa lý được xác định rõ ràng;
- Được quản trị và quản lý theo cách tôn trọng các quyền;
- Đóng góp vào việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ, lâu dài; và
- Tùy thuộc vào bối cảnh của khu vực, lồng ghép việc bảo tồn các dịch vụ hệ sinh thái cũng như các giá trị văn hóa, tinh thần và các giá trị địa phương khác vào trong công tác quản lý.

Dựa trên những định nghĩa này, một khu vực mà bảo tồn đa dạng sinh học là mục tiêu chính có thể là một khu bảo tồn hoặc OECM. Các tiêu chuẩn được quốc tế đồng thuận theo CBD, và các khuyến nghị của IUCN, là các **khu vực đáp ứng định nghĩa về khu bảo tồn, và được cơ quan quản trị công nhận như vậy, nên được coi là một khu bảo tồn.** Tuy nhiên, trên thực tế, có nhiều trường hợp các khu vực đáp ứng định nghĩa về khu bảo tồn không được công nhận và báo cáo như vậy. Ví dụ, một số khu bảo tồn tư nhân không được các chính phủ quốc gia báo cáo là khu bảo tồn, mặc dù chúng thỏa mãn các tiêu chí của IUCN (xem Hướng dẫn của IUCN cho các Khu bảo tồn Tư nhân, Mitchell và cộng sự, 2018, và Nghiên cứu điển hình 14). Trong những trường hợp này, việc báo cáo khu vực đó là một OECM (nếu nó đáp ứng các tiêu chí OECM, và có sự đồng thuận của cơ quan quản lý cũng như các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương có quyền chủ thể) sẽ giúp giá trị đa dạng sinh học của khu vực được ghi nhận, và khu vực đó sẽ được tính vào đóng góp của quốc gia đối với Mục tiêu 3 của Khung đa dạng sinh học toàn cầu (GBF).

OECMs không phải là một sự thay thế cho các khu bảo tồn, vốn là một phần quan trọng của Mục tiêu 3. Việc xác định và báo cáo OECMs nên được thúc đẩy song song, chứ không phải thay cho việc công nhận, quản trị công bằng và quản lý hiệu quả các khu bảo tồn. OECMs phải mang lại các kết quả đa dạng sinh học có tầm quan trọng tương đương và bổ sung cho các khu bảo tồn. Điều này bao gồm sự đóng góp của OECMs vào tính đại diện sinh thái, độ bao phủ của các khu vực quan trọng đối với đa dạng sinh học và các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan, và tính kết nối và tích hợp trong các cảnh quan đất liền và biển rộng lớn hơn, cũng như các yêu cầu về quản lý hiệu quả và công bằng.

Nghiên cứu điển hình 1.

Khu bảo tồn nhượng quyền Los Amigos

Địa điểm: Madre de Dios, Peru | **Ví dụ về:** Một OECM được quản lý tư nhân đã được báo cáo

Khu bảo tồn Los Amigos được xác định và báo cáo là một OECM vào năm 2022. Nằm trong lưu vực sông Los Amigos ở Madre de Dios, Peru, có diện tích 145.700 ha và được quản trị bởi tổ chức Asociación para la Conservación de la Cuenca Amazónica (ACCA) Peru theo hợp đồng thuê 40 năm từ chính phủ Peru. Khu vực được quản lý cho nghiên cứu và giáo dục, bao gồm nhiều sinh cảnh đa dạng như rừng đất cao, vùng ngập lũ, hồ móng ngựa, rừng tre và đầm lầy cọ aguaje, là nơi sinh sống của 12 loài bị đe dọa toàn cầu, 12 loài linh trưởng và hơn 550 loài chim. Los Amigos có vị trí chiến lược, tiếp giáp với Vườn quốc gia Manu, các Cộng đồng dân tộc thiểu số Amarakaeri và Khu bảo tồn Lãnh thổ Madre de Dios, nơi sinh sống của người Mashco Piro, một Cộng đồng dân tộc thiểu số chưa tiếp xúc, sống hoàn toàn biệt lập.

Los Amigos có mục tiêu quản lý chính là bảo tồn. Khoảng năm 2000, Chính quyền Vùng Madre de Dios đã mời thầu cho việc thuê sử dụng đất. ACCA đã nộp đơn và được cấp quyền sử dụng khu đất dưới hình thức Nhượng quyền Bảo tồn trong thời hạn 40 năm.

Từ năm 2001, ACCA đã thực hiện một chiến lược tổng hợp để bảo vệ Los Amigos, cho phép phát hiện sớm các hoạt động bất hợp pháp và phản ứng nhanh chóng, hiệu quả, từ đó đạt được kết quả không mất rừng trong toàn bộ khu nhượng quyền. Đồng thời, ACCA đã thành lập Trạm Sinh học Los Amigos để thúc đẩy nghiên cứu về đa dạng sinh học, chức năng hệ sinh thái và những thay đổi trước các áp lực từ con người như biến đổi khí hậu. [Thông tin thêm.](#)

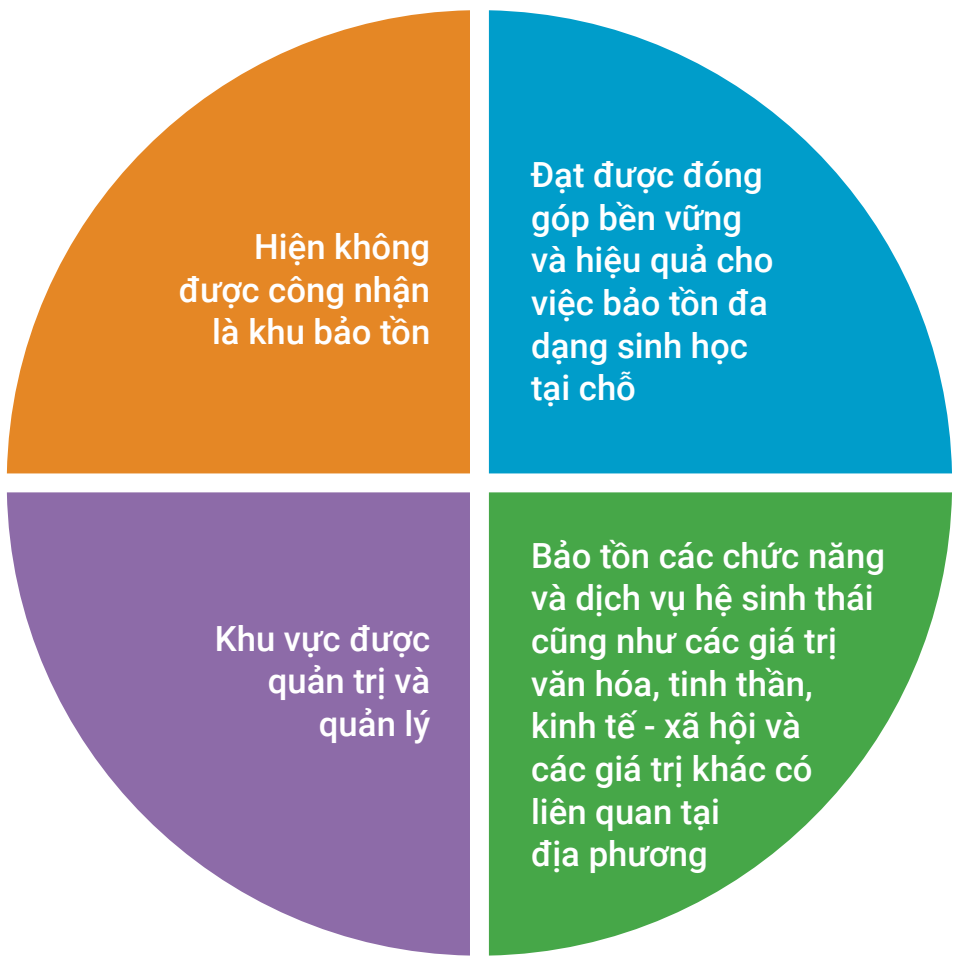


Khu bảo tồn nhượng quyền Los Amigos, Peru. © Carlos Castañeda - ACCA

2.3 Các tiêu chí của CBD để xác định OECMs

Thực hành tốt: Hiểu và áp dụng tất cả các tiêu chí của CBD khi xác định và báo cáo một OECM.

Quyết định 14/8 của CBD bao gồm định nghĩa về OECM (xem Phần 2.1). Phụ lục III của quyết định, về “*Tư vấn khoa học và kỹ thuật về khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác*”, cung cấp một danh sách “các nguyên tắc hướng dẫn và đặc điểm chung” của OECMs (Quyết định 14/8, Phụ lục III, Phần A). Phụ lục III cũng đưa ra 4 tiêu chí và, trong khuôn khổ 10 nhóm, trình bày 26 tiêu chí phụ để xác định OECMs (Quyết định 14/8 Phụ lục III, Phần B). Các yếu tố cốt lõi của các tiêu chí CBD được mô tả tại đây (xem Bảng 2), trong khi việc áp dụng các tiêu chí này thông qua bộ công cụ tại chỗ của IUCN được trình bày trong Phần 4. Một bảng trong Phụ lục 2 của bộ hướng dẫn này giải thích các mối liên kết giữa quyết định của CBD và công cụ xác định tại chỗ của IUCN. Lưu ý rằng bộ công cụ này sắp xếp và đánh số lại các tiêu chí để tạo điều kiện cho một quy trình rõ ràng khi sử dụng.



Hình 3. Bốn tiêu chí của CBD để xác định một OECM.
(Nguồn: Các tác giả biên soạn)

Bảng 2. Các tiêu chí và tiêu chí phụ của CBD để xác định OECM kèm theo các ghi chú giải thích.

4 Tiêu chí và 10 nhóm tiêu chí phụ (Quyết định 14/8 của CBD)	Ghi chú giải thích
Tiêu chí A của CBD: Khu vực hiện không được công nhận là khu bảo tồn	
Không phải là khu bảo tồn	Các OECMs có thể đóng góp vào các mục tiêu bảo tồn dựa trên khu vực trên cạn, nước ngọt và biển. Điều này có nghĩa là các khu vực đã được thành lập hoặc nằm trong các khu bảo tồn không nên được công nhận hoặc báo cáo là OECMs (xem mục 5.1).
Tiêu chí B của CBD: Khu vực được quản trị và quản lý	
- Không gian được xác định về mặt địa lý - Các cơ quan quản trị hợp pháp - Được quản lý	Tiêu chí này đặt ra các nguyên tắc chính mô tả rõ hơn một OECM là gì. Các OECMs là một trong tập hợp các phương pháp tiếp cận dựa trên khu vực để bảo tồn đa dạng sinh học. Do đó, ranh giới của khu vực phải được xác định. Hơn nữa, khu vực phải có sự <i>quản trị và quản lý</i> bền vững bởi một cơ quan quản trị hợp pháp. Loại hình quản trị và quản lý không phải là một yếu tố trong việc xác định một OECM - điều quan trọng là hiệu quả của việc quản trị và quản lý trong việc đạt được mục tiêu bảo tồn (Tiêu chí C).
Tiêu chí C của CBD: Đạt được đóng góp bền vững và hiệu quả cho việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ	
- Hiệu quả - Lâu dài - Bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ - Thông tin và giám sát	Tiêu chí C thiết lập tác động của việc quản trị và quản lý của một OECM: nó phải dẫn đến việc <i>bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ hiệu quả và lâu dài</i>. Để thực hiện các chức năng này - và để có thể biết rằng chúng đang có tác động như mong muốn - cần có <i>thông tin và giám sát</i>. Quan trọng là, cả Tiêu chí B và Tiêu chí C đều không quy định rằng bảo tồn đa dạng sinh học phải là mục tiêu của việc quản trị và quản lý. Điều này có nghĩa là các khu vực được quản lý cho các mục đích khác, nhưng vẫn đạt được bảo tồn đa dạng sinh học, có thể đủ điều kiện là OECMs. Đây là một trong những đóng góp quan trọng nhất của OECMs trong việc mở rộng sự công nhận các khu vực có giá trị bảo tồn vượt ra ngoài các khu bảo tồn.
Tiêu chí D của CBD: Bảo tồn các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái cũng như các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế - xã hội và các giá trị khác có liên quan tại địa phương	
- Các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái - Các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế - xã hội và các giá trị khác có liên quan tại địa phương	Tiêu chí D mô tả cách OECMs liên quan đến các giá trị khác, bên cạnh bảo tồn đa dạng sinh học. Các chức năng hệ sinh thái và các giá trị văn hóa, tinh thần và kinh tế-xã hội xuất hiện khi con người sử dụng các sản phẩm và dịch vụ từ một khu vực. Quyết định của CBD quy định rằng, khi những giá trị này hiện diện trong một OECM, thì công tác quản lý cần phải đạt được cả hai mục tiêu: bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì hoặc tăng cường các giá trị này.

2.4 Các mục tiêu quản lý cho OECMs

Thực hành tốt: Xác định các mục tiêu quản lý của khu vực và đảm bảo có sự hiểu biết chung về cách chúng đóng góp vào bảo tồn tại chỗ lâu dài các giá trị đa dạng sinh học quan trọng.

Như đã trình bày ở trên (Phần 2.1), quyết định của CBD về OECMs không yêu cầu chúng phải được quản trị và quản lý với mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học, miễn là việc quản trị và quản lý bền vững có tác dụng lâu dài trong việc bảo tồn đa dạng sinh học. Đây là một sự khác biệt quan trọng giữa OECMs và các khu bảo tồn; theo định nghĩa, các khu bảo tồn được quản lý với mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học. Để giúp các nhà ra quyết định và các nhà quản lý OECM hiểu và mô tả các mục tiêu của khu vực, IUCN WCPA đã đề xuất một khung đơn giản để phân loại các mục tiêu bảo tồn của OECM thành ba kiểu: chính, phụ và phụ trợ (Hộp 1 và Hình 4 trong tài liệu).

Hộp 1

Phân loại các mục tiêu OECM dẫn đến kết quả bảo tồn

Các OECM có thể có mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học là mục tiêu chính, thứ cấp hoặc phụ trợ.

‘Bảo tồn chính’ đề cập đến các khu vực mà bảo tồn đa dạng sinh học là mục tiêu quản lý chính. Các khu vực như vậy có thể được báo cáo là OECMs vì cơ quan quản trị không muốn khu vực này được phân loại là khu bảo tồn. Ví dụ, các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương có thể không muốn các khu vực do họ quản lý được công bố là khu bảo tồn hoặc được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu khu bảo tồn của chính phủ, mà mong muốn được công nhận những đóng góp bảo tồn của họ thông qua khung OECM. Tương tự, chính phủ có thể không muốn đưa các khu vực do tư nhân và cộng đồng quản lý vào danh sách các khu bảo tồn chính thức, nhưng vẫn chấp nhận ghi nhận những khu vực đó là OECM.

‘Bảo tồn thứ cấp’ đề cập đến các khu vực mà bảo tồn đa dạng sinh học là mục tiêu quản lý thứ cấp; ví dụ: một khu vực được quản lý chủ yếu cho du lịch thiên nhiên hoặc để bảo vệ nước của một lưu vực sông với mục tiêu phụ là bảo tồn đa dạng sinh học.

‘Bảo tồn phụ trợ’ đề cập đến các khu vực mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ như một kết quả phụ của các hoạt động quản lý, mặc dù đây không phải là một mục tiêu quản lý; ví dụ: các khu vực bị hạn chế tiếp cận vì lý do văn hóa hoặc an ninh.



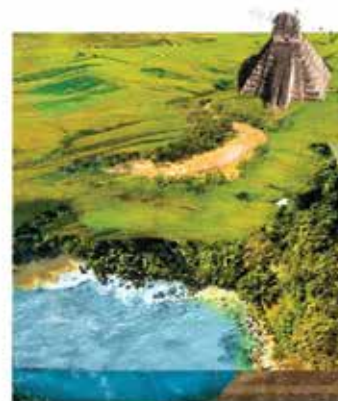
Bảo tồn chính

Một khu vực mà bảo tồn đa dạng sinh học là mục tiêu quản lý chính. Ví dụ: khu vực do tư nhân quản trị, nơi các chủ thể có quyền không muốn khu vực đó được phân loại là khu bảo tồn.



Bảo tồn thứ cấp

Một khu vực mà việc bảo tồn đa dạng sinh học là mục tiêu quản lý thứ cấp. Ví dụ: khu vực bảo vệ nguồn nước.



Bảo tồn phụ trợ

Một khu vực mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ như một kết quả phụ của các hoạt động quản lý, mặc dù bảo tồn không phải là mục tiêu quản lý. Ví dụ: khu di chỉ khảo cổ.

Hình 4. Bảo tồn có thể là mục tiêu chính, thứ cấp và phụ trợ trong quản lý một OECM. (Nguồn: điều chỉnh từ WWF, 2022)

Nghiên cứu điển hình 2.

Khu vực bảo vệ nguồn nước North Tyndal

Địa điểm: Nova Scotia, Canada | **Ví dụ về:** Một OECM đã được báo cáo với bảo tồn là mục tiêu quản lý thứ cấp và bổ sung cho một mạng lưới khu bảo tồn

Một chức năng quan trọng của khung OECM là công nhận giá trị bảo tồn của các khu vực được quản lý chủ yếu cho một mục đích khác. Một phần của Eo đất Chignecto của Nova Scotia được quản lý để đảm bảo nguồn cung cấp nước cho một thị trấn gần đó, và thông qua đó, khu vực này có đóng góp quan trọng cho bảo tồn đa dạng sinh học. Eo đất này là một dải đất hẹp nối liền Nova Scotia và New Brunswick. Thị trấn Amherst, Nova Scotia, phụ thuộc vào nguồn nước ngầm từ khu vực này và đã thiết lập Khu vực Bảo vệ nguồn nước North Tyndal theo quy định cấp tỉnh vào năm 1989 để đảm

bảo nguồn cung này được duy trì. Điều này bao gồm việc đảm bảo thảm thực vật bản địa được giữ nguyên vẹn và cấm các hoạt động sử dụng đất có hại. Khu vực này không được thống kê là khu bảo tồn và đã được công nhận là OECM vào năm 2018. Ngoài OECM, các phần khác của eo đất cũng đã được ghi nhận là các khu bảo tồn chính thức và, cùng nhau, OECM và các khu bảo tồn tạo thành Khu vực Hoang dã Eo đất Chignecto, một mạng lưới các vùng đất bảo vệ đa dạng sinh học phong phú của khu vực, ví dụ như cung cấp một hành lang đa dạng sinh học.



Nghiên cứu điển hình 3.

Cơ sở Nông thôn Wits, Nam Phi

Địa điểm: Nam Phi | **Ví dụ về:** Một OECM tiềm năng được quản lý cho giáo dục mang lại kết quả bảo tồn lâu dài

Cơ sở Nông thôn Wits là một ví dụ về một OECM nơi các mục tiêu giáo dục và nghiên cứu kết hợp với việc đạt được bảo tồn tại chỗ. Cơ sở nông thôn này của Đại học Witwatersrand (Wits), ở phía đông bắc Nam Phi, được sử dụng cho nghiên cứu và đào tạo tại chỗ có tác động cao về y tế, xã hội và môi trường và các cộng đồng nông thôn lân cận. Trung tâm Tri thức Nông thôn Wits kết nối và tích hợp các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy của nhiều chương trình học thuật khác nhau sử dụng cơ sở này. Khu đất có diện tích 350 ha thuộc vào Khu dự trữ sinh quyển Kruger đến Canyons, và nằm trong Khu vực Đa dạng sinh học Trọng yếu (KBA), một Khu vực Hỗ trợ Hệ sinh thái cấp tỉnh và Vùng đệm của Vườn quốc gia Kruger. Ngoài trừ các tòa nhà và đường sá của cơ sở nghiên cứu, phần lớn khu vực được quản lý để duy trì nguyên trạng sinh cảnh savan và sông ngòi. Khu vực này cũng bao gồm các khu mộ tổ tiên được bảo vệ.

Cơ sở được quản lý theo một kế hoạch quản lý tổng thể do Phòng Dịch vụ của trường xây dựng, được thực hiện bởi bộ phận quản lý hoạt động tại khu vực. Các mục tiêu học thuật không tác động tiêu cực đến việc bảo tồn đa dạng sinh học của khu vực. Các ô mẫu thí nghiệm được khoanh vùng, và tất cả các hoạt động tương tác và nghiên cứu liên quan đến cộng đồng địa phương đều tuân theo các chuẩn mực và nguyên tắc đạo đức. Các mối đe dọa bên ngoài như săn trộm, ô nhiễm nước từ thượng nguồn và nguy cơ tranh chấp đất đai vẫn tồn tại; tuy nhiên, tình trạng bảo tồn của khu vực này không dễ bị thay đổi. [Thông tin thêm.](#)

Các ví dụ khác về các mục tiêu bảo tồn chính, phụ và thứ yếu có thể được tìm thấy trong [Mục 3.8.](#)



Cơ sở nông thôn của Đại học Witwatersrand (Wits) là một OECM được sử dụng cho nghiên cứu và đào tạo tại chỗ có tác động cao về y tế, xã hội và môi trường và các cộng đồng nông thôn lân cận. © ReWild Africa

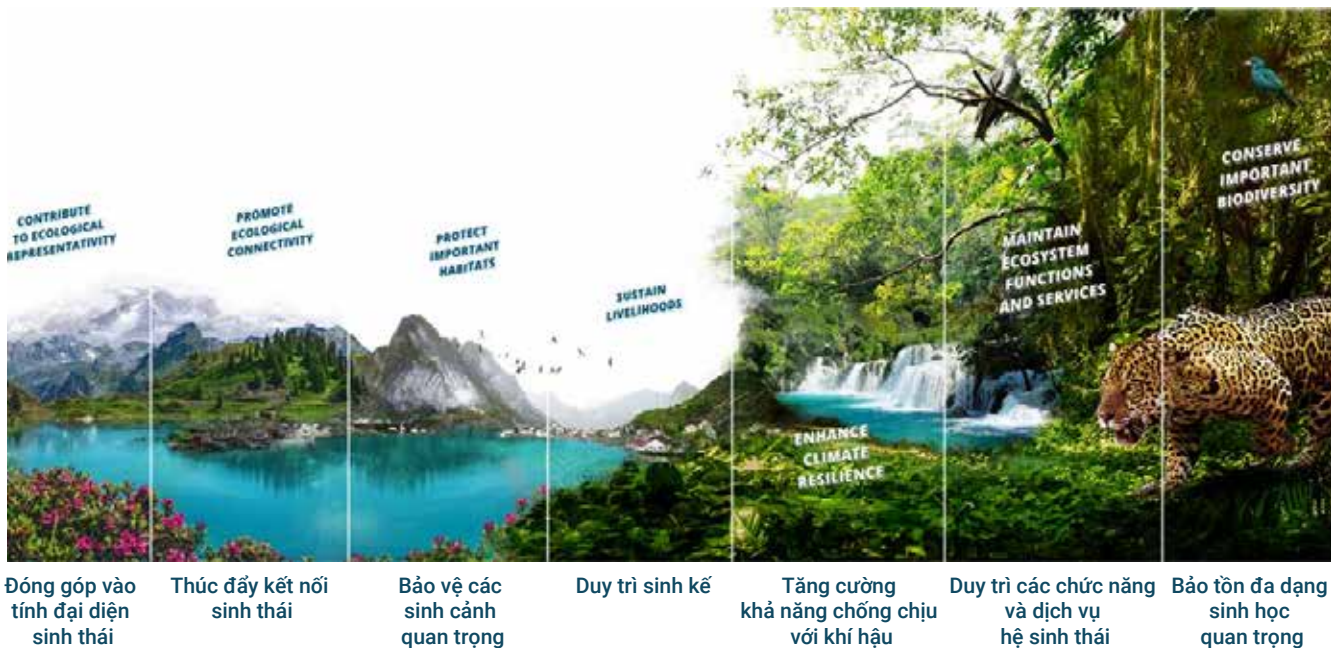
2.5 OECMs và các giá trị khác

Thực hành tốt: Đảm bảo rằng tầm quan trọng của khu vực đối với các dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị, thực hành văn hóa, tinh thần, kinh tế-xã hội và các giá trị có liên quan khác tại địa phương được hiểu rõ và, khi phù hợp, nên hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học với các giá trị này.

Quyết định 14/8 của CBD và các Mục tiêu Phát triển Bền vững của LHQ (SDG) công nhận rằng các hệ sinh thái khỏe mạnh và hoạt động hiệu quả cung cấp nhiều loại hình dịch vụ hệ sinh thái bao gồm các dịch vụ cung cấp (ví dụ: cung cấp thực phẩm, nước uống); các dịch vụ điều tiết (ví dụ: điều hòa khí hậu, kiểm soát lũ lụt, giảm thiểu hạn hán, suy thoái đất và dịch bệnh); và các dịch vụ hỗ trợ (ví dụ: hình thành đất, tái tạo dinh dưỡng). Tầm quan trọng của các dịch vụ này phụ thuộc vào cách chúng được (hoặc có thể được) sử dụng, nhưng trong một số trường hợp, việc quản lý chúng sẽ là mục tiêu chính của một khu vực. Một khái niệm quan trọng đối với OECMs là việc quản lý các dịch vụ này phải hài hòa với việc bảo tồn đa dạng sinh học - nói cách khác, việc quản lý các dịch vụ hệ sinh thái không được tác động tiêu cực đến các giá trị đa dạng sinh học quan trọng của khu vực.

Các OECM tiềm năng cũng có thể bao gồm các khu vực có các giá trị và thực hành văn hóa, tinh thần, kinh tế - xã hội và các giá trị có liên quan tại địa phương. Trong những trường hợp như vậy, điều quan trọng là phải đảm bảo sự công nhận và bảo vệ các mối liên kết giữa đa dạng sinh học và đa dạng văn hóa, và các thực hành quản trị và quản lý liên quan dẫn đến các kết quả đa dạng sinh học tích cực, chẳng hạn như việc sử dụng bền vững đa dạng sinh học theo tập quán (Điều 10(c) của CBD). Ngược lại, OECMs phải là những khu vực mà việc quản lý các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế-xã hội và các giá trị có liên quan khác tại địa phương không gây tác động tiêu cực đến các giá trị bảo tồn đa dạng sinh học.

Hình 5. Các lợi ích tiềm năng về sinh kế, đa dạng sinh học, hệ sinh thái và khí hậu của OECMs.
(Nguồn: Biên tập từ WWF, 2022)



Khi sử dụng công cụ xác định OECMs tại chỗ (xem Phần 4), mối quan hệ giữa việc quản lý khu vực và việc duy trì các dịch vụ hệ sinh thái và các giá trị văn hóa, tinh thần và kinh tế-xã hội, nếu có, cần được xem xét trong việc đánh giá các OECMs tiềm năng theo Tiêu chí 6 (quản trị và quản lý đạt được bảo tồn tại chỗ) và Tiêu chí 8 (quản trị và quản lý giải quyết các vấn đề công bằng).

Thông tin thêm về các dịch vụ hệ sinh thái và bảo tồn có thể được tìm thấy trong:

- **Các công cụ để đo lường, mô hình hóa và định giá các dịch vụ hệ sinh thái** (*Neugarten và cộng sự, 2018*). Tài liệu này cung cấp chi tiết về các dịch vụ hệ sinh thái và các công cụ sẵn có để xác định phạm vi và giá trị của các dịch vụ hệ sinh thái.
- **Công cụ đánh giá lợi ích khu bảo tồn + (PA-BAT+)** (*Ivanić và cộng sự, 2020*). Tài liệu này thu thập và đánh giá thông tin về các lợi ích tổng thể từ việc bảo tồn và bảo vệ tại các khu bảo tồn (cũng áp dụng cho OECM).



© WWF-US / McDonald Mirabile

2.6 Phân biệt giữa Mục tiêu 3 và 10

Thực hành tốt: Báo cáo các khu vực theo mục tiêu GBF phù hợp: Mục tiêu 3 cho các khu bảo tồn và OECMs - công nhận các khu vực truyền thống, và Mục tiêu 10 cho các khu vực sản xuất được quản lý bền vững.

GBF gồm bốn mục tiêu chung và 23 mục tiêu cụ thể. Việc ngăn chặn và đảo ngược tình trạng mất đa dạng sinh học đòi hỏi phải thực hiện nghiêm ngặt tất cả 23 mục tiêu cụ thể. Hai trong số đó, Mục tiêu 3 và 10, đặc biệt liên quan đến các khu vực có sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Mục tiêu 3 tập trung vào các khu bảo tồn và OECMs, cũng như thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của người dân tộc thiểu số. Theo Mục tiêu 3, bất kỳ hoạt động sử dụng bền vững nào cũng phải “hoàn toàn phù hợp với các kết quả bảo tồn.” Ngược lại, **Mục tiêu 10 tập trung đặc biệt vào việc đảm bảo quản lý bền vững các khu vực chủ yếu dành cho sản xuất**, với việc sử dụng bền vững và duy trì đa dạng sinh học được thực hiện để đảm bảo “khả năng phục hồi và hiệu quả và năng suất lâu dài của các hệ thống sản xuất này.” Điều quan trọng là các khu vực phải được báo cáo theo đúng mục tiêu (xem Hộp 2).

Các khu vực được quản lý để khai thác tài nguyên thiên nhiên quy mô công nghiệp nói chung sẽ không đủ điều kiện là OECMs vì thường đã có những thay đổi lớn trong hệ sinh thái tự nhiên và suy giảm giá trị đa dạng sinh học (xem Công cụ tại chỗ để xác định OECMs, Tiêu chí 6). Nếu sản xuất bền vững về mặt sinh thái, các khu vực này có thể phù hợp để báo cáo theo Mục tiêu 10. Nếu trong các khu vực được quản lý để khai thác công nghiệp có những phần diện tích được tách biệt vĩnh viễn khỏi hoạt động khai thác, thì các khu vực “tách biệt vĩnh viễn” đó vẫn có thể đủ điều kiện là OECM, miễn là đáp ứng đầy đủ tất cả các tiêu chí, bao gồm (có giá trị đa dạng sinh học quan trọng, có diện tích đủ lớn, được quản trị và quản lý, và có tính chất lâu dài trong mục tiêu bảo tồn).

Do đó, nói chung:

- Một khu vực mà việc quản lý không mang tính khai thác hoặc có tác động thấp, sao cho khu vực đó giữ lại được các giá trị đa dạng sinh học quan trọng, có khả năng là một OECM theo Mục tiêu 3 của GBF.
- Một khu vực mà phương pháp quản lý chủ yếu tập trung vào việc sử dụng bền vững tối đa, hoặc gây ra sự mất mát hoặc suy giảm các giá trị đa dạng sinh học quan trọng của khu vực, sẽ không đủ điều kiện là một OECM. Nói chung, nếu khu vực đó đang được thu hoạch theo các tiêu chuẩn bền vững, nó nên được tính theo Mục tiêu 10 của GBF.

Phụ lục 3 trình bày một bảng minh họa các đóng góp của OECMs vào các mục tiêu khác của GBF.

Hộp 2

Mục tiêu 3 và 10 của Khung Đa dạng sinh học Toàn cầu (CBD, 2022; nhấn mạnh được thêm vào bên dưới)

Mục tiêu 3: Đảm bảo và tạo điều kiện để đến năm 2030 ít nhất 30% diện tích đất liền và vùng nước nội địa, và các vùng biển và ven biển, đặc biệt là các khu vực có tầm quan trọng đặc biệt đối với đa dạng sinh học và các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái, được bảo tồn và quản lý hiệu quả thông qua các hệ thống khu bảo tồn và các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác có tính đại diện về mặt sinh thái, kết nối tốt và quản trị công bằng, thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của người dân tộc thiểu số, nếu có, và được lồng ghép vào các cảnh quan đất liền, không gian biển và đại dương rộng lớn hơn, đồng thời **đảm bảo rằng mọi hoạt động sử dụng bền vững, nếu phù hợp ở những khu vực đó, là hoàn toàn phù hợp với các kết quả bảo tồn**, công nhận và tôn trọng các quyền của cộng đồng

dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, bao gồm cả quyền đối với các khu vực truyền thống của họ.

Mục tiêu 10: Đảm bảo rằng các **khu vực nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản và lâm nghiệp được quản lý bền vững, đặc biệt thông qua việc sử dụng bền vững đa dạng sinh học**, bao gồm thông qua việc tăng cường đáng kể việc áp dụng các thực hành thân thiện với đa dạng sinh học, chẳng hạn như thâm canh bền vững, sinh thái học nông nghiệp và các phương pháp tiếp cận sáng tạo khác, góp phần vào khả năng phục hồi, hiệu quả và năng suất lâu dài của các hệ thống sản xuất này, đồng thời đảm bảo an ninh lương thực, bảo tồn và phục hồi đa dạng sinh học cũng như duy trì những đóng góp của thiên nhiên cho con người, bao gồm các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái.

Phần 3.

Những yếu tố then chốt và điều kiện thúc đẩy OECMs



© ReWild Africa

Các hệ sinh thái nước nội địa, như hệ sinh thái này trong Khu Dự trữ Sinh quyển Kruger to Canyons ở Nam Phi, thường ít được đại diện trong các hệ thống bảo tồn quốc gia. Với các điều kiện tạo thuận lợi phù hợp, OECMs mang lại một hướng để tăng cường bảo tồn các hệ sinh thái này và các hệ sinh thái ít được đại diện khác.

3.1 Giới thiệu

Bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ là nền tảng để ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học (CBD, 1992). Điều này là do bảo tồn tại chỗ đòi hỏi phải ngăn chặn hoặc đảo ngược tình trạng mất và suy thoái sinh cảnh, vốn là nguyên nhân lớn nhất dẫn đến sự suy giảm và nguy cơ tuyệt chủng của các quần thể loài (Hogue và Breon, 2022). Các khu bảo tồn và OECMs là hai công cụ quan trọng để đạt được bảo tồn tại chỗ theo Mục tiêu 3 của GBF. Phần này trình bày các lợi ích của việc xác định và báo cáo OECMs (3.2); nhấn mạnh tầm quan trọng của quyền, sự tham gia và tính minh bạch trong các quy trình liên quan đến OECM (3.3); đưa ra hướng dẫn về các thành phần của quy trình OECM cấp quốc gia (3.4); thảo luận về tầm quan trọng của luật pháp và chính sách như những điều kiện tạo thuận lợi cho OECM (3.5); giải thích cách thức thiết lập các OECM mới (3.6); cân nhắc vai trò của phục hồi sinh thái trong các OECM (3.7); trình bày các ví dụ về các OECM tiềm năng (3.8); và đưa ra các ví dụ về các khu vực không có khả năng đáp ứng các tiêu chí của CBD cho OECM (3.9).

3.2 Tại sao cần xác định và báo cáo OECMs?

Thực hành tốt: Các cơ quan quản trị nhận thức đầy đủ về các lợi ích, cơ hội, thách thức và chi phí tiềm năng của việc xác định và báo cáo một khu vực là OECM.

Việc xác định và báo cáo một khu vực là OECM công nhận rằng khu vực đó có đóng góp quan trọng vào bảo tồn đa dạng sinh học, mặc dù nó không phải là một khu bảo tồn. Khi OECM được báo cáo đến Cơ sở dữ liệu Thế giới về OECMs (WD-OECM), khu vực đó sẽ được đưa vào dữ liệu về nỗ lực bảo tồn đa dạng sinh học của quốc gia theo các thỏa thuận môi trường quốc tế, đặc biệt là CBD. Tuy nhiên, điều quan trọng là, bên cạnh việc đóng góp vào chương trình nghị sự toàn cầu về bảo tồn đa dạng sinh học, cần phải làm rõ cách các bên có quyền và các bên liên quan tại địa phương có thể hưởng lợi từ việc khu vực được xác định là OECM. Hộp 3 tóm tắt một số lý do các nhóm khác nhau có thể muốn xác định một khu vực là OECM. Một số lợi ích mà các bên có quyền và các bên liên quan có thể kỳ vọng là kết quả trực tiếp từ việc xác định và báo cáo một khu vực là OECM, trong khi những lợi ích khác phụ thuộc vào việc củng cố các cơ chế hỗ trợ ở cấp địa phương và quốc gia (xem Phần 8).



Hộp 3

Lợi ích tiềm năng cho người dân và các nhóm từ việc xác định và báo cáo một khu vực là OECM

Lợi ích cho các nhóm phi chính phủ, bao gồm cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương quản trị một khu vực và/hoặc có quyền về mặt truyền thống/lich sử đối với một khu vực; chủ sở hữu tư nhân như một công ty hoặc một tổ chức NGO; hoặc các tổ chức dân sự khác như một trường đại học hoặc một tổ chức tôn giáo:

- Sự công nhận rộng rãi hơn vai trò của nhóm là cơ quan quản trị, và thông qua sự công nhận này là sự hiện diện và quyền quản lý khu vực của họ. Điều này có thể đặc biệt quan trọng đối với cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, những nhóm có thể không có quyền sở hữu và quản lý đầy đủ.
- Sự xác nhận, được xác thực bởi các chuyên gia/bên liên quan, về tầm quan trọng của đa dạng sinh học của khu vực.
- Sự xác nhận, được xác thực bởi các chuyên gia/bên liên quan, rằng các thể chế quản lý địa phương và các thực hành quản lý của họ đã duy trì đa dạng sinh học của khu vực
- Tăng mức độ hiện diện toàn cầu cho khu vực và nhóm quản lý, ví dụ như thông qua việc đưa vào WD-OECM.

Nếu có các cơ chế hỗ trợ phù hợp từ chính phủ hoặc các bên khác (ví dụ: các tổ chức NGOs về bảo tồn), các lợi ích cũng có thể bao gồm:

- Được đưa vào danh sách chính thức các khu vực quan trọng quốc gia/quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học trong nước.
- Tăng cường bảo vệ pháp lý cho khu vực.
- Nâng cao nhận thức công chúng và sự ủng hộ đối với khu vực.
- Có cơ hội tiếp cận hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và chính trị, xử lý các áp lực, đe dọa trong tương lai, và giải quyết các vấn đề quản lý như tranh chấp ranh giới.
- Cơ hội tiếp cận tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật.
- Cơ hội chia sẻ kinh nghiệm học hỏi và hình thành quan hệ đối tác với các nhóm tương tự tại các khu vực khác
- Cơ hội quảng bá khu vực và các giá trị tự nhiên của nó làm cơ sở cho một doanh nghiệp bền vững, hoặc để thu hút đầu tư du lịch sinh thái.

Đối với các cơ quan chính phủ có nhiệm vụ thực hiện các mục tiêu bảo tồn quốc gia:

- Diện tích các hệ sinh thái và số lượng các loài được công nhận là được bảo tồn hiệu quả có khả năng tăng lên.
- Số lượng và quy mô của các nỗ lực bảo tồn đang diễn ra trong nước được ghi nhận và công nhận chính xác hơn.
- Các mục tiêu và chỉ tiêu quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học được đáp ứng dễ dàng hơn.
- Cam kết của quốc gia đối với Mục tiêu 3 của CBD, bao gồm mục tiêu 30x30 cũng như các mục tiêu khác theo GBF, và đối với các mục tiêu quốc tế khác, bao gồm cả các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG), được thúc đẩy.
- Công nhận thêm các bên liên quan và nguồn lực mới trong nỗ lực bảo tồn quốc gia, đặc biệt là ở những nơi có sự phản đối việc đưa đất đai vào danh sách khu bảo tồn (ví dụ: từ các chủ sở hữu tư nhân hoặc các nhóm bản địa).
- Tăng cường bảo vệ pháp lý và sự công nhận chính trị, hỗ trợ giảm thiểu áp lực và các mối đe dọa trong tương lai.
- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của đa dạng sinh học tại các khu vực không phải là khu bảo tồn chính thức, từ đó thúc đẩy các sáng kiến bảo tồn mới.
- Nâng cao vị thế quốc tế của các khu vực, tạo điều kiện tiếp cận tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động bảo tồn và quản lý.

Đối với các cơ quan chính phủ khác (không phải bảo tồn) kiểm soát/quản lý các khu vực:

- Giá trị bảo tồn của các khu vực do cơ quan quản lý/kiểm soát được công nhận.
- Tăng cơ hội hợp tác với các cơ quan và tổ chức liên quan đến bảo tồn.
- Công nhận tầm quan trọng của sự tham gia của các nhóm khác (ví dụ: cộng đồng, NGOs) trong việc quản lý bảo tồn của khu vực được tăng cường.
- Mở ra các cơ hội kinh doanh và tài trợ mới.

Nghiên cứu điển hình 4.

Khu bảo tồn thiên nhiên La Ilusión



Địa điểm: Colômbia | **Ví dụ về:** Một OECM đã được báo cáo và mang lại nhiều lợi ích sau khi được ghi nhận

Khu bảo tồn Thiên nhiên La Ilusión đã bảo tồn 45 ha rừng mây Colômbia từ năm 2007. Chủ sở hữu của khu vực, Natalia Laverde và Sergio Abauat, đã thành lập Quỹ El Bosque y La Niebla vào năm 2019 để thúc đẩy việc phục hồi hệ sinh thái quan trọng này thông qua nghiên cứu kinh tế-xã hội, phục hồi sinh thái và các chương trình giáo dục. Quỹ được thành lập với mục tiêu đảm bảo sự quản trị và bảo vệ lâu dài cho khu vực.

La Ilusión đã được Bộ Môi trường Colômbia báo cáo là một OECM cho WD-OECM vào năm 2021. Kể từ khi được báo cáo, khu bảo tồn thiên nhiên này đã được công nhận ở nhiều quy mô khác nhau:

- Cộng đồng địa phương cảm thấy gắn kết hơn với khu vực, từ đó tham gia tích cực hơn vào các hoạt động phục hồi sinh thái trong và xung quanh OECM.
- Chính quyền thành phố hiện tham vấn ý kiến của La Ilusión để ra các quyết định về môi trường.
- Các cơ quan quản lý môi trường đã sử dụng OECM này để di dời các loài dễ bị tổn thương được cứu hộ, như loài mèo rừng oncilla (*Leopardus tigrinus*).
- Ở cấp khu vực và quốc gia, cả khu vực tư nhân và các cơ quan môi trường đều xác định OECM La Ilusión trong cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ là đủ điều kiện để nhận chi trả dịch vụ môi trường, do mất đa dạng sinh học gây ra bởi các dự án năng lượng hoặc cơ sở hạ tầng, theo quy định pháp luật Colômbia.

3.3 Quyền, sự tham gia và tính minh bạch

Thực hành tốt: Việc xác định OECM được thực hiện bởi (hoặc với sự đồng thuận của) cơ quan quản trị khu vực và bất kỳ cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương nào, đồng thời bảo đảm tham vấn phù hợp với tất cả các bên liên quan chính.

Việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECMs công nhận sự đóng góp vào việc bảo tồn đa dạng sinh học của các khu vực được quản lý cho nhiều mục đích khác nhau, và bởi bất kể chủ thể nào - chính phủ, cộng đồng dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương, khu vực tư nhân, xã hội dân sự, hoặc sự kết hợp của những chủ thể này. Do đó, việc công nhận một khu vực là OECM **không được dẫn đến bất kỳ thay đổi nào về quyền sở hữu, quản lý hoặc sử dụng**. Có thể có những trường hợp ngoại lệ khi các OECMs mới được tạo ra với một cấu trúc quản trị và quản lý mới (xem Phần 3.6) hoặc khi quản trị hoặc quản lý được tăng cường để đáp ứng các tiêu chí OECM.

Cả hai nhóm sau đây phải đồng thuận để một khu vực được đánh giá, xác định và báo cáo là một OECM, bao gồm cả việc chấp nhận hoặc từ chối đề xuất như vậy từ một bên khác đưa ra:

- Cơ quan quản trị, là nhóm hoặc các nhóm ra quyết định về mục đích tổng thể, chính sách quản lý dài hạn và đôi khi cả việc sử dụng hàng ngày của khu vực. Tại nhiều khu vực, quyền hạn và nghĩa vụ của hai hoặc nhiều nhóm có thể chồng lấn, khi đó cơ quan quản trị được hình thành từ đại diện của tất cả các nhóm cùng phối hợp quản lý. Trong một số trường hợp, có thể cần đối thoại và thương lượng để các chủ thể có quyền cùng chia sẻ nhận thức chung về nhóm nào có quyền và trách nhiệm quản trị (xem thêm Mục 4.3 và 4.4 về vai trò của cơ quan quản trị trong quy trình xác định OECM).
- Cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương có quyền theo phong tục truyền thống hoặc lịch sử đối với đất đai và tài nguyên trong khu vực. Theo CBD, các Bên đã thống nhất các nguyên tắc nhằm công nhận và bảo vệ các quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương. Đồng thuận, Tự nguyện, Thông báo trước và Được thông tin đầy đủ (FPIC) là một yêu cầu bắt buộc của quy trình xác định và báo cáo OECM ở những nơi có các nhóm này. Theo các nguyên tắc FPIC, cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương có thể rút lại sự đồng thuận của họ vào bất kỳ thời điểm nào trong quy trình.

Sự tham gia và tính minh bạch là những nguyên tắc cốt lõi của các hoạt động quản trị tốt, bao gồm cả đối với các khu bảo tồn và OECM, và rất quan trọng để đảm bảo các kết quả bảo tồn hiệu quả và công bằng (Borrini-Feyerabend, 2013; Verschuuren và cộng sự, 2021). Phù hợp với Hướng dẫn Khoa học và Kỹ thuật của CBD về OECMs (Quyết định 14/8 Phụ lục III, A (g) và (m)), việc tham vấn với các cơ quan quản trị, chủ đất và chủ thể có quyền, các bên và công chúng có liên quan (khác với việc có được FPIC; xem ở trên và [Mục 4.3](#) và [5.2](#)) nên diễn ra trước khi các khu vực được công nhận là OECMs, và OECMs nên được ghi nhận một cách minh bạch, chẳng hạn như công bố công khai trên một trang web. Sự tham gia chủ động và quyền truy cập mở vào thông tin này sẽ giúp xây dựng sự hiểu biết chung và mở rộng các nhóm ủng hộ việc công nhận OECM.

Nghiên cứu điển hình 5. Hutan Harapan

Địa điểm: Sumatra, Indonesia | **Ví dụ về:** Một OECM tiềm năng nơi nhiều bên liên quan tham gia vào việc quản trị và quản lý một khu vực rừng có giá trị bảo tồn cao



Hutan Harapan (dịch là 'Rừng Hy vọng') là một khu rừng được cấp phép khai thác dịch vụ môi trường (trước đây được gọi là khu nhượng quyền phục hồi hệ sinh thái) ở Sumatra, Indonesia. Trường hợp này minh họa rõ sự phức tạp trong các thỏa thuận quản trị và quản lý tại một khu vực. Khu vực có diện tích 98.000 ha, bao gồm rừng nhiệt đới đồng bằng từng được cấp phép khai thác gỗ. Khu vực này có tính đa dạng sinh học phong phú, trong đó có nhiều loài đang bị đe dọa và hỗ trợ sinh kế của Cộng đồng dân tộc thiểu số, nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự mở rộng bất hợp pháp của các hoạt động canh tác nông nghiệp và khai thác khoáng sản (dầu, khí, than).

Vì khu rừng này nằm trong quỹ rừng quốc gia, nên Bộ Môi trường và Lâm nghiệp là cơ quan quyết định cuối cùng về việc sử dụng đất. Tuy nhiên, Bộ đã ủy quyền cho một công ty tư nhân phục hồi và quản lý rừng thông qua hai giấy phép nhượng quyền phục hồi hệ sinh thái, một có thời hạn 100 năm, giấy còn lại 60 năm và có thể gia hạn thêm 35 năm. Quyền ra quyết định đối với nhiều vấn đề quan trọng, ví dụ như cho phép các nhóm khác sử dụng một phần khu vực, được chia sẻ giữa Bộ và công ty nắm giữ giấy phép. Công ty có trách nhiệm chính trong quản lý khu vực, nhưng việc quản lý phải tuân thủ quy hoạch phân vùng và kế hoạch quản lý đã được Bộ phê duyệt. Bộ (và các cơ quan chính phủ khác, bao gồm cả chính quyền địa phương) đôi khi cung cấp hỗ trợ cho việc quản lý, ví dụ như hoạt động thực thi pháp luật.

Công ty này công nhận quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số trong khu vực và đã thiết lập các thỏa thuận với nhiều nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số và địa phương, cho phép họ quản lý hoặc sử dụng một phần diện tích nhượng quyền, trong khuôn khổ các chương trình lâm nghiệp xã hội được Bộ phê duyệt. Công ty cũng phải xử lý tình trạng người dân và các nhóm chiếm và sử dụng đất trái phép. Do biện pháp thực thi pháp luật đơn thuần không hiệu quả hoặc bền vững, công ty kết hợp hành động ngăn chặn việc mở rộng sử dụng đất bất hợp pháp với đàm phán về việc sử dụng lâu dài trên phần diện tích đã bị khai phá.

Trong trường hợp của Hutan Harapan, 'cơ quan quản trị' bao gồm Bộ và công ty nắm giữ giấy phép nhượng quyền, trong khi các cộng đồng dân tộc thiểu số và địa phương, và những người sử dụng đất bất hợp pháp, là một trong những bên liên quan. Việc đáp ứng các tiêu chí OECM rằng 'quản trị và quản lý hiệu quả' có nghĩa là phải chứng minh rằng những nỗ lực của cơ quan quản trị, khi phối hợp với các bên liên quan, mang lại các tác động đối với bảo tồn.

Hutan Harapan với tư cách là một OECM tiềm năng đã được mô tả chi tiết trong [số đặc biệt 24 năm 2018 về OECM](#) trên Tạp chí Parks.

Nghiên cứu điển hình 6.

Khu bảo tồn Takitumu

Địa điểm: Quần đảo Cook | **Ví dụ về:** Một OECM đã được công nhận và khởi xướng bởi cộng đồng dân tộc thiểu số thông qua một quy trình bao gồm đánh giá chi tiết và lập hồ sơ FPIC.



Khu bảo tồn Takitumu (TCA) có 155 ha rừng và thuộc sở hữu và được bảo vệ bởi ba gia đình bộ lạc. Mục tiêu chính của việc bảo vệ là phục hồi quần thể chim Kākerōri đặc hữu, còn được gọi là chim oanh Rarotonga, và bảo tồn khu vực tự nhiên “vì lợi ích và sự hưởng thụ của các thế hệ hiện tại và tương lai của Quần đảo Cook.” Việc quản lý khu vực bao gồm các nỗ lực kiểm soát chuột hằng năm. TCA được dựng các biển báo nêu bật thông tin quan trọng về ranh giới, đa dạng sinh học và giá trị văn hóa của khu vực bằng tiếng Maori của Quần đảo Cook và tiếng Anh.

Việc công nhận TCA là một OECM là kết quả của một hội thảo quốc gia về OECM đã truyền cảm hứng cho người quản lý khu vực, cũng là một chủ đất và người giữ tước hiệu truyền

thống, tiếp cận Dịch vụ Môi trường Quốc gia (NES) và khởi xướng việc đánh giá khu vực. Một nhóm công tác bao gồm đại diện các gia đình chủ đất đã được thành lập để tham gia đánh giá, qua đó giúp họ hiểu sâu hơn về ý nghĩa của việc công nhận OECM. FPIC đã được đưa ra tại một cuộc họp cộng đồng. NES đã trao cho các chủ đất một giấy chứng nhận kỷ niệm việc công nhận TCA là một OECM có thể được truyền lại qua các thế hệ. Tài liệu chi tiết về quy trình công nhận, bao gồm một thư xác nhận FPIC và Bộ Công cụ xác định OECMs tại chỗ vực đã hoàn thành, kế hoạch quản lý, có thể được tìm thấy trên [trang web của NES Quần đảo Cook](#). (Cook Island News, 2024)



Việc đánh giá Khu bảo tồn Takitumu bao gồm nhiều cuộc họp cộng đồng để thảo luận, xin ý kiến đồng thuận, và cuối cùng là tổ chức công nhận OECM. © Dịch vụ Môi trường Quốc gia Quần đảo Cook

3.4 Các quy trình OECM quốc gia

Thực hành tốt: Thực hiện một quy trình OECM quốc gia có sự tham gia để tạo điều kiện và hỗ trợ việc xác định và báo cáo OECM tại chỗ.

Việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECMs nên diễn ra ở cấp khu vực. Tuy nhiên, một quy trình OECM quốc gia có thể hỗ trợ công việc ở cấp khu vực bằng cách kế thừa các hướng dẫn toàn cầu về bộ công cụ đánh giá, có tham chiếu đến các yếu tố pháp lý, chính sách, văn hóa và sinh thái đặc thù của từng quốc gia.

Một quy trình quốc gia cũng có thể đảm bảo rằng (a) OECM và quy trình xác định OECM được các nhà hoạch định chính sách, chủ thể có quyền và các bên liên quan hiểu rõ; (b) Toàn bộ các nhóm có quyền lợi, các bên liên quan và các nhóm nắm giữ tri thức đều tham gia vào quy trình xác định OECM; (c) Tiêu chí xác định OECM được áp dụng một cách nhất quán; (d) OECM được lồng ghép hiệu quả trong các chương trình và kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp quốc gia; (e) Thiết lập phương pháp tiếp cận quốc gia để ghi nhận và báo cáo OECM, hoặc OECM được

Nghiên cứu điển hình 7. Quy trình OECM quốc gia của Nam Phi

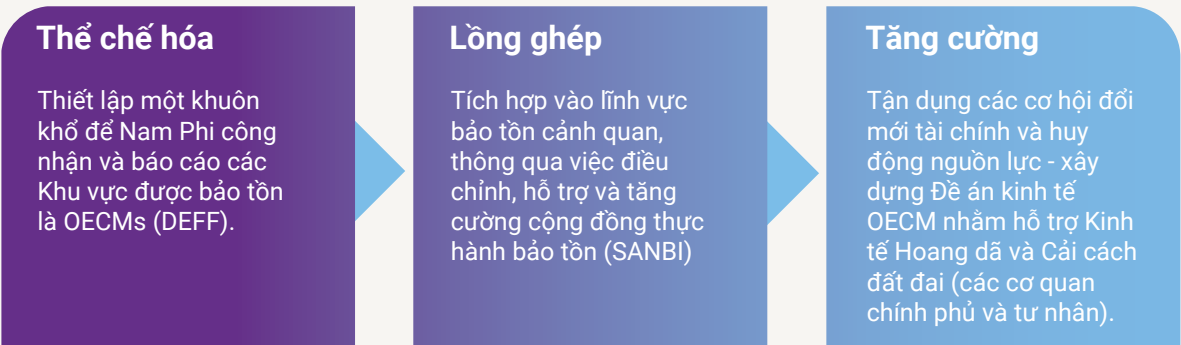
Ví dụ về: Một quy trình OECM quốc gia nhằm tăng cường các điều kiện hỗ trợ cho OECM

Một đánh giá cấp quốc gia đã được thực hiện ở Nam Phi từ năm 2018-2021 thông qua quan hệ đối tác giữa chính phủ và tư nhân để xác định loại hình và phạm vi tiềm năng của các OECMs (Marnewick và cộng sự, 2021). Nghiên cứu nhằm mục đích: (a) hỗ trợ Nam Phi thể chế hóa OECMs vào các khuôn khổ chính sách hiện có của mình, và (b) điều chỉnh OECMs với cộng đồng thực hiện quản lý đa dạng sinh học, tạo điều kiện cho sự tích hợp đầy đủ của tất cả các sáng kiến khả thi trên khắp Nam Phi đáp ứng định nghĩa OECM.

Nghiên cứu đã thử nghiệm định nghĩa của CBD và Báo cáo Kỹ thuật của Nhóm công tác về OECM thuộc IUCN WCPA (2019) trong bối cảnh quốc gia. Quy trình này bao gồm đánh giá chính sách và kỹ thuật cấp quốc gia về các khuôn khổ pháp lý và chính sách của Nam Phi và sự tương thích với định nghĩa OECM, tham vấn sâu rộng với các bên liên quan, thông qua ba hội thảo, và đánh giá thực địa tại các địa điểm tiềm năng được đề xuất là OECM.

Mặc dù mỗi quốc gia có thể lựa chọn các lộ trình khác nhau để xây dựng quy trình OECM quốc gia, Nam Phi đã lồng ghép bốn nguyên tắc cốt lõi nhằm đảm bảo một quy trình toàn diện và vững chắc:

Thứ nhất, các bên liên quan chính, ví dụ như các bộ ngành nhà nước, các tổ chức NGO môi trường, và đại diện của các cộng đồng dân tộc thiểu số và địa phương, để giới thiệu khái niệm OECM một cách đầy đủ. Thứ hai, các hội thảo tham vấn được tổ chức một cách bao trùm và đại diện, đảm bảo sự tham gia của tất cả các bên liên quan bị ảnh hưởng (đặc biệt là các nhóm từng bị gạt ra bên lề trước đây). Thứ ba, đánh giá chính sách và kỹ thuật được thực hiện bởi các chuyên gia (ví dụ: luật sư môi trường) nhằm điều chỉnh các khuôn khổ pháp lý quốc gia sao cho có thể hỗ trợ việc đáp ứng các tiêu chí OECM. Bước này tạo nền tảng vững chắc cho các cuộc đối thoại chuyên sâu tại hội thảo tham vấn thứ hai. Thứ tư, các OECMs tiềm năng được xác định và tiến hành đánh giá mẫu trên thực địa theo định nghĩa OECM dựa trên công cụ xác định OECMs tại chỗ của IUCN.



Hình 6. Cách tiếp cận quốc gia của Nam Phi trong việc thiết lập các điều kiện hỗ trợ cho OECMs.
(Nguồn: Nhóm tác giả báo cáo xây dựng)

tích hợp trong cơ chế ghi nhận và báo cáo hiện có; và (f) việc xác định OECM được xây dựng dựa trên bất kỳ chính sách và kế hoạch hiện có nào liên quan đến bảo tồn ngoài các khu bảo tồn.

Các hoạt động trong một quy trình OECM quốc gia có thể bao gồm:

- Công nhận các khu vực có tầm quan trọng đối với đa dạng sinh học nằm ngoài các khu bảo tồn chính thức, dưới mọi hình thức quản trị, và đánh giá tiềm năng của chúng để trở thành OECM hoặc khu bảo tồn chính thức.
- Xây dựng danh sách các OECM tiềm năng để đưa vào quy trình tham vấn, đồng thuận và xác định, dựa trên các phân tích, định hướng ưu tiên và chính sách hiện có. Các nguồn thông tin có thể bao gồm danh sách quốc gia về các loài và hệ sinh thái bị đe dọa, Chiến lược và Kế hoạch Hành động Quốc gia về Đa dạng sinh học, quy hoạch mạng lưới khu bảo tồn, KBAs, các khu vực thuộc Liên minh Không tuyệt chủng (AZE), các Khu vực Biển có Ý nghĩa Sinh thái hoặc Sinh học (EBSA) và các nguồn khác. Một loại hình quản trị phù hợp tại địa phương - chẳng hạn như 'thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của người dân tộc thiểu số' - cũng có thể được áp dụng làm điểm khởi đầu cho một danh sách các OECM tiềm năng. Hướng dẫn của IUCN về kết nối (Hilty và cộng sự, 2020), các khu bảo tồn tư nhân (Mitchell và cộng sự, 2018), bảo tồn địa chất (Crofts, 2020) và bảo tồn xuyên biên giới (Vasilijevic và cộng sự, 2015) cũng có thể có liên quan.
- Tìm kiếm sự đồng thuận từ các cơ quan quản trị và, khi được chấp thuận, hỗ trợ các đánh giá tại chỗ.
- Rà soát kết quả của các quy trình xác định OECM tại chỗ để đảm bảo việc áp dụng tiêu chí là nhất quán.
- Lập hồ sơ OECMs trong một cơ sở dữ liệu quốc gia, và điều phối quy trình báo cáo OECMs cho WD-OECM.
- Điều phối việc lập kế hoạch và chiến lược để tăng cường OECMs (xem Phần 8).
- Tập hợp các tổ chức và chuyên gia cần thiết cho việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECMs, bao gồm các trường đại học, các viện nghiên cứu khác và các tổ chức NGOs.
- Xác định các cơ hội trong luật pháp và chính sách quốc gia và địa phương để việc quản lý và bảo tồn OECM được công nhận và tăng cường.

Phụ lục 4 trình bày một loạt các yếu tố bổ sung cần được lồng ghép vào quy trình lập kế hoạch cấp quốc gia đối với các OECMs.

Nghiên cứu điển hình 8

Quy trình quốc gia của Nhật Bản cho OECMs trên đất tư nhân



Ví dụ về: Một quy trình cấp quốc gia có sự tham gia của nhiều bên liên quan và cung cấp cách tiếp cận có hệ thống để xác định các OECMs

Là một bước đầu tiên hướng tới việc xác định các OECMs được quản trị và quản lý bởi các bên liên quan khác nhau - bao gồm khu vực tư nhân, chính quyền địa phương và các tổ chức NGOs - Nhật Bản đã bắt đầu xác định 'các khu vực tự nhiên được quản lý bền vững được chứng nhận quốc gia'. Chương trình này đã được thí điểm vào năm 2022 và ra mắt trên toàn quốc vào năm 2023, với 184 địa điểm được chứng nhận vào tháng 2 năm 2024. Các tiêu chí chứng nhận được xây dựng tham chiếu theo bộ công cụ đánh giá OECM tại chỗ của IUCN, có nghĩa là các khu vực này có nhiều khả năng đáp ứng được các tiêu chí của CBD và được báo cáo

như là OECM. Chương trình chứng nhận do Bộ Môi trường Nhật Bản điều hành, phối hợp với các cơ quan quản trị hoặc quản lý của các khu vực đề xuất. Sau bước xét duyệt sơ bộ để xác nhận tính đủ điều kiện, các khu vực sẽ được đánh giá bởi một hội đồng chuyên gia. Một điểm quan trọng của chương trình là giấy chứng nhận có thời hạn 5 năm. Nếu người quản lý khu vực muốn duy trì chứng nhận cấp quốc gia, họ phải chứng minh rằng các giá trị đa dạng sinh học của khu vực vẫn được duy trì hoặc cải thiện, thông qua giám sát đầy đủ.

3.5 Luật pháp và chính sách

Thực hành tốt: Rà soát luật pháp, quy định và chính sách ở cấp quốc gia và địa phương, và sửa đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính thống nhất về mặt pháp lý và chính sách trong việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECM.

Tiểu mục này tập trung vào ảnh hưởng của luật pháp và chính sách đối với việc quản lý, xác định, báo cáo, giám sát các OECMs. Mục 8.4 sẽ tiếp nối nội dung này bằng cách làm rõ cách thức pháp luật và chính sách có thể được sử dụng để tăng cường hiệu quả quản trị và quản lý dài hạn của các OECMs.

Việc hiểu rõ vai trò và ảnh hưởng của pháp luật và chính sách đối với OECM ngay từ đầu trong quá trình xác định và báo cáo là điều rất quan trọng, vì chúng có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực một cách đáng kể đến các OECMs (Paterson, 2023).

Các OECMs tiềm năng chịu sự điều chỉnh của nhiều sắc luật và chính sách khác nhau. Ví dụ, một diện tích được thừa nhận quyền sử dụng đất truyền thống của người dân tộc thiểu số có thể được công nhận và quản trị theo luật tục và đồng thời được điều chỉnh bởi các luật pháp và chính sách trong nước và quốc tế liên quan đến các quyền cơ bản, cũng như các luật pháp và chính sách bao gồm các thỏa thuận tài chính, quyền sử dụng đất, bảo tồn, môi trường và biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên thiên nhiên, quy hoạch không gian và phát triển kinh tế.

Pháp luật và chính sách có thể đóng vai trò hỗ trợ cho việc xác định và báo cáo OECM thông qua việc:

- Công nhận và bảo vệ các quyền con người về mặt nội dung và thủ tục, bao gồm yêu cầu về đồng thuận, tự nguyện, báo trước và được thông tin đầy đủ, cũng như quyền sở hữu đất đai, sử dụng và quản lý tài nguyên;
- Làm rõ các định nghĩa quan trọng (chẳng hạn như cái gì là và không phải là khu bảo tồn);
- Công nhận việc quy hoạch và quản lý do cộng đồng địa phương chủ trì;
- Công nhận tính hợp pháp của các thể chế địa phương; và
- Cấm các hoạt động gây hại về mặt sinh thái trong và liền kề các khu vực quan trọng đối với đa dạng sinh học, bao gồm thông qua các đánh giá tác động xã hội và môi trường nghiêm ngặt.

Các luật pháp và chính sách hiện hành cũng có thể cản trở việc xác định và báo cáo các OECMs. Các hạn chế về luật pháp và chính sách liên quan đến quyền con người, quyền sở hữu đất đai hoặc sử dụng đất có thể ngăn cản các cơ quan quản trị quản lý các khu vực của họ để có được các kết quả xã hội và sinh thái tích cực. Tương tự, các luật pháp và chính sách ngành về tài nguyên thiên nhiên, nông nghiệp, khai khoáng và năng lượng có thể được xây dựng theo cách làm suy giảm khả năng duy trì giá trị đa dạng sinh học tại các khu vực này. Ví dụ, ở nhiều quốc gia, chủ đất không có quyền đối với tài nguyên dưới lòng đất; do đó giấy phép khai thác có thể được cấp cho các công ty mà không cần sự đồng ý của chủ đất, dẫn đến những tác động tiêu cực đến xã hội và suy thoái môi trường.

Ngoài ra, các luật và chính sách mới về OECM nếu được xây dựng không đúng cách cũng có thể dẫn đến loại trừ các chủ thể có quyền và các bên liên quan, hoặc áp đặt những tiêu chuẩn xác định OECM không phù hợp với Quyết định 14/8 của CBD. Điều này có thể bao gồm các luật pháp và chính sách dẫn đến các phương pháp tiếp cận quá tập trung, hạn chế và/hoặc cứng nhắc đối với khung OECM. Một số ví dụ về các vấn đề luật pháp và chính sách liên quan gồm:

- Trao cho các cơ quan chính phủ quyền xác định và báo cáo OECMs mà không có sự đồng thuận cần thiết, do đó làm gia tăng bất công về thủ tục và nội dung;
- Buộc các khu vực được xác định là OECMs phải tuân theo các điều kiện tác động tiêu cực đến các hệ thống quản trị, quản lý hoặc giám sát hiện có; hoặc
- Phát triển các tiêu chí quốc gia để xác định các khu vực không đáp ứng các tiêu chuẩn trong Quyết định 14/8 của CBD.

Những kết quả như vậy sẽ trái với các quy định trong Quyết định 14/8 của CBD, trong đó nhấn mạnh rằng việc xác định và báo cáo OECM cần tôn trọng quyền lợi của các bên liên quan, không yêu cầu thay đổi các hệ thống địa phương hiện có, và chỉ áp dụng đối với những khu vực có khả năng mang lại hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ lâu dài.

Một phương pháp tiếp cận hai giai đoạn hữu ích để đánh giá nhu cầu cải cách pháp lý hoặc chính sách được mô tả dưới đây. Các truyền thống, nguồn và cấu trúc pháp lý, cũng như trọng tâm nội dung của luật pháp và chính sách có liên quan, có sự khác biệt rất lớn giữa các quốc gia, vì vậy việc thừa nhận sự đa dạng là điều cần thiết trong cả hai giai đoạn. Điều quan trọng nữa là

phải đảm bảo rằng cả hai giai đoạn đều được thực hiện một cách công khai, có sự tham gia, tôn trọng và minh bạch, với sự tham gia của nhiều bên liên quan và các nhóm có quyền lợi tham gia hoặc bị ảnh hưởng. Cần lưu ý rằng từng văn bản pháp luật riêng biệt có thể có mức độ liên quan khác nhau đối với các loại hình OECM cụ thể, chẳng hạn như: các khu vực được quản trị bởi các chủ thể khác nhau (chính phủ, tư nhân, cộng đồng dân tộc thiểu số hoặc cộng đồng địa phương) và các khu vực thuộc các kiểu sinh thái khác nhau (trên cạn, ven biển và biển).

Giai đoạn 1. Rà soát và đánh giá bối cảnh pháp luật và chính sách hiện hành.

Tiến hành đánh giá mức độ ảnh hưởng của các luật và chính sách hiện hành đến quá trình xác định và báo cáo OECM, bao gồm cả mức độ hỗ trợ hoặc cản trở, đặc biệt trong việc bảo đảm sự tham gia của các nhóm có quyền lợi. Đây là cơ sở để tiến hành một quy trình tham vấn có sự tham gia rộng rãi, nhằm xem xét liệu có cần thiết phải cải cách luật hoặc chính sách để nâng cao hiệu quả xác định và báo cáo OECM hay không. Quy trình đánh giá nên có sự tham gia của các bên liên quan và các nhóm nắm giữ quyền lợi phù hợp.

Giai đoạn 2. Phản hồi theo kết quả đánh giá

Sau khi rà soát và đánh giá các luật và chính sách liên quan, có thể phát sinh nhiều kết quả khác nhau, và các kết quả này không loại trừ lẫn nhau:

- **Hiện trạng là đủ.** Các luật pháp và chính sách hiện hành cung cấp một cơ sở vững chắc để xác định và báo cáo OECM (xem Phần 4 và 5).
- **Cần sửa đổi một số luật hoặc chính sách.** Điều này có thể bao gồm việc tăng cường các luật để đảm bảo quyền cho các cơ quan quản trị các OECMs tiềm năng, hoặc cải cách các luật làm suy yếu quản trị địa phương, quản lý và các kết quả bảo tồn hiệu quả lâu dài. Xem Mục 8.4 và Hộp 4 để biết thêm hướng dẫn.
- **Cần có luật pháp và chính sách mới.** Cần có một hoặc nhiều luật hoặc chính sách mới để hỗ trợ việc xác định và báo cáo các OECMs. Lý do cho kết luận này có thể bao gồm nhu cầu cung cấp sự rõ ràng, nhất quán và chắc chắn về các thỏa thuận pháp lý cho các OECMs tiềm năng (Paterson, 2023). Chi tiết về những nội dung cần có trong luật, chính sách hoặc khuôn khổ mới được trình bày trong Hộp 4.

Tóm lại, với sự rõ ràng được cung cấp trong Quyết định 14/8 của CBD về các tiêu chí để xác định OECMs, và sự đa dạng của các chủ thể, các vấn đề pháp lý, và luật pháp và chính sách liên quan đến việc xác định và báo cáo OECMs, điều quan trọng là các vấn đề pháp lý phải được xem xét thông qua các quy trình toàn diện và minh bạch để đảm bảo rằng bất kỳ kết quả nào cũng hỗ trợ các kết quả bảo tồn dựa trên quyền, công bằng và hiệu quả.

Hộp 4

Các vấn đề mà luật pháp và chính sách liên quan đến OECM hướng đến giải quyết

Bất kỳ luật pháp và chính sách nào liên quan đến OECM đều phải dựa trên và thúc đẩy việc thực hiện các tiêu chí của CBD về xác định OECM được nêu trong Quyết định 14/8. Khi được cho là cần thiết để thể chế hóa các tiêu chí quốc tế này thông qua pháp luật hoặc chính sách, các vấn đề sau đây cần được xem xét:

- Các nguyên tắc và mục tiêu của OECM, đặt ra các nguyên tắc hoặc mục tiêu cốt lõi liên quan đến OECMs sẽ cung cấp thông tin cho tất cả các quyết định liên quan đến chúng. Điều này có thể bao gồm việc tham chiếu đến Quyết định 14/8 của CBD và nhấn mạnh các tiêu chuẩn về quyền con người và chuẩn sinh thái được nêu trong đó.
- Quy tắc và quy trình xác định, báo cáo và giám sát các OECMs theo cách phù hợp với Quyết định 14/8 của CBD, bao gồm: cách thức và chủ thể được phép xác định và báo cáo OECMs; bảo đảm quyền và sự tham gia trong quá trình xác định và báo cáo OECMs; tuân thủ các yêu cầu quốc gia và quốc tế về FPIC; làm rõ cơ quan/tổ chức có thẩm quyền quản trị đối với khu vực; quy định về các cơ chế giám sát kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ hiệu quả và lâu dài; làm rõ mối

liên hệ giữa các kết quả bảo tồn đa dạng sinh học với dịch vụ hệ sinh thái, giá trị văn hóa và các giá trị khác.

- Các hành động cần thiết để tích hợp OECMs vào các khuôn khổ quy hoạch, bao gồm các kế hoạch bảo tồn, quy hoạch không gian, quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch phát triển chiến lược và cơ sở hạ tầng.
- Tên gọi phù hợp với bối cảnh địa phương cho OECMs. Ví dụ, Hàn Quốc đã tạo ra một thuật ngữ mới cho OECM có thể được công chúng hiểu rõ hơn, ‘Khu vực Cùng tồn tại với Thiên nhiên’ (‘자연공존지역’ / ‘Jayeon Gongzone Jiyeok’ trong tiếng Hàn; KNPS, 2023), và Brasil sử dụng ‘Các biện pháp bảo tồn bổ sung hiệu quả’ (‘Medidas Efetivas Complementares de Conservação’ trong tiếng Bồ Đào Nha).
- Các quy định về việc loại bỏ các khu vực bị suy thoái theo thời gian, tức là quy định rõ các căn cứ và quy trình khi một khu vực không còn đáp ứng yêu cầu của OECM.
- Tạo ra các quy định về việc tiếp tục công nhận OECMs.
- Các chế tài xử phạt đối với những hành vi đe dọa OECMs.
- Các hành động và ưu đãi để tăng cường quản trị và quản lý OECMs đã được xác định và báo cáo (xem Phần 8).

Nghiên cứu điển hình 9.

Công cụ hỗ trợ ra quyết định của Canada

Ví dụ về: Chính sách quốc gia về OECMs được điều chỉnh từ Hướng dẫn của IUCN

IUCN khuyến khích các quốc gia phát triển các bản điều chỉnh các hướng dẫn về OECM. Các bản điều chỉnh như vậy làm cho hướng dẫn phù hợp hơn với bối cảnh của mỗi quốc gia, tạo ra quyền sở hữu đối với quy trình, cung cấp sự rõ ràng về ngôn ngữ và phù hợp với luật pháp quốc gia. Canada đã xây dựng một phiên bản hướng dẫn quốc gia rất chi tiết để xác định OECM và các khu vực bảo tồn trong hệ sinh thái trên cạn.

Công cụ hỗ trợ ra quyết định của Canada được xây dựng với sự tham gia của chính quyền liên bang, tỉnh và lãnh thổ, cũng như các tổ chức xã hội dân sự và đại diện của các cộng đồng bản địa. Công cụ này cho phép đánh giá và báo cáo nhất quán và minh bạch các khu vực được bảo vệ và bảo tồn trên cạn ở Canada. Nó cho phép có một khuôn khổ chung và đáng tin cậy.

Nghiên cứu điển hình 10.

Dự thảo quy định hành chính về OECM của Phi-lip-pin

Ví dụ về: Cải cách pháp luật quốc gia nhằm thúc đẩy OECMs

Bộ Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên Phi-lip-pin (DENR) đã dự thảo sắc lệnh hành chính nhằm đưa ra các hướng dẫn cho việc xác định, lựa chọn, công nhận và đăng ký các Khu vực có biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs). Một số điểm nổi bật của dự thảo sắc lệnh bao gồm:

- Làm rõ mối quan hệ của OECMs với các khu bảo tồn, vốn đã được quy định thông qua Đạo luật Hệ thống tổng hợp Khu bảo tồn Quốc gia (NIPAS).
- Công nhận ‘cơ quan quản trị’ của OECM là tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân tộc thiểu số hoặc nhóm cộng đồng, hoặc cơ quan khác có trách nhiệm, quyền hạn và thẩm quyền trong việc bảo vệ, phục hồi và quản lý tài nguyên tại khu vực, bao gồm cả quyền ra quyết định.
- Thông qua các nguyên tắc hướng dẫn về OECMs, bao gồm cả các đóng góp được ghi nhận vào việc bảo tồn đa dạng sinh học, được công nhận thông qua một quy trình dựa trên quyền, và việc xác định tính đại diện và kết nối sinh thái.
- Thông qua một quy trình ba giai đoạn để xác định OECMs, với một quy trình rà soát nhanh để xác định các OECM tiềm năng, có thể được xác nhận là OECM ứng viên với sự đồng thuận của cơ quan quản trị có liên quan, và sau đó được đánh giá đầy đủ. Kết quả đánh giá phải được rà soát và công nhận.
- Tham chiếu đến danh mục KBA của quốc gia làm cơ sở cho việc xác định các khu vực tiềm năng.

- Thiết lập một cổng đăng ký OECM, để lưu giữ thông tin liên quan đến OECMs.
- Thiết lập một khuôn khổ thể chế quốc gia để triển khai sắc lệnh, bằng cách mở rộng vai trò của Ủy ban đánh giá NIPAS quốc gia hiện có thành Ủy ban Đánh giá NIPAS và OECM Quốc gia (NNORC), bao gồm cả việc mở rộng phạm vi của nhóm công tác kỹ thuật của ủy ban.
- Cung cấp hỗ trợ cho việc tăng cường năng lực, giám sát, đánh giá và báo cáo cho các cơ quan quản trị và các tổ chức tham gia vào việc đánh giá OECMs.
- Giải quyết nhu cầu về tài chính và hỗ trợ liên tục cho các OECMs được công nhận thông qua một chương trình ‘nhận hỗ trợ OECM’ nhằm khuyến khích các đối tác từ khu vực tư nhân, và bằng cách trao quyền cho DENR xây dựng các chương trình hỗ trợ các OECM được công nhận, bao gồm các giải thưởng hằng năm, hỗ trợ kỹ thuật, chứng nhận và hỗ trợ tiếp cận các nguồn tài chính khí hậu/các khoản chi trả cho carbon.

Lưu ý quan trọng: Tại thời điểm bộ hướng dẫn này được công bố, dự thảo sắc lệnh đang trong quá trình tham vấn với đại diện cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng ven biển. Do đó, nội dung chính thức có thể khác so với mô tả ở trên.

3.6 Thiết lập các OECM mới

Thực hành tốt: Các cơ chế quản trị và quản lý mới được thiết lập được xác định và báo cáo là OECM khi những khu vực này rõ ràng được duy trì và mang lại các kết quả tích cực cho bảo tồn đa dạng sinh học, và các kết quả này có khả năng bền vững lâu dài.

Lý do ban đầu và trọng tâm của khung OECM là thúc đẩy việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường **các cơ chế quản lý hiện có**. Tuy nhiên, không có nội dung nào trong định nghĩa của CBD hay trong công cụ đánh giá cấp độ khu vực của IUCN cấm việc thiết lập một OECM mới thông qua các thay đổi về cơ chế quản lý hoặc các khía cạnh khác, miễn là những thay đổi này được thực hiện bởi hoặc với sự đồng thuận của cơ quan quản trị và các bên có quyền liên quan. Việc thiết lập một OECM có thể liên quan đến, ví dụ:

- Thay đổi phương thức quản lý khu vực nhằm giảm áp lực tác động hoặc đảm bảo rằng công tác quản lý góp phần vào việc bảo tồn tại chỗ các giá trị đa dạng sinh học.
- Thành lập một tổ chức để quản lý một khu vực theo cách góp phần vào việc bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng.
- Ban hành chính sách, quy định hoặc các cơ chế khác nhằm thiết lập nền tảng lâu dài cho công tác quản lý tại khu vực.
- Phục hồi khu vực theo cách phục hồi hoặc bảo vệ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng.

Một đánh giá ban đầu (ví dụ: sử dụng công cụ tại chỗ của IUCN) có thể giúp xác định các thay đổi cần thiết trước khi khu vực có thể đáp ứng tiêu chí để được công nhận là một OECM. Sau khi các thay đổi này đã được thực hiện, cần tiến hành đánh giá lại để xác nhận rằng khu vực hiện đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí OECM.

3.7 Phục hồi sinh thái và OECMs

Thực hành tốt: Các khu vực phục hồi không nên được công nhận là OECMs cho đến khi chúng mang lại các kết quả rõ ràng và đáng kể đối với bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ được kỳ vọng sẽ duy trì lâu dài.

Các điều kiện cụ thể áp dụng trong trường hợp xác định một khu vực nơi một hệ sinh thái đang được phục hồi. Trong quá trình đàm phán Quyết định 14/8, các cụm từ như “có giá trị đa dạng sinh học quan trọng, hoặc có *mục tiêu đạt được điều đó*” và “đạt được, hoặc *được kỳ vọng sẽ đạt được*, các kết quả tích cực và bền vững cho việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ” (nhấn mạnh được thêm vào) đã được thêm vào văn bản hướng dẫn để xác định OECMs. Các chính phủ đề xuất những nội dung này nhấn mạnh rằng chúng được thêm vào nhằm công nhận những khu vực đang có nỗ lực phục hồi hệ sinh thái một cách chủ động. Phục hồi hệ sinh thái là một công cụ bảo tồn quan trọng, nhưng **các khu vực phục hồi không nên được công nhận là OECMs cho đến khi chúng mang lại các kết quả đa dạng sinh học rõ ràng và đáng kể** (xem Hộp 5). Tuy nhiên, một đánh giá sơ bộ bằng công cụ xác định tại chỗ có thể xác định khu vực đó là ứng viên OECM, xác nhận sự đồng thuận của cơ quan quản trị, cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, và các bên liên quan khác, và đã đáp ứng phần lớn các tiêu chí ngoại trừ tiêu chí về “giá trị đa dạng sinh học quan trọng”. Các khu vực phục hồi sinh thái nên được báo cáo theo Mục tiêu 2 của GBF.

Hộp 5

Phục hồi sinh thái trong các khu OECMs

Phục hồi sinh thái là quá trình quản lý hoặc hỗ trợ sự phục hồi của một hệ sinh thái đã bị suy thoái, hư hại hoặc phá hủy, nhằm duy trì khả năng phục hồi của hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học (CBD, 2016). Nó có khả năng trở thành một công cụ bảo tồn phổ biến và cần thiết trong tương lai.

Hướng dẫn của IUCN là **các khu vực được đề xuất cho, hoặc đang trong nỗ lực phục hồi tích cực, không nên được công nhận là OECMs cho đến khi chúng mang lại các kết quả đa dạng sinh học rõ ràng và đáng kể**. Ngoài ra, bất kỳ nỗ lực phục hồi nào cũng phải:

- 1. Diễn ra trong một hệ sinh thái có giá trị đa dạng sinh học cao để khu vực đó, sau khi được phục hồi, sẽ đủ điều kiện là một OECM nhờ vào giá trị bảo tồn và/hoặc đóng góp vào việc tăng cường các mạng lưới khu bảo tồn hiện có;
- 2. Giảm thiểu các mối đe dọa gây ra sự suy thoái ban đầu và mất đa dạng sinh học;
- 3. Cho thấy sự phục hồi hệ sinh thái thành công dựa trên các nguyên tắc phục hồi sinh thái;
- 4. Góp phần vào việc duy trì lâu dài một hệ sinh thái có khả năng chống chịu và phát triển; và
- 5. Thể hiện sự phục hồi sinh thái tích cực hoặc tái sinh tự nhiên với loại hình và quy mô phù hợp để đạt và duy trì toàn vẹn sinh thái và đầy đủ các loài đặc trưng.

Để có thêm hướng dẫn về phục hồi sinh thái tại các khu bảo tồn (cũng áp dụng cho OECMs), xem ấn phẩm của IUCN WCPA *Phục hồi sinh thái cho các khu bảo tồn: nguyên tắc, hướng dẫn và các thực hành tốt nhất* (Keenleyside và cộng sự, 2012).

3.8 Các ví dụ về các OECMs tiềm năng

Để minh họa phạm vi các OECMs có thể có, phần này liệt kê các **ví dụ về các khu vực có khả năng là các OECMs tiềm năng**. Việc xác nhận một khu vực là OECM sẽ luôn đòi hỏi phải đánh giá theo tất cả các tiêu chí OECM, và sự đồng thuận phù hợp từ các chủ thể có quyền và các bên liên quan. Các ví dụ bao gồm nhiều loại hình quản trị và được phân chia thành bảo tồn chính, thứ cấp và phụ trợ (xem Hộp 1 và Hình 3), nhưng phân loại này không mang tính tuyệt đối mà có thể có ngoại lệ. Các ví dụ có trích dẫn được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*) có thể được tìm thấy trong Sổ đặc biệt của Tạp chí PARKS về OECMs (IUCN WCPA, 2018).

Các ví dụ về **bảo tồn chính**:

- Các khu vực quan trọng đối với đa dạng sinh học được quản trị bởi cộng đồng dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương hoặc các chủ thể tư nhân, và được quản lý để bảo tồn, nơi cơ quan quản trị muốn các khu vực này được công nhận và báo cáo là một OECM, thay vì là một khu bảo tồn (xem Nghiên cứu điển hình 6).
- Các khu vực bảo tồn tư nhân (xem Nghiên cứu điển hình 25 và Mitchell và cộng sự, 2018).
- Các hệ sinh thái tự nhiên được dành riêng vĩnh viễn trong một khu nhượng quyền nông nghiệp hoặc lâm nghiệp, chẳng hạn như rừng già, rừng nguyên sinh, hoặc các khu rừng có giá trị đa dạng sinh học cao khác, và được bảo vệ hiệu quả khỏi các mối đe dọa (xem Nghiên cứu điển hình 23).
- Các khu vực tự nhiên được quản lý bởi các trường đại học hoặc chính phủ cho nghiên cứu sinh học.

Các ví dụ **bảo tồn thứ cấp**:

- Các khu vực quan trọng đối với đa dạng sinh học được quản lý để bảo tồn bởi cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, kết hợp với mức độ sử dụng tài nguyên thiên nhiên thấp theo cách bền vững và không làm suy giảm đa dạng sinh học của khu vực (ví dụ: nhiều khu vực biển do cộng đồng địa phương quản lý ở Thái Bình Dương; Govan, 2009).
- Các hệ thống quản lý truyền thống duy trì mức độ đa dạng sinh học liên quan cao. Chúng có thể bao gồm một số hệ thống quản lý nông nghiệp hoặc lâm nghiệp duy trì các loài bản địa và sinh cảnh của chúng (ví dụ: các khu rừng được quản lý có chọn lọc như được mô tả trong Eghenter, 2018; các vùng chăn thả truyền thống như mô tả trong Mwamidi và cộng sự, 2018).
- Các khu vực được quản lý chủ yếu cho giải trí công cộng nhưng có quy mô đủ lớn và có tính tự nhiên đủ cao để đạt được hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ (ví dụ: đồng cỏ hoang dã, đất ngập nước) và được quản lý để duy trì các giá trị đa dạng sinh học này (ví dụ: Gray và cộng sự, 2018).
- Các vùng đất và vùng nước do các cơ quan quân sự kiểm soát, nơi mục đích bao trùm là quốc phòng, nhưng các phần cụ thể được quản lý cho các mục tiêu thứ cấp tập trung vào bảo tồn

đa dạng sinh học, cho phép các phần đó đủ điều kiện là các OECMs (ví dụ: Căn cứ Lực lượng Vũ trang Canada Shilo).

- Các lưu vực sông hoặc các khu vực khác được quản lý chủ yếu để quản lý tài nguyên nước nhưng cũng được quản lý để bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ (ví dụ: *Matallana -Tobón và cộng sự, 2018*).
- Các khu vực cấm đánh bắt thủy sản vĩnh viễn hoặc dài hạn được thiết kế để đảm bảo sự phục hồi nguồn lợi, với mục tiêu thứ cấp là bảo tồn toàn bộ các hệ sinh thái chuyên biệt, hoặc bảo tồn các loài nguy cấp thông qua việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ nói chung.
- Các khu vực săn bắn được quản lý nhằm duy trì quần thể ổn định của cả các loài bản địa bị săn và không bị săn.
- Các khu vực được phục hồi thành công từ các hệ sinh thái bị suy thoái hoặc bị đe dọa, để cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng nhưng cũng được quản lý để bảo tồn đa dạng sinh học, ví dụ: các vùng đất ngập nước nội địa và ven biển được phục hồi để chống lũ lụt.
- Các khu vực góp phần bảo tồn vì vai trò kết nối giữa các khu bảo tồn và các khu vực có tầm quan trọng đặc biệt đối với bảo tồn đa dạng sinh học, từ đó góp phần vào sự tồn tại lâu dài của các hệ sinh thái lớn hơn (ví dụ: Waithaka và Warigia Njoroge, 2018). Các khu vực kết nối như vậy được quản lý một phần để đạt được bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ theo đúng nghĩa của chúng, chứ không chỉ là các hành lang di chuyển.

Các ví dụ về **bảo tồn phụ trợ**:

- Các địa điểm linh thiêng có giá trị đa dạng sinh học cao được bảo tồn lâu dài bởi một hoặc nhiều nhóm tín ngưỡng (ví dụ: Matallana -Tobón và cộng sự, 2018).
- Các khu vực được bảo vệ vì các giá trị lịch sử hoặc văn hóa, và qua đó đạt được việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ, ví dụ: các xác tàu cổ, nghĩa trang chiến tranh.
- Các khu vực cấm vĩnh viễn xung quanh các cơ sở quốc phòng hoặc công nghiệp nơi đa dạng sinh học phát triển mạnh do các hình thức sử dụng đất khác và các hoạt động gây xáo trộn đã bị cấm.
- Các khu vực được bảo vệ nhằm đảm bảo cung cấp các dịch vụ môi trường, ví dụ: bảo vệ khu vực đầu nguồn nước quan trọng, hoặc giảm thiểu tác động của sạt lở đất, cháy rừng, núi lửa phun trào hoặc lũ lụt, đồng thời hỗ trợ duy trì các giá trị đa dạng sinh học cao.

3.9 Ví dụ về các khu vực không có khả năng đáp ứng tiêu chí của CBD

Các khu vực và chế độ quản lý sau đây không có khả năng đủ điều kiện là OECMs:

- Các khu vực bán tự nhiên nhỏ nằm trong một cảnh quan được quản lý thâm canh với giá trị bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ hạn chế, chẳng hạn như các công viên đô thị, vườn kiểu mẫu hoặc vườn hộ gia đình, vườn thực vật, lễ ruộng, lễ đường, hàng rào cây, dải hẹp ven bờ biển hoặc sông suối, các đường băng cản lửa, bãi biển giải trí, các bến du thuyền và sân golf.
- Các khu rừng được quản lý thương mại để cung cấp gỗ và khai thác lâm sản, mặc dù chúng có thể có một số giá trị bảo tồn và hỗ trợ một số loài được quan tâm. Các khu vực như vậy nên được coi là đóng góp vào Mục tiêu 10 của GBF.
- Các khu vực cấm đánh bắt thủy sản, và các công cụ quản lý không gian khác trong ngành thủy sản, bao gồm hạn ngạch đánh bắt hoặc giới hạn sản lượng, các khu vực cấm tạm thời hoặc các khu vực hạn chế ngư cụ nếu chỉ tập trung vào một loài, nhóm loài hoặc một kiểu sinh cảnh, mà không mang lại sự bảo tồn tại chỗ lâu dài cho toàn bộ hệ sinh thái. Các khu vực này nên được coi là đóng góp vào Mục tiêu 10 của GBF.
- Các vùng đất nông nghiệp được quản lý theo cách hạn chế việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ. Ví dụ, các đồng cỏ bị chặn thả quá mức làm giảm hỗ trợ các hệ sinh thái đồng cỏ hoặc loài bản địa, hoặc các đồng cỏ được trồng lại bằng các loài đơn canh hoặc không bản địa cho mục đích chăn nuôi.
- Các khu vực nông nghiệp bỏ hoang tạm thời, để đất nghỉ phục hồi trước khi tái canh và các thực hành nông nghiệp được thay đổi nhờ trợ cấp có thể mang lại lợi ích tạm thời cho đa dạng sinh học nhưng không mang tính lâu dài.
- Các biện pháp bảo tồn áp dụng cho một loài hoặc một nhóm loài trên một phạm vi địa lý rộng lớn như các quy định săn bắn hoặc các quy định xem cá voi
- Các khu vực có các thỏa thuận bảo tồn tạm thời và các khu vực được sử dụng để bù đắp mất mát đa dạng sinh học và không có một bộ thỏa thuận quản trị rõ ràng cho việc bảo tồn.

Phần 4.

Giới thiệu công cụ xác định tại chỗ



© Gareth Bentley / WWF-US

Công cụ tại chỗ của IUCN để xác định OECMs thúc đẩy các phương pháp tiếp cận có sự tham gia để đánh giá các khu vực, đồng thời vận dụng hệ thống tri thức đa dạng phù hợp với cơ chế quản trị và quản lý của khu vực.

4.1 Công cụ xác định OECMs tại chỗ

Thực hành tốt: Đánh giá các khu vực dựa trên các tiêu chí của CBD bằng phiên bản ngôn ngữ phù hợp của công cụ đánh giá tại chỗ của IUCN, với sự đồng thuận của các chủ thể có quyền, và với sự tham gia của các bên liên quan khác.

Năm 2023, IUCN đã xuất bản Công cụ xác định OECMs tại chỗ (OECMs) (Jonas và cộng sự, 2023), có sẵn [tại đây](#). Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO) đã bổ sung hướng dẫn này bằng Sổ tay hướng dẫn xác định, đánh giá và báo cáo các khu có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác trong lĩnh vực thủy sản biển (FAO, 2022), [có sẵn tại đây](#). Phần này của hướng dẫn trình bày các nguyên tắc chung việc sử dụng Công cụ xác định OECMs tại chỗ, trong khi [Phần 5](#) cung cấp hướng dẫn chi tiết về việc áp dụng các tiêu chí. Cả hai phần nên được tham khảo đồng thời với Công cụ xác định OECMs tại chỗ để đảm bảo hiểu đầy đủ và áp dụng hiệu quả.

Công cụ xác định OECMs tại chỗ hướng dẫn người dùng thông qua quy trình ba bước gồm rà soát ban đầu, đảm bảo sự đồng thuận của các bên liên quan chính, và đánh giá khu OECM tiềm năng theo tám tiêu chí (Hình 7). Người sử dụng có thể là thành viên của cơ quan quản trị của khu OECM tiềm năng (trong trường hợp đó quy trình là một hoạt động tự đánh giá), là các chuyên gia đánh giá độc lập bên ngoài có sự đồng thuận từ cơ quan quản trị.

Bước 1: sàng lọc OECM được đề xuất (2 tiêu chí)

Kết quả: một khu vực đáp ứng các tiêu chí sàng lọc là một OECM tiềm năng

Bước 2: đồng thuận để đánh giá đầy đủ

Kết quả: một OECM tiềm năng, trong đó cơ quan quản trị, các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, cùng (nếu phù hợp) các chủ thể có quyền khác đã đồng thuận tiến hành đánh giá đầy đủ, thì khu vực đó được xem là OECM ứng viên.

Bước 3: đánh giá đầy đủ (6 tiêu chí)

Kết quả: một OECM ứng viên đáp ứng đầy đủ tất cả các tiêu chí sẽ được *xác nhận* là một OECM. Những khu vực chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sẽ tiếp tục giữ trạng thái là OECM ứng viên, chờ có thêm thông tin hoặc có sự điều chỉnh để đáp ứng các tiêu chí.

Bước 1: Rà soát là một hoạt động nhanh chóng có thể thực hiện dựa trên hiểu biết hiện có, mà không cần phải tốn thời gian và nguồn lực cho một cuộc tham vấn toàn diện với các bên liên quan. Hoạt động Rà soát nhằm loại trừ các khu rõ ràng không phải là OECMs dựa trên hai tiêu chí: khu không phải là khu bảo tồn, và khu được cho là có đa dạng sinh học quan trọng. Thông tin được sử dụng để đánh giá các tiêu chí này sẽ được xem xét lại trong giai đoạn đánh giá đầy đủ. **Kết quả của giai đoạn Rà soát là một quyết định về việc liệu khu có phải là một OECM tiềm năng hay không.** Chỉ những khu được coi là OECM tiềm năng mới nên chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Đồng thuận. Trong bước này, cơ quan quản trị, cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương và các bên có quyền khác (khi thích hợp), có quyền đưa ra hoặc từ chối sự đồng thuận để tiến hành đánh giá đầy đủ. Bước 2 có thể được thực hiện sau hoặc đồng thời với Bước 1, tùy theo từng trường hợp. Tuy nhiên, Bước 2 **phải** được hoàn thành trước khi có thể thực

Hình 7. Ba bước để xác định OECMs.
(Nguồn: Phòng theo Jonas và cộng sự, 2023)

hiện đánh giá đầy đủ (Bước 3). **Khi các chủ thể liên quan đã chấp thuận tham gia quy trình, khu sẽ chuyển từ OECM tiềm năng sang OECM ứng viên.** Nếu họ không chấp thuận, quy trình sẽ không được tiếp tục. Sự đồng thuận từ các nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, ngay cả sự đồng thuận được đảm bảo thông qua quy trình FPIC bắt buộc, có thể bị rút lại bất cứ lúc nào.

Bước 3: Đánh giá đầy đủ. Trong quá trình đánh giá đầy đủ, thông tin tốt nhất hiện có được sử dụng để đánh giá khu theo sáu tiêu chí. Quá trình đánh giá đầy đủ dẫn đến câu trả lời là “có”, “không chắc chắn/một phần”, hoặc “không” cho câu hỏi hướng dẫn theo từng tiêu chí.

Vào cuối quy trình đánh giá:

- Khu có câu trả lời “có” cho tất cả các tiêu chí được xác nhận là một OECM, với điều kiện có sự đồng thuận từ các chủ thể có quyền và phê duyệt từ cơ quan quản trị.
- Khu có cả các câu trả lời “có” và “không chắc chắn/một phần”, hoặc tất cả các câu trả lời “không chắc chắn/một phần”, vẫn là một OECM ứng viên cho đến khi có thêm thông tin hoặc các thay đổi khác cho phép nó được xác nhận đủ điều kiện.
- Khu có một hoặc nhiều câu trả lời “không” hiện chưa phải là OECM nhưng có thể được đánh giá lại trong tương lai nếu có thông tin mới cho thấy tình hình đã thay đổi.

Nghiên cứu điển hình 11.

Khuôn viên chính của Trường Cao đẳng Dịch vụ Biên giới Canada



Địa điểm: Quebec, Canada | **Ví dụ về:** Một khu ban đầu không đáp ứng các tiêu chí OECM, nhưng sau khi cải thiện các vấn đề then chốt, đã đáp ứng các tiêu chí và được báo cáo.

Khi khu rừng trong khuôn viên chính của Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) được đánh giá lần đầu theo tiêu chí OECM, các biện pháp kiểm soát hoạt động giải trí gây tác động tiêu cực được cho là chưa đủ để đáp ứng yêu cầu về quản lý hiệu quả. Tuy nhiên, kết quả đánh giá đã dẫn đến những khuyến nghị cụ thể để cải thiện công tác quản lý. Sau khi các biện pháp cải thiện được thực hiện, khu đã vượt qua đánh giá lại và được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu Các Khu được Bảo vệ và Bảo tồn của Canada vào năm 2022. Khuôn viên chính của CBSA có 8,4 ha rừng phong, là một phần còn lại quan trọng của rừng tự nhiên trong một khu có mức độ đa dạng sinh học cao. Nhiều loài thực vật, động vật có vú, bò sát, chim và cá đang bị đe dọa đã được ghi nhận tại đây.

Trong giai đoạn rà soát ban đầu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Bộ Môi trường và Biến đổi Khí hậu Canada kết luận rằng không có đủ thông tin liên quan đến các hoạt động giải trí được phép hoặc bị cấm tại khu này. Để đáp ứng yêu cầu này, CBSA đã triển khai biển báo và hệ thống giám sát, nhằm đảm bảo rừng được bảo vệ nguyên vẹn và duy trì vai trò quan trọng đối với đa dạng sinh học. Những thay đổi được thực hiện theo khuyến nghị từ đánh giá OECM đã mở rộng hợp tác với các tư vấn địa phương và cộng đồng dân tộc thiểu số trong việc làm rõ giá trị đa dạng sinh học của khu. Kết quả của quá trình hợp tác này sẽ được đưa vào các lần sửa đổi tiếp theo của kế hoạch quản lý khu (*Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada, 2023; Chính phủ Canada, 2023*).

4.2 Nguồn dữ liệu và xử lý các dữ liệu không đầy đủ và không chắc chắn

Thực hành tốt: Sử dụng tất cả các nguồn dữ liệu có sẵn, bao gồm cả tri thức bản địa, để đạt được các quyết định tốt hơn khi được cung cấp dữ liệu không đầy đủ và không chắc chắn.

Thông tin về đa dạng sinh học, quản lý, các mối đe dọa, tình trạng pháp lý và các dữ liệu khác của một khu sẽ được yêu cầu để áp dụng các tiêu chí trong công cụ xác định cấp khu vực. Nếu một quy trình OECM quốc gia (hoặc địa phương/khu vực) đã được thiết lập (xem Mục 3.4), sẽ cung cấp hướng dẫn hữu ích về các câu hỏi như ‘những khu nào được xác định là khu bảo tồn?’, ‘điều gì tạo nên một giá trị đa dạng sinh học quan trọng?’, ‘những cơ chế pháp lý hoặc cơ chế khác nào được coi là đủ mạnh để đảm bảo khu được quản lý lâu dài?’, và nhiều hơn nữa.

Việc thu thập dữ liệu kết hợp giữa tìm kiếm các dữ liệu và báo cáo đã công bố, chưa công bố, tổng quan tài liệu khoa học và tham vấn với các bên liên quan và những người có hiểu biết liên quan. Công cụ tại chỗ đưa ra các gợi ý về nguồn thông tin phù hợp để áp dụng cho từng tiêu chí.

Trong nhiều trường hợp, tri thức và kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương là nguồn thông tin quan trọng trong quá trình xác định OECM, bên cạnh đóng góp của các nhà nghiên cứu, tổ chức phi chính phủ (NGOs), và cơ quan chức năng. Có thể cần thực hiện thêm các hoạt động để đảm bảo những người nắm giữ tri thức phù hợp được tham gia, quá trình FPIC được thực hiện, và ý kiến đóng góp của họ được ghi nhận.

Khi áp dụng công cụ cấp khu vực, chuyên gia đánh giá sẽ phải đưa ra các phán đoán dựa trên dữ liệu và thông tin tốt nhất hiện có. Trong nhiều trường hợp, thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc có thể dẫn đến những cách hiểu khác nhau, thậm chí mâu thuẫn. Một số tiêu chí yêu cầu người đánh giá đưa ra phán đoán về khả năng xảy ra các diễn biến trong tương lai tại khu. Các ví dụ về các lĩnh vực mà các nhận định như vậy sẽ được yêu cầu bao gồm (nhưng không giới hạn):

- Xác định ranh giới khu, có thể cần xem xét các giới hạn pháp lý hoặc tập quán, các mâu thuẫn và các yếu tố quản lý thực tiễn, đồng thời đảm bảo các giá trị đa dạng sinh học quan trọng được thể hiện đầy đủ và bền vững trong ranh giới khu.
- Mức độ quản lý của khu vực trong việc duy trì các giá trị đa dạng sinh học quan trọng, giảm thiểu áp lực, và có khả năng ứng phó với các mối đe dọa trong tương lai.
- Khả năng khu tiếp tục bảo tồn hiệu quả các giá trị đa dạng sinh học quan trọng trong dài hạn.
- Tính công bằng trong quản trị và quản lý tài nguyên tại khu, cũng như khả năng kết quả quản lý sẽ trở nên công bằng hơn trong tương lai.

Kinh nghiệm xử lý yếu tố không chắc chắn khi áp dụng các tiêu chí bao gồm:

- Làm việc với một nhóm gồm nhiều bên liên quan (xem Mục 4.3), cho phép thảo luận và đánh giá dữ liệu từ nhiều góc độ, dẫn đến các đánh giá có sự đồng thuận cao. Một quy trình điển hình có thể gồm một loạt các cuộc họp và phỏng vấn để thu thập thông tin chính, sau đó là hội thảo các bên nơi thông tin thu thập được sử dụng để đánh giá khu theo các tiêu chí. Quy trình này nên xem xét các bằng chứng về quá khứ sử dụng và quản trị, cũng như các nguồn tài liệu viết và truyền miệng.
- Lập hồ sơ các nguồn không chắc chắn (ví dụ: thiếu dữ liệu chính, không chắc chắn trong việc giải thích dữ liệu) để chúng có thể được giải quyết nếu có thêm dữ liệu.
- Lập hồ sơ lý do đằng sau các quyết định được đưa ra khi áp dụng các tiêu chí, giúp người khác hiểu rõ cách nhóm đánh giá đưa ra kết luận, đồng thời hỗ trợ cho các lần đánh giá lại sau này.

4.3 Sự tham gia của các bên có quyền và các bên liên quan

Thực hành tốt: Sự tham gia của các bên có quyền và các bên liên quan là trung tâm của quy trình xác định OECM, dẫn đến các kết quả hợp pháp, nâng cao hiểu biết và sự ủng hộ cho việc bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học của khu vực.

Mặc dù sự tham gia của cơ quan quản trị và các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương là bắt buộc vì sự đồng thuận của họ là bắt buộc (thông qua FPIC với cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương) để xác định một OECM (xem Mục 3.3), thì sự tham gia của các bên liên quan khác cũng quan trọng vì họ có thể gây ảnh hưởng đến việc quản lý khu, hoặc chịu tác động từ nó, ngay cả khi họ không có vai trò trực tiếp trong cơ chế quản trị. CBD nhấn mạnh tầm quan trọng sự tham gia của các bên có quyền và các bên liên quan. Đặc biệt, GBF củng cố vai trò then chốt của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương như những bảo vệ đa dạng sinh học và là đối tác trong công tác bảo tồn (GBF phần C, Đoạn 7(a), và Mục tiêu C), cũng như sự tham gia của toàn xã hội rộng rãi hơn (GBF phần C, Đoạn 7(c)) và tầm quan trọng của sự tham gia hiệu quả (ví dụ: Mục tiêu 22 của GBF).

Hầu hết các OECMs tiềm năng có sự tham gia của nhiều bên liên quan, bao gồm các doanh nghiệp, cơ quan chính phủ không trực tiếp quản trị khu, các nhà khoa học và nhà nghiên cứu, các tổ chức NGOs, các nhóm cộng đồng địa phương từ bên ngoài, các chủ đất tư nhân lân cận và các cá nhân sử dụng tài nguyên của khu vực. Lợi ích của các bên liên quan này có thể dựa trên cơ sở pháp lý chính thức (ví dụ: giấy phép khai thác hoặc nhiệm vụ theo quy định pháp luật), hoặc không chính thức hoặc ngẫu nhiên. Việc xác định các nhóm này và quyết định mức độ tham gia phù hợp của họ là một phần thiết yếu trong quy trình xác định OECM. Một số câu hỏi có thể giúp xác định tầm quan trọng của từng nhóm và mức độ cần thiết trong việc tham gia vào quy trình OECM, bao gồm:

- Họ có quyền/ngành vụ pháp lý hoặc quyền/ngành vụ được thiết lập khác (ví dụ tập quán) nào đối với khu hoặc tài nguyên tại đó không?
- Hoạt động của họ tác động đến khu ở mức độ nào, đặc biệt là đối với các giá trị đa dạng sinh học quan trọng?
- Việc tiếp cận khu quan trọng như thế nào đối với họ? Ví dụ, việc tiếp cận có phải là quan trọng đối với sinh kế/kinh doanh/hoạt động của họ, hay chỉ có tầm quan trọng nhỏ?
- Họ có kiến thức, dữ liệu hoặc kinh nghiệm nào liên quan đến quá trình đánh giá không?
- Họ có mối quan hệ lâu dài với khu không?

Quy trình cần được thiết kế để tính đến các chuẩn mực và quy định áp dụng ở cấp quốc gia và địa phương, cũng như các nhu cầu cụ thể của các bên liên quan tại khu. Một phương pháp tiếp cận hợp tác, đa bên có thể phù hợp. Cách tiếp cận này nên đảm bảo:

- Cho phép tích hợp dữ liệu và tri thức về khu từ nhiều nguồn khác nhau, đảm bảo coi trọng tri thức và nhận thức của cộng đồng dân tộc thiểu số và địa phương;
- Thúc đẩy thảo luận sâu hơn và đưa ra quyết định tốt hơn khi áp dụng các tiêu chí, đặc biệt trong những trường hợp đòi hỏi phán đoán chủ quan (xem Mục 4.2);
- Xây dựng hiểu biết chung về lý do đằng sau kết quả của quy trình đánh giá; và
- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khu và xây dựng cam kết chung trong quản lý hiệu quả lâu dài các giá trị đa dạng sinh học của nó.

Bảng 3 tóm tắt các hoạt động liên quan đến quy trình chung xác định OECM cấp khu.

Bảng 1. Các yếu tố trong định nghĩa OECM.

Hoạt động	Yêu cầu
Xác định bên có quyền và bên liên quan	• Bao gồm cơ quan quản trị. • Bao gồm cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương. • Bao gồm các nhóm có hiểu biết liên quan. • Bao gồm các nhóm có mối quan hệ sử dụng hoặc quan tâm đến khu, trong quá khứ hoặc hiện tại. • Bao gồm các bên liên quan khác, ví dụ: cơ quan nhà nước, khu vực tư nhân, cộng đồng sinh sống lân cận khu.
Tham vấn bên có quyền và bên liên quan	• Đảm bảo sự đồng thuận chính thức từ cơ quan quản trị và FPIC từ cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương cho quy trình xác định. • Tham vấn với các bên liên quan và các nhóm khác về ý tưởng xác định và báo cáo một OECM • Tham vấn với các bên liên quan và các nhóm khác trong quá trình áp dụng các tiêu chí thuộc bộ công cụ OECM; nếu cần, quá trình này có thể bao gồm việc thiết lập các diễn đàn hoặc quy trình riêng biệt để tham vấn về những vấn đề cụ thể, như: đánh giá giá trị đa dạng sinh học, xác định ranh giới và quản lý khu.
Thông báo cho các bên có quyền và các bên liên quan về kết quả	• Nếu khu đáp ứng các tiêu chí để được xác định là OECM, cần đảm bảo có sự đồng thuận chính thức từ cơ quan quản trị và FPIC từ cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương để báo cáo chính thức khu này là OECM. • Thông báo cho các bên liên quan khác về việc thiết lập một OECM, khi thích hợp.

4.4 Khởi xướng và dẫn dắt quy trình xác định khu

Thực hành tốt: Việc xác định OECM được dẫn dắt bởi cơ quan quản trị khu, hoặc bởi một thực thể khác với sự đồng thuận của cơ quan quản trị, cũng như với sự đồng thuận của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương nếu họ không phải là cơ quan quản trị nhưng có quyền lợi đối với khu.

Việc đánh giá một khu theo các tiêu chí OECM có thể được khởi xướng và dẫn dắt bởi cơ quan quản trị của khu (xem Mục 3.3 về định nghĩa của cơ quan quản trị), các bên liên quan khác, hoặc một tổ chức hoặc cá nhân không phải là một bên liên quan trong khu.

Nếu quy trình không do cơ quan quản trị dẫn dắt, thì điều quan trọng là phải có sự đồng thuận chính thức của cơ quan quản trị để triển khai quy trình này (xem Bước 2 trong bộ công cụ). Trong trường hợp cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương có quyền lợi với đất đai hoặc tài nguyên trong khu, thì quy trình cũng phải thực hiện FPIC từ các nhóm này (xem Mục 3.3).

Các nhiệm vụ liên quan đến việc áp dụng công cụ xác định, như tham vấn các bên liên quan và xác định tầm quan trọng của đa dạng sinh học, trong nhiều trường hợp sẽ được thực hiện bởi tổ chức khởi xướng và dẫn dắt việc đánh giá, nhưng trách nhiệm có thể được chia sẻ với các bên liên quan.

Đánh giá OECM thường yêu cầu các nguồn lực. Việc xác định ngay từ ban đầu những thông tin cần thiết và những bên liên quan cần tham gia sẽ giúp ước tính quy mô nguồn lực cần thiết, đồng thời cũng cần xem xét khả năng sẵn có của nguồn tài chính để thực hiện quy trình. Các nguồn lực cần thiết có thể rất khác nhau tùy theo từng quốc gia và khu vực cụ thể, và có thể bao gồm: hội thảo các bên liên quan, các nghiên cứu về đa dạng sinh học, hoặc phân tích pháp lý để xem xét khả năng điều chỉnh các quy định hỗ trợ việc công nhận OECM.

Nghiên cứu điển hình 12.

Khu bảo tồn Cộng đồng để Bảo tồn Vẹt Xám

Địa điểm: Cộng hòa Dân chủ Congo (DRC) | **Ví dụ về:** Một OECM đã được báo cáo, trong đó quá trình xác định được khởi xướng bởi cộng đồng địa phương.

Khu bảo tồn Cộng đồng để Bảo tồn Vẹt Xám ở Kasongo, tỉnh Maniema, DRC, được thành lập bởi các cộng đồng địa phương với mong muốn khu vực sớm được công nhận, thay vì trải qua quy trình kéo dài để thiết lập một khu bảo tồn chính thức mới. Mặc dù trong tương lai khu vực này có thể trở thành một khu bảo tồn, hiện tại đây là một trong những OECM đầu tiên của quốc gia. Khu rộng 32.800 ha, bao gồm rừng mưa nhiệt đới, savan, rừng đầm lầy và núi, là nơi sinh sống của loài vẹt xám (*Psittacus erithacus*), linh trưởng, linh dương và nhiều loài khác. Khu này còn có các địa điểm linh thiêng và các loài cây thuốc và cây lương thực được bảo tồn. Khu được quản trị và quản lý bởi các nhóm cộng đồng địa phương thuộc bộ tộc Wazimba Wa Mulu, với hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ một chương trình REDD+ (Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng tại các nước đang phát triển). Các nhóm cộng đồng này nhận thấy sự cần thiết phải bảo vệ đa dạng sinh học trong khu, vốn đang bị đe dọa bởi hoạt động khai thác trái phép, và đã chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước. Cộng đồng địa phương đã tham gia các buổi tuyên truyền nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực, điều này đã thúc đẩy họ quyết định tìm hiểu xem khu có đáp ứng tiêu chí OECM hay không, đồng thời khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng (Milenge, 2024).



Các cộng đồng địa phương tại khu Maniema đã chủ động thúc đẩy quá trình đánh giá Khu bảo tồn Cộng đồng theo các tiêu chí OECM nhằm sớm được công nhận và bảo vệ khu vực này.
© Hérítier Milenge Kamalebo

Nghiên cứu điển hình 13.

Playa Blanca

Địa điểm: Costa Rica | **Ví dụ về:** Một OECM tiềm năng nơi quy trình đánh giá đóng vai trò là diễn đàn để tập hợp các bên khác nhau quan tâm đến việc bảo tồn dài hạn một khu.

Playa Blanca ở Costa Rica là một ví dụ về sử dụng quy trình đánh giá OECM để tập hợp các bên có quyền và các bên liên quan và tạo ra các cơ chế quản trị và quản lý mới, dựa trên các nỗ lực bảo tồn đang được triển khai. Khu có diện tích rộng 5.000 ha, bao gồm các vùng ven biển và biển giữa Playa Bajamar và Playa Herradura. Nơi đây có nhiều loài bị đe dọa và có giá trị kinh tế, bao gồm cá, nhuyễn thể, giáp xác, san hô và động vật da gai.

Các nỗ lực riêng lẻ để bảo tồn khu đã được tiến hành trong một thời gian, bao gồm các khách sạn du lịch thực hiện phục hồi rạn san hô, một hợp tác xã thủy sản đã thành lập 'khu vực đánh bắt có trách nhiệm', và các tổ chức NGOs địa phương tổ chức các hoạt động làm sạch bãi biển. Từ năm 1995 đến năm 2006, sự phong phú của cá và sự đa dạng các loài đã tăng lên đáng kể.

Vào tháng 5 năm 2021, Costa Rica bắt đầu xác định và báo cáo các OECMs, sử dụng cách tiếp cận dựa trên bộ công cụ xác định OECMs tại chỗ của IUCN WCPA. Tại Playa Blanca, công cụ này đã được sử dụng để tập hợp các bên liên quan cùng thảo luận về khu và cách quản lý, với sự hỗ trợ từ các chuyên gia bảo tồn. Các hội thảo đầu tiên (từ tháng 1 - tháng 6 năm 2024) đã dẫn đến sự ủng hộ cho quy trình từ thị trường thành phố, và sự đồng thuận giữa các bên liên quan trong việc thành lập một tổ công tác nhằm củng cố cơ chế quản trị khu vực, hệ thống hóa tất cả các sáng kiến liên quan đến sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên biển và tư vấn cho Ủy ban Môi trường của Thành phố Garabito. Các bên liên quan cũng thống nhất xây dựng kế hoạch hành động dựa trên các mối đe dọa ưu tiên đối với tài nguyên ven biển và biển. Khi hệ thống quản trị và quản lý tích hợp hơn được thiết lập, khu sẽ được đánh giá theo các tiêu chí để xem xét công nhận là một OECM biển tiềm năng.

Phần 5.

Xác định OECM: Rà soát, đồng thuận và đánh giá đầy đủ



© Greg Armfield / WWF-UK

Xác định các OECM được tiến hành ở cấp khu vực, sử dụng công cụ để đánh giá dựa trên khu vực của IUCN. Việc đánh giá có thể do cơ quan quản trị khu thực hiện, hoặc được hỗ trợ bởi các tổ chức bên ngoài, với điều kiện có sự đồng thuận của cơ quan quản trị (đối với cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, sự đồng thuận này phải được đảm bảo theo nguyên tắc Đồng thuận, Tự nguyện, Bảo trước và Được thông tin đầy đủ - FPIC).

Thực hành tốt: Sử dụng công cụ cấp khu vực của IUCN để xác định OECMs bao gồm hướng dẫn quy trình sàng lọc, đồng thuận và đánh giá đầy đủ. Điều chỉnh công cụ cho phù hợp với hoàn cảnh địa phương nhưng đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tiêu chí của CBD.

Phần này cung cấp hướng dẫn thực tế về việc áp dụng ba bước và tám tiêu chí được nêu trong Công cụ cấp khu vực để xác định OECMs của IUCN (Jonas và cộng sự, 2023), bổ sung thêm chi tiết và thảo luận về các vấn đề cụ thể. Khuyến nghị người sử dụng nên xem xét kỹ nội dung của công cụ đánh giá trước, và tham chiếu phần này để tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về từng tiêu chí cụ thể khi cần.

Các bước và tiêu chí trong công cụ xác định OECMs cấp khu được tóm tắt như sau:

Bước 1:
Rà soát (hai tiêu chí liên quan)

Tiêu chí:

- 1**

Khu vực không phải là một khu bảo tồn
- 2**

Có khả năng hợp lý rằng khu vực hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng

Bước 2:
Đồng thuận (không có tiêu chí liên quan)

Bước 3:
Đánh giá đầy đủ (sáu tiêu chí liên quan)

Tiêu chí:

- 3**

Khu được xác định rõ ràng về mặt địa lý
- 4**

Khu được xác nhận hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng
- 5**

Có các thể chế hoặc cơ chế để quản trị và quản lý khu
- 6**

Quản trị và quản lý khu đạt được, hoặc được kỳ vọng sẽ đạt được, bảo tồn tại chỗ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng
- 7**

Việc bảo tồn tại chỗ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng được kỳ vọng sẽ diễn ra lâu dài
- 8**

Các cơ chế quản trị và quản lý có xem xét đến các yếu tố công bằng

5.1 Bước 1: Rà soát

Thực hành tốt: Thực hiện bước sàng lọc ban đầu như một phần của quy trình đánh giá khu, để loại trừ các khu rõ ràng không phải là OECMs, qua đó tránh lãng phí nguồn lực và thời gian của các bên liên quan.

Rà soát bao gồm việc áp dụng Tiêu chí 1 và 2. Tiêu chí 1 được thảo luận ở đây, trong khi Tiêu chí 2 được thảo luận cùng với Tiêu chí 4 trong phần đánh giá đầy đủ (5.3).

Áp dụng tiêu chí 1: không phải là một khu bảo tồn

Các OECMs đóng góp độc lập vào các mục tiêu bảo tồn dựa trên khu đối với các hệ sinh thái trên cạn, nước ngọt và biển. Điều này có nghĩa là các khu đã được công nhận là khu bảo tồn hoặc nằm trong ranh giới khu bảo tồn thì **không nên được xác định hoặc báo cáo là OECMs**.

Trong nhiều trường hợp, việc áp dụng tiêu chí này sẽ khá đơn giản. Tuy nhiên, các điểm sau đây có thể hữu ích nếu phát sinh thắc mắc:

Một khu đáp ứng tiêu chí của IUCN đối với khu bảo tồn, nhưng chính phủ không phân loại nó là khu bảo tồn. Điều này có thể xảy ra, ví dụ, khi một khu được sở hữu và quản trị bởi một tổ chức tư nhân, cộng đồng dân tộc thiểu số hoặc cộng đồng địa phương, chứ không phải bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khu bảo tồn. Theo hướng dẫn của CBD và IUCN, nếu có thể, các khu đáp ứng định nghĩa khu bảo tồn của IUCN nên được báo cáo lên Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP-WCMC), nơi quản lý Cơ sở dữ liệu Thế giới về Các Khu bảo tồn (WDPA) (xem Mục 6). Vì vậy:

- Phương án ưu tiên là cơ quan có thẩm quyền của chính phủ báo cáo khu đó là một khu bảo tồn đến WDPA.

Tuy nhiên, nếu điều này không thể thực hiện được, có hai phương án khác:

- Một tổ chức phi nhà nước có thể báo cáo trực tiếp khu đó đến WDPA là một khu bảo tồn. WDPA cho phép các tổ chức dữ liệu phi nhà nước gửi báo cáo, với điều kiện: Có sự đồng thuận của cơ quan quản trị, và có FPIC của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương có quyền hoặc sử dụng khu. Dữ liệu được gửi sẽ cần được xác minh (xem Phần 6).
- Báo cáo khu là một OECM, nếu khu đáp ứng tất cả các tiêu chí và các bên liên quan đã đồng thuận. Phương án này có thể được các cơ quan chính phủ hoặc các bên liên quan khác dễ chấp nhận hơn, nếu họ không muốn báo cáo khu là một khu bảo tồn. Việc báo cáo khu là một OECM có nghĩa là nó được ghi nhận trong WD-OECM và được đưa vào báo cáo quốc gia phục vụ các mục tiêu của CBD.

Một khu đáp ứng các tiêu chí của IUCN cho một khu bảo tồn, nhưng cộng đồng hoặc các bên có quyền tư nhân không muốn nó được báo cáo như vậy. Ở một số quốc gia, các nhóm tư nhân hoặc cộng đồng có thể lo ngại rằng việc tuyên bố một khu là khu bảo tồn sẽ hạn chế quyền, quyền tiếp cận hoặc quyền kiểm soát của họ. Quyết định 14/8 của CBD và công cụ tại chỗ nhấn mạnh rằng quan điểm của cơ quan quản trị và các bên có quyền là cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương là tối quan trọng. Do đó, khu không thể được báo cáo là một khu bảo tồn nếu không có sự đồng thuận của họ (xem Mục 3.3 và 4.3). Trong trường hợp này, lựa chọn xác định và báo cáo khu là một OECM (nếu nó đáp ứng tất cả các tiêu chí) có thể là một giải pháp thay thế phù hợp hơn.

Không chắc chắn liệu khu có phải là khu bảo tồn hay không. Nhiều quốc gia có các phân loại đất đai có thể được coi là khu bảo tồn, chẳng hạn như rừng phòng hộ, khu vực cấm đánh bắt thủy sản, hoặc khu bảo tồn săn bắn. Không thể đưa ra một hướng dẫn chung áp dụng cho tất cả các trường hợp, do mỗi quốc gia có bối cảnh pháp lý khác nhau. Tuy nhiên, các câu hỏi sau có thể giúp làm rõ:

- Khu vực có đáp ứng định nghĩa của IUCN về khu bảo tồn không? (xem Mục 2.2) Nó có được công nhận, dành riêng và quản lý cho việc bảo tồn thiên nhiên lâu dài không? Nếu khu vực đáp ứng các tiêu chí của IUCN cho một khu bảo tồn, thì nó là một khu bảo tồn trên thực tế và nên được báo cáo như vậy, tùy thuộc vào sự đồng thuận của các bên có quyền (xem ở trên nếu các bên có quyền không muốn báo cáo khu vực là một khu bảo tồn).
- Ngược lại, mục đích chính của khu vực có phải là để duy trì sản xuất một sản phẩm (như gỗ hoặc thủy sản), một dịch vụ (như cung cấp nước hoặc giá trị giải trí) hoặc một mục đích sử dụng khác (như huấn luyện quân sự hoặc nghiên cứu khoa học) không? Trong những trường hợp này, khu không phải là một khu bảo tồn theo định nghĩa của IUCN. Nếu nó có khả năng cao mang lại sự bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ lâu dài bên ngoài một khu bảo tồn, nó là một OECM tiềm năng.

Một số câu hỏi khác giúp làm rõ tình trạng của khu là:

- Luật pháp quốc gia/địa phương hoặc cơ quan có liên quan có công nhận khu là một khu bảo tồn, sử dụng ngôn ngữ tương tự như định nghĩa của IUCN không?
- Cơ quan quản trị hoặc chủ sở hữu tư nhân hoặc cộng đồng của khu có công nhận khu là một khu bảo tồn không?

Bởi vì vấn đề này liên quan đến luật pháp, chính sách và định nghĩa chính thức về khu bảo tồn áp dụng ở một quốc gia, để đảm bảo tính nhất quán, có thể cần thảo luận vấn đề này ở cấp quốc gia để thống nhất các tiêu chuẩn sau đó có thể áp dụng cho các đánh giá OECMs (xem Mục 3.4).

Khu đã được đề xuất là một khu bảo tồn nhưng chưa được công nhận chính thức. Nếu quy trình công nhận khu bảo tồn đang thực hiện và tiếp tục được triển khai, thì khu đó nên được xem là một khu bảo tồn trong tương lai, và không được coi là OECM tiềm năng. Tuy nhiên, nếu khả năng khu sớm được công nhận là khu bảo tồn là rất thấp, và đặc biệt trong trường hợp khu đang chịu các áp lực và mối đe dọa cấp bách, thì kết quả tốt nhất cho việc bảo tồn có thể là công nhận nó là một OECM (giả sử khu đáp ứng tất cả các tiêu chí). Nếu tình trạng của một OECM sau đó thay đổi

Tiêu chí:

1

Khu vực không phải là một khu bảo tồn

thành một khu bảo tồn, thì cơ quan quản trị hoặc nhà cung cấp dữ liệu quốc gia có thể thông báo cho UNEP - WCMC và thông tin về khu có thể được chuyển dễ dàng từ WD-OECM sang WDPA.

Khu vực đã được liệt kê theo Công ước Ramsar, Công ước Di sản Thế giới hoặc Chương trình Con người và Sinh quyển. Các tiêu chí để liệt kê một khu vực theo các công ước và chương trình này rất rộng, và chúng thường bao gồm các khu bảo tồn cũng như các khu khác có thể đủ điều kiện là OECMs. Do đó, việc một khu được liệt kê theo một công ước quốc tế không mặc nhiên làm nó trở thành một khu bảo tồn. Tuy nhiên, ở một số quốc gia, luật pháp công nhận các khu như vậy là khu bảo tồn. Cần phải kiểm tra các luật và quy định hiện hành (có thể là một phần của quy trình OECM quốc gia, Mục 3.4) để xác định xem việc một khu được liệt kê theo một công ước quốc tế có tự động làm cho nó trở thành một khu bảo tồn hay không.

Khu được liệt kê trong WDPA, nhưng không đáp ứng định nghĩa khu bảo tồn. Một số khu đã được đưa vào WDPA, mặc dù chúng không phải là khu bảo tồn, bởi vì chúng được liệt kê theo một công ước quốc tế liên quan đến bảo tồn dựa trên khu. Các Khu Ramsar và Khu Dự trữ Sinh quyển UNESCO (Chương trình Con người và Sinh quyển) có thể có các vùng đệm hoặc vùng chuyển tiếp (hoặc các phần của chúng) phù hợp với định nghĩa OECM nhưng thường không đáp ứng định nghĩa khu bảo tồn. Ở các quốc gia nơi các danh hiệu quốc tế không được tự động quản lý như các khu bảo tồn, các chính phủ có thể cân nhắc xem xét liệu các khu có nên tiếp tục được báo cáo là khu bảo tồn hay nên được phân loại lại là OECMs.

Khu nằm trong vùng đệm của một khu bảo tồn. Tình trạng và định nghĩa vùng đệm có sự khác nhau giữa các quốc gia, và thậm chí giữa các loại khu bảo tồn. Nếu vùng đệm nằm trong ranh giới của khu bảo tồn, hoặc được quản trị theo cách phù hợp với định nghĩa khu bảo tồn của IUCN, thì khu này nên được coi là khu bảo tồn và không nên được xác định là OECM. Tuy nhiên, khi một vùng đệm nằm ngoài ranh giới của khu bảo tồn và không được quản lý với mục tiêu chính là bảo tồn đa dạng sinh học, thì nó có khả năng là một OECM. Cần phải kiểm tra các luật và quy định hiện hành (có thể là một phần của quy trình OECM quốc gia, Mục 3.4) để xác định tình trạng của một vùng đệm.

Tiêu chí:

1
Khu vực không phải là một khu bảo tồn

Nghiên cứu điển hình 14.

Khu bảo tồn chim hoang dã Freshima

Địa điểm: Nhật Bản | **Ví dụ về:** Một OECM tiềm năng trong khu bảo tồn tư nhân không được thống kê là khu bảo tồn chính thức.

Khu bảo tồn chim hoang dã Freshima được quản lý để bảo tồn và đáp ứng định nghĩa của IUCN về khu bảo tồn. Tuy nhiên, nó thuộc sở hữu tư nhân và được quản lý bởi một tổ chức NGO bảo tồn, và do đó không được đưa vào danh sách các khu bảo tồn của Chính phủ Nhật Bản. Việc công nhận OECM sẽ cho phép khu này được tính vào đóng góp của Nhật Bản cho Mục tiêu 3 của GBF. Khu này có 203 ha đất ngập nước, là sinh cảnh của nhiều loài chim và thực vật quý hiếm,

bao gồm một quần thể sinh sản của sếu đầu đỏ và đại bàng biển trú đông. Khu được Hiệp hội Chim hoang dã Nhật Bản mua vào năm 1986, và được quản lý để bảo tồn và nâng cao các giá trị đa dạng sinh học, bao gồm thông qua chăn thả, hạn chế sự xáo trộn và giám sát. Khu góp phần vào việc bảo tồn một cảnh quan rộng lớn hơn của các vùng đất ngập nước và đồng cỏ, và được công nhận là một “vùng đất ngập nước quan trọng quốc gia” được Bộ Môi trường công nhận.



Áp dụng tiêu chí 2: Có khả năng hợp lý rằng khu hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng

Để vượt qua giai đoạn Rà soát, cần xác định có khả năng hợp lý rằng khu đó hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng. Mô tả của Tiêu chí 4 - khu được xác nhận hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng (Mục 5.3.2) - cung cấp thông tin chi tiết về các giá trị đa dạng sinh học quan trọng để hỗ trợ đánh giá đầy đủ. Để kiểm tra Tiêu chí 2, người đánh giá cần trả lời câu hỏi sau: thông tin có sẵn có cho thấy khu hỗ trợ ít nhất một trong các giá trị đa dạng sinh học quan trọng sau đây không?

- Các loài và hệ sinh thái hiếm, bị đe dọa hoặc nguy cấp.
- Các hệ sinh thái tự nhiên ít được đại diện trong các mạng lưới khu bảo tồn.
- Mức độ toàn vẹn hoặc nguyên vẹn sinh thái cao.
- Quần thể/phạm vi của các loài hoặc hệ sinh thái đặc hữu hoặc có phạm vi phân bố hẹp.
- Các tập hợp loài quan trọng, chẳng hạn như khu vực sinh sản, nhân giống hoặc kiếm ăn.
- Tầm quan trọng cho kết nối sinh thái, như một phần của mạng lưới các khu trong một khu vực rộng lớn hơn.

Tiêu chí:

2
Có khả năng hợp lý rằng khu vực hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng

5.2 Bước 2: Đồng thuận

Thực hành tốt: Áp dụng thực hành tốt nhất toàn cầu (bao gồm FPIC) để cho phép các bên có quyền và các bên liên quan đưa ra các quyết định sáng suốt và tham gia vào quy trình xác định trên cơ sở thông tin và tư vấn rõ ràng, độc lập.

Các khu đáp ứng Tiêu chí 1 và 2 là “OECM tiềm năng”. Như đã trình bày chi tiết trong các Mục 3.3, 4.3 và 4.4, sự đồng thuận của cơ quan quản trị và các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương là bắt buộc để các khu đó được coi là “OECM ứng viên” và tiến hành đánh giá đầy đủ. Đối với cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, sự đồng thuận phải tuân theo quy trình FPIC, để đảm bảo sự minh bạch và sự tham gia đầy đủ của các thành viên bị ảnh hưởng trong cộng đồng, và quyết định được hiểu rõ và ủng hộ đầy đủ. Cần lưu ý rằng thời gian cần thiết cho FPIC (theo đúng hướng dẫn khuyến nghị) thường không thể xác định trước và có thể phải kéo dài nếu cần.

Hộp 6

Nguyên tắc Đồng thuận Tự nguyện, Được báo trước và Được thông tin đầy đủ

Các nguồn tài liệu khác về quy trình FPIC có sẵn tại các trang web sau:

- [Thư viện tuyển chọn các tài liệu về FPIC của Chương trình Rừng và Con người.](#)
- [Các hướng dẫn của FAO về FPIC.](#)
- [Đảm bảo Quyền tự quyết của Người bản địa: Hướng dẫn về Đồng thuận, Tự nguyện, Báo trước và Được thông tin đầy đủ của Liên minh SIRGE.](#)



Phụ nữ thuộc nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số Batin Sembilan thu hái lâm sản trong rừng Harapan, Sumatra, Indonesia. Công ty quản lý khu rừng công nhận các quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương và đã thiết lập các thỏa thuận với họ về quản lý và sử dụng khu vực © Aulia Erlangga

5.3 Bước 3: Đánh giá đầy đủ

Thực hành tốt: Đánh giá khu vực theo các tiêu chí trong công cụ tại chỗ của IUCN, với sự tham gia của các bên có quyền và các bên liên quan, giúp xác định và báo cáo các khu vực là OECMs thông qua một quy trình minh bạch, được lập hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.

Công cụ đánh giá thực địa cung cấp hướng dẫn chung về việc đánh giá các khu theo từng tiêu chí. Phần này cung cấp chi tiết hơn về những vấn đề cụ thể có thể gặp phải trong quá trình đánh giá cấp khu. Các số thứ tự tiêu chí được liệt kê tương ứng với công cụ đánh giá ở cấp độ khu và nên được đọc cùng với tài liệu đó.

5.3.1 Áp dụng tiêu chí 3: Khu được xác định rõ ràng về mặt địa lý

“Khu vực được xác định rõ ràng về mặt địa lý” hàm ý một khu vực được phân định không gian rõ ràng với ranh giới đã được thỏa thuận và xác lập, có thể bao gồm đất liền, vùng nước nội địa, khu vực biển và ven biển, hoặc bất kỳ sự kết hợp nào trong số đó. Trong một số trường hợp ngoại lệ, ranh giới có thể được xác định bởi các đặc điểm vật lý có khả năng thay đổi theo thời gian, như bờ sông, phạm vi ngập lụt theo mùa, hoặc mực nước biển cao nhất hay phạm vi của băng biển. Nếu có thể, ranh giới nên được lập bản đồ ở dạng số hóa để có thể tích hợp với các dữ liệu khác, bao gồm cả trong hệ thống WD-OECM.

Một OECM có thể là một khu đơn lẻ hoặc là một tổ hợp các khu cùng nhau tạo thành một thể thống nhất đáp ứng các tiêu chí của CBD. Dù hình dạng và kích thước của khu như thế nào, việc có ranh giới xác định là điều thiết yếu để tính toán diện tích và làm cơ sở cho công tác quản lý và giám sát. Chỉ số cho Mục tiêu 3 của GBF là “độ che phủ của các khu bảo tồn và OECMs”. Việc đo lường tiến độ đạt được theo chỉ số này ở cấp quốc gia đòi hỏi ít nhất một ước tính về diện tích của các khu bảo tồn và OECMs.

Xác định ranh giới. Trong nhiều trường hợp, ranh giới của một OECM tiềm năng sẽ được xác định rõ ràng bởi một đơn vị hành chính, một vùng sinh thái, một lãnh thổ theo tập quán hoặc truyền thống, hoặc giới hạn thẩm quyền của một cơ quan quản trị hoặc quản lý. Tuy nhiên, sẽ có những trường hợp các đặc điểm không gian này bị chồng lấn nhưng lại có ranh giới khác nhau, gây khó khăn trong việc xác định ranh giới OECM tiềm năng. Hướng dẫn sau đây có thể hữu ích:

- Các OECMs công nhận sự đóng góp của các thực tiễn quản trị và quản lý hiện có vào việc bảo tồn đa dạng sinh học, vì vậy ranh giới có khả năng phản ánh khu thuộc thẩm quyền của cơ quan quản trị hoặc quản lý, hoặc một phần của khu này.
- Mục tiêu của việc xác định một OECM là thúc đẩy bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học quan trọng nên ranh giới phải bao gồm một quần thể hoặc khu đại diện và cần thiết của các loài, hệ sinh thái hoặc giá trị khác có liên quan. Nếu không có điều này, OECM tiềm năng sẽ không đáp ứng Tiêu chí 2 và 4 về tầm quan trọng của đa dạng sinh học. Nếu một khu thuộc một loại hình quản trị cụ thể quá nhỏ để có thể bảo vệ một hệ sinh thái, quần thể hoặc giai đoạn sống của loài một cách hợp lý, thì không nên công nhận khu đó là OECM.
- Khi một OECM đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn một cảnh quan rộng lớn hơn, ví dụ bằng cách kết nối các khu bảo tồn hiện có, ranh giới có thể được thiết kế để đảm bảo rằng chức năng này được duy trì.
- Việc xác định ranh giới OECM tiềm năng cần tính đến các yếu tố thực tiễn; ví dụ: nó có thể theo ranh giới của khu bảo tồn liên kề, hoặc ranh giới của một khu vực khai thác tài nguyên nhằm tránh chồng lấn với các mục đích sử dụng đất không phù hợp với mục tiêu OECM. Vì lý do đó, việc tham vấn các bên liên quan trong khu vực và những người sống lân cận khu vực là điều hữu ích trong quá trình xác định ranh giới.

Tiêu chí:

3

Khu được xác định rõ ràng về mặt địa lý

Nghiên cứu điển hình 15.

Vùng đất ngập nước Belfast



Địa điểm: Nam Phi | **Ví dụ về:** Một ứng viên OECM nước nội địa trong một khu vực lớn hơn được quản lý cho lâm nghiệp.

Khu đất ngập nước Belfast nằm trong một cảnh quan chủ yếu được quản lý bởi hoạt động lâm nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Ranh giới của ứng viên OECM gồm 3.500 ha đất ngập nước và đồng cỏ, được xác định nhằm loại trừ phần diện tích đang được sử dụng cho mục đích lâm nghiệp thương mại, nhưng bao gồm hệ sinh thái tự nhiên quan trọng. Khu này thuộc sở hữu của Bộ Công chính, và được quản trị phù hợp theo một chính sách (Luật Quản lý Rừng Nhà nước số 128 năm 1992) trao cho Bộ Lâm nghiệp, Thủy sản và Môi trường (DFFE) và Công ty TNHH Lâm nghiệp Nam Phi (SAFCOL) có trách nhiệm quản lý các khu tự nhiên trong các đồn điền lâm nghiệp thương mại. Các mục tiêu quản lý bảo tồn cụ thể hiện hữu cho các vùng đất ngập nước và đồng cỏ và giao cho cán bộ quản lý môi trường chuyên trách.

Khu này hỗ trợ nông nghiệp, du lịch và bảo tồn môi trường bền vững, với các dịch vụ hệ sinh thái cung cấp các lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường quan trọng. Do đó, ranh giới OECM được đề xuất phù hợp với ranh giới sinh thái, thực tế quản lý và nhiệm vụ của SAFCOL.

Các vùng đất ngập nước và đồng cỏ nguyên vẹn, bao gồm cả Đồng cỏ Cao nguyên Dullstroom bị đe dọa, vẫn hiện diện tại khu vực này. Nó đóng vai trò như một hành lang sinh thái giữa các hệ thống đất ngập nước và đồng cỏ lớn hơn trong Khu bảo tồn Thiên nhiên Tư nhân Langkloof và Khu bảo vệ Môi trường Greater Lakenvlei liền kề, tạo thành một điểm dừng chân cho các loài chim đất ngập nước đang bị đe dọa. Khu này nằm trong Khu vực Đa dạng sinh học Quan trọng được phân định cấp tỉnh và Khu vực Hỗ trợ Hệ sinh thái, và nằm trong một KBA.



Vùng đất ngập nước Belfast là một khu vực có giá trị bảo tồn đặc biệt được quản trị như một phần của một cảnh quan sản xuất lớn hơn. Ranh giới của OECM ứng viên bao gồm các đồng cỏ và vùng đất ngập nước quan trọng về mặt sinh thái, nhưng loại trừ khu vực sản xuất lâm nghiệp. © ReWild Africa

Một OECM nên có kích thước thế nào? Không có kích thước tối thiểu hoặc tối đa cho một OECM. Tuy nhiên, khu phải có kích thước đủ lớn để đạt được bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ lâu dài, bao gồm tất cả các hệ sinh thái, sinh cảnh và quần xã sinh vật mà khu vực này có ý nghĩa bảo tồn. “Kích thước đủ lớn” mang tính bối cảnh cao, và phụ thuộc vào các yêu cầu sinh thái để đảm bảo sự tồn tại bền vững của các loài và hệ sinh thái liên quan. Việc xác định đủ kích thước cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi mức độ kết nối sinh thái của khu dự kiến với các khu phù hợp khác, và vị trí của nó trong các cảnh quan đất liền, sông hoặc biển. Việc xác định diện tích đủ lớn cũng chịu ảnh hưởng bởi mức độ kết nối sinh thái với các khu tiềm năng phù hợp khác, cũng như vị trí của nó trong tổng thể cảnh quan đất liền, sông suối hoặc không gian biển.

Theo nguyên tắc chung, các khu có diện tích lớn được ưu tiên hơn các khu có diện tích nhỏ. Tuy nhiên, có nhiều ví dụ về các khu có diện tích nhỏ nhưng có giá trị bảo tồn rất cao. Ví dụ, đối với một loài thực vật hoặc côn trùng quý hiếm có phạm vi phân bố rất hạn chế, một OECM có thể

Tiêu chí:

3

Khu được xác định rõ ràng về mặt địa lý



chỉ là một vài héc-ta sinh cảnh phù hợp. Hầu hết các khu dự kiến sẽ lớn hơn nhiều, có thể lên tới hơn một triệu héc-ta. Do đó, quyết định một OECM nên có diện tích bao nhiêu đòi hỏi phải xem xét các yếu tố sinh thái/bảo tồn và các yếu tố thực tiễn/quản lý. Trong nhiều trường hợp, cách tiếp cận hiệu quả nhất là huy động sự tham gia của các chuyên gia về bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý, bao gồm cả những người có hiểu biết thực tiễn sâu sắc về khu vực đó.

OECMs và kết nối. Kết nối sinh thái là sự di chuyển không bị cản trở của các loài và dòng chảy của các quá trình tự nhiên giúp duy trì sự sống trên Trái Đất. Một OECM có thể là một khu có các giá trị đa dạng sinh học quan trọng vì nó là một phần của một mạng lưới hoặc tập hợp các khu rộng lớn hơn. Trong trường hợp này, việc xác định ranh giới OECM nên tính đến nhu cầu đảm bảo kết nối với các khu vực khác. Ngoài ra, quá trình đánh giá nên xem xét:

- Cách các giá trị đa dạng sinh học quan trọng trong khu vực tương tác với khu vực xung quanh, và việc quản lý bên ngoài khu vực có thể ảnh hưởng như thế nào đến các giá trị đa dạng sinh học bên trong (Tiêu chí 6); và
- Khả năng xảy ra những thay đổi lớn ở các khu vực xung quanh và điều này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến giá trị lâu dài của khu tiềm năng (Tiêu chí 7).

Không gian địa lý ba chiều và phân vùng theo chiều dọc. Không gian địa lý có ba chiều: chiều dài, chiều rộng, và chiều sâu hoặc chiều cao. Một chế độ quản trị hoặc quản lý cần phải tính đến cả ba chiều nếu muốn bảo tồn hiệu quả toàn bộ đa dạng sinh học tại chỗ. Tuy nhiên, một số đề xuất công nhận OECM phạm vi thường bị giới hạn, ví dụ: chỉ áp dụng cho bề mặt mà không áp dụng cho lòng đất, hoặc cho đáy biển mà không áp dụng cho cột nước phía trên. Vấn đề này đặc biệt quan trọng trong các khu bảo tồn biển, nơi việc phân vùng theo chiều dọc để cho phép khai thác thương mại có thể làm suy giảm các kết quả bảo tồn, phá vỡ kết nối sinh thái và tạo ra những thách thức trong giám sát và thực thi.

Đối với OECM, **chiều cao và chiều sâu cần phù hợp với việc quản lý bảo tồn hiệu quả** để bảo vệ đầy đủ phạm vi của đa dạng sinh học bản địa. Do đó, IUCN khuyến nghị rằng tất cả các chiều không gian của khu tiềm năng nên được bao gồm bên trong ranh giới OECM và không áp dụng phân vùng theo chiều dọc. “Phân vùng theo chiều dọc” có nghĩa là xác định giới hạn của OECM ở một độ sâu hoặc chiều cao nhất định, theo đó việc khai thác có thể diễn ra ở khu vực phía trên hoặc phía dưới OECM.

Hình 8. OECMs có thể góp phần tăng cường kết nối sinh thái để bổ sung cho các khu bảo tồn, tạo thành mạng lưới các khu được bảo vệ và bảo tồn. (Nguồn: Biên tập từ WWF, 2022)

Tiêu chí:

3

Khu được xác định rõ ràng về mặt địa lý

Tuy nhiên, trong những trường hợp hiếm hoi, nếu đề xuất công nhận một OECM có áp dụng phân vùng theo chiều đứng (thường liên quan đến việc tách biệt quản lý sinh vật đáy và sinh vật sống trong cột nước ở các hệ sinh thái nước ngọt hoặc biển), quá trình xác định khu vực nên bao gồm toàn bộ chiều cao/chiều sâu để thu thập dữ liệu, nhằm đảm bảo rằng tất cả các giá trị đa dạng sinh học liên quan, các vấn đề và các bên có quyền lợi đều được xem xét. Khi đề xuất một OECM với phân vùng theo chiều dọc, quy trình xác định nên thiết lập rằng:

- Không tồn tại mối quan hệ chức năng sinh thái quan trọng nào giữa các giá trị đa dạng sinh học quan trọng của khu vực và vùng không gian chiều dọc bị loại trừ khỏi quá trình công nhận OECM.
- Việc quản lý hoặc sử dụng hiện tại của vùng bị loại trừ trong quá trình công nhận không tác động tiêu cực đến việc bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng của OECM. Ví dụ, ngư cụ đánh bắt tầng nổi không được phép chạm tới vùng đáy được bảo tồn.
- Có khả năng hợp lý rằng các biện pháp bảo vệ sẽ được duy trì lâu dài và tránh được các mối đe dọa khác - ví dụ: không có kế hoạch khai thác khoáng sản dưới bề mặt khu vực này.

Ngoài ra, đối với OECM có vùng không gian theo chiều dọc bị loại trừ, các nỗ lực bảo tồn lâu dài có thể bao gồm các nỗ lực đưa vùng bị loại trừ, và các bên liên quan đang quản lý nó, vào phạm vi của OECM khi thích hợp.

Ranh giới và các xung đột liên quan. Việc xác định và báo cáo một OECM công nhận các cơ chế quản lý hiện hành và không làm thay đổi tình trạng pháp lý, quyền sở hữu hay các quyền khác đối với khu tiềm năng. Trong các trường hợp đã có tranh chấp hoặc xung đột về quyền sử dụng, quyền tiếp cận hoặc quyền sở hữu đất đai và tài nguyên, việc xác định OECM và thiết lập ranh giới có thể bị một số bên hiểu hoặc diễn giải là sự công nhận cho quyền lợi của nhóm này hơn nhóm khác. Trong những trường hợp như vậy, tồn tại nguy cơ rằng việc xác định OECM có thể gây ra hoặc làm trầm trọng thêm xung đột, hoặc dẫn đến mất quyền của một số bên.

Một số yếu tố của thực hành tốt ở những khu tiềm năng mà quy trình xác định OECM có thể bị ảnh hưởng bởi một tranh chấp về đất đai và ranh giới như sau:

- Phù hợp với các cam kết trong CBD và GBF về việc tôn trọng các quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, **một quy trình xác định OECM không bao giờ được dẫn đến việc cưỡng bức tước đoạt quyền tiếp cận và sử dụng, hoặc cưỡng bức di dời.** Một khu vực xảy ra tình huống này sẽ không đáp ứng Tiêu chí 8, về công bằng. Nếu có nguy cơ như vậy xảy ra, quy trình xác định OECM cần tạm dừng cho đến khi vấn đề được giải quyết, hoặc chấm dứt hoàn toàn. Điều này đặc biệt quan trọng ở những quốc gia đã trao tư cách pháp lý cho danh hiệu OECM, vì trong những trường hợp đó, việc công nhận một khu là OECM có thể kéo theo các hệ quả pháp lý đối với các bên có quyền lợi liên quan.
- Thông qua quy trình đồng thuận và FPIC, trước khi bắt đầu đánh giá đầy đủ, cơ quan quản trị, cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương có quyền tuyệt đối đặt ra các điều kiện đối với quy trình xác định OECM hoặc từ chối hoàn toàn. Họ có thể làm điều đó vì bất kỳ lý do nào, bao gồm cả đánh giá rằng quá trình xác định OECM có nguy cơ gây ra hoặc làm trầm trọng thêm xung đột. Mặc dù việc thảo luận công khai về lý do từ chối có thể hữu ích, nhưng điều này đôi khi lại nhạy cảm. Do đó, các bên tham gia quy trình FPIC không có nghĩa vụ phải công khai lý do từ chối đánh giá OECM.
- Khi cơ quan quản trị và cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương quyết định tiến hành xác định OECM, việc thiết kế quy trình đa bên có thể tạo cơ hội để giải quyết các tranh chấp. Sự tham gia của các tổ chức pháp lý hoặc hòa giải chuyên nghiệp có thể hữu ích để hỗ trợ các nỗ lực đó.
- Không phải mọi tranh chấp về quyền tiếp cận, quyền sử dụng hay ranh giới đều cần được giải quyết hoàn toàn mới có thể xác định OECM. Trong nhiều trường hợp, các bên có quyền và lợi ích liên quan vẫn có thể kiểm soát và quản lý tranh chấp một cách ổn định, đồng thời duy trì hoạt động quản lý khu tiềm năng. Nếu các tiêu chí liên quan được đáp ứng, sự tồn tại của tranh chấp không tự động khiến khu tiềm năng bị loại khỏi khả năng được công nhận là OECM. Tương tự, những tranh chấp không gắn trực tiếp với địa điểm cụ thể - ví dụ, tranh chấp về quyền đất đai giữa Cộng đồng dân tộc thiểu số và chính phủ - không nên ngăn cản việc xác định OECM, nếu các bên liên quan có thể hợp tác ở mức đủ để đáp ứng các tiêu chí.

Tiêu chí:

3

Khu được xác định rõ ràng về mặt địa lý

Nghiên cứu điển hình 16.

Sếu và Đồng bằng Cheorwon ở Hàn Quốc

Ví dụ về: Một OECM đã được báo cáo, nơi các hoạt động quản lý diễn ra quanh năm nhằm phục vụ việc bảo tồn loài di cư theo mùa.

Sếu được xem là đại diện cho giá trị đa dạng sinh học quan trọng của Đồng bằng Cheorwon. Mặc dù chỉ xuất hiện từ tháng 10 đến tháng 3 hàng năm, nhưng các thể chế và thực hành quản lý hỗ trợ loài này vẫn hoạt động suốt cả năm. Đồng bằng Cheorwon ở tỉnh Gangwon-do, Hàn Quốc, là một sinh cảnh quan trọng cho Sếu đầu đỏ và Sếu gáy trắng. Cả hai loài đều được IUCN coi là “dễ bị tổn thương” trước nguy cơ tuyệt chủng. Cả hai loài đều di cư, trú đông ở Hàn Quốc và các quốc gia lân cận. Tại Cheorwon, Sếu kiếm ăn trên các ruộng lúa bị bỏ hoang, và chất lượng sinh cảnh này phụ thuộc trực tiếp vào cách thức quản lý đất của nông dân địa phương. Từ năm 2004, nông dân ở năm ngôi làng đã hỗ trợ việc bảo tồn sếu bằng cách giữ lại rơm rạ trên ruộng trong mùa đông và duy trì độ ẩm cho đất. Đây là các hành động mang tính tự nguyện, được khuyến khích và thưởng thông qua Thỏa thuận Quản lý Đa dạng Sinh học, trong đó người dân được trả công cho việc quản lý đất thân thiện với sinh thái. Du lịch sinh thái tập trung vào loài chim mang lại thêm cơ hội kinh tế cho người dân địa phương thông qua hoạt động hướng dẫn, lưu trú, và bán gạo mang thương hiệu địa phương. Một số nhóm cộng đồng tại địa phương đã thiết lập nhiều hình thức để người dân tham gia vào chương trình này, dưới sự điều phối của Hội đồng Du lịch Sinh thái Sếu Cheorwon - Khu Phi quân sự (DMZ). Các biện pháp can thiệp đã mang lại hiệu quả, với số lượng Sếu tăng từ dưới 1.000 cá thể của cả hai loài vào năm 1999 lên hơn 3.500 cá thể vào tháng 1 năm 2017. Mặc dù Sếu chỉ có mặt trong sáu tháng trong năm, các quyết định sử dụng và quản lý đất đai được đưa ra trong suốt cả năm ảnh hưởng đến chất lượng của sinh cảnh. Một tổ chức NGO, Quỹ Tín thác Thiên nhiên Quốc gia, làm việc với các nhóm địa phương, gây quỹ và điều phối các hoạt động bảo tồn Sếu. Hiệp hội Vườn quốc gia Hàn Quốc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật (Heo, 2024).



Sếu gáy trắng và con non được chụp ảnh tại nơi sinh sản của chúng ở Mông Cổ. Khoảng một phần tư quần thể toàn cầu của loài chim đang đe dọa này trú đông ở đồng bằng Cheorwon.
© Staffan Widstrand / Các Kỳ quan hoang dã Trung Quốc / WWF

5.3.2 Áp dụng Tiêu chí 4: Đa dạng sinh học quan trọng

CBD định nghĩa đa dạng sinh học là “sự biến đổi giữa các sinh vật sống từ mọi nguồn bao gồm, trong số những nguồn khác, các hệ sinh thái trên cạn, biển và các hệ sinh thái thủy sinh khác và các phức hợp sinh thái mà chúng là một phần; khái niệm này bao gồm sự đa dạng trong loài, giữa các loài và giữa các hệ sinh thái.”

Đây là một yêu cầu rõ ràng rằng các OECMs phải đạt được bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ hiệu quả và bền vững. Do đó, việc xác định OECM cần bao gồm xác định các giá trị đa dạng sinh học mà khu vực đó được cho là quan trọng, dựa trên những hiểu biết tốt nhất hiện có. Thông tin về hiện trạng các giá trị đa dạng sinh học quan trọng của một OECM (ví dụ: diện tích sinh cảnh, quần thể loài) cũng thiết lập dữ liệu nền cho việc giám sát trong tương lai, từ đó có thể giúp xác định xem có cần quản lý bổ sung hay không. Việc đánh giá các giá trị đa dạng sinh học nên tính đến các yêu cầu sinh thái của các loài và hệ sinh thái chủ chốt. Ví dụ, sự sống còn của một loài săn mồi lớn như Báo hoa mai hoặc Báo đốm đòi hỏi một quần thể con mồi khỏe mạnh; một loài Vẹt bị đe dọa có thể phụ thuộc vào sự hiện diện của những cây cổ thụ có hốc làm tổ; một vùng đất ngập nước có thể cần một nguồn nước sạch ổn định, không bị gián đoạn; hoặc một quần thể thực vật quý hiếm có thể được hưởng lợi từ cơ chế quản lý cháy hoặc chăn thả cụ thể.

Tiêu chí:

4

Khu được xác nhận hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng

Đa dạng sinh học của một OECM **không nhất thiết phải quan trọng trên toàn cầu** để đủ điều kiện. OECM có thể được xác định vì đa dạng sinh học mà chúng hỗ trợ là quan trọng ở cấp quốc gia hoặc thậm chí là cấp địa phương. Sách đỏ các loài và hệ sinh thái quốc gia, các kế hoạch hành động đa dạng sinh học, và các tài liệu quy hoạch của các cơ quan và thể chế có liên quan có thể được tham khảo để giúp xác định những giá trị đa dạng sinh học nào được coi là quan trọng. Ngoài ra, sẽ có những thông tin quan trọng được nắm giữ bởi những người lưu giữ tri thức truyền thống và các nhà nghiên cứu tại các trường đại học.

OECM phải có đóng góp đáng kể vào việc bảo tồn giá trị đa dạng sinh học được xác định. Ví dụ, nếu một khu vực được xác định là quan trọng đối với một loài hiếm, nó phải chứa một số lượng hoặc tỷ lệ đáng kể quần thể loài đó. Nếu khu vực quan trọng đối với một hệ sinh thái cụ thể, thì diện tích hệ sinh thái cần đủ lớn và tình trạng bảo tồn đủ tốt để củng cố cho tuyên bố này (xem thêm câu hỏi ‘Một OECM nên có kích thước thế nào’, Mục 5.3.1).

Bảng 4 liệt kê các loại giá trị đa dạng sinh học có thể đủ điều kiện công nhận, trong khi Bảng 5 liệt kê các nguồn thông tin về những khu vực có tầm quan trọng đối với đa dạng sinh học.

Bảng 4. Các loại giá trị đa dạng sinh học cần xem xét để công nhận là OECM và cơ sở lý luận cho từng loại (chuyển thể từ Watson và cộng sự, 2020). Các OECM cần bảo vệ một cách hiệu quả một hoặc nhiều thành phần sau đây của đa dạng sinh học bản địa:

Các khu vực có tầm quan trọng đối với Đa dạng sinh học	Lý do
Các loài và hệ sinh thái quý hiếm hoặc bị đe dọa	Các OECMs có thể là một công cụ quan trọng trong việc ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài và kìm hãm sự suy giảm của các loài bị đe dọa. Hiện có những thiếu sót đáng kể trong việc bảo vệ nhiều loài và hệ sinh thái có nguy cơ tuyệt chủng trên đất liền, vùng nước nội địa và biển, đây là những trọng tâm cần được ưu tiên trong Mục tiêu 3 của GBF.
Các hệ sinh thái tự nhiên ít được đại diện trong các mạng lưới khu bảo tồn. <i>Điều này có thể bao gồm các hệ sinh thái quan trọng toàn cầu (ví dụ: các thủy vực quan trọng, đất ngập nước, rừng mưa nhiệt đới, rạn san hô)</i>	Điều quan trọng là phải có các ví dụ về tất cả các loại hệ sinh thái trong các khu được bảo vệ và bảo tồn. Các hệ sinh thái quan trọng toàn cầu được công nhận (ví dụ: các khu Ramsar) và các đánh giá quốc tế khác cần được bảo vệ một cách chủ động.
Mức độ toàn vẹn hoặc nguyên vẹn sinh thái cao	Những nơi này rất quan trọng cho việc bảo tồn loài và hệ sinh thái, đặc biệt là khi xem xét các tác động của biến đổi khí hậu. Việc bảo tồn các thành phần nguyên vẹn nhất của hệ sinh thái được coi là một cách tiếp cận bảo tồn ‘không hối tiếc’. Các hệ sinh thái này hiện không được bảo vệ đầy đủ.
Quần thể/phạm vi đáng kể của các loài hoặc hệ sinh thái đặc hữu hoặc có phạm vi phân bố hẹp	Các loài và hệ sinh thái có phạm vi phân bố hẹp có thể dễ bị tuyệt chủng hơn và nên được ưu tiên bảo tồn.
Các hệ sinh thái quan trọng cho các giai đoạn sống của loài, bao gồm các nơi tập trung như khu vực kiếm ăn, nghỉ ngơi, lột xác, sinh sản và nhân giống	Những khu vực này rất quan trọng để bảo vệ các quá trình sinh thái chính cần thiết để duy trì một số quần thể loài nhất định.
Kết nối sinh thái	Các khu vực quan trọng cho kết nối sinh thái, và được quản lý nhằm duy trì kết nối sinh thái, có thể được công nhận là OECM nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí.
<i>Ngoài việc bảo tồn đa dạng sinh học thông qua các giá trị ở trên, việc đánh giá giá trị của một khu vực có thể cân nhắc các yếu tố sau:</i>	
Nơi trú ẩn khí hậu cho các loài và hệ sinh thái	Nhiều loài đang di cư do những thay đổi của khí hậu. Do đó, các sinh cảnh ‘trú ẩn’ có khả năng sẽ là các yếu tố then chốt để duy trì nhiều loài, đặc biệt là đối với những loài có nguy cơ tuyệt chủng hoặc có khả năng trở nên nguy cấp trong tương lai.
Các hệ sinh thái lưu giữ khối lượng carbon cao trong sinh khối trên mặt đất hoặc dưới mặt đất. Những khu vực này cũng có giá trị đa dạng sinh học cao.	Việc hấp thụ và lưu trữ carbon trong thảm thực vật bản địa là một thành phần quan trọng trong các chiến lược giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Các khu bảo tồn và OECMs đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ các hệ sinh thái có khối lượng carbon cao, đặc biệt là những khu vực có nguy cơ bị suy thoái. Các hệ sinh thái có khối lượng carbon cao thường là những khu vực có tầm quan trọng đối với đa dạng sinh học.

Tiêu chí:

4

Khu được xác nhận hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng

Các bộ dữ liệu toàn cầu có sẵn là một tài liệu tham khảo quan trọng khi xác định dữ liệu cho một khu tiềm năng và áp dụng các tiêu chí được mô tả ở trên (xem Bảng 5 bên dưới). Thông tin cũng có thể có sẵn từ các nguồn như:

- Các báo cáo và bài báo nghiên cứu đã được công bố;
- Các cơ quan quản trị, những người có thể có kiến thức sâu rộng về các sinh cảnh và loài của khu vực, và các bên liên quan có thông tin về những thay đổi mà họ đã quan sát được trong suốt cuộc đời của họ;
- Các viện nghiên cứu địa phương hoặc các tổ chức NGO, có thể giúp đỡ trong việc đánh giá đa dạng sinh học;
- Ảnh chụp và hình ảnh vệ tinh. Các hình ảnh cũ hơn có thể cho thấy những thay đổi theo thời gian.

Bảng 5. Các bộ dữ liệu toàn cầu có sẵn để hỗ trợ xác định OECMs. Tất cả các bộ dữ liệu này đều dựa trên một hoặc nhiều tiêu chí được mô tả trong Bảng 4. Điều quan trọng là các quốc gia phải xem xét liệu các địa điểm được xác định trên toàn cầu này có được bảo vệ và bảo tồn đầy đủ như một phần của kế hoạch cho OECMs

Bộ dữ liệu toàn cầu để xác định các Giá trị Đa dạng sinh học Quan trọng	Tiêu chí sinh thái	Số lượng địa điểm được xác định tính đến tháng 1 năm 2024
Sách Đỏ IUCN về các loài bị đe dọa	Các biến động tổng số quần thể loài và xu hướng của các quần thể; bản đồ phân bố loài	163.000 loài được đánh giá, với hơn 45.000 loài trong số đó được phát hiện là bị đe dọa tuyệt chủng
Sách Đỏ các Hệ sinh thái	Các biến động về diện tích, chất lượng hoặc các quá trình sinh thái hỗ trợ các hệ sinh thái chủ chốt	Hơn 4.000 đơn vị hệ sinh thái đã được đánh giá.
Các Khu vực Đa dạng sinh học Trọng yếu	Các loài hoặc hệ sinh thái bị đe dọa hoặc có giới hạn địa lý (bất kỳ đơn vị phân loại nào) (trên cạn, nước ngọt, biển, dưới lòng đất), các quá trình sinh học, tính toàn vẹn sinh thái và tính không thể thay thế.	16,336
Các địa điểm của Liên minh Không Tuyệt chủng	Các loài cực kỳ nguy cấp hoặc nguy cấp (bất kỳ đơn vị phân loại nào) chỉ giới hạn ở các khu vực duy nhất	1,465
Các Khu vực Biển có Ý nghĩa Sinh thái và Sinh học	Các loài/sinh cảnh biển độc đáo/hiếm/bị đe dọa, có năng suất sinh học cao, đa dạng loài biển cao, các khu vực quan trọng trong vòng đời của loài, dễ bị tổn thương trước tác động của con người, tự nhiên/tương đối nguyên vẹn	321
Các khu Ramsar	Các loài đất ngập nước bị đe dọa hoặc hiếm/độc đáo, các quần thể chim nước và cá nước ngọt, các quá trình sinh học	2,471
Các Khu vực Thực vật quan trọng	Các loài thực vật bị đe dọa và có giới hạn địa lý, sự phong phú của thực vật, sinh cảnh bị đe dọa và các loài thực vật có tầm quan trọng về văn hóa/kinh tế	2,246
Các Khu vực Động vật biển có vú quan trọng	Các địa điểm quan trọng đối với các loài động vật có vú ở biển bị đe dọa/suy giảm, các quần thể có giới hạn địa lý, các nơi tập trung, các khu vực quan trọng cho sinh sản, kiếm ăn và di cư, và các khu vực có đa dạng loài cao hoặc tính đặc trưng của hành vi/di truyền	391
Các khu vực có Giá trị Bảo tồn cao	Các cảnh quan sản xuất sơ cấp trong rừng: đa dạng loài (bị đe dọa và đặc hữu), các hệ sinh thái cấp cảnh quan lớn, các hệ sinh thái hiếm/bị đe dọa, cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái, quan trọng cho nhu cầu cộng đồng và giá trị văn hóa quan trọng	226
Các Khu vực Cá mập và Cá đuối quan trọng	Cách tiếp cận sáng tạo dựa trên chuyên gia để xác định các phần sinh cảnh riêng biệt có ý nghĩa sống còn đối với cá mập, cá đuối và cá nhám voi	122

Tiêu chí:

4 Khu được xác nhận hỗ trợ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng

5.3.3 Áp dụng Tiêu chí 5: Được quản trị và quản lý

‘Quản trị’ hàm ý rằng khu vực đó thuộc thẩm quyền của một thực thể cụ thể, hoặc một sự kết hợp của các thực thể. Các OECMs có các hình thức quản trị tương tự như các khu bảo tồn, cụ thể là:

- Quản trị bởi chính phủ (ở các cấp độ khác nhau);
- Quản trị bởi cá nhân, tổ chức hoặc công ty tư nhân;
- Quản trị bởi các cộng đồng địa phương và/hoặc cộng đồng dân tộc thiểu số; và
- Quản trị chung, tức là sự phối hợp quản lý giữa nhiều bên có quyền và lợi ích liên quan (Dudley, 2008; Borrini-Feyerabend và cộng sự, 2013)

Một khu vực không có cơ chế quản trị không phải là một OECM, mặc dù đa dạng sinh học của nó có thể vẫn còn nguyên vẹn. Ví dụ, các khu vực không được quản lý ở vùng biển khơi, các khu vực đang có xung đột quân sự, và các khu vực khác tình cờ ở trong tình trạng tự nhiên hoặc gần tự nhiên không nên được coi là OECM nếu không có chế độ quản lý đảm bảo hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ lâu dài. Các cơ chế quản lý có thể bao gồm các quyết định có chủ đích để khu vực không bị tác động.

Việc xác định nhóm nào là thực thể quản trị không phải lúc nào cũng rõ ràng. Ví dụ, có thể có sự khác biệt giữa người quản lý theo pháp lý (de jure) và người quản lý trên thực tế (de facto), hoặc sự chồng chéo giữa các chủ thể quản trị khác nhau, và thay đổi theo mùa hoặc theo các yếu tố khác. Một số nhóm có thể tuyên bố quyền dựa trên những vi phạm và sự di dời trong quá khứ (Borrini-Feyerabend và cộng sự, 2013; Stevens và cộng sự, sắp xuất bản). Sự chồng chéo về quản trị và các tuyên bố quyền lợi tranh chấp nên được thừa nhận và giải quyết một cách công bằng trước khi xác định OECM. Sự chồng chéo hoặc yêu cầu mới phát sinh có thể cần được giải quyết sau khi khu vực được công nhận là OECM. Quy trình OECM quốc gia (xem Mục 3.4) có thể là một diễn đàn phù hợp để thiết lập cơ chế giải quyết các vấn đề này. Loại hình quản trị cũng có thể thay đổi theo thời gian - bao gồm cả việc hướng tới các thỏa thuận quản trị chung và do cộng đồng dân tộc thiểu số hoặc cộng đồng dẫn dắt được công nhận chính thức hơn (hoặc công nhận tốt hơn). Các cơ quan quản trị OECM - cùng với các bên có quyền và các bên liên quan - có thể đánh giá lại và điều chỉnh hình thức quản trị nếu cần, nhằm đảm bảo phù hợp nhất và tôn trọng quyền lợi.

Quản trị và quản lý chung. Một số khu vực được quản lý bởi nhiều nhóm hoặc cơ quan, thường có các mục tiêu, thẩm quyền và nguồn lực khác nhau, và với các mức độ phối hợp và hợp tác khác nhau. Ví dụ, một khu vực có thể do cơ quan lâm nghiệp quản lý bảo vệ lưu vực nước, trong khi cộng đồng dân tộc thiểu số canh tác và thu hái lâm sản ngoài gỗ, và một công ty cấp nước khai thác nước suối từ đó. Một hệ sinh thái nước ngọt có thể do nhiều cơ quan chính phủ quản lý về cấp nước, thủy lợi, du lịch, trong khi cộng đồng địa phương quản lý thủy sản.

Đối với các khu vực có nhiều bên liên quan, việc quản lý thông qua một tổ chức điều phối toàn diện, có thẩm quyền và năng lực có thể là một mô hình. Tuy nhiên, sự tồn tại của một tổ chức như vậy không phải là điều kiện bắt buộc để công nhận OECM. Khi áp dụng Tiêu chí 5, người đánh giá cần cân nhắc liệu có tồn tại một hoặc nhiều cơ chế hoặc tổ chức, khi phối hợp với nhau, có thể đảm bảo quản lý hiệu quả các tài nguyên và giá trị chủ chốt của khu vực hay không. Cần ghi nhận rằng các cơ chế quản lý dựa vào cộng đồng có thể mang tính phi chính thức và không văn bản hóa, nhưng vẫn có hiệu quả thực tế. Ví dụ, việc đóng cửa khu săn bắn hoặc đánh bắt theo chu kỳ có thể đủ để duy trì quần thể loài hoang dã, mà không cần hệ thống ra quyết định chính thức. Việc phối hợp giữa các cơ quan là điều đáng khuyến khích nhưng không bắt buộc khi xác định OECM; tuy nhiên, các cơ quan phải tiếp tục hành động theo những cách góp phần duy trì giá trị đa dạng sinh học của khu vực. Tác động tiềm ẩn của việc công nhận OECM đến mối quan hệ giữa các bên liên quan cũng nên được cân nhắc cẩn trọng trong quá trình xin ý kiến đồng thuận.

Tiêu chí:

5

Có các thể chế hoặc cơ chế để quản trị và quản lý khu

Nghiên cứu điển hình 17.

Vùng ngập lũ Kadwa Kosi



Địa điểm: Bihar, Ấn Độ | **Ví dụ về:** Một OECM tiềm năng nơi nhiều bên liên quan đảm nhận vai trò khác nhau nhưng mang tính hỗ trợ trong công tác quản lý, và các nỗ lực phối hợp đã mang lại tác động tích cực cho bảo tồn.

Kadwa Kosi là một vùng đất ngập nước có diện tích 1.600 ha được cộng đồng bảo tồn tại bang Bihar, Ấn Độ. Khu vực này có ý nghĩa quan trọng đối với các loài sinh vật sống trong vùng đất ngập nước, trong đó nổi bật là một quần thể sinh sản nhỏ của loài già đẫy lớn. Số lượng già đẫy đã tăng từ khoảng 75 con vào năm 2005-2006 lên hơn 750 con vào năm 2018-2019 do kết quả của việc quản lý tại địa phương, và đây là đối tượng của du lịch sinh thái ngắm chim quy mô nhỏ. Khu vực này hỗ trợ năm loài cò khác, và cá heo sông Hằng có nguy cơ tuyệt chủng được phát hiện trong sông lân cận.

Vùng đất ngập nước Kadwa Kosi được quản trị bởi hội đồng làng (Gram Sabha), là một phần của Panchayat (hội đồng địa phương). Gram Sabha đưa ra các quyết định về sử dụng đất và bảo tồn. Chi cục Lâm nghiệp của chính quyền địa phương cung cấp hỗ trợ quản lý, bao gồm triển khai các hoạt động giáo dục và quản lý thực địa. Một tổ chức NGO có trụ sở tại một thị trấn địa phương cung cấp tư vấn kỹ thuật cho chính quyền và cộng đồng, và hỗ trợ truyền thông và nâng cao nhận thức về bảo tồn (UNDP, 2022).

Các khu vực ngoài biên giới quốc gia. Một OECM có thể thuộc khu vực ngoài quyền tài phán quốc gia (ví dụ: vùng biển quốc tế), miễn là có một cơ chế quản trị.

Các khu vực không có quản trị hoặc quản lý. Một khu vực không đáp ứng Tiêu chí 5 nếu tồn tại tình trạng tiếp cận tự do, không có tổ chức hoặc cơ chế quản lý. Việc đánh giá Tiêu chí 5 có khả năng liên quan chặt chẽ đến việc đánh giá Tiêu chí 6 (Quản trị và quản lý khu vực đạt được, hoặc được kỳ vọng sẽ đạt được, bảo tồn tại chỗ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng). Ví dụ, nếu một khu vực có một tổ chức quản lý, nhưng tổ chức này hoạt động không hiệu quả và không thể ngăn chặn sự suy thoái, thì khu vực đó có thể đáp ứng Tiêu chí 5, nhưng không đáp ứng được Tiêu chí 6.

Tiêu chí:

6

Quản trị và quản lý khu vực đạt được, hoặc được kỳ vọng sẽ đạt được, bảo tồn tại chỗ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng

5.3.4 Áp dụng Tiêu chí 6: Bảo tồn tại chỗ

Định nghĩa của CBD về OECM nêu rõ rằng các khu vực này được quản trị và quản lý theo những cách đạt được bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ lâu dài. CBD định nghĩa “bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ” là:

Việc bảo tồn các hệ sinh thái và sinh cảnh tự nhiên và việc duy trì và phục hồi các quần thể loài có khả năng tồn tại trong môi trường tự nhiên của chúng và, trong trường hợp các loài được thuần hóa hoặc trồng trọt, trong môi trường nơi chúng đã phát triển các đặc tính riêng biệt của mình. (Điều 2 CBD).

Ngoài ra, OECM được kỳ vọng sẽ đạt được **bảo tồn đa dạng sinh học nói chung**, chứ không chỉ giới hạn ở một số thành phần được lựa chọn. Các định nghĩa của CBD về “đa dạng sinh học” và “bảo tồn tại chỗ” đều công nhận rõ ràng rằng một loài đơn lẻ chỉ có thể tồn tại tại chỗ như một phần trong mạng lưới liên kết với các loài khác và môi trường phi sinh học. Do đó, các biện pháp bảo tồn chỉ tập trung vào các loài đơn lẻ hoặc một nhóm đa dạng sinh học không được phép làm tổn hại đến toàn bộ hệ sinh thái rộng hơn.

Việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ trong một OECM có thể là có chủ ý, hoặc là một hệ quả phụ từ hoạt động quản lý cho mục đích khác. Do đó, không giống như các khu bảo tồn, OECMs không cần phải có mục tiêu chính là bảo tồn. Tuy nhiên, phải có một mối liên hệ nhân quả trực tiếp giữa việc quản lý khu vực và việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ. Loại hình quản lý có thể linh hoạt, miễn là duy trì được và tạo ra các kết quả tích cực trong bảo tồn đa dạng sinh học. “Được quản lý” cũng có thể bao gồm quyết định có chủ đích là để khu vực đó ở trạng thái không bị tác động.

Quản lý các mối đe dọa. OECM phải có hiệu quả trong việc mang lại các kết quả tích cực và bền vững cho bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ. Điều này bao gồm việc có các cơ chế để giải quyết các mối đe dọa hiện tại hoặc có thể phát sinh trong tương lai (xem Mathur và cộng sự, 2017 để được hướng dẫn về xác định và quản lý mối đe dọa). Việc **đánh giá các mối đe dọa** sẽ giúp xác định những nguy cơ quan trọng đối với các giá trị đa dạng sinh học quan trọng. Phân loại tiêu chuẩn của Hiệp hội Đối tác Bảo tồn có thể được sử dụng làm cơ sở để xác định cả các mối đe dọa hiện tại và tương lai. Các nhóm mối đe dọa chính được trình bày trong Bảng 6.

Bảng 6. Phân loại các mối đe dọa trực tiếp của Hiệp hội Đối tác Bảo tồn IUCN.

1. Phát triển khu dân cư và thương mại
2. Nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản
3. Sản xuất năng lượng và khai khoáng
4. Hành lang giao thông và dịch vụ
5. Khai thác tài nguyên sinh học
6. Sự xâm nhập và gây xáo trộn của con người
7. Biến đổi hệ thống tự nhiên
8. Các loài xâm lấn & có vấn đề, mầm bệnh & gen
9. Ô nhiễm
10. Các hiện tượng địa chất
11. Biến đổi khí hậu

Các yếu tố có thể hỗ trợ trong việc đánh giá năng lực quản lý để ứng phó với áp lực và mối đe dọa bao gồm:

- Các giá trị đa dạng sinh học quan trọng vẫn tiếp tục hiện diện tại khu vực. Đây là một chỉ báo mạnh mẽ cho thấy các áp lực trong quá khứ và hiện tại đang được kiểm soát hiệu quả.
- Có một cơ chế để giám sát sự hiện diện và tình trạng của các giá trị đa dạng sinh học quan trọng. Cơ chế này có thể mang tính không chính thức hoặc gián tiếp, nhưng phải cho phép những người chịu trách nhiệm quản lý nhận biết được nếu các giá trị đa dạng sinh học quan trọng đang thay đổi. Khi không thể giám sát trực tiếp các giá trị đa dạng sinh học, có thể sử dụng các đặc điểm môi trường hoặc hoạt động quản lý như là chỉ thị thay thế. Để một phương pháp tiếp cận như vậy đáng tin cậy, phải có một mối liên hệ rõ ràng giữa sự tồn tại của giá trị đa dạng sinh học và yếu tố đang được giám sát.
- Việc quản lý có đủ năng lực để quản lý các áp lực hiện tại. Điều này có thể được minh chứng thông qua lịch sử quản lý, các hành động hiện tại, hoặc qua một cơ sở pháp lý vững chắc hay quy ước tập quán cho phép tổ chức quản lý thực thi quyền kiểm soát.
- Quản lý có khả năng xác định và ứng phó với các mối đe dọa mới. Các yếu tố ủng hộ đánh giá tích cực gồm lịch sử phát hiện và xử lý thành công các mối đe dọa mới; có mạng lưới hợp tác với các tổ chức khác có thể cung cấp hỗ trợ tài chính hoặc kỹ thuật khi cần thiết; và có cơ chế báo cáo sự cố và ra quyết định ứng phó phù hợp.

Trong các trường hợp mà việc bảo tồn các giá trị chính của khu vực phụ thuộc vào các hành động hoặc điều kiện ngoài tầm kiểm soát quản lý của chính nó, cách thức mà các hành động hoặc điều kiện đó sẽ đạt được hoặc duy trì sẽ cần được giải thích.

Hoạt động công nghiệp trong OECMs. Các hoạt động công nghiệp gây hại cho môi trường và phát triển cơ sở hạ tầng không nên diễn ra trong các OECMs. Điều này phù hợp với Khuyến nghị 102 của IUCN (WCC-2016-Rec-102-EN), kêu gọi các chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền “thông qua và thực hiện các chính sách nhằm hạn chế các hoạt động công nghiệp và phát triển hạ tầng gây tổn hại đến môi trường, có thể tác động tiêu cực đến bất kỳ khu vực nào có tầm quan trọng đặc biệt đối với đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, vốn đã được chính phủ xác định là thiết yếu để đạt được các Mục tiêu Đa dạng Sinh học Aichi.” Các hoạt động công nghiệp gây hại cho môi trường bao gồm, ví dụ, đánh bắt cá và lâm nghiệp công nghiệp, khai khoáng công nghiệp, khai thác dầu khí, và nông nghiệp công nghiệp. Phát triển cơ sở hạ tầng gây hại cho môi trường bao gồm các dự án như xây dựng và vận hành đập, đường và đường ống.

Một số OECM tiềm năng được quản lý nhằm khai thác hoặc sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở mức độ thấp. Nếu việc quản lý này mang tính bền vững, nó có thể dẫn đến các kết quả bảo tồn hiệu quả, phù hợp với định nghĩa của CBD về bảo tồn tại chỗ. Việc đánh giá xem các giá trị đa dạng sinh học có thực sự được bảo tồn hiệu quả bởi quản lý bền vững hay không có thể là điều khó khăn. Những hướng dẫn sau được áp dụng trong các trường hợp này:

- Khi tài nguyên được khai thác **không phải** là giá trị đa dạng sinh học quan trọng đã xác định của khu vực, thì cần làm rõ việc quản lý và sử dụng tài nguyên đó ảnh hưởng như thế nào, tích cực hay tiêu cực đến các giá trị quan trọng.
- Khi tài nguyên được khai thác chính là giá trị đa dạng sinh học quan trọng mà khu vực được đề xuất công nhận là OECM, thì cần phải chứng minh rằng việc sử dụng này không đe dọa đến sự tồn tại lâu dài của loài hoặc hệ sinh thái (và tốt hơn nữa là được cải thiện, ví dụ thông qua quản lý chủ động) bởi việc sử dụng khu vực này.

Tiêu chí:

6

Quản trị và quản lý khu vực đạt được, hoặc được kỳ vọng sẽ đạt được, bảo tồn tại chỗ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng

5.3.5 Áp dụng Tiêu chí 7: Quản trị và quản lý bền vững

Định nghĩa của CBD về OECM bao gồm quy định rằng “quản trị và quản lý bền vững dẫn đến việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ lâu dài.” Điều này có nghĩa là các khu vực có chiến lược quản lý ngắn hạn hoặc tạm thời không được xem là một OECM. Ví dụ, một khu vực cấm đánh bắt thủy sản thương mại chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhằm phục hồi nguồn lợi thủy sản bị khai thác quá mức sẽ không được coi là OECM.

Một số khu vực có chế độ quản lý theo mùa (ví dụ: các khu vực được quản lý để bảo vệ các loài chim di cư - xem Nghiên cứu điển hình 16 về vùng Đồng bằng Cheorwon) có thể đủ điều kiện là OECM nếu các biện pháp theo mùa này mang lại tác động bảo tồn cần thiết, và là một phần trong chế độ quản lý tổng thể bền vững nhằm đảm bảo bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ về lâu dài.

Vì không thể biết chắc chắn điều gì sẽ xảy ra với một khu vực trong tương lai, quá trình đánh giá OECM cần đưa ra phán đoán về mức độ khả thi mà cơ chế quản trị và quản lý hiện có sẽ tiếp tục được duy trì và mang lại kết quả bảo tồn lâu dài. Công cụ xác định OECMs cấp khu vực đặt câu hỏi: “Liệu có **khả năng hợp lý** rằng các giá trị đa dạng sinh học quan trọng là lý do khu vực được xác định sẽ được bảo tồn tại chỗ trong dài hạn hay không?” Một số ví dụ về các yếu tố có thể cấu thành “khả năng hợp lý” bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

- Tình trạng pháp lý trao quyền bảo vệ cho khu vực và/hoặc cho các giá trị đa dạng sinh học của khu vực, và tình trạng đó không dễ bị đảo ngược.
- Văn bản chính sách hoặc quy hoạch chính thức có giá trị pháp lý đáng kể, có thể thực thi và ít khả năng bị thay đổi - ví dụ như quy hoạch không gian hoặc quy hoạch phát triển.
- Một hình thức bảo vệ khác có ý nghĩa trong bối cảnh địa phương - ví dụ, sự công nhận lãnh thổ theo phong tục tập quán của cộng đồng dân tộc thiểu số, trong một bối cảnh nơi quyền đối với các lãnh thổ như vậy được công nhận và tôn trọng rộng rãi.
- Một thỏa thuận pháp lý, hợp đồng ràng buộc hoặc một cơ chế khác có thể thực thi bằng luật và bảo đảm việc quản lý bảo tồn tại khu vực. Điều này có thể áp dụng, ví dụ, trong trường hợp một chủ sở hữu đất tư nhân và chính phủ có hợp đồng, theo đó chính phủ trả tiền cho chủ đất để quản lý khu vực nhằm bảo vệ đa dạng sinh học.
- Đối với khu vực được quản lý tư nhân, việc đưa cam kết bảo tồn vào điều lệ của công ty sở hữu khu vực, hoặc một cam kết tương đương có tính dài hạn.

“Quản trị và quản lý bền vững” không được định nghĩa bằng một số năm cụ thể, vì không thể xác định một con số phù hợp cho tất cả các quốc gia, và một số quốc gia đã có định nghĩa riêng. Ví dụ, Úc đã có một định nghĩa được thiết lập từ lâu về “dài hạn” – là khung thời gian tối thiểu 99 năm nếu không thể bảo vệ vĩnh viễn, và định nghĩa này được tích hợp trong cả chính sách quốc gia và các thỏa thuận pháp lý (Fitzsimons và cộng sự, 2024). Hướng dẫn của IUCN về các khu vực được tư nhân bảo vệ cho rằng: trong trường hợp không thể chứng minh rằng khu vực được bảo vệ vĩnh viễn, thì “dài hạn” phải được bảo đảm (tức là thông qua các biện pháp pháp lý hoặc các hình thức tương đương, rõ ràng) trong ít nhất 25 năm, nhưng ý định vẫn phải hướng tới sự bảo vệ vĩnh viễn.

Tiêu chí:

7
Việc bảo tồn tại chỗ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng được kỳ vọng sẽ diễn ra lâu dài

Nghiên cứu điển hình 18.

Đáp ứng yêu cầu về quản trị và quản lý ‘bền vững’ tại Disko Fan

Địa điểm: Nunavut, Canada | **Ví dụ về:** Một OECM đã được báo cáo là nơi có cam kết bảo tồn dài hạn đã được nâng cấp để đủ điều kiện là một OECM.

Khi khu vực Disko Fan lần đầu được đề xuất là một OECM, nó được bảo vệ thông qua lệnh cấm đánh bắt tầng đáy tạm thời trong năm năm, điều này không có khả năng đáp ứng yêu cầu về quản trị OECM phải bền vững. Việc thay đổi tình trạng khu vực này thành khu bảo tồn biển vĩnh viễn sau đó đã cho phép nó đủ điều kiện công nhận là OECM.

Disko Fan là một nón quạt bồi tích ngầm thuộc vùng biển Bắc Cực, ngoài khơi đảo Baffin, Canada. Diện tích khu vực là 7.485 km², có ý nghĩa sinh thái quan trọng đối với các loài san hô nước lạnh, bao gồm các loài hải miên lớn thuộc họ

Gorgoniidae và một loài san hô tre độc đáo, và cũng quan trọng đối với kỳ lân biển và các loài cá heo và cá voi khác. Ban đầu, hoạt động đánh bắt gây hủy hoại đã bị ngăn chặn thông qua kế hoạch quản lý nghề cá tổng hợp, một biện pháp tạm thời được rà soát lại mỗi năm năm và có thể bị hủy bỏ bất cứ lúc nào. Sau đó, khu vực này được Cục Nghề cá và Đại dương Canada công nhận là khu bảo tồn biển, có nghĩa là nó là một “khu vực cấm đánh bắt cá theo Đạo luật Thủy sản liên bang góp phần vào việc bảo tồn đa dạng sinh học trong dài hạn” (Chính phủ Canada, không ghi ngày).



5.3.6 Áp dụng Tiêu chí 8: Quản trị và quản lý công bằng

Cũng như các khu bảo tồn, việc quản trị các OECMs cần phải công bằng và phản ánh các nguyên tắc về quyền con người được công nhận trong các công cụ quốc tế và khu vực, cũng như trong pháp luật quốc gia, bao gồm cả các quy định liên quan đến bình đẳng giới và quyền của các Cộng đồng dân tộc thiểu số. Việc đánh giá mức độ công bằng cần đặt trong bối cảnh cụ thể của từng khu vực, vì sẽ có rất nhiều tình huống khác nhau. Trong một số trường hợp, vấn đề này có thể nhạy cảm và cần sự tham gia của chuyên gia phù hợp, cũng như việc tạo điều kiện cho một quy trình đối thoại để tất cả các bên liên quan có thể bày tỏ quan điểm một cách công khai.

Phụ lục II (I/B) trong Quyết định 14/8 của CBD về “Hướng dẫn tự nguyện về các mô hình quản trị hiệu quả và công bằng” nêu rõ rằng việc quản trị OECM cần phản ánh các yếu tố công bằng được thông qua trong CBD, và xác định công bằng dựa trên ba chiều cạnh:

- Công nhận: Thừa nhận và tôn trọng quyền, sự đa dạng về bản sắc, hệ giá trị, tri thức và thể chế của các bên có quyền.
- Thủ tục: Quy trình xây dựng quy tắc và ra quyết định mang tính bao trùm, minh bạch và có trách nhiệm giải trình, cùng với việc thực thi pháp luật một cách hiệu quả và công bằng.
- Phân phối: Chi phí và lợi ích phát sinh từ việc quản lý OECM được chia sẻ một cách công bằng giữa các bên có quyền và các bên liên quan.

Theo IUCN, trong thực tiễn, công bằng có nghĩa là các can thiệp bảo tồn cần thúc đẩy phúc lợi cho các cộng đồng bị ảnh hưởng, với các nguyên tắc cốt lõi bao gồm: chia sẻ năng lực, quyền lực và lợi ích với các bên có quyền và các bên liên quan (WCC-2020-Res-002-EN, 2020; WWF và IUCN WCPA, 2023). Hướng dẫn cũng thừa nhận rằng có thể cần đến các biện pháp sửa chữa và hòa giải đối với các bất công trong quá khứ trước khi các bên có quyền và bên liên quan có thể tham gia vào thảo luận về bảo tồn đa dạng sinh học trong tương lai. Hướng dẫn đưa ra các bước thực tiễn để cải thiện tính công bằng trong quản trị khu vực bảo tồn và khu vực được bảo tồn bao gồm: hỗ trợ cho tất cả các loại hình quản trị, công nhận các thể giới quan và hệ thống tri thức khác nhau, sử dụng các biện pháp bảo vệ và đánh giá có sự tham gia, tiếp cận công lý và hỗ trợ hòa giải, phân phối công bằng chi phí và lợi ích, tiếp cận công bằng các cơ hội tài trợ, tăng cường tính minh bạch và phối hợp, cải thiện việc xây dựng năng lực, và tăng cường các quy trình và cơ chế để giải quyết bất bình đẳng bằng cách thúc đẩy thay đổi hệ thống.

Hướng dẫn này cũng lưu ý rằng quản trị công bằng có mối liên hệ chặt chẽ với các cách tiếp cận dựa trên quyền con người, và cung cấp hướng dẫn về cách xem xét cả các khía cạnh thủ tục và nội dung liên quan đến quyền con người. Hướng dẫn cũng liên hệ nhiều công cụ có thể sử dụng để đánh giá chất lượng quản trị, đồng thời nhấn mạnh rằng hiệu quả của các công cụ này phụ thuộc vào chất lượng quy trình áp dụng, cũng như cam kết theo dõi và thực hiện các kết quả đánh giá.

Tiêu chí 8 áp dụng khuôn khổ của CBD để xác định tính công bằng (gồm ba yếu tố: công nhận, thủ tục và phân phối, xem ở trên). Tiêu chí này ghi nhận rằng:

- **Các yếu tố công bằng sẽ khác nhau giữa các khu vực.** Một khu vực có một cơ quan quản trị duy nhất và không có bên nào khác có quyền có thể không phát sinh vấn đề liên quan đến công bằng, và có thể mặc định đáp ứng tiêu chí này mà không cần phân tích sâu hơn. Ngược lại, một khu vực có nhiều bên có quyền tham gia vào quá trình quản trị, ví dụ như cộng đồng địa phương phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên, một công ty tư nhân có quyền khai thác, và một cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm giám sát, có thể đòi hỏi nỗ lực đáng kể để đảm bảo sự tham gia hiệu quả và đối thoại đa chiều về quyền, trách nhiệm và chia sẻ lợi ích.
- **Công bằng không phải là một khái niệm cố định và không thể đo lường bằng một chỉ số đơn giản.** Việc đánh giá OECM cần xác định các vấn đề trọng yếu liên quan đến công bằng tại khu vực, có tham chiếu đến văn hóa và chuẩn mực địa phương, đặc biệt trong mối liên hệ với quản trị, quản lý và mục tiêu bảo tồn tại chỗ các giá trị đa dạng sinh học quan trọng.
- **Gần như luôn có cơ hội để cải thiện tính công bằng tại bất kỳ khu vực nào có vấn đề về công bằng.** Quá trình đánh giá OECM nên phối hợp với các bên liên quan để xác định mức độ công bằng hiện tại, và chỉ ra các cải tiến đã, đang hoặc có thể được thực hiện. Để đáp ứng tiêu chí về công bằng, đánh giá khu vực cần chứng minh rằng quản trị và quản lý đã có xem xét đến các vấn đề liên quan, và có khả năng hợp lý để đạt được các kết quả ngày càng công bằng hơn trong tương lai.
- **Việc đánh giá hoặc công nhận một khu vực là OECM không bao giờ được dẫn đến việc phủ nhận hoặc vi phạm quyền con người của bất kỳ nhóm nào, và nếu có thể, cần góp phần giải quyết xung đột và vi phạm.** Những khu vực đang có các vấn đề nghiêm trọng và kéo dài như: trục xuất cưỡng bức, loại trừ những người có quyền theo tập quán, hoặc xung đột bạo lực giữa các bên liên quan, sẽ không đáp ứng được tiêu chí công bằng.

Tiêu chí:

8

Các cơ chế quản trị và quản lý có xem xét đến các yếu tố công bằng

- Trong một số trường hợp, kết quả thiếu công bằng có thể bắt nguồn từ bối cảnh rộng hơn và không thể được giải quyết ở cấp độ khu vực. Ví dụ, một khu vực nơi khung pháp lý quốc gia quy định việc người dân địa phương sử dụng tài nguyên là bất hợp pháp, và không có cơ chế nào để công nhận quyền tiếp cận của họ. Sự hiện diện của các yếu tố bất công như vậy không nên tự động khiến khu vực không đáp ứng được Tiêu chí 8. Trong những trường hợp này, đánh giá OECM ở cấp độ khu vực nên tập trung vào những thay đổi tích cực có thể thực hiện được để hướng đến kết quả công bằng hơn, trong phạm vi của các luật và chính sách hiện hành.

Điểm khởi đầu để thảo luận về vấn đề công bằng tại một khu vực là danh sách các bên có quyền và bên liên quan đã được xác định (Bước 2 trong công cụ cấp khu). Sau đó, cần xác định quyền của từng nhóm bị ảnh hưởng như thế nào, dựa trên ba khía cạnh của quản trị công bằng (công nhận, thủ tục, phân phối). Bộ công cụ SAGE dùng để đánh giá tình trạng công bằng trong các khu bảo tồn và được bảo tồn, cung cấp một khung khả thi để tiến hành đánh giá có sự tham gia, đa bên liên quan, với trọng tâm là quyền của cộng đồng.

Tiêu chí:

8

Các cơ chế quản trị và quản lý có xem xét đến các yếu tố công bằng

Nghiên cứu điển hình 19.

Đồng cỏ cộng đồng Dixie

Địa điểm: Nam Phi | **Ví dụ về:** Sử dụng đất bền vững trong một ứng viên OECM.

Đồng cỏ Cộng đồng Dixie cho thấy rằng khi các mục tiêu quản lý được định hướng rõ ràng theo hướng sử dụng đất bền vững, và các cơ chế quản trị được củng cố, thì các kết quả bảo tồn có thể đạt được. Đồng cỏ Cộng đồng Dixie, có diện tích 1.329 ha ở phía đông Nam Phi, nằm trong một KBA, một Khu vực Đa dạng sinh học Quan trọng cấp tỉnh, và Vùng đệm Khu bảo tồn của Vườn quốc gia Kruger. Khu vực được quản trị bởi một Chính quyền Truyền thống, được hỗ trợ bởi hai ủy ban song song cung cấp nền tảng để thể hiện tiếng nói của cộng đồng trong quản lý đồng cỏ: Diễn đàn Phát triển Cộng đồng (CDF) và Hợp tác xã Nông dân. Cả hai tổ chức này đều được thành lập chính thức. Các thành viên được bầu của CDF ký vào điều lệ của diễn đàn và được đăng ký tại Văn phòng Chính quyền Truyền thống. Hợp tác xã Nông dân gồm các thành viên cộng đồng đã ký thỏa thuận bảo tồn với một NGO (Bảo tồn Nam Phi - CSA), và sử dụng đồng cỏ để chăn thả gia súc.

Các thỏa thuận bảo tồn này thường được đàm phán lại hằng năm, và được thực hiện thông qua một dự án hợp tác có thể gia hạn, kéo dài từ ba đến năm năm.

Mục tiêu dài hạn là thiết lập mối quan hệ đối tác giữa cộng đồng và khu vực tư nhân, kết nối hoạt động chăn nuôi gia súc của cộng đồng với một hệ thống khuyến khích kinh tế dựa trên thị trường, trong đó doanh nghiệp tìm nguồn cung từ sản phẩm thịt bò chăn thả tự nhiên thân thiện với môi trường. Cộng đồng địa phương sử dụng khu vực này để chăn thả gia súc, lấy củi, và thu thập cây thuốc, trong đó gia súc có giá trị văn hóa và kinh tế rất quan trọng. CSA đang hỗ trợ cộng đồng áp dụng chế độ chăn thả và đốt cỏ được cải tiến, vừa có lợi cho hoạt động chăn nuôi, vừa tương thích với mục tiêu bảo tồn sinh cảnh savan và các loài liên quan. Bảo tồn là một mục tiêu quản lý thứ cấp. [Thông tin thêm.](#)



Cảnh quan của Đồng cỏ Cộng đồng Dixie. © ReWild Africa

5.4 Các cân nhắc đặc biệt để xác định OECM theo các loại hình quản trị và kiểu sinh thái

Thực hành tốt: Cần cân nhắc các đặc điểm riêng biệt của đa dạng sinh học trên cạn, nước ngọt, và biển, cũng như cơ chế quản trị của từng khu, khi áp dụng công cụ xác định OECM ở cấp độ khu vực.

Việc áp dụng khung OECM phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể, do đó cần có những lưu ý đặc biệt tùy theo loại hình quản trị và kiểu sinh thái. Hiện đã có một số Hướng dẫn Kỹ thuật của IUCN cung cấp chỉ dẫn chi tiết cho từng loại hình quản trị và kiểu sinh thái, bao gồm:

- Các OECMs được bảo tồn bởi khu vực tư nhân
- Các OECMs biển
- Các OECMs vùng nước nội địa

Các hướng dẫn kỹ thuật này sẽ tiếp tục được xuất bản và cập nhật theo thời gian. Một số nghiên cứu điển hình trong tài liệu này minh họa cách áp dụng khung OECM cho các loại hình quản trị và kiểu sinh thái cụ thể, bao gồm:

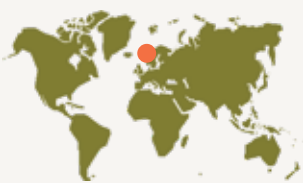
- Quản trị bởi chính phủ: Nghiên cứu điển hình 18
- Quản trị tư nhân: Nghiên cứu điển hình 1, Nghiên cứu điển hình 22
- Cộng đồng dân tộc thiểu số và/hoặc cộng đồng địa phương: Nghiên cứu điển hình 6, Nghiên cứu điển hình 12, Nghiên cứu điển hình 17, Nghiên cứu điển hình 21
- Hệ sinh thái rừng: Nghiên cứu điển hình 4, Nghiên cứu điển hình 23
- Hệ sinh thái nước ngọt: Nghiên cứu điển hình 2, Nghiên cứu điển hình 17
- Hệ sinh thái biển: Nghiên cứu điển hình 13, Nghiên cứu điển hình 18



© Karine Aigner / naturepl.com / WWF

Nghiên cứu điển hình 20.

Quyền sử dụng đất của người Sámi



Địa điểm: Na Uy | **Ví dụ về:** Tiềm năng của khung OECM cho phép linh hoạt tích hợp quyền của các cộng đồng dân tộc thiểu số và các mục tiêu bảo tồn.

Việc nhấn mạnh rõ ràng vào quyền và thực hành truyền thống của các cộng đồng dân tộc thiểu số trong GBF, bao gồm cả trong quá trình xác định và quản lý các OECMs, có thể tạo ra cơ hội hợp tác lớn hơn giữa các cơ quan chức năng quốc gia và cộng đồng người Sámi bản địa ở Na Uy.

Người Sámi là một dân tộc bản địa sống tại vùng Sápmi - một khu vực trải dài qua các phần của Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan và Nga. Sự phong phú về tự nhiên của các hệ sinh thái trong khu vực này đóng vai trò sống còn đối với văn hóa và sinh kế của người Sámi, bao gồm đánh bắt thủy sản, săn bắn, đặt bẫy, hái lượm, thủ công truyền thống và chăn nuôi tuần lộc. Khi các khu bảo tồn đầu tiên được chính phủ Na Uy thiết lập, mục tiêu là bảo vệ “vùng hoang dã” và phục vụ hoạt động giải trí. Các hoạt động truyền thống và văn hóa của người Sámi không được đưa vào định nghĩa về “vùng hoang dã”, và tuần lộc bị xếp loại là động vật thuần dưỡng theo quy định của Cơ quan Môi trường Na Uy, dẫn đến những hạn chế về quyền tiếp cận của người Sámi ở một số khu bảo tồn, trong khi các hoạt động giải trí lại được khuyến khích.

Để thực hiện cam kết theo GBF, Na Uy cần mở rộng các khu bảo tồn và được bảo tồn, hiện chiếm 17,7% diện tích đất liền và 4,5% diện tích biển của quốc gia. Nghị viện Sámi đã ra quyết định rằng bất kỳ khu bảo tồn mới nào trên lãnh thổ của người Sámi phải được thiết kế và quản lý cùng với những người chủ đất Sámi, và cần dựa trên khái niệm Sámi várrjalit - vaarjelidh - suodjalit, nhấn mạnh sự phụ thuộc hoàn toàn của con người vào thiên nhiên và tầm quan trọng cốt lõi của việc

tôn trọng thiên nhiên như một món quà, từ đó hướng đến bảo tồn thông qua sử dụng bền vững và quản lý với tầm nhìn liên thế hệ. Trên thực tế, cách tiếp cận này sẽ ưu tiên quyền và lợi ích của người Sámi so với các mục đích sử dụng khác trong trường hợp có xung đột, đồng thời hỗ trợ duy trì các ngành nghề truyền thống, tập quán khai thác và thực hành văn hóa của người Sámi. Các khu bảo tồn cũng cần đảm bảo ngăn chặn các hoạt động hủy hoại - từ khai thác mỏ đến du lịch quá mức - và cung cấp diễn đàn đối thoại, hợp tác giữa các bên liên quan.

Để hiện thực hóa tầm nhìn này cho các khu bảo tồn tại Na Uy, Nghị viện Sámi đã đề nghị chính phủ Na Uy sửa đổi chính sách cốt lõi (Luật Đa dạng Tự nhiên) nhằm cho phép rõ ràng các hoạt động sử dụng thiên nhiên và thực hành văn hóa của người Sámi, đồng thời giới thiệu các công cụ bảo tồn mới dựa trên *féridalit* - *vaarjelidh* - *suodjalit*. Chính phủ Na Uy đã thông báo rằng một kế hoạch hành động về cách nước này sẽ thực hiện GBF sẽ được trình bày dưới dạng Sách Trắng vào cuối năm 2024. Tùy thuộc vào cách thức triển khai, các OECMs có khả năng cung cấp sự linh hoạt cần thiết để kết hợp giữa tôn trọng quản lý truyền thống với các mục tiêu bảo tồn (Samediggi, 2023).



Người Sámi là một dân tộc bản địa sống trên khắp Sápmi - một khu vực bao gồm các phần của Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan và Nga. Người Sámi Biển theo truyền thống kiếm sống bằng nghề đánh cá, săn bắt, trồng trọt và chăn nuôi gia súc. © Kjell M. Deråsa

Nghiên cứu điển hình 21.

Hồ Madroño

Địa điểm: Colômbia | **Ví dụ về:** Một OECM tiềm năng, nơi cộng đồng địa phương và cộng đồng dân tộc thiểu số cùng hợp tác để bảo vệ đất đai của họ.

Vereda Madroño là nơi sinh sống của một cộng đồng nông dân và các gia đình cộng đồng dân tộc thiểu số, đã sống tại một khu vực rừng phòng hộ ở hạ lưu sông Caquetá, phía đông nam của sông Amazon thuộc Colômbia, trong gần 40 năm. Hai mươi năm trước, họ đã thành lập một Ban Hành động Cộng đồng, được hỗ trợ bởi Tổ chức Bảo tồn Quốc tế Colômbia, đã thiết kế một kế hoạch quản lý cho lãnh thổ mà họ sử dụng và quản lý. Họ đã thống nhất về việc phân vùng 22.000 ha, phân bổ 70% diện tích cho bảo tồn, bao gồm cả Hồ Madroño, một hệ thống hồ quan trọng, và phần còn lại cho việc sử dụng và quản lý tốt. Từ năm 2008, họ đã bảo vệ quần thể cá Hải tượng long (*Arapaima gigas*) trong các hồ.

Đây là một loài đang trên bờ vực tuyệt chủng tại địa phương, nhưng quần thể của nó đã tăng gấp mười lần. Ngoài ra, ít nhất 12 loài được IUCN phân loại là bị đe dọa trên toàn cầu hoặc quốc gia (ví dụ: *Lagothrix lagothricha*, *Pteronura brasiliensis*, *Priodontes maximus*, *Cebuella pygmaea*, *Myrmecophaga tridactyla*) cũng được bảo vệ, cùng với các lượng carbon lưu giữ trong các vùng đất ngập nước. Cơ quan quản trị đang đề nghị chính phủ Colômbia công nhận quyền sở hữu hợp pháp của họ đối với vùng lãnh thổ mà họ đang sinh sống và bảo tồn. Họ ủng hộ việc công nhận khu vực này là OECM, vì điều đó tăng cường sự ghi nhận đối với những đóng góp bảo tồn của cộng đồng.



Nghiên cứu điển hình 22.

Khu bảo tồn Thiên nhiên Jabarkhet

Địa điểm: Bắc Ấn Độ | **Ví dụ về:** Một OECM tiềm năng thuộc sở hữu tư nhân cung cấp kết nối sinh thái quan trọng với các khu có giá trị đa dạng sinh học cao khác.

Khu bảo tồn Thiên nhiên Jabarkhet là một khu rừng rộng 44 ha, nằm trong vùng rừng sồi - đỗ quyên - lyonia ở độ cao trung bình thuộc dãy Himalaya phía Tây, nơi có giá trị đa dạng sinh học cao. Đây là một trong chuỗi các mảng rừng riêng lẻ nhưng kết nối với nhau, góp phần duy trì hành lang sinh thái trong toàn cảnh quan, bao gồm cả kết nối với Khu Bảo tồn Hồ Rajaji và vùng trung Himalaya. Khu vực nằm liền kề với các khu rừng nhà nước, nhưng thuộc sở hữu và quản lý tư nhân. Khu rừng này bảo vệ lưu vực nước đầu nguồn cung cấp cho một thị trấn lân cận. Trước đây, khu vực bị suy thoái do chặt cây, thu gom củi, chăn thả gia súc và các hoạt động săn bắn.

Vào năm 2013, chủ sở hữu tư nhân đã phối hợp với các tổ chức bảo tồn NGOs, khởi xướng các hoạt động bảo tồn với mục tiêu phục hồi đa dạng sinh học và phát triển sinh kế cộng đồng địa phương. Hoạt động quản lý bao gồm ngăn chặn các hoạt động hủy hoại trái phép, loại bỏ các loài ngoại lai xâm lấn, phòng chống cháy rừng và phục hồi thảm thực vật ở các khu vực bị suy thoái. Các thành viên cộng đồng địa phương đã được tập huấn và thuê để giám sát khu vực bằng máy ảnh, và thực hiện các hoạt động quản lý. Thanh niên địa phương làm hướng dẫn viên cho du khách, và có kế hoạch tăng lợi ích của du lịch sinh thái tác động thấp thông qua việc phát triển các homestay (UNDP, 2022).



Nghiên cứu điển hình 23.

Rừng cổ thụ hồ South Freezy

Địa điểm: Ontario, Canada | **Ví dụ về:** Một OECM đã được công nhận, được dành riêng vĩnh viễn trong phạm vi nhượng quyền khai thác lâm sản.

Khu rừng cổ thụ hồ South Freezy là một phần còn lại của rừng nguyên sinh, nằm trong một khu nhượng quyền khai thác gỗ thương mại. Khu rừng xung quanh, được quản lý để sản xuất gỗ, không đủ điều kiện là một OECM. Tuy nhiên, khu rừng cổ thụ hồ South Freezy được dành riêng vĩnh viễn và được quản lý để bảo vệ các giá trị đa dạng sinh học. Do vậy, khu rừng này đã được chính phủ Canada công nhận là một OECM. Khu rừng này có diện tích 20 ha, và có những cây trên 150 năm tuổi. Các vách đá dốc và vùng đất ngập

nước đã giúp bảo vệ khu rừng, và không bị tác động từ các hoạt động công nghiệp. Khu rừng cổ thụ nằm trong khu nhượng quyền lâm nghiệp được chứng nhận bởi Hội đồng Quản lý Rừng (FSC) thuộc sở hữu của một công ty thúc đẩy quản lý rừng bền vững cũng như sử dụng rừng cho mục đích giải trí, và hợp tác với chính quyền tỉnh Ontario và chính phủ liên bang để giám sát và quản lý Rừng cổ thụ hồ South Freezy cho mục đích bảo tồn. [Thông tin thêm.](#)



Phần 6.

Báo cáo các OECMs đến Cơ sở Dữ liệu Thế giới về OECMs



© WWF-US/Marlon del Aguila

Các OECM được báo cáo đến Cơ sở Dữ liệu Thế giới về OECMs, dựa trên sự đồng thuận của cơ quan quản trị, nhằm cung cấp hồ sơ cập nhật về tổng số OECMs tại mỗi quốc gia và trên toàn cầu.

Thực hành tốt: Tất cả các OECMs được báo cáo lên WD-OECM, kèm theo đầy đủ dữ liệu liên quan và sự đồng thuận phù hợp từ các bên có quyền. Mọi thay đổi và cập nhật (bao gồm cả những thay đổi giữa tình trạng OECMs và khu bảo tồn) được báo cáo kịp thời.

Khung OECM là một sản phẩm từ các quyết định của các Bên tham gia CBD. Khi thông qua định nghĩa về OECM, COP14 của CBD cũng đã yêu cầu các Bên nộp dữ liệu về OECMs cho UNEP-WCMC (CBD, 2018). Để thực hiện nghĩa vụ này, UNEP-WCMC đã thiết lập một cơ sở dữ liệu song song với Cơ sở dữ liệu Thế giới về các Khu bảo tồn (WDPA) cho OECMs, được gọi là Cơ sở dữ liệu Thế giới về OECMs (WD-OECM). Cả hai cơ sở dữ liệu này đều thuộc Sáng kiến Hành tinh được Bảo vệ và có thể truy cập thông qua trang web Protected Planet (www.protectedplanet.net). Đây là các cơ sở dữ liệu không gian, thể hiện ranh giới của các khu bảo tồn và OECM, kèm theo thông tin mô tả cơ bản, chẳng hạn như tên khu vực, loại hình quản trị và cơ quan quản lý. Các cơ sở dữ liệu này đi kèm với Cơ sở dữ liệu Toàn cầu về Hiệu quả Quản lý Khu bảo tồn (GD-PAME), đang được mở rộng để bao gồm nhiều khía cạnh hiệu quả quản lý của cả khu bảo tồn và OECMs.

Dữ liệu của Hành tinh được Bảo vệ được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực để hỗ trợ ra quyết định và theo dõi tiến độ đạt được các mục tiêu bảo tồn được quốc tế thông qua, bao gồm cả việc cung cấp chỉ số chính cho Mục tiêu 3 của GBF và các chỉ số cho Mục tiêu Phát triển bền vững 14 và 15. Một lưu ý quan trọng là nếu một OECM không được báo cáo lên WD-OECM, thì sẽ không được tính vào các chỉ số liên quan đến các mục tiêu trên. UNEP-WCMC phối hợp với IUCN để xuất bản Báo cáo Hành tinh được Bảo vệ định kỳ hai năm một lần. Báo cáo trình bày dữ liệu về diện tích bao phủ của các khu bảo tồn và OECMs và các thành phần quan trọng khác của Mục tiêu 3 - chẳng hạn như các khu bảo tồn và OECMs được kết nối với nhau như thế nào, và mức độ đại diện của các hệ sinh thái khác nhau và khu vực quan trọng về đa dạng sinh học.

Việc báo cáo cho WDPA và WD-OECM chủ yếu được thực hiện bởi các chính phủ. Ở cấp quốc gia, cần xây dựng một quy trình minh bạch để ghi nhận và báo cáo OECMs, lý tưởng nhất là trong khuôn khổ một quy trình OECM quốc gia (xem Mục 3.4). Các chính phủ có thể báo cáo dữ liệu cho tất cả các khu vực trong nước, bao gồm các khu bảo tồn và OECMs thuộc mọi loại hình quản trị của IUCN. Tuy nhiên, việc chính phủ báo cáo các khu bảo tồn và OECMs thuộc quyền quản trị phi nhà nước phải có sự cho phép của cơ quan quản trị phi nhà nước, và trong trường hợp là cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, thì phải có FPIC của họ. Dữ liệu của chính phủ có thể được báo cáo cho các cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ thông qua các tổ chức cấp khu vực thực hiện thu thập dữ liệu, nếu phù hợp. Các chủ thể phi nhà nước, bao gồm cộng đồng dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương và các chủ thể tư nhân, có thể gửi dữ liệu thông qua chính phủ của họ hoặc nộp trực tiếp cho các cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ, nhưng chỉ đối với các khu bảo tồn hoặc OECMs do chính họ quản lý, hoặc thay mặt và có sự đồng thuận của cơ quan quản trị phi nhà nước khác (ví dụ: một NGO có thể nộp dữ liệu về một khu bảo tồn hoặc OECM với sự đồng ý của của tổ chức sở hữu OECM đó). Cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương cũng có thể nộp dữ liệu lên các cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ thông qua Cổng đăng ký ICCA, một nền tảng khác do UNEP-WCMC quản lý nhằm thúc đẩy công nhận và hỗ trợ các sáng kiến bảo tồn do cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương dẫn dắt.

Dữ liệu do chính phủ nộp hoặc được nộp thay mặt chính phủ được tự động xem là “đã được xác minh bởi nhà nước”. Dữ liệu do các nguồn phi nhà nước nộp phải được xác minh bởi một cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan xác minh thường là chính phủ (“xác minh bởi nhà nước”), nhưng trong một số trường hợp có thể là một chuyên gia phi chính phủ hoặc mạng lưới đánh giá đồng cấp (“xác minh bởi chuyên gia”). Vai trò của chủ thể xác minh dữ liệu là kiểm tra và xác nhận dữ liệu là chính xác trong phạm vi hiểu biết tốt nhất của họ. Họ cũng được yêu cầu báo cáo bất kỳ mối quan ngại nào liên quan đến tính chính xác của dữ liệu và quy trình thu thập dữ liệu (bao gồm các vấn đề FPIC).

Các mạng lưới đánh giá đồng cấp đã được thành lập ở một số quốc gia để đánh giá dữ liệu từ cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương. Quy trình đánh giá đồng cấp do các chuyên gia thẩm định dựa trên những gì phù hợp nhất trong bối cảnh quốc gia. Trong một số trường hợp, quy trình bao gồm việc đánh giá ngang hàng với một cộng đồng lân cận. Ở những trường hợp khác, quy trình liên quan đến thẩm định độc lập bởi một hội đồng chuyên môn gồm đại diện cộng đồng dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương và trong một số trường hợp, các tổ chức NGO hỗ trợ. Phương pháp xác minh bởi chuyên gia có thể đặc biệt hữu ích để hỗ trợ trình nộp các OECMs từ các chủ thể phi nhà nước không muốn trải qua quy trình xác minh của chính phủ. Tuy nhiên, việc tham gia vào các quy trình OECM quốc gia và báo cáo dữ liệu thông qua các chính phủ đến các cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ, hoặc báo cáo dữ liệu trực tiếp kèm sự xác minh của nhà nước, có thể giúp tăng khả năng được hỗ trợ trong các chương trình chính sách quốc gia dành cho OECMs.

Nghiên cứu điển hình 24.

Quy trình OECM quốc gia của Colômbia



Địa điểm: Colômbia | **Ví dụ về:** Một quy trình OECM cấp quốc gia đã phát triển do kết quả của những cải tiến cần thiết.

Sau khi Quyết định 14/8 được thông qua, Colômbia đã bắt đầu điều chỉnh các hướng dẫn OECM để phù hợp với bối cảnh quốc gia và thiết lập một lộ trình báo cáo riêng, thông qua nỗ lực hợp tác giữa các tổ chức tư nhân và nhà nước và tiến hành thử nghiệm. Theo quy trình này, một Nhóm Điều phối được thành lập, bao gồm Bộ Môi trường và Phát triển Bền vững (đầu mối của CBD), một tổ chức NGO quốc gia, và một viện nghiên cứu đa dạng sinh học, cùng với một hội đồng đánh giá ngoài. Mục tiêu của họ là đảm bảo việc áp dụng chính xác các tiêu chí OECM. Nhờ các sáng kiến này, Colômbia trở thành quốc gia đầu tiên ở khu vực Mỹ Latinh và Caribe công nhận và báo cáo OECMs.

Tuy nhiên, trong giai đoạn thử nghiệm và học hỏi ban đầu, đã phát hiện ra một số điểm yếu trong quy trình đánh giá và báo

cáo, dẫn đến việc một số khu vực được báo cáo có thể chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí.

Để khắc phục, Nhóm Điều phối đã quyết định thành lập một nền tảng toàn diện hơn - một cộng đồng thực hành được gọi là Bàn tròn Mở rộng. Nền tảng này quy tụ tới 18 tổ chức công, tư và cộng đồng, cung cấp một không gian để phản biện nghiêm túc những điểm yếu về khái niệm và quy trình, đồng thời khám phá các cơ hội mới phù hợp với mục tiêu 30x30. Bàn tròn Mở rộng đã hợp tác phát triển một chương trình làm việc nhằm tăng cường chương trình OECM cấp quốc gia, đảm bảo hiểu đúng và áp dụng nhất quán các tiêu chí và tích hợp các bài học kinh nghiệm trong quá khứ vào quy trình báo cáo vững chắc hơn.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu báo cáo của WDPA và WD-OECM và việc xác minh dữ liệu, xem Bảng 7, Phụ lục 5, và hướng dẫn từ trang web www.wcmc.io/WDPA_Manual. Nếu có thắc mắc liên quan đến việc báo cáo, vui lòng liên hệ: oecm@unep-wcmc.org.

Bảng 7. Các nguyên tắc cơ bản trong xác minh dữ liệu OECM để đưa vào cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ.

Dữ liệu được thu thập và gửi bởi các cơ quan nhà nước	Theo đúng ủy thác của CBD đối với WD-OECM, dữ liệu OECMs do cơ quan nhà nước nộp được xem là “đã được xác minh bởi chính phủ” và sẽ được đưa vào cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ sau khi định dạng lại và kiểm soát chất lượng. Cơ quan chính phủ nộp dữ liệu cần có sự cho phép từ các bên liên quan và bên có quyền liên quan để chia sẻ dữ liệu với UNEP-WCMC. Trong các trường hợp có liên quan, dữ liệu phải được chia sẻ cùng hoạt động tham vấn FPIC với cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương tham gia vào quản lý, điều hành hoặc sở hữu OECMs được mô tả trong bộ dữ liệu.
Dữ liệu được nộp bởi các tổ chức phi nhà nước	Dữ liệu được báo cáo trực tiếp từ các tổ chức không thuộc nhà nước sẽ phải trải qua quy trình xác minh trước khi được đưa vào cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ. Việc xác minh dữ liệu có thể do cơ quan nhà nước hoặc chuyên gia độc lập thực hiện. Nếu không có đơn vị nào có thể xác minh dữ liệu, thì dữ liệu đó sẽ không được đưa vào cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ. Nếu một tổ chức phi nhà nước gửi dữ liệu thay mặt cho một cơ quan quản trị ngoài nhà nước khác, thì việc nộp dữ liệu phải có sự đồng thuận của bên quản trị đó, hoặc nếu liên quan đến cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, thì phải có tham vấn FPIC.
Giải quyết dữ liệu mâu thuẫn	Khi có mâu thuẫn giữa ý kiến của bên cung cấp và bên xác minh dữ liệu (ví dụ: tranh chấp về ranh giới đúng của một khu vực), vấn đề sẽ được thảo luận với cả hai bên để tìm kiếm giải pháp. Bên cung cấp dữ liệu sẽ được thông báo trước về quy trình xác minh, và sẽ được cập nhật tiến độ trong suốt quá trình. Trường hợp không thể tìm được giải pháp, dữ liệu sẽ không được đưa vào cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ.
Tần suất xác minh dữ liệu	Các bên cung cấp dữ liệu được khuyến khích cập nhật và báo cáo dữ liệu bất cứ khi nào có thay đổi cần thiết.

Phần 7.

Giám sát các OECMs



© Emmanuel Rondeau/WWF-US

Giám sát định kỳ các OECMs cho phép cơ quan quản trị theo dõi tình trạng sinh thái của khu vực và điều chỉnh các cơ chế quản trị và/hoặc quản lý nhằm tiếp tục đạt được các kết quả bảo tồn

Thực hành tốt: Giám sát OECM thường xuyên để xác định liệu các giá trị đa dạng sinh học có được bảo tồn lâu dài hay không và để nhận diện các áp lực và mối đe dọa.

Một yếu tố then chốt của định nghĩa OECM là chúng phải được “quản trị và quản lý theo những cách để đạt được các kết quả tích cực và bền vững lâu dài cho bảo tồn tại chỗ đa dạng sinh học.” Do đó, cần có bằng chứng cho thấy khu vực đó quan trọng đối với đa dạng sinh học (xem [Bảng 1](#)) và đang bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học nhờ vào các biện pháp quản lý. Cần thực hiện kiểm kê hiện trạng ban đầu và giám sát liên tục các giá trị đa dạng sinh học của khu vực để trả lời những câu hỏi này. Tùy thuộc vào khu vực, việc giám sát cũng có thể bao gồm (a) các hành động bảo tồn, bao gồm những hành động nhằm duy trì đa dạng sinh học và cải thiện bảo tồn tại chỗ; (b) các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học; và (c) cơ chế quản trị, sự tham gia của các bên liên quan và hệ thống quản lý góp phần vào kết quả bảo tồn đa dạng sinh học (Woodley và cộng sự, 2015; Haase và cộng sự, 2018).

Việc giám sát hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học của một khu vực có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau. Không thể cung cấp hướng dẫn đầy đủ về kiểm kê và giám sát sinh thái trong tài liệu hướng dẫn này. [Bảng 8](#) cung cấp tóm tắt một số công cụ phổ biến. Việc lựa chọn phương pháp và tần suất giám sát sẽ phụ thuộc vào loại dữ liệu cần thiết để hiểu rõ các giá trị sinh thái, nguồn lực và năng lực sẵn có, cũng như mức độ đe dọa hoặc tốc độ thay đổi trong khu vực. Một cách tiếp cận hiệu quả đối với công tác giám sát là khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan, ví dụ bằng cách kết hợp các phương pháp khoa học chính quy, tri thức bản địa, khoa học công dân và thông tin từ các nhà quản lý tài nguyên, nếu phù hợp. Bên cạnh thông tin khoa học, nên sử dụng cả tri thức truyền thống và ý kiến chuyên gia, khi cần.

Hiện có nhiều công cụ giám sát và đánh giá để đo lường hiệu quả quản lý, quản trị và kết quả bảo tồn. Những công cụ này có mục đích, lợi ích và giới hạn khác nhau, do đó cơ quan quản trị OECM cần xem xét công cụ nào phù hợp. Nhiều công cụ trong số đó được thiết kế cho các khu bảo tồn và có thể cần được điều chỉnh để sử dụng cho OECM. Các công cụ đánh giá hiệu quả quản lý khu bảo tồn (PAME) được sử dụng rộng rãi. Chúng cung cấp các khung chuẩn hóa có thể được sử dụng để đo lường hiệu quả của các OECMs (ví dụ: IMET, METT; xem [Bảng 8](#)), nhưng có thể cần bổ sung thông tin về kết quả bảo tồn đa dạng sinh học và chất lượng quản trị. Một số công cụ khác tập trung cụ thể vào quản trị và công bằng (ví dụ: SAGE, GAPAs, SAPAs; xem [Bảng 8](#)) nhưng không cung cấp thông tin về kết quả sinh thái. Thông thường, ở một quốc gia hoặc khu vực sẽ có các NGOs hoặc trường đại học hỗ trợ sử dụng một hoặc nhiều công cụ này và có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật hoặc đào tạo cho nhân sự của OECM.

Thông tin về kết quả bảo tồn đa dạng sinh học và hiệu quả quản lý cần được báo cáo cho UNEP-WCMC để tích hợp vào cơ sở dữ liệu [Hành tinh được Bảo vệ](#) như một phần của báo cáo về OECMs (xem [Phần 6](#)).

[Danh lục Xanh của IUCN về các khu bảo tồn và khu được bảo tồn](#) là tiêu chuẩn toàn cầu để đánh giá kết quả bảo tồn đối với cả các khu bảo tồn và OECMs. Danh sách này cung cấp một khung toàn diện để đánh giá quản trị, quản lý, và quy hoạch và thiết kế sinh thái nhằm hỗ trợ các kết quả sinh thái. Việc sử dụng các phương pháp của Danh lục Xanh có thể giúp các nhà quản lý OECM đánh giá mức độ đóng góp của khu vực họ quản lý vào việc bảo tồn hiệu quả và công bằng.

Tại các khu vực do cộng đồng dân tộc thiểu số bảo tồn, có thể có những hệ thống tri thức truyền thống đã được sử dụng trong thời gian dài để xác định và giám sát các giá trị đa dạng sinh học, ý nghĩa văn hóa và tình trạng của hệ thống tự nhiên. Những hệ thống tri thức này có thể được sử dụng riêng biệt hoặc kết hợp với thông tin khoa học khác để đánh giá và giám sát khu vực.

Việc giám sát các OECMs cần được thực hiện một cách liên tục nhằm đảm bảo các giá trị đa dạng sinh học của khu vực vẫn còn tồn tại và đang ở trong tình trạng tốt. Tần suất giám sát định kỳ sẽ phụ thuộc vào từng khu vực và các giá trị đa dạng sinh học của nó. Ví dụ, nếu một khu vực đang chịu áp lực mất rừng cao, thì việc giám sát thường xuyên, có thể là hàng năm, sẽ rất hữu ích. Ngược lại, nếu một khu vực là điểm dừng chân quan trọng của các loài chim nước di cư và quần thể của chúng có vẻ ổn định, thì việc giám sát có thể được thực hiện năm năm một lần.

Bảng 8. Hướng dẫn, nguồn dữ liệu và Công cụ xác định OECMs tại chỗ vực hữu ích cho việc giám sát các OECMs.

Hướng dẫn về Giám sát và tiêu chí	Mô tả
Khung giám sát đa dạng sinh học trong các khu bảo tồn và OECMs (IUCN)	Hướng dẫn chi tiết về giám sát đa dạng sinh học trong các khu bảo tồn và OECMs
Hướng dẫn lập kế hoạch và giám sát hiệu quả đa dạng sinh học của doanh nghiệp (IUCN)	Cách tiếp cận để xây dựng kế hoạch chiến lược về đa dạng sinh học ở cấp doanh nghiệp, bao gồm các mục tiêu và chỉ số cốt lõi có thể đo lường được
Bộ chỉ số toàn cầu về biến đổi đa dạng sinh học (GEO BON)	Bộ chỉ số toàn cầu tích hợp quan sát đa dạng sinh học, dữ liệu viễn thám và mô hình để hiểu sự thay đổi của đa dạng sinh học
Nguồn dữ liệu cho kiểm kê và giám sát	
UN Biodiversity Lab	Nền tảng web cung cấp quyền truy cập vào các bộ dữ liệu không gian toàn cầu và công cụ phân tích
Global Forest Watch	Bộ dữ liệu toàn cầu về tình trạng sinh thái rừng, biến động rừng và mất rừng
Global Fishing Watch	Bộ dữ liệu toàn cầu về đại dương và nghề cá, bao gồm đánh giá gần thời gian thực về áp lực khai thác, năng suất sinh học đại dương và nhiệt độ nước biển
Chỉ số hành tinh sống	Dữ liệu chuỗi thời gian về hàng ngàn loài và quần thể được thu thập từ các khu vực được giám sát trên toàn thế giới; trang web cho phép tìm kiếm, tải về và đóng góp dữ liệu
Danh lục Đỏ IUCN về Các Loài Bị Đe dọa	Nguồn thông tin toàn diện nhất trên thế giới về tình trạng nguy cấp toàn cầu của các loài động vật, nấm và thực vật; trang web bao gồm ước tính quần thể, bản đồ phân bố và các mối đe dọa đối với các loài đã được liệt kê
Danh lục Đỏ IUCN về Các Hệ sinh thái	Tiêu chuẩn toàn cầu để đánh giá rủi ro đối với các hệ sinh thái; cho phép xác định các mối đe dọa phổ biến (theo không gian và chức năng) nhằm hiểu mức độ rủi ro mà hệ sinh thái đang đối mặt
Bản đồ sự sống	Bộ dữ liệu về các loài và sinh cảnh cho bất kỳ khu vực địa lý nào
Công cụ đánh giá khu vực	
Công cụ Theo dõi Hiệu quả Quản lý (METT)	Hệ thống đánh giá khu bảo tồn được sử dụng rộng rãi nhất, đã được áp dụng hơn 5.000 lần; tập trung chủ yếu vào quản lý, nhưng cũng bao gồm một số yếu tố về quản trị và kết quả bảo tồn
Công cụ Hiệu quả Quản lý Tích hợp (IMET)	Cho phép đánh giá chuyên sâu các khu bảo tồn trên cạn và dưới nước, bất kể loại hình quản lý hay hình thức quản trị
Đánh giá cấp khu vực về Quản trị và Công bằng (SAGE) (IIED)	Công cụ tương đối đơn giản và chi phí thấp để đánh giá chất lượng quản trị của các khu bảo tồn hoặc được bảo tồn
Đánh giá xã hội cho các khu bảo tồn và được bảo tồn (SAPA) (IIED)	Đánh giá tác động của khu bảo tồn và OECM đối với sinh kế và phúc lợi của cộng đồng địa phương
Đánh giá quản trị cho các Khu Bảo tồn và được Bảo vệ (GAPA) (IIED)	Tập trung vào các thách thức trong quản trị và nguyên nhân gốc rễ (áp dụng trong các trường hợp các bên liên quan sẵn sàng thảo luận các vấn đề quản trị nhạy cảm)
Danh lục Xanh IUCN cho các Khu Bảo tồn và được Bảo vệ	Chuẩn mực toàn cầu cho các khu bảo tồn và được bảo tồn nhằm đạt được các kết quả bảo tồn hiệu quả dựa trên quản trị tốt, quản lý hiệu quả, và quy hoạch và thiết kế hợp lý



Trách nhiệm giám sát. Khi một khu vực được báo cáo là OECM, cần xác định rõ ai là người chịu trách nhiệm đảm bảo việc giám sát liên tục được thực hiện. Trong nhiều trường hợp, người quản lý khu vực sẽ chịu trách nhiệm giám sát. Trong những trường hợp khác, một cơ quan nhà nước có thể đảm nhận trách nhiệm này hoặc cung cấp các nguồn lực cần thiết để đảm bảo việc giám sát được thực hiện một cách phù hợp. Việc báo cáo một khu vực là OECM đồng nghĩa với việc thực hiện trách nhiệm giám sát đa dạng sinh học, yếu tố khiến khu vực đó được xem là quan trọng. Tổ chức hoặc đơn vị chịu trách nhiệm giám sát cần đảm bảo rằng dữ liệu giám sát được lưu trữ, công khai minh bạch và kết quả tổng hợp được báo cáo cho cơ sở dữ liệu WD-OECM.

Việc giám sát các OECMs là yếu tố then chốt để cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản lý khu vực và các bên liên quan khác về các giá trị đa dạng sinh học cũng như các mối đe dọa tại khu vực. © Emmanuel Rondeau / WWF-US

Nghiên cứu điển hình 25.

Rừng tư nhân thuộc khu đất Gadoli và Manda Khal



Địa điểm: Tây Bắc Ấn Độ | Ví dụ về: Giám sát sinh thái được sử dụng để chứng minh tác động tích cực tại chỗ của các hoạt động quản lý đối với đa dạng sinh học của một OECM tiềm năng.

Các khu rừng tư nhân Gadoli và Manda Khal có diện tích 450 ha, nằm trong một trang trại chè thuộc sở hữu tư nhân ở vùng Tây Himalaya, khu vực giàu đa dạng sinh học của Ấn Độ. Từ năm 2010, Quỹ Tín thác Bảo tồn Động vật Hoang dã Gadoli và Manda Khal đã tiến hành các hoạt động pháp lý và thực tiễn để giảm thiểu các hành vi xâm hại trái phép tại khu vực, bao gồm tuần tra, thúc đẩy các kỹ thuật quản lý đất bền vững và phục hồi rừng. Để giám sát tác động của các can thiệp quản lý, Dự án Bảo tồn Đa dạng sinh học Gadoli và Manda Khal được khởi xướng vào năm 2016, phối hợp với Đại học Stellenbosch (Nam Phi). Công tác giám sát cho thấy sự gia tăng về độ phong phú của loài của chim, với số lượng loài

được ghi nhận tăng từ 24 (năm 2013) lên 61 (năm 2019), cùng với sự xuất hiện của một số loài thú quý hiếm. Kết quả giám sát hỗ trợ kết luận rằng các hoạt động quản lý đã tạo ra tác động tích cực đối với các giá trị đa dạng sinh học của khu vực. Các kết quả này đã được đưa vào một bài báo khoa học về việc sử dụng chim làm chỉ thị cho phục hồi hệ sinh thái. Hoạt động giám sát cũng tạo thêm cơ hội cho sự tham gia của cộng đồng địa phương và sinh viên, trong đó thanh niên địa phương được tập huấn để vận hành hệ thống bẫy ảnh, trong khi những người khác tham gia vào công tác tuần tra và giám sát cháy rừng (UNDP, 2022).

Phần 8.

Tăng cường OECMs



© James Morgan / WWF-US

Mặc dù đã được công nhận là OECMs, nhiều khu vực vẫn dễ bị tổn thương trước các áp lực và mối đe dọa. Hỗ trợ các quy trình tự tăng cường sẽ giúp các cơ quan quản trị OECM giải quyết tốt hơn các thách thức và tận dụng tối đa các cơ hội.

Thực hành tốt: Đánh giá quản trị, quản lý của OECM và xác định các yếu tố cần được tăng cường để đảm bảo quản trị công bằng, quản lý hiệu quả và các kết quả bảo tồn lâu dài.

Việc xác định và báo cáo OECM chỉ thực sự ý nghĩa đối với người dân địa phương và đa dạng sinh học khi nó dẫn đến việc các cơ quan quản trị và các khu vực tương ứng có thể đảm bảo các hình thức công nhận và hỗ trợ lớn hơn và phù hợp hơn tại địa phương (Jonas và cộng sự, 2017). Các OECMs và các cơ quan quản trị của chúng nên được khen thưởng cho những nỗ lực bảo tồn của họ, bao gồm cả việc hỗ trợ họ giải quyết các mối đe dọa. Những mối đe dọa này có thể liên quan đến các vấn đề môi trường, xã hội, kinh tế hoặc chính trị và có thể phát sinh từ nhiều lĩnh vực và nguồn khác nhau, chẳng hạn như:

- Những thay đổi trong chính sách của chính phủ có ảnh hưởng tiêu cực đến các OECM (Cook và cộng sự, 2024);
- Sự công nhận chính thức không đầy đủ về các quyền của những người sở hữu hoặc kiểm soát OECM, và các tổ chức đại diện cho họ;
- Sự thay đổi hoặc suy yếu chức năng của cơ quan quản trị OECM;
- Việc định hướng lại các ưu tiên và mục tiêu quản lý của OECM hoặc quản lý OECM không đầy đủ;
- Tác động của cạnh tranh các mục đích sử dụng đất hiện tại hoặc mới trong hoặc ngoài khu vực OECM;
- Việc giám sát và báo cáo không đủ để xác định liệu các kết quả bảo tồn kỳ vọng có đang đạt được hay không;
- Các hạn chế về tài chính và năng lực.

Phần này tập trung vào tầm quan trọng của việc nâng cao kiến thức và năng lực của các bên hỗ trợ (8.1), thực hiện tăng cường nội bộ (8.2), tăng cường quản lý và giám sát (8.3), cải thiện việc công nhận pháp lý cho OECMs (8.4), tăng cường hỗ trợ tài chính cho OECMs (8.5), và bảo vệ OECMs khi khu OECMs và các cơ quan quản trị và/hoặc những người bảo vệ chúng bị đe dọa (8.6).

8.1 Nâng cao kiến thức và năng lực của các bên hỗ trợ

Thực hành tốt: Thu hút các cơ quan chính phủ, xã hội dân sự và các tổ chức tư nhân quan trọng để đảm bảo họ hiểu đầy đủ và tích cực hỗ trợ việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường OECMs.

Để tăng cường nội bộ (Mục 8.2), các cơ quan quản trị OECM có thể cần sự hỗ trợ từ các đối tác bên ngoài khi nỗ lực nâng cao năng lực quản lý, tăng cường sự công nhận pháp lý, mở rộng hỗ trợ tài chính và bảo vệ khu vực khỏi các mối đe dọa sắp xảy ra. Phần này tập trung vào việc nâng cao năng lực của các cán bộ nhà nước, các chuyên gia pháp lý, các tổ chức quốc tế và NGOs, và các nhà tài trợ để hỗ trợ OECMs.

Các cán bộ nhà nước. Các luật và chính sách mới hoặc được cập nhật có thể có vai trò là yếu tố tạo thuận lợi cho các OECMs, ví dụ như thông qua công nhận và hỗ trợ các quyền con người về nội dung và thủ tục và quyền sử dụng đất, hoặc cấm các hoạt động gây hại đến sinh thái trong và xung quanh các khu vực quan trọng đối với đa dạng sinh học, bao gồm thông qua các đánh giá tác động xã hội và môi trường toàn diện (xem Mục 3.5 và 8.4). Ngoài ra, các cán bộ nhà nước nên cân nhắc thực hiện các hoạt động sau:

- Tổ chức đào tạo cho cán bộ về OECM, các tiêu chí của CBD và các hướng dẫn liên quan. Nội dung đào tạo cần bao gồm cách thức chính phủ có thể hỗ trợ việc xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường các OECMs, cũng như cách các OECM đóng góp vào các nỗ lực bảo tồn cấp quốc gia. Đồng thời, cần đề cập đến những thách thức liên quan đến khuôn khổ OECM, bao

gồm các vấn đề liên quan đến vi phạm quyền lợi và việc áp dụng các tiêu chí sinh thái. Khi làm việc với các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, cán bộ nhà nước từ bên ngoài cũng nên tìm hiểu về văn hóa bản địa, thế giới quan, ngôn ngữ và hệ thống tri thức địa phương. Các cán bộ nhà nước có thể tham gia các khóa đào tạo như vậy bao gồm cán bộ của các bộ và sở, nhà quản lý của các khu bảo tồn liên kề hoặc gần các OECMs, cán bộ phụ trách kết nối cộng đồng, cán bộ giám sát đa dạng sinh học và các cán bộ thực thi pháp luật.

- Chia sẻ các nghiên cứu điển hình trong nội bộ quốc gia và giữa các quốc gia, tập trung vào việc đảm bảo thực hiện các tiêu chí của CBD ở cấp quốc gia.
- Trong trường hợp các OECM và khu bảo tồn liên kề nhau và tạo thành một bức tranh sống động về cảnh quan bảo tồn lớn hơn, cần thực hiện các hoạt động phát triển năng lực chung, nâng cao nhận thức và tổ chức các phiên họp lập kế hoạch cho cả cán bộ nhà nước và cơ quan quản trị OECM, nhằm tăng cường hợp tác trong việc thực hiện các kế hoạch quản lý chung hoặc được điều phối phù hợp.

Các chuyên gia pháp lý. Cần tổ chức tập huấn cho các nhà lập pháp, luật sư, thẩm phán và các chuyên gia pháp lý khác nhằm thúc đẩy một môi trường pháp lý và chính sách hỗ trợ hơn, cũng như xây dựng một lực lượng chuyên gia có hiểu biết sâu sắc trong hệ thống tư pháp. Một điểm khởi đầu hiệu quả là tiến hành đánh giá toàn diện khung pháp luật và chính sách để hiểu cách OECM phù hợp với bối cảnh quốc gia, đồng thời xác định những khoảng trống trong luật pháp và chính sách quốc gia (xem Mục 3.5 và 8.4).

Các tổ chức quốc tế và NGOs. Mặc dù các tổ chức quốc tế và NGOs thường đi đầu trong các sáng kiến nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực, những người làm việc trong các tổ chức này vẫn cần được hỗ trợ để hiểu rõ khuôn khổ OECM và cập nhật thông tin khi các quy trình quốc gia được triển khai và các thực hành tốt được phát triển. Điều này sẽ giúp họ lan tỏa các ví dụ điển hình, nhận diện các cách tiếp cận còn đang nghi ngại, và cung cấp hỗ trợ hiệu quả hơn cho các cơ quan quản trị OECM, các bên liên quan và những người bảo vệ khu vực. Tương tự như các cơ quan chính phủ, các tổ chức quốc tế và NGOs sẽ được hưởng lợi từ việc tìm hiểu về văn hóa địa phương, thế giới quan, ngôn ngữ và hệ thống tri thức bản địa, đặc biệt khi làm việc với các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương.

Các nhà tài trợ. Các đối tác phát triển (bao gồm cả các cơ quan tài trợ công và tư) thường tìm cách hỗ trợ con người và khu vực tạo ra các lợi ích xã hội, môi trường và khí hậu. Tính linh hoạt trong cơ chế quản trị và quản lý mà khuôn khổ OECM cho phép giúp hiện thực hóa đồng thời nhiều lợi ích này. Các nhà tài trợ và cơ quan phát triển nên đảm bảo rằng cán bộ của họ hiểu rõ khuôn khổ OECM và được tiếp cận dữ liệu về các OECMs tại các khu vực mục tiêu của họ. Cách tiếp cận tài trợ cần phù hợp với thực tế địa phương, bao gồm cả thực tế của các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương. Việc gắn hỗ trợ tài chính cho các bên liên quan địa phương với việc công nhận một khu vực là OECM có thể tạo ra động lực quan trọng để họ tham gia (xem Mục 3.2 và 8.5).

Việc tăng cường năng lực của các bên hỗ trợ bên ngoài có thể tạo ra sự công nhận và hỗ trợ về mặt hành chính và chương trình, thông qua các chiến lược và kế hoạch hành động cấp quốc gia và địa phương, các chương trình khuyến khích, các chương trình, chính sách nghiên cứu và tài trợ liên quan đến OECMs. Việc này cũng có thể dẫn đến việc nâng cao nhận thức cộng đồng và sự công nhận xã hội đối với OECMs, và huy động thêm sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính và mở rộng phạm vi tuyên truyền thông qua cảnh báo hành động và chiến dịch truyền thông. Tác động của những biện pháp này sẽ được gia tăng đáng kể nếu các nhóm cùng phối hợp, ví dụ trong việc tổ chức các hội thảo, lễ hội và lễ kỷ niệm có liên quan, các giải thưởng cho các sáng kiến bảo tồn, sinh kế hoặc phát triển phù hợp, tích hợp OECM trong các chương trình giáo dục và đào tạo, và đưa tin tích cực trên báo in, truyền hình, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông khác.

Nhóm Chuyên gia về OECMs của IUCN WCPA cung cấp hỗ trợ trực tiếp cho các chủ thể trên, bao gồm thông qua bộ hướng dẫn này, Công cụ đánh giá tại chỗ để xác định OECMs (Jonas và cộng sự, 2023), các nguồn tài liệu khác có sẵn trên [trang web](#) của nhóm, và các sự kiện chuyên môn liên quan.

8.2 Tăng cường nội bộ, bao gồm cả quản trị

Thực hành tốt: Hỗ trợ tăng cường các cơ quan quản trị, các nhà quản lý và các bên liên quan khác của OECMs khi cần thiết để họ thực hiện tốt vai trò trong việc bảo tồn OECMs.

Khả năng chống chịu của các khu trước những biến động và các mối đe dọa từ bên ngoài có thể được nâng cao thông qua các nỗ lực nội tại, như hiểu rõ tình hình hiện tại, khẳng định các quyền, và khi cần thiết, tìm kiếm sự công nhận và hỗ trợ mạnh mẽ hơn hoặc phù hợp hơn, bao gồm thông qua các liên minh và quan hệ đối tác. Các con đường hướng tới tăng cường năng lực nội tại (hoặc tự tăng cường - ví dụ như Quá trình Tự củng cố trong Vùng lãnh thổ của Sự sống) sẽ thay đổi theo từng bối cảnh. Phần này trình bày một số lưu ý và cách tiếp cận chính để tăng cường OECMs liên quan đến quản trị, lập hồ sơ, xây dựng tầm nhìn và lập kế hoạch chiến lược, hiểu biết pháp lý và quản lý tài chính. Các ưu tiên tăng cường của cơ quan quản trị sẽ khác nhau tùy vào bối cảnh cụ thể, và các cách tiếp cận này có tính bổ trợ lẫn nhau, lặp lại và liên kết chặt chẽ.

Chất lượng quản trị, bao gồm cả công bằng. Cũng như các khu bảo tồn, quản trị OECM phải công bằng và hiệu quả trong việc duy trì đa dạng sinh học. Một trong những cách hiệu quả để cơ quan quản trị cùng với các chủ thể có quyền và các bên liên quan hiểu và cải thiện chất lượng quản trị là thực hiện đánh giá quản trị có sự tham gia. Đã có nhiều công cụ và quy trình đánh giá quản trị được phát triển bởi các tổ chức quốc tế, có thể điều chỉnh để áp dụng cho OECMs. Các công cụ đó bao gồm:

- Quản trị khu bảo tồn - ví dụ WCPA, hỗ trợ đánh giá ở cấp hệ thống và có phụ lục hướng dẫn bổ sung về công nhận và hỗ trợ các khu vực và lãnh thổ do cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương bảo tồn. Xem thêm các công cụ từ Viện Phát triển Môi trường Quốc tế (<https://www.iied.org/17664iied>), một số đã được tóm tắt trong Bảng 8.
- Quản trị tài nguyên môi trường, ví dụ như Khung Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên.
- Các công cụ toàn diện hơn liên quan đến khu bảo tồn và được bảo tồn, bao gồm yếu tố quản trị, ví dụ như Danh lục Xanh các khu bảo tồn và được bảo tồn của IUCN.

Các ví dụ này không phải là danh sách đầy đủ và có thể không phù hợp với mọi hoàn cảnh. Các phương pháp do địa phương phát triển có thể phù hợp và được các chủ thể có quyền và cơ quan quản trị ưu tiên sử dụng. Các bài học từ đánh giá quản trị (dựa theo Campese & Sulle, 2019; WWF & IUCN WCPA, 2023), gồm:

- Việc tổ chức đánh giá cũng là một phần của quản trị: cần xem xét ai tổ chức, ai tham gia, đánh giá diễn ra như thế nào và vì sao, cũng như cách chia sẻ kết quả;
- Các quy trình toàn diện, phù hợp với bối cảnh (ví dụ: các mối quan tâm chung) là rất quan trọng;
- Đánh giá phải đi kèm với trách nhiệm hành động, tích hợp các phát hiện vào hệ thống quản trị và có biện pháp phản hồi phù hợp.

Lập hồ sơ tài nguyên và quản lý. Năng lực của cơ quan quản trị trong việc bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học quan trọng của khu vực có thể được tăng cường thông qua việc lập hồ sơ thông tin về điều kiện sinh thái và các mối đe dọa đang hiện hữu. Ví dụ, hỗ trợ nghiên cứu hoặc thu thập thông tin phù hợp với bối cảnh địa phương sẽ giúp xây dựng cơ sở hiểu biết liên quan đến giá trị bảo tồn và các mối đe dọa đối với OECMs. Đặc biệt, nên nhấn mạnh vào việc trao quyền cho cơ quan quản trị, nhất là cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương để họ tự tiến hành nghiên cứu, lập hồ sơ và truyền tải bằng ngôn ngữ của họ, bao gồm các phương tiện truyền thông bản địa và cộng đồng khi phù hợp. Cũng cần phải cẩn thận để tránh việc lập hồ sơ có thể đe dọa OECM do diễn giải sai lệch.

Xây dựng tầm nhìn và kế hoạch chiến lược. Lập hồ sơ là cơ sở để xây dựng tầm nhìn và kế hoạch phát triển OECMs có sự tham gia. Quá trình này cần tạo ra không gian để các bên liên quan cùng thảo luận, làm rõ và cam kết vào một tầm nhìn chung về những gì họ mong muốn đạt được từ OECM, cũng như cách hiện thực hóa và duy trì tầm nhìn đó. Các kế hoạch có thể tương tự như kế hoạch quản lý khu bảo tồn, hoặc là kế hoạch sự sống hoặc các giao ước cộng đồng mở rộng hơn. Điều quan trọng là các kế hoạch này phản ánh đúng bối cảnh địa phương và

thúc đẩy các mục tiêu quản trị và quản lý của cơ quan quản trị và các chủ thể có quyền. Các kế hoạch tại khu vực có thể tích hợp vào chiến lược quốc gia hoặc khu vực về OECMs.

Cần định kỳ đánh giá và cập nhật tầm nhìn và kế hoạch. Điều này có nghĩa là chúng cũng có thể được cung cấp thông tin bởi (và, lần lượt, cung cấp thông tin cho) việc đánh giá và nghiên cứu liên quan đến quản trị và quản lý và các hiểu biết và kinh nghiệm khác. Ví dụ, nếu đánh giá quản trị chỉ ra điểm tồn tại/điểm yếu (như sự tham gia chưa đầy đủ), thì việc cập nhật kế hoạch OECM định kỳ sẽ là cơ hội để giải quyết vấn đề đó.

Kiến thức pháp lý. Điều quan trọng đối với các cơ quan quản trị OECMs là phải tìm hiểu các luật và chính sách liên quan đến họ và khu quản lý của mình. Việc này giúp các cơ quan quản trị trở thành những nhà vận động hiệu quả để được công nhận và hỗ trợ tốt hơn (xem Mục 8.4). Trong trường hợp cần các chương trình tăng cường năng lực pháp lý và nâng cao năng lực từ bên ngoài, các chương trình này nên bao gồm nghiên cứu, phát triển tài liệu tập huấn và công cụ hỗ trợ, dịch vụ phiên dịch, và hỗ trợ tài chính. Các bước tiếp theo có thể bao gồm hỗ trợ cơ quan quản trị OECM tăng cường tiếng nói cho địa phương, đẩy mạnh công tác truyền thông, đoàn kết quốc tế, bao gồm việc cung cấp các nền tảng và không gian để tiếng nói của họ được lắng nghe.

Nghiên cứu điển hình 26.

Giao ước cộng đồng sinh văn hóa Ulu Papar

Địa điểm: Sabah, Malaysia | **Ví dụ về:** Quy trình cộng đồng nhằm thiết lập và vận động quyền lợi cùng trách nhiệm địa phương đối với lãnh thổ của mình.



Ulu Papar là một thung lũng nằm ở thượng nguồn sông Papar thuộc huyện Penampang, tỉnh Sabah, Malaysia. Khu vực này là nơi sinh sống của khoảng 1.000 người Dusun bản địa tại chín khu định cư nhỏ. Các cộng đồng này sống ở ranh giới của Vườn Quốc gia Crocker Range. Trước năm 2010, họ gặp phải ba vấn đề chính: thiếu an ninh quyền sử dụng đất, mâu thuẫn với các hoạt động bảo tồn do nhà nước thực hiện, và các dự án phát triển gây tác động tiêu cực. Năm 2010, người dân Ulu Papar đã cùng nhau xây dựng một giao ước

cộng đồng sinh văn hóa một văn kiện nêu rõ lợi ích, quyền và trách nhiệm của toàn thể cộng đồng Ulu Papar trong việc bảo tồn, quản lý và sử dụng các lãnh thổ cũng như văn hóa của mình. Sau đó, các cộng đồng đã sử dụng giao ước này như một công cụ vận động để bảo vệ quyền và trách nhiệm của họ trong việc duy trì sự đa dạng văn hóa cũng như đa dạng sinh học của đất và nước nơi họ sinh sống, những yếu tố có tiềm năng đáp ứng các tiêu chí của OECM (John và cộng sự, 2012).

8.3 Tăng cường quản lý và giám sát các OECMs

Thực hành tốt: Hành động để giải quyết các áp lực và mối đe dọa, và tăng cường quản lý các giá trị đa dạng sinh học của khu vực, bao gồm việc giám sát các kết quả để cung cấp thông tin hỗ trợ quản trị và quản lý khu vực.

Việc quản lý các OECMs cần đảm bảo việc duy trì đa dạng sinh học lâu dài, yếu tố mà khu vực đó được công nhận. Theo định nghĩa, mỗi khu vực được báo cáo là OECM đều có các giá trị đa dạng sinh học quan trọng, nhưng không nên nghĩ rằng tình trạng đó sẽ luôn ổn định. Ví dụ, quần thể của các loài tiêu biểu hoặc tình trạng của các hệ sinh thái quan trọng có thể đã suy giảm ngay tại thời điểm được công nhận, do các mối đe dọa đang diễn ra, đồng thời, các mối đe dọa mới cũng có thể phát sinh trong tương lai.

Trong khi việc quản lý OECM có thể kế thừa từ nguồn tài liệu phong phú và kinh nghiệm thực tiễn của quản lý khu bảo tồn (ví dụ: Worboys, 2015), các cách tiếp cận và hành động quản lý cần được điều chỉnh, tương thích, và lý tưởng nhất là tích hợp vào các hệ thống và thực tiễn hiện có. Các khuyến nghị chung sau đây, khi được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh sinh thái, xã hội và văn hóa cụ thể của từng khu vực, có thể tạo nền tảng cho việc quản lý OECM một cách hiệu quả và bền vững về lâu dài.



Tăng cường quản trị, quản lý và giám sát các OECMs là yếu tố then chốt để củng cố tác động tích cực đối với các loài cực kỳ nguy cấp, như vượn cáo lông mượt (Silky Sifaka).© WWF-Madagascar / RAKOTONDRAZAFY A. M. Ny Aina

8.3.1 Xác định các hành động cần thiết

Một cách tổng quát, quản lý bảo tồn của OECM nên tập trung vào các hành động nhằm duy trì các giá trị đa dạng sinh học đã được công nhận và giảm thiểu các mối đe dọa, trong bối cảnh hệ thống quản trị hiện hành. Nếu tình trạng bảo tồn của các thuộc tính trọng tâm ổn định và mức độ đe dọa thấp, thì duy trì cách quản lý hiện tại có thể là đủ. Ngược lại, nếu có dấu hiệu suy giảm hoặc đe dọa gia tăng, thì cần có các hành động can thiệp bổ sung. Có thể tham khảo các nguồn tài liệu hướng dẫn thực tiễn về các lựa chọn quản lý, bao gồm:

- Phân loại các hành động bảo tồn của Hiệp hội Đối tác Bảo tồn ([thông tin thêm](#)).
- Các ấn phẩm của Ủy ban Thế giới về Khu bảo tồn của IUCN ([thông tin thêm](#)).
- Các ấn phẩm của Ủy ban Sinh tồn Các loài của IUCN ([thông tin thêm](#)).
- Thư viện các biện pháp bảo tồn đã được kiểm chứng của dự án Conservation Evidence ([thông tin thêm](#)).
- Các nghiên cứu điển hình về sáng kiến bảo tồn thành công từ trang IUCN Panorama ([thông tin thêm](#)).

8.3.2 Tổ chức quản lý

Quản lý và bảo vệ tại chỗ. Hầu hết các khu vực được bảo tồn đều cần một hình thức quản lý tại chỗ nhất định. Những người tham gia vào công tác này trong các khu bảo tồn thường được gọi là kiểm lâm (Liên đoàn Kiểm lâm Quốc tế, 2021), tuy nhiên trên thế giới cũng tồn tại nhiều cách gọi khác nhau cho các lực lượng có vai trò tương tự trong quản lý các khu vực bảo tồn. Tại các OECMs, nhiệm vụ của các nhà quản lý thường bao gồm một phần hoặc toàn bộ các hoạt động sau:

- Giám sát tình trạng của khu vực;
- Tuần tra và báo cáo các vấn đề, hoạt động bất hợp pháp hoặc gây hại (và trong một số trường hợp là thực thi pháp luật trực tiếp);
- Kết nối với cộng đồng địa phương, cung cấp thông tin cho người cư trú, người sử dụng và khách tham quan;
- Thực hiện các hoạt động quản lý và duy trì khu vực trên thực địa.

Các phương án tổ chức nhóm quản lý tại chỗ cho OECM có thể bao gồm:

- Duy trì hoặc củng cố các hệ thống giám sát và chia sẻ thông tin truyền thống hoặc mới;
- Mở rộng nhiệm vụ của một nhóm hiện có (ví dụ như các khu rừng đã có kiểm lâm tuần tra), hoặc mở rộng địa bàn hoạt động của đội tuần tra từ khu bảo tồn lân cận;
- Thành lập nhóm bảo vệ và giám sát mới (làm việc toàn thời gian hoặc bán thời gian, theo hình thức tình nguyện hoặc có trả lương);
- Thiết lập mạng lưới người quản lý/bảo vệ cộng đồng, cung cấp thông tin cho người quản lý khu.



Tập huấn

Đội ngũ quản lý tại chỗ có thể được hỗ trợ thông qua tư vấn chuyên môn và tập huấn nghiệp vụ. Liên đoàn Kiểm lâm Quốc tế đã xây dựng một khung năng lực để hỗ trợ việc xác định các kỹ năng cần thiết.

Hai cơ sở dữ liệu năng lực do IUCN phát triển cũng có thể được sử dụng để xác định nhu cầu và thiết kế các chương trình tập huấn:

- Dành cho các nhà quản lý khu bảo tồn, bao gồm liên kết với các khu vực được bảo tồn (xem thêm thông tin);
- Dành cho phục hồi các loài bị đe dọa (xem thêm thông tin).

Các trung tâm đào tạo chuyên biệt, trường cao đẳng và các NGOs tại địa phương có thể cung cấp chương trình tập huấn cần thiết. Các tài liệu và chương trình đào tạo ngày càng sẵn có trực tuyến, ví dụ như trên trang Tập huấn Bảo tồn cung cấp thông tin phong phú. Nhóm chuyên gia về OECM và Nhóm chuyên đề về Năng lực của WCPA cũng có thể đưa ra các khuyến nghị chuyên môn. Trong các cộng đồng dân tộc thiểu số và địa phương, việc chia sẻ tri thức và học tập liên thế hệ sẽ giúp thừa nhận, sử dụng và duy trì kiến thức cũng như kinh nghiệm địa phương.

Bảo vệ có trách nhiệm và có trách nhiệm giải trình

Việc trao quyền cho cá nhân thực hiện công tác chấp pháp có thể dẫn đến lạm dụng quyền lực nếu không có khung hướng dẫn đạo đức, trách nhiệm và các biện pháp bảo vệ xã hội rõ ràng. Liên đoàn Kiểm lâm Quốc tế đã ban hành bộ quy tắc đạo đức toàn cầu và các tài liệu hướng dẫn khác dành cho kiểm lâm và những người thực hiện công việc tương đương. Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) cũng đã xây dựng chương trình đào tạo kiểm lâm về các biện pháp bảo vệ xã hội và quyền con người.

Các biện pháp bảo vệ rộng hơn

Bên cạnh hoạt động bảo vệ và quản lý tại chỗ, các OECMs cần được bảo vệ khỏi các mối đe dọa bên ngoài, chẳng hạn như lấn chiếm, các tác động tiêu cực từ các ngành công nghiệp hoặc thay đổi mục đích sử dụng đất, hoặc các thách thức pháp lý. Các biện pháp phản ứng phù hợp

Quản lý OECMs có thể được tăng cường bằng việc thành lập đội ngũ được đào tạo tại chỗ. © WWF-Pacific Tom Vierus

sẽ khác nhau tùy theo loại hình quản trị của OECMs, các chủ thể có quyền và các bên liên quan, và sẽ phụ thuộc vào việc: OECMs và/hoặc quyền đối với đất đai/lãnh thổ đã được công nhận pháp lý hay chưa, và hình thức công nhận đó cụ thể như thế nào. Xem Mục 8.6 và Nghiên cứu điển hình 26.

Đối với các ví dụ chuyên sâu liên quan đến các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, vui lòng tham khảo các nghiên cứu trường hợp và tổng quan cấp quốc gia trong ấn phẩm *Lãnh thổ Sự sống* năm 2021 (ICCA Consortium, 2021).

Đóng góp chuyên môn vào công tác quản lý

Sự hỗ trợ từ bên ngoài là cần thiết để xác định và thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp. Các nguồn cung cấp tư vấn và hỗ trợ bao gồm:

- Các cơ quan quốc gia về khu bảo tồn và môi trường, nhà quản lý và người giám sát các OECMs và khu bảo tồn khác, cùng với các trường đại học và tổ chức nghiên cứu;
- Các tổ chức NGOs địa phương, quốc gia và quốc tế;
- Mạng lưới chuyên gia của các Ủy ban IUCN, đặc biệt là Ủy ban Thế giới về Khu Bảo tồn và Ủy ban Sinh tồn các Loài.

8.3.3 Giám sát và quản lý thích ứng

Các đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học và các mối đe dọa cần thiết lập một dữ liệu nền để sử dụng cho công tác giám sát tình trạng của khu vực trong tương lai. Cần xác định một bộ chỉ số để theo dõi sự thay đổi và phát hiện các vấn đề nghiêm trọng hoặc không lường trước. Các chỉ số cần dễ theo dõi trong phạm vi nguồn lực và năng lực của người sở hữu hoặc người giám sát khu vực. Trong các khu vực do cộng đồng quản lý, việc xác định các chỉ số sinh văn hóa mang tính hợp tác có thể dẫn đến quá trình giám sát hiệu quả hơn (Dacks và cộng sự, 2019). Các kết quả giám sát và tác động của các hoạt động quản lý cần được đánh giá định kỳ để xác định xem chúng có đang mang lại các kết quả dự kiến hay không và liệu có cần thay đổi trong quản lý hay không. Hướng dẫn thêm về các hệ thống và phương pháp giám sát được trình bày trong Phần 7.

Nghiên cứu điển hình 27.

Conserva Aves

Địa điểm: Colômbia | **Ví dụ về:** Một chương trình cung cấp hỗ trợ và nguồn lực để xác định và củng cố OECM.

Conserva Aves (Bảo tồn Chim) là một sáng kiến bảo tồn thiên nhiên được triển khai tại chín quốc gia ở khu vực Mỹ Latinh. Sáng kiến này thúc đẩy việc thành lập và quản lý ít nhất 2 triệu héc-ta nhằm bảo vệ các loài chim di cư, bị đe dọa và đặc hữu, thông qua 100 khu bảo tồn cấp vùng và các OECMs. Một liên minh chiến lược gồm các tổ chức bảo tồn hàng đầu đang hỗ trợ Conserva Aves tại Mỹ Latinh và Caribe.

Tại Colômbia, Conserva Aves hỗ trợ 18 tổ chức hoạt động với mục tiêu bảo vệ hơn 78.000 héc-ta tại 16 đô thị. Đến nay, 10 trong số 18 tổ chức này đã hỗ trợ quá trình công nhận các OECM, với tổng diện tích hơn 42.000 héc-ta các quần xã sinh

vật và hệ sinh thái cực kỳ nguy cấp, bao gồm: rừng khô nhiệt đới, savan Orinoco, rừng mưa nhiệt đới và rừng Andes.

Conserva Aves hỗ trợ việc lập kế hoạch OECM và thiết kế các chiến lược tài chính bền vững, cũng như triển khai các can thiệp ưu tiên như phục hồi sản xuất, du lịch sinh thái cộng đồng, doanh nghiệp sinh học và các giải pháp dựa vào thiên nhiên bổ sung.

Cách tiếp cận toàn diện nhằm đảm bảo rằng Conserva Aves khuyến khích các chiến lược bảo tồn hiệu quả cho quần thể chim, đồng thời thúc đẩy phúc lợi cho cộng đồng địa phương.



8.3.4 Lập hồ sơ phương pháp quản lý

Các kế hoạch quản lý chính thức cho khu bảo tồn thường là những tài liệu dài và chi tiết, tuy nhiên, một tài liệu quản lý đơn giản hơn có thể đủ để tổ chức và lập kế hoạch quản lý đối với các OECMs (ít nhất là cho đến khi có thể xây dựng một kế hoạch chi tiết hơn). Đối với các OECMs do cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương quản lý, dạng tài liệu quản lý này có thể không phù hợp hoặc không cần thiết. Thay vào đó, các quy định quản lý có thể được tích hợp trong hệ thống quản trị truyền thống, hoặc nằm trong các Hương ước của cộng đồng. Tuy nhiên, các hệ thống như vậy có thể chưa đầy đủ để ứng phó với những mối đe dọa mới, chưa từng có, và trong những nơi mà truyền thống và văn hóa địa phương đã bị suy giảm, hệ thống quy ước địa phương có thể đã mất đi một phần ảnh hưởng. Có thể cần phải thực hiện các hành động nhằm phục hồi hệ thống quản lý và quy ước truyền thống.

Bảng 9. Ví dụ về mẫu tài liệu quản lý đơn giản cho một OECM.

Thuộc tính đa dạng sinh học	Hiện trạng và điều kiện	Xu hướng	Dịch vụ hệ sinh thái	Các mối đe dọa chính	Các hành động cần thiết	Giám sát	Nhu cầu nguồn lực và hỗ trợ
Hệ sinh thái đất ngập nước ngọt	500 ha. Sản lượng cá giảm. Quần thể chim nước giảm.	Diện tích giảm 200 ha trong 20 năm do khô hạn.	Cung cấp nước sạch cho cộng đồng địa phương.	Các giếng khoan bất hợp pháp và ô nhiễm từ khai thác mỏ quy mô nhỏ.	Làm việc với các cơ quan chức năng để hạn chế khai thác nước; hành động chống lại khai thác mỏ bất hợp pháp.	Phân tích mẫu nước hàng năm, ảnh chụp tại điểm cố định, đo mực nước hàng tháng, số lượng giếng khoan.	Thiết bị giám sát cơ bản, sự tham gia của các cơ quan địa phương, hỗ trợ pháp lý.
Bướm Xanh Lớn	Số lượng giảm.	Người dân địa phương nói rằng mỗi năm lại ít đi.	Quần thể bướm góp phần hỗ trợ phát triển du lịch.	Thu thập bất hợp pháp để buôn bán	Tăng cường giám sát quần thể để xác định mức độ khai thác.	Thống kê quần thể vào tháng bảy. Ghi chép các vụ việc khai thác được phát hiện.	Tập huấn cơ bản cho những người bảo vệ quần thể.

8.3.5 Tầm quan trọng của sự tham gia

Các hoạt động và quy trình được mô tả trong bộ hướng dẫn này phải luôn có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan và các bên có quyền, và của những người sẽ tiến hành quản lý. Việc lập kế hoạch hợp tác sẽ tạo ra quyền sở hữu, tôn trọng các quyền và tri thức, và tăng đáng kể khả năng thực hiện và duy trì các yêu cầu quản lý trong dài hạn.

8.4 Tăng cường công nhận pháp lý cho các OECMs

Thực hành tốt: Rà soát các luật và chính sách liên quan nhằm tăng cường môi trường pháp lý và chính sách thuận lợi cho công tác bảo tồn OECM.

Phần này tập trung vào cách mà các quy định pháp luật và chính sách có thể mang lại sự công nhận tốt hơn đối với các OECMs và củng cố hệ thống quản trị và quản lý của chúng. Nội dung trình bày ba kịch bản, không loại trừ lẫn nhau và cũng không phải là toàn diện. Phần này nên được đọc kết hợp với [Mục 3.5](#).

Kịch bản 1. Một quốc gia bắt đầu xác định và báo cáo các OECMs, và sau khi thảo luận với các bên có quyền và các bên liên quan, đi đến quyết định rằng cần thiết phải cải cách một hoặc một số luật hoặc chính sách hiện hành nhằm tăng cường hoặc hỗ trợ tốt hơn cho các khu vực này. Lý do cho điều này có thể bao gồm một hay nhiều luật/chính sách hiện tại làm suy yếu khả năng của cơ quan quản trị trong việc duy trì các biện pháp quản trị hoặc quản lý, hoặc rằng chỉ cần

thay đổi nhỏ trong một luật hoặc chính sách cũng có thể giúp các khu vực quan trọng cho đa dạng sinh học đủ điều kiện được công nhận là OECMs. Các phản ứng có thể bao gồm cải cách pháp luật liên quan đến quyền sử dụng đất hoặc tài nguyên của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, nhằm hỗ trợ các trách nhiệm quản lý tại các khu vực quan trọng cho đa dạng sinh học. Việc này cũng bao gồm sửa đổi các luật mâu thuẫn hoặc làm suy yếu hệ thống quản trị tài nguyên tự nhiên tại địa phương, bao gồm các luật liên quan đến khai thác tài nguyên hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất có hại cho sinh thái (xem Hộp 7).

Kịch bản 2. Các mối đe dọa mới đối với các OECMs phải được giải quyết một cách có hệ thống thông qua công cụ pháp luật hoặc chính sách. Trong trường hợp này, một quy trình tổng thể để đánh giá các vấn đề và xây dựng phản ứng chính sách hoặc pháp luật là cần thiết (xem Hộp 7).

Kịch bản 3. Một quốc gia bắt đầu xác định và báo cáo các OECMs, và sau khi thảo luận với các bên có quyền và bên liên quan, xác định rằng cần thiết có một luật hoặc chính sách riêng biệt về OECMs. Trong trường hợp này, một quy trình toàn diện để đánh giá nhu cầu, và sau đó phát triển luật, quy định hoặc chính sách nên được tiến hành. Tham khảo Mục 3.5 để xem các nội dung cần cân nhắc. Chúng có thể bao gồm việc cung cấp các thủ tục rõ ràng, nhất quán và hiệu quả về chi phí để xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường các OECMs. Các nội dung này có thể bao gồm quy trình rõ ràng, nhất quán và hiệu quả về chi phí để xác định, báo cáo, giám sát và tăng cường các OECMs.

Các cán bộ chính phủ, phối hợp với các bên liên quan, nên thường xuyên đánh giá và cập nhật các luật và chính sách liên quan để hỗ trợ mạng lưới OECMs, khi cần thiết, ví dụ như để phản ánh các mối đe dọa mới và chưa từng có đối với khu vực.

Hộp 7

Các phản ứng pháp lý và chính sách để tăng cường OECMs

Khi cần phải cải cách chính sách (theo Kịch bản 1 và 2 đã nêu ở trên), có thể áp dụng nhiều biện pháp pháp lý hữu ích. Dưới đây là danh sách không đầy đủ các lựa chọn có thể áp dụng (dẫn theo Jonas và cộng sự, 2012; Paterson, 2023):

- Công nhận các quyền sau đây trong các khuôn khổ hiến pháp khi có liên quan: các quyền về nội dung (chẳng hạn như quyền môi trường, quyền đất đai, quyền tài nguyên), các quyền về thủ tục (tiếp cận thông tin, quyền được xử lý hành chính công bằng, quyền tiếp cận công lý) và các hình thức đa luật trong bối cảnh công nhận các luật tục, thực hành truyền thống, quyền sử dụng đất và tài nguyên theo phong tục và các hương ước truyền thống.
- Tăng cường các quyền và sự bảo vệ cho các OECMs (tiềm năng) thông qua các luật, bao gồm quyền sử dụng và quản lý đất đai/tài nguyên, quy hoạch, công nhận các quy chế địa phương, cho phép và và cấm các hoạt động gây hại cho môi trường sinh thái.
- Hòa giải và cải cách các luật làm suy yếu OECMs, bao gồm cả những luật liên quan đến quản lý chất thải, tài nguyên thiên nhiên, nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, khai khoáng, năng lượng và tài chính.
- Công nhận chính thức và hợp pháp hóa các thể chế hiện đang quản trị/quản lý các OECMs.
- Đối với cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, cải cách các khung pháp lý và chính sách để công nhận và tôn trọng quyền tự quyết (trong trường hợp của cộng đồng dân tộc thiểu số); các quyền sử dụng đất đai và tài nguyên theo phong tục và tập thể (bao gồm cả việc tự xác định các khu vực truyền thống); các luật tục và các quy trình ra quyết định truyền thống; tri thức bản địa, các giá trị văn hóa và tinh thần, di sản văn hóa và các thực hành truyền thống.
- Tạo điều kiện cho quản trị hợp tác mạnh mẽ giữa các cơ quan chính phủ, các bên liên quan và các bên có quyền có vai trò hoặc ảnh hưởng đến OECMs.
- Thiết lập/củng cố các cơ cấu, quy trình và nguồn lực (kỹ thuật và tài chính) nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả, minh bạch và tiếp cận được các luật pháp hỗ trợ và bảo vệ OECMs.
- Thúc đẩy các kết quả bảo tồn tích cực bằng cách quy định việc giám sát và báo cáo định kỳ, và các ưu đãi và các thỏa thuận tài chính.
- Ban hành và tăng cường các luật hỗ trợ những người bảo vệ con người và môi trường.

8.5 Tăng cường hỗ trợ tài chính cho các OECMs

Thực hành tốt: Tận dụng tình trạng OECMs để tối đa hóa sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, và để tiếp cận sự hỗ trợ và các cơ hội mới bổ sung cho các bên có quyền và các bên liên quan.

Có khả năng là khi có nhiều khu vực được xác định là OECMs, một số sẽ bền vững về mặt tài chính trong khi những khu vực khác sẽ đòi hỏi các dòng tài chính bền vững bổ sung mới. Phần này tập trung vào cách tăng cường hỗ trợ tài chính cho các OECMs. Quan trọng là, nhiều ý tưởng trong phần này đã được phát triển trong bối cảnh của các khu bảo tồn. Việc áp dụng các khuyến nghị này cho các bối cảnh đặc thù của các OECMs vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

IUCN định nghĩa tính bền vững tài chính là “khả năng đảm bảo các nguồn lực tài chính đầy đủ, ổn định và dài hạn, và phân bổ chúng một cách kịp thời, dưới hình thức phù hợp, để chi trả toàn bộ chi phí bảo tồn và bảo đảm rằng các nguồn lực đó được quản lý một cách hiệu quả và hiệu suất” (Emerton và cộng sự, 2006). Việc tiếp cận đa dạng các nguồn và loại hình tài trợ có khả năng giúp dòng tài chính trở nên bền vững hơn và ít bị tổn thương trước các biến động. Tài chính bền vững có liên hệ đến một số mục tiêu của GBF, trong đó có ba mục tiêu đặc biệt liên quan đến OECMs: Mục tiêu 3, còn được gọi là “30x30”, đã được đề cập ở các phần trước; Mục tiêu 18, kêu gọi cắt giảm ít nhất 500 tỷ USD mỗi năm từ các ưu đãi gây hại và tăng cường các ưu đãi tích cực; Mục tiêu 19, kêu gọi huy động 200 tỷ USD mỗi năm cho đa dạng sinh học từ mọi nguồn, bao gồm 30 tỷ USD thông qua tài chính quốc tế.

Khoảng thiếu hụt tài chính cần được bù đắp để đạt được Mục tiêu 3 của GBF được ước tính dao động từ 103-178 tỷ USD mỗi năm đối với các khu bảo tồn, trong khi lợi ích tài chính của việc đạt được Mục tiêu 3, tính theo nguồn thu tăng thêm, được ước lượng là 64-454 tỷ USD mỗi năm vào năm 2050 (Waldron và cộng sự, 2020). Những lợi ích tiềm năng lớn hơn nhiều so với chi phí tiềm năng. Ngoài ra, còn có giá trị tránh được thiệt hại lên tới hơn 534 tỷ USD mỗi năm đối với các dịch vụ hệ sinh thái do các khu bảo tồn rừng và rừng ngập mặn mang lại (chủ yếu là từ việc bảo vệ trước tác động của biến đổi khí hậu). Nếu tính đến tất cả các kiểu hệ sinh thái, giá trị thực sự của các dịch vụ hệ sinh thái này sẽ còn cao hơn rất nhiều (Waldron và cộng sự, 2020).

Cần có nhiều giải pháp tài chính bền vững và đổi mới, phù hợp với từng trường hợp cụ thể để đáp ứng yêu cầu tài chính cho từng OECM. Một cơ chế tài chính hiệu quả cho một khu vực cần phải: (1) Thiết lập các hệ thống quản lý tài chính vững chắc, vận hành hiệu quả, hiệu suất và bền vững; (2) Tạo ra các cơ chế khuyến khích tài chính cho các bên chịu chi phí bảo tồn hoặc có thể ảnh hưởng đến kết quả bảo tồn; (3) Tích cực trao quyền và nâng cao năng lực cho các nhà quản lý bảo tồn (Lazić và Emerton, 2020). Vì vậy, trọng tâm không chỉ là tạo ra nguồn tài chính, mà còn là quản lý tài chính đúng cách, sử dụng hiệu quả và điều chỉnh các cơ chế khuyến khích một cách hợp lý.

Nhóm Chuyên gia Tài chính Bền vững của IUCN và Liên minh Tài chính Bảo tồn đề xuất sáu loại chi phí chính liên quan đến các khu bảo tồn: thành lập hoặc xác định, vận hành, thể chế cốt lõi, cơ hội, thiệt hại và giao dịch (IUCN WCPA và CFA, đang xuất bản) (Bảng 10). Đối với các OECMs cần tài chính bổ sung, bất kỳ hoặc tất cả các chi phí này có thể phát sinh ở các giai đoạn khác nhau, từ công việc xác định ban đầu đến quản lý và giám sát dài hạn, đó là lý do tại sao việc tài trợ cần phải bền vững trong suốt quá trình. Các cơ quan quản trị và quản lý có thể sẽ áp dụng các cách tiếp cận khác nhau, tùy theo hoàn cảnh: một số có thể cần huy động tài chính, trong khi số khác có thể đã có sẵn nguồn quỹ.

Bảng 10. Sáu nhóm chi phí chính liên quan đến các khu bảo tồn. Nguồn: Nhóm Chuyên gia Tài chính Bền vững của IUCN WCPA và Liên minh Tài chính Bảo tồn (IUCN WCPA và CFA, đang xuất bản).

Chi tiêu tiền mặt trực tiếp, chủ yếu bởi các cơ quan quản lý khu bảo tồn	
Chi phí thành lập hoặc xác định	Các chi phí đầu tư ban đầu và các chi phí khác để thành lập một khu bảo tồn hoặc xác định một OECM, hoặc thay đổi ranh giới và/hoặc cơ chế quản trị và quản lý.
Chi phí vận hành	Các khoản chi đầu tư và chi thường xuyên cần thiết để lập kế hoạch, thực hiện và giám sát các hoạt động quản lý trên thực địa tại khu bảo tồn.
Chi phí thể chế cốt lõi	Chi phí cần thiết để thiết lập và duy trì các thể chế, chính sách, luật pháp và quy trình nhằm quản lý hiệu quả khu bảo tồn.
Chi phí trực tiếp và gián tiếp bằng tiền và phi tiền tệ, chủ yếu đối với cộng đồng địa phương	
Chi phí cơ hội	Các cơ hội phát triển, sử dụng đất và tài nguyên bị bỏ qua hoặc suy giảm trong và xung quanh khu bảo tồn, cũng như trong các ngành liên quan.
Chi phí thiệt hại	Thiệt hại về sản xuất, sinh kế và phúc lợi do các tương tác bất lợi giữa người và động vật hoang dã, hoặc do các hành động bảo tồn gây ra.
Chi phí giao dịch	Thời gian và các nguồn lực khác để tham gia vào các hoạt động bảo tồn, cũng như để thực thi và tuân thủ các quy định và luật lệ liên quan.

Các phương pháp và cách tiếp cận có hệ thống để tài trợ cho OECM. Để hỗ trợ các OECMs, các giải pháp tài chính cần được đánh giá, mở rộng và phát triển một cách toàn diện, và có thể đòi hỏi các cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng. Bất kỳ công việc nào về tài trợ cho một OECM đều nên bắt đầu bằng việc đánh giá về:

- Việc quản trị và quản lý khu vực hiện đang được thực hiện như thế nào và được tài trợ từ đâu;
- Mức độ bền vững của các cơ chế hiện có và điều kiện cần thiết để duy trì;
- Các nguồn lực bổ sung cần thiết để đảm bảo tương lai lâu dài của khu vực, bao gồm giải quyết các mối đe dọa tiềm tàng.

Ví dụ, một khu vực có thể đã được quản lý hiệu quả qua nhiều thế hệ như một phần trong tập quán truyền thống của chủ sở hữu, bằng chính công sức và nguồn lực của họ. Một phương án tài chính phù hợp có thể là hỗ trợ các chủ sở hữu để duy trì các tập quán này, đồng thời đầu tư bổ sung để bảo vệ ranh giới khu vực khỏi bị lấn chiếm. Hoặc một khu vực được duy trì như một vùng bảo vệ đầu nguồn bởi một công ty nước có thể, qua phân tích, cần đầu tư thêm vào hệ thống giám sát hiệu quả hơn.

Vai trò của các nhà tài trợ nên là hỗ trợ các cơ chế tài chính dễ tiếp cận và minh bạch, tạo cơ hội đào tạo và nâng cao năng lực (bao gồm các nội dung và phương pháp nhạy cảm về văn hóa), và hỗ trợ tiếp cận cơ sở vật chất và dịch vụ phù hợp về mặt sinh thái và văn hóa để nâng cao phúc lợi (ví dụ: nước, vệ sinh, y tế, giáo dục và cơ sở hạ tầng).

Có bốn phương pháp tiếp cận có hệ thống riêng biệt đối với tài chính bảo tồn được gọi là “bốn bộ lọc” vì chúng có thể được sử dụng để xác định và ưu tiên giải pháp tài chính cho các khu bảo tồn (Meyers và cộng sự, 2020). Cần phải xem xét tất cả các bộ lọc đối với bất kỳ khu vực nào. Bộ lọc 1 và Bộ lọc 4 chủ yếu xử lý các khía cạnh tài chính - tiết kiệm nguồn lực (bao gồm thời gian) thông qua nâng cao hiệu quả và tăng cường nguồn vốn cho bảo tồn. Việc tài trợ bền vững cho các OECMs nên được thực hiện bằng cách xem xét cả việc tăng lượng tài chính có sẵn mà còn đảm bảo giảm chi phí. Ngược lại, Bộ lọc 2 và Bộ lọc 3 hướng đến tác động hành vi - đảm bảo sự phù hợp lâu dài về lợi ích, ngăn chặn các hành động và đầu tư gây hại, đồng thời thúc đẩy hợp tác và hành động tích cực. Bốn bộ lọc gồm:

1. **Tối ưu hóa hiệu suất sử dụng nguồn lực.** Nhằm đạt được tác động lớn nhất đối với các mục tiêu bảo tồn với các nguồn lực có sẵn. Các lựa chọn cho việc này bao gồm: thuê ngoài, hợp tác công-tư, lồng ghép đa dạng sinh học (tức áp dụng cách tiếp cận toàn diện của chính phủ), tái cơ cấu thể chế, phối hợp tốt hơn giữa các nhà tài trợ và lĩnh vực liên quan, các hành động lập kế hoạch chung, quy hoạch cảnh quan trên đất liền hoặc biển, tránh chồng chéo nỗ lực, tăng cường tài trợ kết hợp, xác định và xây dựng lợi thế kinh tế theo quy mô, cùng xác định các hành động thay thế có thể mang lại kết quả bảo tồn tương đương.

2. **Ngăn chặn các hành vi gây hại.** Áp dụng các giải pháp tài chính nhằm hạn chế những hoạt động gây hại đến tự nhiên và làm giảm khả năng đạt được các mục tiêu bảo tồn. Các lựa chọn bao gồm: thuế, phạt và chế tài đối với các hoạt động gây hại đến đa dạng sinh học. Ở cấp hệ thống và quốc gia, một biện pháp khác là vận động chuyển hướng các khoản trợ cấp công gây hại (ví dụ: cho nhiên liệu hóa thạch) sang tài trợ cho bảo tồn hoặc các hoạt động ít gây hại hơn.
3. **Khuyến khích các hành động tích cực.** Phát triển các giải pháp tài chính nhằm điều chỉnh các ưu đãi hướng tới kết quả bảo tồn tích cực. Các lựa chọn bao gồm:
 - Các công cụ kinh tế: Ưu đãi thuế, giấy phép sử dụng tài nguyên có thể giao dịch, bồi hoàn và đền bù, cùng các khoản trợ cấp khuyến khích hành vi thân thiện môi trường cho cá nhân, doanh nghiệp và phương thức canh tác;
 - Tiếp cận tài khóa: phân bổ ngân sách chính phủ trực tiếp, chuyển giao tài khóa sinh thái, và các khoản tài trợ công;
 - Ưu đãi khác từ chính phủ và khu vực tư nhân: Hệ thống chứng nhận cho sản phẩm/dịch vụ bền vững, cơ hội thương mại ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật;
 - Tài chính hỗn hợp (kết hợp tài chính công-tư), các khoản vay/trái phiếu gắn với tiêu chí bền vững, và bảo lãnh tài chính.
4. **Tăng cường nguồn vốn cho bảo tồn.** Huy động thêm nguồn lực và đảm bảo quản lý hiệu quả cho các hoạt động bảo tồn. Các lựa chọn bao gồm phạt, chế tài và thuế xanh, cùng hầu hết công cụ kinh tế và giải pháp thị trường.

Cơ chế tài chính. Đa dạng phương thức có thể áp dụng tùy bối cảnh địa phương, đồng thời tích hợp nhiều giải pháp để hỗ trợ OECSMs cùng các bên có quyền và các bên liên quan. Các cách tiếp cận cần gắn với hoạt động tạo thu nhập bền vững.

Hiện nay, tài chính công là nguồn chính cho các khu bảo tồn và bảo tồn thiên nhiên nói chung (UNEP, 2023), song đang dần thay đổi. Các khu vực cần đa dạng hóa nguồn tài trợ để giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu đơn lẻ. Nhiều cơ chế tài chính bền vững cho OECSMs bao gồm: chi trả dịch vụ hệ sinh thái, ưu đãi thuế, tín chỉ đa dạng sinh học, hợp tác quản lý, tài chính carbon, quỹ ủy thác bảo tồn, và chứng nhận. Các giải pháp mới áp dụng cho OECSMs được trình bày chi tiết tại Phụ lục 6 cùng Nghiên cứu điển hình 28 - 29.

Thông tin đầy đủ hơn về chủ đề này có thể được tìm thấy trong tài liệu Hướng dẫn Thực hành Tốt về Tài chính cho các Khu Bảo tồn và Khu vực được bảo tồn của IUCN WCPA (IUCN và CFA, sắp xuất bản).

Nghiên cứu điển hình 28.

Các cơ chế tài chính cho OECMs

(từ Sharma và Pasha, 2024)



Nhật Bản: Chương trình “chứng chỉ hỗ trợ” đa dạng sinh học Nhật Bản đã triển khai giai đoạn đầu của một chương trình thí điểm cho phép các doanh nghiệp tham gia vào các sáng kiến đa dạng sinh học được chính phủ chứng nhận. Dưới sự điều phối của Bộ Môi trường Nhật Bản thông qua Liên minh 30x30, chương trình này bao gồm việc phát hành “chứng chỉ hỗ trợ” cho các doanh nghiệp có đóng góp cho các OECMs thông qua các hình thức như quyên góp hoặc đầu tư. Các chứng chỉ này không thể giao dịch, nhưng đóng vai trò là bằng chứng để doanh nghiệp chứng minh cam kết hỗ trợ các hoạt động đa dạng sinh học, phù hợp với khung công bố tài chính liên quan đến thiên nhiên của Nhóm chuyên gia về Tài chính liên quan đến Thiên nhiên (TNFD), tương tự như tín chỉ đa dạng sinh học hoặc cơ chế đánh đổi (Reklev, 2023). Chương trình cũng hỗ trợ các doanh nghiệp muốn đóng góp cho bảo tồn kết nối với các OECMs đang cần hỗ trợ. Nếu giai đoạn thí điểm thành công, chương trình sẽ được triển khai toàn diện vào năm 2025. Để tránh tình trạng “tẩy xanh”, các khu vực nhận chứng nhận sẽ được đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo duy trì giá trị đa dạng sinh học quan trọng.

Việt Nam: Cơ sở pháp lý cho cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái

Sau khi nghiên cứu rà soát cấp quốc gia về các cơ chế và yếu tố cần cân nhắc, Việt Nam đang xem xét thiết lập cơ sở pháp lý để tài trợ cho các OECMs thông qua các quy định về cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái, như đã được quy định tại Điều 138 của Luật Bảo vệ Môi trường (Sharma và cộng sự, 2023).

Maldives và Ấn Độ: Hợp tác quản lý giữa chính phủ và khu vực tư nhân

Cả Maldives và Ấn Độ đều đang áp dụng hình thức hợp tác quản lý giữa chính phủ và khu vực tư nhân để tài trợ cho các OECMs. Tại Maldives, mô hình này bao gồm các quan hệ đối tác với các khu nghỉ dưỡng ven biển nhằm thiết lập các OECMs biển xung quanh khuôn viên của họ (Bộ Môi trường, Biến đổi khí hậu và Công nghệ Maldives, 2022). Tại Ấn Độ, hình thức hợp tác này mở rộng ra cả các tập đoàn lớn, nhằm xác định và giám sát các khu vực mà họ đang quản trị và quản lý (UNDP, 2022).

Nam Phi: Ưu đãi thuế cho chủ sở hữu đất

Nam Phi đã giới thiệu một chính sách ưu đãi thuế mới dành cho các chủ đất tư nhân và cộng đồng, nhằm mang lại lợi ích tài chính cho hoạt động bảo tồn, đồng thời tạo ra các OECM ứng viên. Ưu đãi này cho phép các công dân đủ điều kiện được khấu trừ chi phí liên quan đến việc bảo tồn các loài và hệ sinh thái bị đe dọa khỏi thu nhập chịu thuế. Chính sách này dự kiến sẽ huy động được khoảng 1,5 triệu rand Nam Phi (tương đương 80.000 USD mỗi năm) tài chính mới dành cho bảo tồn (Liên minh Tài chính Bền vững, 2023).

Nghiên cứu điển hình 29.

Kế hoạch tài chính đa dạng sinh học BIOFIN

Sáng kiến Tài chính Đa dạng Sinh học (BIOFIN) đã xây dựng Kế hoạch Tài chính Đa dạng Sinh học - một khái niệm đã được các bên tham gia CBD phê chuẩn.

Kế hoạch này là một mẫu tài liệu cấp quốc gia nhằm định hướng các giải pháp tài chính cho đa dạng sinh học trong vòng 5-10 năm tới. Thông qua việc huy động nhiều lĩnh vực khác nhau, kế hoạch hướng đến triển khai một cách tiếp cận toàn diện về tài chính đa dạng sinh học, bao gồm cả các khu bảo tồn (UNDP, 2018). Bên cạnh đó, BIOFIN đã xây dựng một cơ sở dữ liệu trực tuyến phong phú về các nguồn tài chính. Người dùng có thể tìm kiếm theo danh mục “Khu bảo tồn và các biện pháp bảo tồn khác” dưới bộ lọc “Danh mục Đa dạng Sinh học” (Biodiversity categories). Ví dụ khu vực về các nguồn tài nguyên trực tuyến bao gồm Danh mục Giải pháp Tài chính tại Châu Phi của Liên minh Tài chính Bền vững.

Mô hình Liên minh Tài chính Bền vững. Mô hình này hướng tới đảm bảo tài chính mang lại hiệu quả cụ thể và tạo ra thay đổi lâu dài thông qua bốn nguyên tắc: Tìm kiếm, Ươm tạo, Triển khai, Nhân rộng:

- Tìm kiếm:** Khám phá các cơ hội để tìm ra giải pháp tài chính phù hợp mang lại lợi ích cho con người và cảnh quan.
- Ươm tạo:** Phối hợp với các chuyên gia để thiết kế các nền tảng cần thiết như khung pháp lý và chính sách nhằm triển khai giải pháp.
- Triển khai:** Thử nghiệm giải pháp trên quy mô nhỏ trong một cảnh quan cụ thể.
- Nhân rộng:** Mở rộng triển khai giải pháp để đảm bảo khả năng tiếp cận rộng rãi.

8.6 Bảo vệ các OECMs

Thực hành tốt: Thiết lập mạng lưới và các cơ chế hỗ trợ để đảm bảo những người làm công tác bảo tồn OECMs có thể tiếp cận sự hỗ trợ nhằm giải quyết những thách thức và mối đe dọa họ phải đối mặt.

Các OECMs có thể cần được bảo vệ khỏi các mối đe dọa bên ngoài kịp thời, chẳng hạn như việc bị rút quy hoạch (degazettement), lấn chiếm trái phép hoặc những tác động tiêu cực từ ngành công nghiệp hay chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Các biện pháp ứng phó phù hợp nhất với những mối đe dọa này sẽ phụ thuộc vào từng bối cảnh cụ thể, bao gồm: Loại hình quản trị OECM, các bên có quyền và các bên liên quan tham gia hoặc bị ảnh hưởng, và liệu, và bằng cách nào, OECM và các quyền về đất đai hoặc lãnh thổ đã được công nhận hợp pháp hay chưa.

Việc bảo vệ một OECM có mức độ đe dọa cao và hoạt động bất hợp pháp lan rộng có thể gây nguy hiểm cho tất cả những người tham gia vào nó, dù là trực tiếp hay gián tiếp. Cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương đặc biệt dễ bị tổn thương và phải đối mặt với các mối đe dọa ngày càng tăng, cả từ các tác động của các hoạt động có hại trên đất đai và lãnh thổ của họ, và từ việc bảo vệ chúng (*Hiệp hội ICCA, 2021*). Ít nhất 1.733 người bảo vệ đất đai và môi trường đã bị giết từ năm 2012 đến năm 2021, gần 40% trong số họ là cộng đồng dân tộc thiểu số (*Global Witness, 2022*). Tổng cộng có 2.351 cán bộ kiểm lâm bị chết khi đang làm nhiệm vụ từ năm 2006 đến năm 2021, 42% do bị giết và phần còn lại do tai nạn, bệnh tật và các sự cố với động vật hoang dã (*Galliers và cộng sự, 2022*). Xem Hộp 8 để biết thêm về những người bảo vệ nhân quyền môi trường.

Hộp 8

Những người bảo vệ môi trường

Cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương phải đối mặt với những mối đe dọa đặc biệt khi cố gắng bảo vệ quyền lợi, đất đai và vùng nước của họ. Mục tiêu 22 của GBF bao gồm một cam kết nhằm “đảm bảo sự bảo vệ toàn diện cho những người bảo vệ quyền môi trường”. Việc đảm bảo an ninh cho những người bảo vệ là rất quan trọng đối với tất cả các chủ thể tham gia vào OECM, bao gồm các chính phủ, các tổ chức bảo tồn và các nhà tài trợ. Mặc dù các khuyến nghị chi tiết nằm ngoài phạm vi của hướng dẫn này, một số hành động quan trọng bao gồm:

- Các hành động đã đề cập trước đây để tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, bao gồm quyền về đất đai, lãnh thổ và tài nguyên, cả trong và ngoài khuôn khổ OECMs.
- Cung cấp cơ chế bảo vệ pháp lý hiệu quả và có trách nhiệm cho những người bảo vệ trước bạo lực, đe dọa và trả đũa, cũng như các biện pháp khắc phục và cơ chế đền bù pháp lý khác.
- Tăng cường các nguồn lực và năng lực cho các bên có quyền để bảo vệ các quyền của họ, thông qua tài trợ và hỗ trợ khác cho các mạng lưới của những người bảo vệ, sự tham gia đầy đủ và công bằng và tiếp cận thông tin, lập bản đồ và báo cáo rủi ro, và các cơ chế phản ứng nhanh.
- Tăng cường vai trò và trách nhiệm của các tổ chức bảo tồn (bao gồm các tổ chức Phi chính phủ và các nhà tài trợ) trong việc bảo vệ và hỗ trợ những người bảo vệ môi trường.

Các nguồn tài liệu có liên quan có thể được tìm thấy [tại đây](#).

Mục tiêu 22 của GBF cũng hướng dẫn việc thực hiện Mục tiêu 3, bao gồm cả liên quan đến các OECMs. Do đó, việc thực hiện các khuyến nghị và hướng dẫn chung được trình bày trong Hộp 8 là rất quan trọng đối với tất cả các chủ thể tham gia vào OECMs, bao gồm các chính phủ và các tổ chức bảo tồn và các nhà tài trợ. Ở cấp khu OECM, các hành động bao gồm:

- Đánh giá các rủi ro và nguy hiểm liên quan đến công việc.
- Cung cấp thiết bị và vật tư để đảm bảo những người bảo vệ có thể hoạt động một cách an ninh và an toàn.
- Cung cấp đào tạo đầy đủ, bao gồm cả các khóa tập huấn cập nhật thường xuyên.
- Khi cần thiết và trong trường hợp có khung pháp lý hỗ trợ phù hợp, đảm bảo sự công nhận pháp lý (trong khuôn khổ OECMs hoặc các khung khác), bao gồm các quyền sở hữu, quản trị và quản lý khu vực.
- Tham gia vào các vụ kiện hoặc các biện pháp khắc phục tư pháp hoặc phi tư pháp khác.
- Thực hiện các hành động tập thể, bao gồm tổ chức mít tinh, đưa tin truyền thông và thực hiện các chiến dịch vận động phối hợp ở các quy mô khác nhau.
- Khẳng định các quyền và ưu tiên, ví dụ thông qua các giao ước cộng đồng và Kế hoạch Sinh tồn (xem Nghiên cứu điển hình 26).

Để tham khảo các ví dụ chuyên sâu liên quan đến cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, xem các nghiên cứu điển hình và bản tóm tắt cấp quốc gia trong ấn phẩm Lãnh thổ Sự sống năm 2021 (*ICCA Consortium, 2021*).

Tài liệu tham khảo

- Baghai, M., Miller, J.R., Blanken, L.J., Dublin, H.T., Fitzgerald, K.H., Gandiwa, P., Laurenson, K., Milanzi, J., Nelson, A. and Lindsey, P. (2018). Models for the collaborative management of Africa's protected areas. *Biological Conservation*, 218, pp.73–82.
- Bath, P., Guzmán-Valladares, A., Luján-Gallegos, V., & Mathias, K. (2020). *Conservation trust funds 2020: Global vision, local action*. Conservation Finance Alliance. <https://static1.square-space.com/static/57e1f17b37c58156a98f1ee4/t/620fc5df0c-701728749585da/1645200880671/Practice+Standards+For+Conservation+Trust+Funds+2020+EN+links+-+211208+.pdf>
- Borrini-Feyerabend, G., & Hill, R. (2015). Governance for the conservation of nature. In Worboys, G. L., Lockwood, M., Kothari, A., Feary, S. & Pulsford, I. (Eds.), *Protected area governance and management* (pp. 169–206). ANU Press. <https://press-files.anu.edu.au/downloads/press/p312491/pdf/CHAPTER7.pdf>
- Borrini-Feyerabend, G., Dudley, N., Jaeger, T., Lassen, B., Pathak Broome, N., Phillips, A., & Sandwith, T. (2013). *Governance of protected areas: From understanding to action*. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 20. IUCN. <https://portals.iucn.org/library/node/29138>
- Cabrera, H., et al. (2021). *Securing sustainable financing for conservation areas: A guide to project finance for permanence*. Amazon Sustainable Landscapes Program & WWF.
- Campese, J., & Sulle, E. (2019). *Management effectiveness, governance, and social assessments of protected and conserved areas in eastern and southern Africa: A rapid inventory and analysis to support the BIOPAMA programme and partners*. BIOPAMA, IUCN ESARO.
- Canada Border Services Agency. (2023). *Departmental sustainable development strategy*. <https://www.cbsa-asfc.gc.ca/agency-agence/reports-rapports/sds-sdd/sds-sdd-23-27-eng.pdf>
- Canada Department of Fisheries and Oceans. (2016). *Operational guidance for identifying 'other effective area-based conservation measures' in Canada's marine environment*. Canada Department of Fisheries and Oceans. <https://www.dfo-mpo.gc.ca/oceans/publications/oecm-amcepz/index-eng.html>
- CBD. (Convention on Biological Diversity). (1992). *Convention on Biological Diversity*. <https://www.cbd.int/convention/text/>
- CBD (Convention on Biological Diversity). (2008). *Inland waters biodiversity: What is it?* <https://www.cbd.int/waters/inland-waters#:~:text=%E2%80%9CInland%20waters%E2%80%9D%20are%20aquatic%2D,of%20the%20two%20>
- CBD (Convention on Biological Diversity). (2012). *Decision on protected areas (XI/24)*. <https://www.cbd.int/doc/decisions/cop-11/cop-11-dec-24-en.pdf>
- CBD (Convention on Biological Diversity). (2016). *Ecosystem restoration: Short-term action plan*. CBD/COP/DEC/XIII/5. <https://www.cbd.int/doc/decisions/cop-13/cop-13-dec-05-en.pdf>
- CBD (Convention on Biological Diversity). (2018). *Protected areas and other effective area-based conservation measures* (Decision 14/8). <https://www.cbd.int/doc/decisions/cop-14/cop-14-dec-08-en.pdf>
- CBD (Convention on Biological Diversity). (2022). *Kunming-Montreal Global Biodiversity Framework*. <https://www.cbd.int/doc/decisions/cop-15/cop-15-dec-04-en.pdf>
- Claudet, J., Ban, N. C., Blythe, J., Briggs, J., Darling, E., Gurney, G. G., Palardy, J. E., Pike, E. P., Agostini, V. N., Ahmadi, G. N., Campbell, S. J., Epstein, G., Estradivari, Gill, D., Himes-Cornell, A., Jonas, H. D., Jupiter, S. D., Mangubhai, S., & Morgan, L. (2022). Avoiding the misuse of other effective area-based conservation measures in the wake of the blue economy. *One Earth*, 5(9), 969–974.
- Cook Islands News. (2024). *Takitumu Conservation Area becomes first OECM in Pacific*. <https://www.cookislandsnews.com/internal/national/environment/takitumu-conservation-area-becomes-first-oecm-in-pacific>
- Cook, C. N., Lemieux, C. J., & Golden Kroner, R. (2024). Increasing transparency and accountability in global protected and conserved area reporting. *One Earth*, 7(3), 421–430. <https://doi.org/10.1016/j.oneear.2024.01.022>
- Crofts, R., Gordon, J. E., Brilha, J., Gray, M., Gunn, J., Larwood, J., Santucci, V. L., Tormey, D., & Worboys, G. L. (2020). *Guidelines for geoconservation in protected and conserved areas*. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 31. IUCN.
- Dacks, R., Tickin, T., Mawyer, A., et al. (2019). Developing biocultural indicators for resource management. *Conservation Science and Practice*, 1, e38. <https://doi.org/10.1111/csp.2.38>
- Dudley, N. (ed.) (2008). *Guidelines for applying protected area management categories*. IUCN.
- Eghenter, C. (2018). Indigenous effective area-based conservation measures: Conservation practices among the Dayak Kenyah of North Kalimantan. *PARKS*, 24. https://parksjournal.com/wp-content/uploads/2020/10/PARKS-24-SI-Eghenter-10.2305-IUCN.CH_2018.PARKS%E2%80%9024%E2%80%90SICE.en_.pdf
- Emerton, L., Bishop, J., & Thomas, L. (2006). Sustainable financing of protected areas: *A global review of challenges and options*. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 13. IUCN.
- FAO (Food and Agriculture Organization of the United Nations). (2022). *A handbook for identifying, evaluating and reporting other effective area-based conservation measures in marine fisheries*. FAO. <https://doi.org/10.4060/cc3307en>
- Fitzgerald, K.H. (in press, a). Collaborative Management Partnerships. In Meyers, D. and Fitzgerald, K. (Eds.), *IUCN WCPA Guide to Protected and Conserved Area Finance*. IUCN.
- Fitzgerald, K.H. (in press, b). Project Finance for Permanence. In Meyers, D. and Fitzgerald, K. (Eds.), *IUCN WCPA Guide to Protected and Conserved Area Finance*. IUCN.
- Fitzsimons, J., Stolton, S., Dudley, N., & Mitchell, B. (2024). Clarifying 'long-term' for protected areas and other effective area-based conservation measures (OECMs): Why only 25 years of 'intent' does not qualify. *Parks*, 30(1), 89–93. <https://doi.org/10.2305/GLFT9809>
- Galliers, C., Cole, R., Singh, R., Ohlfs, J., Aisah, H., Koutoua, A. B., Roodt, C., & Álvarez Malvido, M. (2022). Conservation casualties: An analysis of on-duty ranger fatalities (2006–2021). *PARKS*, 28(1).
- Global Witness. (2022). *Decade of defiance: Ten years of reporting land and environmental activism worldwide*. <https://www.global-witness.org/en/campaigns/environmental-activists/decade-defiance/>
- Govan, H. (2009). Achieving the potential of locally managed marine areas in the South Pacific. *SPC Traditional Marine Resource Management and Knowledge Information Bulletin*, 25, 16–25.
- Government of Canada. (2023). *Canada Border Services Agency helping to protect biodiversity along Canada's border... and beyond!* <https://www.canada.ca/en/environment-climate-change/services/nature-legacy/campfire-stories/border-biodiversity.html>
- Government of Canada. (n.d.). *Marine refuges across Canada*. <https://www.dfo-mpo.gc.ca/oceans/oecm-amcepz/refuges/index-eng.html>
- Gray, P. A., Cheriton, D., Gaetz, N., Lehman, P., Sherwood, J., Beechey, T. J., & Lemieux, C. J. (2018). Comparing screening tools for assessment of potential 'other effective area-based conservation measures' in Ontario, Canada. *PARKS*, 24.
- Gurney, G. G., Darling, E. S., Ahmadi, G. N., Agostini, V. N., Ban, N. C., Blythe, J., Claudet, J., Epstein, G., Estradivari, Himes-Cornell, A., Jonas, H. D., Armitage, D., Campbell, S. J., Cox, C., Friedman, W. R., Gill, D., Lestari, P., Mangubhai, S., McLeod, E., ... Jupiter, S. D. (2021). Biodiversity needs every tool in the box: Use OECMs. *Nature*.

- Haase, P., Tonkin, J. D., Stoll, S., Burkhard, B., Frenzel, M., Geizendorffer, I. L., Häuser, C., et al. (2018). The next generation of site-based long-term ecological monitoring: Linking essential biodiversity variables and ecosystem integrity. *Science of the Total Environment*, 613, 1376–1384.
- Heo, H. Y. (2024). Cranes over Cheorwon, cultivating conservation and community: Results from the Nature Coexistence between farmers and cranes. *PANORAMA*. <https://panorama.solutions/en/solution/cranes-over-cheorwon-cultivating-conservation-and-community-results-nature-coexistence>
- Hilty, J., Worboys, G. L., Keeley, A., Woodley, S., Lausche, B., Locke, H., Carr, M., Pulsford, I., Pittcock, J., White, J. W., Theobald, D. M., Levine, J., Reuling, M., Watson, J. E. M., Ament, R., & Tabor, G. M. (2020). *Guidelines for conserving connectivity through ecological networks and corridors*. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 30. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2020.PAG.30.en>
- Hogue, A. S., & Breon, K. (2022). The greatest threats to species. *Conservation Science and Practice*, 4(9), e12670. <https://doi.org/10.1111/csp2.12670>
- ICCA Consortium. (2021). *Territories of life: 2021 report*. ICCA Consortium.
- International Ranger Federation. (2021). *Ranger code of conduct*. Version 1.0. International Ranger Federation.
- IUCN (International Union for Conservation of Nature). (2016). *A global standard for the identification of key biodiversity areas*. 1st ed. IUCN. <https://portals.iucn.org/library/node/46259>
- IUCN WCPA (World Commission on Protected Areas) (2018). Special Issue on 'other effective area-based conservation measures'. *PARKS*, 24. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SI.en>
- IUCN WCPA Sustainable Finance Specialist Group and Conservation Finance Alliance. (in press). *Protected and conserved area finance: Good practices*. World Commission on Protected Areas Best Practice Protected Area Guidelines Series. IUCN.
- IUCN WCPA Task Force on OECMS (2019). *Recognising and reporting other effective area-based conservation measures*. Protected Area Technical Report Series No. 3. Gland, Switzerland: IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2019.PATRS.3.en>
- Ivanić, K.-Z., Stolton, S., Figueroa Arango, C. & Dudley, N. (2020). *Protected Areas Benefits Assessment Tool + (PA-BAT+): A tool to assess local stakeholder perceptions of the flow of benefits from protected areas*. Protected Area Technical Report Series No. 4. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2020.PATRS.4.en>
- John, T., John, P., Bugiad, L., & Lee Agama, A. (2012). Creating the Ulu Papar biocultural community protocol. In Pretty, J. Thompson, J., & Scoones, I. (Eds.), *Participatory learning and action: A trainer's guide* (p. 141). IIED.
- Jonas H., Kothari, A., & Shrumm H. (2012). *Legal and institutional aspects of recognizing and supporting conservation by Indigenous peoples and local communities: An analysis of international law, national legislation, judgements and institutions as they interrelate with territories and areas conserved by Indigenous peoples and local communities*. Natural Justice and Kalpavriksh.
- Jonas, H. D., Enns, E., Jonas, H. C., Lee, E., Tobon, C., Nelson, F., & Sander Wright, K. (2017). Will other effective area-based conservation measures increase recognition and support for ICCAs? *PARKS*, 23(2). IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2017.PARKS-23-2HDJ.en>
- Jonas, H. D., MacKinnon, K., Dudley, N., Hockings, M., Jessen, S., Laffoley, D., MacKinnon, D., Matallana-Tobon, C., Sandwith, T., Waithaka, J., and Woodley, S. (2018). 'Other Effective Area-based Conservation Measures: From Aichi Target 11 to the Post-2020 Biodiversity Framework.' *PARKS* 24. IUCN: Gland.
- Jonas, H. D., MacKinnon, K., Marnewick, D. & Wood, P. (2023). *Site-level tool for identifying other effective area-based conservation measures (OECMs)*. 1st ed. IUCN WCPA Technical Report Series No. 6. IUCN. <https://doi.org/10.2305/WZJH1425>
- Jonas, H. D., Bingham, H., Bennett, N., Woodley, S., Zlatanova, R., Howland, E., Belle, E., Upton, J., Gottlieb, B., Kamath, V., Lessmann, J., Delli, G., Dubois, G., Ahmadi, G., Claudet, J., Cook, C., Deza, J., Grorud-Colvert, K., Gurney, G., Lemieux, C. J., Ruiz, L. (2024). Global status and emerging contribution of other effective area-based conservation measures towards the '30x30' biodiversity Target 3. *Frontiers in Conservation Science*. Vol 5. doi: 10.3389/fcsc.2024.1447434
- Keenleyside, K. A., Dudley, N., Cairns, S., Hall, C. M. & Stolton, S. (2012). *Ecological restoration for protected areas: Principles, guidelines and best practices*. IUCN.
- Koplow, D. & Steenblik, R. (2022). *Protecting nature by reforming environmentally harmful subsidies: the role of business*. Earth Track.
- Lazić, M. & Emerton, L. (2020). *Sourcebook on sustainable financing for biodiversity, ecosystems & protected areas in the western Balkans*. GlZ. https://www.glz.de/en/downloads/Sourcebook_sustainable_financing_biodiversit_final.pdf
- Lindsey, P. A., Miller, J. R. B., Petracca, L. S., Coad, L., Dickman, A. J., Fitzgerald, K. H., Flyman, M. V., Funston, P. J., Henschel, P., Kasiki, S., Knights, K., Loveridge, A. J., Macdonald, D. W., Mandisodza-Chikerema, R. L., Nazerali, S., Plumptre, A. J., Stevens, R., Van Zyl, H. W., & Hunter, L. T. B. (2018). More than \$1 billion needed annually to secure Africa's protected areas with lions. *Proceedings of the National Academy of Sciences of the United States of America*, 115(45). <https://doi.org/10.1073/pnas.1805048115>
- Lindsey, P., Baghai, M., Bigurube, G., Cunliffe, S., Dickman, A., Fitzgerald, K., et al. (2021). Attracting investment for Africa's protected areas by creating enabling environments for collaborative management partnerships. *Biological Conservation*, 255, 108979. <https://doi.org/10.1016/j.biocon.2021.108979>
- Lopoukhine, N., & Dias, B. F. (2012). Editorial: What does Target 11 really mean? *PARKS*, 18(1), 5–8.
- MacKinnon, D., Lemieux, C. J., Beazley, K., Woodley, S., Helie, R., Perron, J., Elliott, J., Haas, C., Langlois, J., Lazaruk, H., Beechey, T., & Gray, P. (2015). Canada and Aichi Biodiversity Target 11: Understanding 'other effective area-based conservation measures' in the context of the broader target. *Biodiversity and Conservation*, 24(13), 3559–3581. <https://doi.org/10.1007/s10531-015-1018-1>
- Marnewick, D., Stevens, C. M. D., Jonas, H., Antrobus-Wuth, R., Wilson, N., & Theron, N. (2021). Assessing the extent and contribution of OECMs in South Africa. *PARKS*, 27(1), 57.
- Matallana-Tobón, C., Santamaría, M., Areiza Tapias, A., Solano, C., & Galán, S. (2018). Rethinking nature conservation in Colombia: A case study of other effective area-based conservation measures. *PARKS*, 24. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SICLM.en>
- Mathur, V. B., Onial, M., & Mauvais, G. (2015). Managing threats. In Worboys, G. L., Lockwood, M., Kothari, A., Feary, S., & Pulsford, I. (Eds.), *Protected area governance and management* (pp. 473–494). ANU Press.
- Meyers, D., Bohorquez, J., Cumming, T., Emerton, L., Heuvel, O. v. d., Riva, M. & Victorine, R. (2020). *Conservation finance: A framework*. Conservation Finance Alliance.
- Milenge. (2024). Personal correspondence regarding the Community Reserve for the Conservation of Grey Parrots.
- Ministry of Environment, Climate Change and Technology (Maldives). (2022). *Guideline for recognising areas as other effective area-based conservation measures (OECMs) in areas leased for tourism operations*. Ministry of Environment, Climate Change and Technology. <https://www.environment.gov.mv/v2/en/download/14988>
- Mitchell, B. A., Stolton, S., Bezaury-Creel, J., Bingham, H. C., Cumming, T. L., Dudley, N., Fitzsimons, J. A., Malleret-King, D., Redford, K. H. & Solano, P. (2018). *Guidelines for privately protected areas*. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 29. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PAG.29.en>

- Mitchell, B., Fitzsimons, J., Stevens, C., & Wright, D. (2018). PPA or OECM? Differentiating between privately protected areas and other effective area-based conservation measures on private land. *PARKS*, 24. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SIBAM.en>
- Mwamidi, D. M., Renom, J. G., Fernández-Llamazares, Á., Burgas, D., Domínguez, P., & Cabeza, M. (2018). Contemporary pastoral commons in East Africa as OECMs: A case study from the Daasanach community. *PARKS*, 24. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SIDMM.en>
- NatureFinance. (2023). The future of biodiversity credit markets: *Governing high-performance biodiversity credit markets*. NatureFinance.
- Neugarten, R.A., Langhammer, P.F., Osipova, E., Bagstad, K.J., Bhagabati, N., Butchart, S.H.M., Dudley, N., Elliott, V., Gerber, L.R., Gutierrez Arrellano, C., Ivanić, K.-Z., Kettunen, M., Mandle, L., Merriman, J.C., Mulligan, M., Peh, K.S.-H., Raudsepp-Hearne, C., Semmens, D.J., Stolton, S., Willcock, S. (2018). *Tools for measuring, modelling, and valuing ecosystem services: Guidance for Key Biodiversity Areas, natural World Heritage Sites, and protected areas*. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PAG.28.en>
- OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development) (2020). *Tax Policy Reforms 2020: OECD and Selected Partner Economies*. OECD Publishing. Paris. <https://doi.org/10.1787/7af51916-en>
- Paterson, A. (2023). Other effective area-based conservation measures, biodiversity stewardship, and statutory intervention – A South African perspective. *Potchefstroom Electronic Law Journal/Potchefstroomse Elektroniese Regsblad*, 26(1), 1–31.
- Porras, I. & Steele, P. (2020). *Making the market work for nature: How biocredits can protect biodiversity and reduce poverty*. IIED.
- Reklev, S. (2023). Japan pilots biodiversity support certificates to beef up nature spending. *Carbon Pulse*. <https://carbon-pulse.com/233735/>
- Samediggi. (2023). *Vaarijeldh - Bevaring av naturmangfold*. In Sámi. <https://innsyn.onacos.no/sametinget/mote/norsk/wfdocument.ashx?journalpostid=2021120330&dokid=1239153&version=12&-variant=P&>
- Sharma, M. (in press). Certification Schemes. In Meyers, D. and Fitzgerald, K. (Eds.), *IUCN WCPA Guide to Protected and Conserved Area Finance*. IUCN.
- Sharma, M. & Pasha, M. K. S. (2024). *Guidance to advance other effective area-based conservation measures (OECMs) in Asia*. IUCN Asia Regional Office. <https://iucn.org/resources/information-brief/guidance-advance-other-effective-area-based-conservation-measures-0>
- Sharma, M., Pasha, M. K. S., Nightingale, M. & MacKinnon, K. 2023. *Status of other effective area-based conservation measures (OECMs) in Asia*. IUCN Asia Regional Office. https://iucn.org/sites/default/files/2023-11/status-of-oecms-in-asia-report-high-quality_compressed.pdf
- Smith, S., Rowcroft, P., Everard, M., Couldrick, L., Reed, M., Rogers, H., Quick, T., Eves, C. & White, C. (2013). *Payments for ecosystem services: A best practice guide*. DEFRA.
- Stevens, C., van Wyk, E., & Lunderstedt, K. (2024). *Solution User Guide: OECM and Threatened Species Tax Incentive*. Finance Solution Inventory.
- Stevens, S., Hay-Edie, T., Miranda, C., Ramos, A. & Pathak Broome, N. (Eds.). Stevens, S. with contributions by Eghenter, C., Fitzsimons, J., Goradze, I., Ironside, J., Mellis, C., Nitah, S., Parling, P., Reyes, G. & Tabanao, G. (2024). *Recognising territories and areas conserved by Indigenous peoples and local communities (ICCAs) overlapped by protected areas*. IUCN WCPA Good Practice Guidelines No. 34. Gland, Switzerland: IUCN. <https://doi.org/10.2305/RSLY2962>
- Sustainable Finance Coalition. (2023). *A dedicated tax incentive for threatened species and OECMs in South Africa*. Media release. Sustainable Finance Coalition. <https://sustainablefinancecoalition.org/coalition-media-statement/>
- Sustainable Finance Coalition. (2024a). *Solution Sheet: Environmental Tax Incentives*. Version 1, by Stevens, C., van Wyk, E., and Lunderstedt, K. Finance Solution Inventory, pp. 3.
- Sustainable Finance Coalition. (2024b). *Incubator Viability Report: Biodiversity Credits*. Unpublished Internal Report.
- Sustainable Finance Coalition. (2024c). *Solution Sheet: Nature Credits - Carbon Finance*. Version 4, by van Wyk, E. and Maguire, G. Finance Solution Inventory, pp. 3.
- UN (United Nations). (2007). *United Nations Declaration on the Rights of Indigenous Peoples*. https://www.un.org/development/desa/indigenouseoples/wp-content/uploads/sites/19/2018/11/UN-DRIP_E_web.pdf
- UN (2018). *United Nations Declaration on the Rights of Peasants*. <https://digitalibrary.un.org/record/1650694?v=pdf>
- UNDP (United Nations Development Programme). (2018). *The BIOFIN workbook 2018: Finance for nature*. The Biodiversity Finance Initiative. https://www.biofin.org/sites/default/files/content/publications/workbook_2018/
- UNDP (United Nations Development Programme). (2022). *Other Effective Area-based Measures: A Compendium of OECMs in India*. https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2022-06/OECM%20Compendium_%202022.pdf
- UNDP (United Nations Development Programme). (2023). *The Business Case for a Voluntary and Market-led Certification Scheme for the Wildlife Economy in South Africa*. Internal report. First edition published in 2023.
- UNEP (United Nations Environment Programme). (2023). *State of finance for nature: The big nature turnaround – repurposing \$7 trillion to combat nature loss*. UNEP.
- UNEP-WCMC (World Conservation Monitoring Centre). (2019). *User manual for the World Database on Protected Areas and world database on other effective area-based conservation measures: Version 1.6*. UNEP-WCMC. https://resources.unep-wcmc.org/products/WCMC_CB007
- UNEP-WCMC and IUCN (2024) *Protected Planet Report 2024*. UNEP-WCMC and IUCN: Cambridge, UK; Gland, Switzerland.
- Utomo, A. B., & Walsh, T. A. (2018). Hutan Harapan ecosystem restoration concession, Sumatra, Indonesia: A potential OECM? *PARKS*, 24. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SIABU.en>
- Van Zyl, H.W., Lindeque, M., Stevens, C.M.D. & Iлека, T. (2022). *Developing a Concept for Sustainable Financing for the National Parks in Namibia: Scoping Study*. Report to the Namibian Ministry of Environment, Forestry and Tourism (MEFT) and KfW. Independent Economic Researchers, Cape Town.
- van Zyl, H. (in press). Protected and Conserved Area Entrance Fees. In Meyers, D. and Fitzgerald, K. (Eds.), *IUCN WCPA Guide to Protected and Conserved Area Finance*. IUCN.
- Vasiljević, M., Zunckel, K., McKinney, M., Erg, B., Schoon, M., Rosen Michel, T. (2015). *Transboundary conservation: A systematic and integrated approach*. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 23. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2015.PAG.23.en>
- Verschuuren, B., Mallarach, J.-M., Bernbaum, E., Spoon, J., Brown, S., Borde, R., Brown, J., Calamia, M., Mitchell, N., Infield, M., and Lee, E. (2021). *Cultural and spiritual significance of nature: Guidance for protected and conserved area governance and management*. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 32. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2021.PAG.32.en>
- Waithaka, J., & Warigia Njoroge, G. (2018). The role of potential OECMs in safeguarding space for nature in Kenya: A case study of wildlife conservancies. *PARKS*, 24. IUCN. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SIJMW.en>

Waldron, A., Adams, V., Allan, J. Arnell, A., Asner, G., Atkinson, S., Baccini, A., Baillie, J. E. M., Balmford, A., Beau, J. A., Brander, L., Brondizio, E., Bruner, A., Burgess, N., Burkart, K., Butchart, S., Button, R., Carrasco, R., Cheung, W., et al. (2020). Protecting 30% of the planet for nature: costs, benefits and economic implications. Working paper. https://www.conservation.cam.ac.uk/files/waldron_report_30_by_30_publish.pdf

Watson, J. E., Venegas-Li, R., Grantham, H., Dudley, N., Stolton, S., Rao, M., Woodley, S., Hockings, M., Burkart, K., Simmonds, J. S., & Sonter, L. J. (2023). Priorities for protected area expansion so nations can meet their Kunming-Montreal Global Biodiversity Framework commitments. *Integrative Conservation*, 2(3), 140–155.

WCC-2020-Res-002-EN (World Conservation Congress). (2020). *Strengthened institutional inclusion concerning Indigenous peoples*. <https://portals.iucn.org/library/node/49141>

Woodley, S., MacKinnon, K., McCanny, S., Pither, R., Prior, K. Salafsky, N. and Lindenmayer, D. (2015). Managing protected areas for biological diversity and ecosystem functions. In Worboys, G. L., Lockwood, M., Kothari, A., Feary, S. & Pulsford, I. (eds.) *Protected area governance and management* (651–684). ANU Press. <https://researchportalplus.anu.edu.au/en/publications/managing-protected-areas-for-biological-diversity-and-ecosystem-f>

Worboys, G. L., Lockwood, M., Kothari, A., Feary, S. and Pulsford, I. (eds.) (2015). *Protected area governance and management*. ANU Press.

Wunder, S. (2005). *Payments for environmental services: Some nuts and bolts*. CIFOR Occasional Paper No. 42. CIFOR.

WWF (World Wildlife Fund). (2015). *WWF principles to actively endorse and recognize effective and credible standards and certification schemes*. WWF. https://d2ouvy59p0dg6k.cloudfront.net/downloads/wwf_principles_for_standards_and_certification_schemes_external_version.pdf

WWF. (2022). *Backing the Stewards of Nature: Supporting local approaches to global conservation targets through other effective area-based conservation measures*. Washington, DC: WWF-US

WWF & IUCN WCPA (World Wildlife Fund & International Union for Conservation of Nature World Commission on Protected Areas). (2023). *30x30: A guide to inclusive, equitable and effective implementation of Target 3 of the Kunming-Montreal Global Biodiversity Framework: Version 1*. WWF & IUCN WCPA.

Phụ lục 1

Những người đóng góp

Ấn phẩm này được xây dựng dựa trên báo cáo kỹ thuật của IUCN WCPA có tựa đề Công nhận và báo cáo các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (IUCN Task Force on OECMs, 2019). Phụ lục này ghi nhận những người đã đóng góp cho cả hai ấn phẩm.

1. Báo cáo Kỹ thuật năm 2019

Nhóm Công tác đã làm việc trong vòng ba năm để hỗ trợ một quy trình trong khuôn khổ CBD, dẫn đến việc thông qua Quyết định 14/8 của CBD về "các khu bảo tồn và các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác", được 196 Bên thông qua tại COP 14 (tháng 11 năm 2018). Báo cáo kỹ thuật tập trung vào việc diễn giải chi tiết hướng dẫn được nêu trong Phụ lục III của Quyết định 14/8 của CBD, về việc công nhận và báo cáo các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs).

Nhóm Công tác bao gồm có 120 thành viên và được đồng chủ trì bởi Harry Jonas và Kathy MacKinnon (Chủ tịch WCPA, Vương quốc Anh). Bản thảo được các đồng chủ trì biên tập, với sự hỗ trợ của một nhóm biên tập bao gồm Nigel Dudley, Marc Hockings, Dan Laffoley, David MacKinnon, Trevor Sandwith, và Stephen Woodley. Nhóm Công tác đã tổ chức bốn hội thảo chuyên gia: tại Cambridge, Anh (tháng 1 năm 2016), Vilm, Đức (tháng 7 năm 2016 và tháng 7 năm 2019), và Vancouver, Canada (tháng 2 năm 2017). IUCN WCPA cảm ơn Cơ quan Bảo tồn Thiên nhiên Liên bang Đức (BfN), Bộ Môi trường Liên bang Thụy Sĩ, SwedBio, và Hiệp hội Công viên và Vùng hoang dã Canada (CPAWS) vì đã tài trợ tài chính cho hoạt động của Nhóm Công tác.

Trong quá trình xây dựng tài liệu, các thành viên Nhóm Công tác và nhiều chuyên gia khác đã cung cấp những ý kiến phản hồi, thông tin và nghiên cứu tình huống rất quý giá. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn những cá nhân sau đây vì những đóng góp của họ (những người đóng góp nghiên cứu điển hình được đánh dấu bằng dấu hoa thị): Agnes Agama (Malaysia), Tundi Agardy (Hoa Kỳ), Khaled Allam Harhash (Ai Cập), Helena Alvez-Pinto (Brazil), Thora Amend (Đức), Michele Andrianarisata* (Madagascar), Ny Aina Andrianarivelo (Madagascar), Ludi Apin (Malaysia), Alexandra Areiza (Colômbia), Clarissa Arida (Philippines), Peter Auster (Hoa Kỳ), Ghanimat Azhdari (Iran), Tim Badman (Anh/Thụy Sĩ), Megan Barnes (Úc), Juan Bezaury-Creel (Mexico), Seema Bhatt (Ấn Độ), Dominique Bikaba (Cộng hòa Dân chủ Congo), Heather Bingham* (Anh), Grazia Borrini-Feyerabend* (Ý/Thụy Sĩ), Peter Bridgewater (Úc), Johnny Briggs (Anh), Thomas Brooks (Anh/Thụy Sĩ), Jessica Brown* (Hoa Kỳ), Jens Bruggemann* (Đức), Neil Burgess (Anh), Catie Burlando (Ý), Stuart Butchart (Anh), Pete Chaniotis (Anh), Maria Elfi Chávez (Colômbia), Gladman Chibememe (Zimbabwe), Christie Chute* (Canada), Pepe Clark (Úc/Anh), Peter Cochrane (Úc), Laura Cornick (Anh), Mark Costello (New Zealand), Mason Croft (Hoa Kỳ), Adrian Davey (Úc), Mimi D'lorio (Hoa Kỳ), Pablo Dominguez (Tây Ban Nha), Paul Donald (Anh), Alkaly Doumbouya* (Guinea), Lisa Duarte (Hoa Kỳ), Steve Edwards

(Anh/Thụy Sĩ), Hany El Shaer (Ai Cập), Cristina Eghenter* (Ý), Shahul Faizi Hameed (Ấn Độ), Edgar Fernández (Costa Rica), Gregor Fischenich (Đức), Vin Fleming (Anh), Amelia Fowles (Úc), Christine Franklin (Hoa Kỳ), Sandra Galán (Colômbia), Delfin Ganapin (Philippines), Carolina Garcia Imhof (Colômbia), Sonali Ghosh (Ấn Độ), Rachel Golden Kroner (Hoa Kỳ), Hugh Govan (Anh/Fiji), Stephen Grady (Anh), Tarsicio Granizo (Ecuador), Ania Grobicki (Nam Phi/Thụy Sĩ), Catalina Gutierrez (Colômbia), James Hardcastle (Anh/Thụy Sĩ), Terence Hay-Edie (Thụy Sĩ/Thái Lan), Yifan (Flora) He (Trung Quốc), Robert Hélie (Canada), Ro Hill (Úc), Amber Himes-Cornell (Hoa Kỳ), Marc Hockings (Úc), Elaine Hsiao (Canada), Claudia Ituarte Lima (Mexico), Sabine Jessen (Canada), Holly Jonas (Canada/Malaysia), Stacy Jupiter (Hoa Kỳ/Fiji), Theodore Karfakis (Hy Lạp), Jennifer Kelleher (Cộng hòa Ireland), Kate Kincaid (Canada), Jonathan Kirui (Kenya), Rebecca Klaus (Anh), Naomi Kingston* (Ireland/Anh), Eskild Kirkegaard (Đan Mạch), Mirjam de Konig (Hà Lan), Sigrid Kuehnemund (Canada), Barbara Lang (Đức/Benin), Thierry Lefebvre (Pháp), Christopher Lemieux (Canada), Clare Lewis (Anh), Harvey Locke (Canada), Julia Miranda Londono (Colômbia), Ali Mahamane (Niger), Claudio Maretti (Brazil), Michael Mascia (Hoa Kỳ), Lisa McLaughlin (Canada), Daniel Marnewick (Nam Phi), Clara Lucia Matallana-Tobón* (Colômbia), Pradeep Mehta (Ấn Độ), Mehmet Metaj (Albania), Rossana Merizalde (Hoa Kỳ), Amy Milam (Hoa Kỳ), Carmen Miranda (Bolivia), Brent Mitchell* (Hoa Kỳ), Rahul Mungikar (Ấn Độ), Daniel Mwamidi (Kenya), Helen Newing (Anh), Onkemetse Nteta (Nam Phi), Melissa Jane Nursey-Bray (Úc), Aboubacar Oularé (Guinea), Gisela Paredes (Colômbia), Roberto Pereyra Lobos (Argentina), Jacques Perron (Canada), Dimitra Petza (Hy Lạp/Ý), Hugh Possingham (Úc), Jeff Pradel (Peru), Madhu Rao (Ấn Độ/Anh/Singapore), Andrew Rhodes (Mexico), Ryan Richards (Hoa Kỳ), Danielle Ryan (Úc), Marina Rosales (Peru), Carlos Saavedra (Colômbia), Yoav Sagi (Israel), Marcela Santamaria (Colômbia), Elsa Sattout (Lebanon), Klaus Schmitt* (Đức), Faizi Shahul Hameed (Ấn Độ), Sushma Shresthma (Nepal/Hoa Kỳ), Joanna Smith (Canada), Dermot Smyth (Úc), Clara Solano (Colômbia), Mark Spalding (Anh), Candice Stevens (Nam Phi), Todd Stevenson (Hoa Kỳ), Mavra Stithou (Hy Lạp), Sue Stolton (Anh), Teki Surayya (Ấn Độ), Kim Taylor Thompson* (Canada), Parfait Tchuenfo (Cameroon), Anteneh Tesfaw (Ethiopia), David Thomas (Anh), Ted Trzyna (Hoa Kỳ), Agus Utomo* (Indonesia), Bas Verschuuren (Hà Lan), Francis Vorhies (Anh), Agus Budi Utomo* (Indonesia), John Waithaka* (Kenya), Sonam Wangchuk (Bhutan), James Watson (Úc), Sue Wells (Anh), Sheila Wertz-Kanounnikoff (Đức), Tara Whitty (Hoa Kỳ), Hesti Widodo* (Indonesia), Ryan

Wilkie (Anh/Đan Mạch), James Williams (Anh), Linda Wong (Trung Quốc), Dale Wright (Nam Phi), Kim Sander Wright (Canada), Llewellyn Young (Hong Kông/Thụy Sĩ), Hag Young Heo (Hàn Quốc), và Jinfeng Zhou (Trung Quốc).

Các cá nhân khác cũng đã nhiệt tình đóng góp ý kiến hoặc nghiên cứu điển hình bao gồm: Simon Albert (Úc), Eugenio Barrios (Mexico), Alexandra Barron (Canada), Nicole Bendsen (Đức), Bastian Bertzky (Nam Phi/Ý), Caroline Butler (Canada), Tony Charles (Canada), Sushila Chatterjee Nepali (Nepal), Roger Crofts (Anh), Terence Dacles (Philippines), Steve Diggon (Canada), William Dunbar (Hoa Kỳ/Nhật Bản), Kim Dunn (Canada), Jessica Elliott (Canada), Ninel Escobar (Mexico), Roman Eyholzer (Thụy Sĩ), Fred Ford (Úc), Robyn Forrest (Canada), Kim Friedman (Úc/Ý), Mervi Heinonen (Phần Lan), Erich Hoyt (Hoa Kỳ/Anh), Olaf Jensen (Canada), Francois Lengrand (Pháp), Satnam Manhas (Canada), Joe McCarter (New Zealand), Martine Maron (Canada), Chris McDougall (Canada), Günter Mühlbauer (Đức), Mariana Zareth Nava Lopez (Mexico), Saw Tun Khaing (Myanmar), Linda Nowlan (Canada), Shane Orchard (New Zealand), Allison Pritchard (Canada), Ravaka Ranaivoson (Madagascar), Sergio Salinas-Rodríguez (Mexico), Paul Scholte (Đức), Archana Sharma (Hoa Kỳ), Rebecca Singleton (Anh/Canada), Charlotta Sörqvist (Thụy Điển), Bruce Stewart (Canada), Gary Tabor (Hoa Kỳ), Kaori Tsujita (Nhật Bản), Siyu Qin (Trung Quốc/Hoa Kỳ), Basile Van Havre (Canada), Liette Vasseur (Canada), Scott Wallace (Canada), Bill Wareham (Canada), Gladys Warigia Njoroge (Kenya), Mike Wong (Canada), Alison Woodley (Canada), Edgar Yerena (Venezuela), và Natori Yoji (Nhật Bản).

WCPA cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới John Waithaka và Lucy Waruingi vì đã tổ chức một hội thảo tại Kenya về bản dự thảo hướng dẫn vào năm 2017, cũng như cảm ơn các cá nhân sau đây đã thử nghiệm thực tế hướng dẫn này tại Bermuda: Alison Copeland, Peter Drew, Dan Laffoley, Jeremy Madeiros, Sarah Manuel, Simieon Massey, Drew Pettit, Joanna Pitt, Philippe Rouja, Mandy Shailer, Robbie Smith, Tammy Trott, Craig Trott, và Julie Marshall. Và nhiều nghiên cứu điển hình ở Colombia do Clara Matallana (Viện Humboldt) chủ trì, với sự hỗ trợ của Alexandra Areiza, Maria Elfi Cháves, Sandra Galán, Clara Solano, và Marcela Santamaria, và sự đóng góp của Jony Albeiro Arias, Luis Alimaco, Germán Andrade, Mónica Arroyave, Atanasio Barros, Hermes Carreño, Claudia Céspedes, Stephanie Gailer, Daniel Garavito, Pedro Garavito, Carolina Gil, Brian Hettler, Eduardo Londoño, Juanita Londoño, Jorge Hernán López, Ricardo Rey, Jerónimo Rodríguez Escobar, Alejo Sauna Mamatacán, Dignory Soto Londoño, José de los Santos Sauna, José Shibulata Zarabata, Carlos Vieira, và Jacinto Zarabata.

Quá trình xây dựng tài liệu đã được hưởng lợi từ công trình của Hội đồng các Khu vực Sinh thái Canada trong việc phát triển hướng dẫn về các khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác (OECMs) (MacKinnon và cộng sự, 2015), và được bổ sung bởi các nghiên cứu về mối quan hệ giữa các KBAs, khu bảo tồn và OECMs do BirdLife Quốc tế và các đối tác dẫn dắt. Các hội thảo đánh giá các phiên bản đầu tiên của hướng dẫn đã được tổ chức tại Kenya, Colombia, Bermuda và Nam Phi. Một Số đặc biệt của tạp chí PARKS (Jonas và cộng sự, 2018) cung cấp các ví dụ về các nghiên cứu điển hình.

2. Hướng dẫn năm 2024

Nhóm Chuyên gia về OECMs được thành lập vào năm 2019, do Harry Jonas và Stephen Woodley đồng chủ trì, và tính đến thời điểm xuất bản, nhóm đã có hơn 450 thành viên. Harry Jonas, Pete Wood và Stephen Woodley là những người biên tập bộ hướng dẫn này, dựa trên báo cáo kỹ thuật năm 2019. Ryan Zlatanova là người phụ trách quản lý xuất bản. Ấn phẩm đã được góp ý bởi các thành viên của Nhóm Chuyên gia, và được Clara Matallana-Tobón và Marc Hockings đánh giá thẩm định cho IUCN.

Các cá nhân sau đây đã có những đóng góp quý báu cho các phần nội dung của tài liệu: Mike Appleton, Heather Bingham, Johnny Briggs, Felipe Campos, Jessica Campese, Alfred DeGemmis, Johana Deza, Rebecca Flitcroft, Ian Harrison, Olivier Hymas, Maria Kalinina, Caroline Lumosi, Daniel Marnewick, Tanya Merceron, Taylor Nchako, Neema Pathak Broome, Felipe Paredes, Sandy Paterson, Helena Alvez Pinto, Ameyali Ramos, Lucia Ruiz, Mitali Sharma, Candice Stevens, Helen Tugendhat, và Chris Weaver.

Nhiều thành viên của Nhóm Chuyên gia đã tham gia phản biện và đóng góp ý kiến cho các bản dự thảo, cụ thể gồm: Federica Cittadino, Mark Costello, Henk Harmsen, Damian Martinez-Fernandez, Andrea Montero-Cordero, và Marcela Santamaria Gomez.

Các nghiên cứu điển hình được cung cấp bởi các cá nhân và tổ chức sau đây: Armida Andres, Alexander von Humboldt Biological Resources Research Institute, Subir Mario Chowfin, Meryl Cohen, Santiago Castillo, Bộ Môi trường và Phát triển Bền vững Colombia, Sigrid Engen, Esteban Falconi, Sandra Galán, Vanessa Giussani, Jennifer Kelleher, Heritier Milenge Kamelebo, Yujeong Kim, Natalia Laverde, Daniel Marnewick, Hana Matsuzaki, Ivan Dario Melo, Andrea Montero-Cordero, Elizabeth Munro, Jessie Nicholson, Sebastian Orjuela, Oscar Orrego, Erwin Palacios, David Pérez, Jose Vicente Rodriguez, Natalia Rodriguez, Marcela Santamaría Gomez, Per-Erik Schulze, Mitali Sharma, Candice Stevens, Gillian Toothill, Aissa Traore, Agus Budi Utomo, Eliza- beth Valenzuela.

Phụ lục 2

Mối liên hệ giữa các tiêu chí xác định OECM trong Quyết định 14/8 của CBD (Phụ lục III) và Công cụ xác định OECMs tại chỗ của IUCN

Tiêu chí trong Quyết định 14/8 của CBD - Phụ lục III (CBD, 2018)	Tiêu chí trong Công cụ xác định OECM tại chỗ của IUCN (Jonas và cộng sự, 2023)	Ghi chú
Tiêu chí A: Khu vực hiện không được công nhận là khu bảo tồn		
Tiêu chí phụ: Không phải là khu bảo tồn	Tiêu chí 1: Không phải là khu bảo tồn	Không có sự khác biệt giữa tiêu chí phụ của CBD và tiêu chí được sử dụng trong công cụ
Tiêu chí B: Khu vực được quản trị và quản lý		
Tiêu chí phụ: Không gian được xác định rõ ràng về mặt địa lý	Tiêu chí 3: Không gian được xác định rõ ràng về mặt địa lý	Không có sự khác biệt giữa tiêu chí phụ của CBD và tiêu chí được sử dụng trong công cụ
Tiêu chí phụ: Các cơ quan quản trị hợp pháp	Tiêu chí 5: Được quản trị và quản lý	Một khu vực phải được quản trị. ‘Hợp pháp’ phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể và không được đo lường bằng công cụ. Tuy nhiên, tính hợp pháp của quy trình xác định OECMs và các quyền của cơ quan quản trị và bất kỳ cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương nào đều được bảo vệ thông qua quy trình FPIC.
Tiêu chí phụ: Được quản lý	Tiêu chí 5: Được quản trị và quản lý	Một khu vực phải được quản lý. Công cụ không phân biệt giữa ‘quản trị’ và ‘quản lý’, nhưng yêu cầu một hoặc nhiều nhóm được công nhận là chịu trách nhiệm cho những việc này.
Tiêu chí C: Đạt được đóng góp hiệu quả và bền vững cho việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ		
Tiêu chí phụ: Hiệu quả	Tiêu chí 6: Bảo tồn tại chỗ	Các tiêu chí phụ của CBD ‘hiệu quả’ và ‘bảo tồn tại chỗ’ được kết hợp trong công cụ để xác nhận rằng việc quản lý của khu vực hiện đang mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học
Tiêu chí phụ: Bền vững trong dài hạn	Tiêu chí 7: Tính bền vững của quản trị và quản lý (Lưu ý: Phiên bản đầu tiên của công cụ sử dụng thuật ngữ “dài hạn” thay vì “bền vững”. Thuật ngữ này đã được điều chỉnh để phù hợp với ngôn ngữ của CBD.)	Không có sự khác biệt giữa tiêu chí phụ của CBD và tiêu chí được sử dụng trong công cụ
Tiêu chí phụ: Bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ	Tiêu chí 6: Bảo tồn tại chỗ	Các tiêu chí phụ của CBD ‘hiệu quả’ và ‘bảo tồn tại chỗ’ được kết hợp trong công cụ để xác nhận rằng việc quản lý của khu vực hiện đang mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học
Tiêu chí phụ: Thông tin và giám sát	không có tiêu chí tương đương	Mô tả của tiêu chí phụ này trong Quyết định 14/8 đề cập đến sự sẵn có của dữ liệu về đa dạng sinh học, tính hiệu quả, công bằng và ranh giới. Công cụ yêu cầu thông tin này phải có sẵn để đánh giá từng tiêu chí liên quan. Do đó, một tiêu chí riêng quy định về thông tin và giám sát là không cần thiết.
Tiêu chí C: Đạt được đóng góp hiệu quả và bền vững cho việc bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ		
Tiêu chí phụ: Các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái	Được đề cập bởi: Tiêu chí 6: Bảo tồn tại chỗ, Tiêu chí 8: Công bằng	Mô tả của tiêu chí phụ này trong Quyết định 14/8 phác thảo nguyên tắc rằng việc quản lý một OECM nên hỗ trợ các dịch vụ hệ sinh thái như một phần của việc đảm bảo bảo tồn tại chỗ đa dạng sinh học và công bằng. Bởi vì sự hiện diện của các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái không phải là một tiêu chí để xác định một OECM, nó không được đưa vào công cụ, nhưng được đề cập bởi Tiêu chí 5: Bảo tồn tại chỗ, và Tiêu chí 8: Công bằng. Xem thêm thông tin trong Phần 5.
Tiêu chí phụ: Các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế-xã hội và các giá trị liên quan khác tại địa phương	Được đề cập bởi: Tiêu chí 5: Được quản trị và quản lý, Tiêu chí 8: Công bằng	Mô tả của tiêu chí phụ này trong Quyết định 14/8 nhắc lại nguyên tắc rằng việc quản trị và quản lý khu vực phải duy trì các giá trị này ở những nơi chúng hiện diện. Bởi vì sự hiện diện của các giá trị này không phải là một tiêu chí để xác định một OECM, chúng không được đề cập bởi một tiêu chí riêng trong công cụ, nhưng được bao gồm trong ‘được quản trị và quản lý’. Xem thêm thông tin trong Phần 5.

Phụ lục 3

OECEMs và các Mục tiêu GBF khác, ngoài Mục tiêu 3 và 10

Việc xác định các OECEMs sẽ đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu GBF khác, và ngược lại, việc đạt được nhiều mục tiêu này cũng gián tiếp hỗ trợ cho công tác quản lý các OECEMs. Ngoài ra, một số chỉ tiêu có ý nghĩa đối với việc quản lý và báo cáo các khu bảo tồn và OECEMs, nhưng không liên quan trực tiếp đến việc xác định OECEMs:

Mục tiêu 1 đề cập đến sự cần thiết phải lập kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học theo cách tham gia và tích hợp và như vậy sẽ phù hợp với nguyên tắc xác định OECEMs là tự nguyện và phải dựa trên sự tham vấn và đồng thuận (xem Mục 3.3 và 5.2).

Mục tiêu 2 liên quan đến phục hồi hệ sinh thái. Việc phục hồi có thể diễn ra bên trong hoặc bên ngoài các khu bảo tồn và OECEMs. Những khu vực đã bị suy thoái nghiêm trọng đến mức mất đi các giá trị đa dạng sinh học sẽ không đáp ứng được Tiêu chí 2, 4 hoặc 6 (về giá trị đa dạng sinh học và quản lý hiệu quả) của Công cụ xác định OECEMs tại chỗ. Tuy nhiên, những khu vực đang có tiến triển đáng kể, dù mới chỉ là một phần, trong việc phục hồi các giá trị này có thể đáp ứng các tiêu chí nói trên (xem Mục 3.7).

Mục tiêu 4 đề cập đến các hành động bảo tồn cá thể loài và đa dạng di truyền. Các OECEMs và các khu bảo tồn có vai trò quan trọng trong những nỗ lực này như một phần trong bảo tồn tổng thể giá trị đa dạng sinh học của khu vực.

Mục tiêu 5 nhấn mạnh sự cần thiết của khai thác bền vững các loài hoang dã. Điều này phù hợp với yêu cầu về quản lý hiệu quả trong các OECEMs.

Mục tiêu 6 bao gồm các hành động giảm thiểu tác động của các loài ngoại lai xâm hại đối với đa dạng sinh học. Trong nhiều trường hợp, quản lý hiệu quả các OECEMs bao gồm cả việc kiểm soát các loài xâm hại.

Mục tiêu 7 và 8 đề cập đến các mối đe dọa từ ô nhiễm và biến đổi khí hậu đối với đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Mặc dù công tác quản lý OECEMs có thể góp phần nhất định vào việc giảm thiểu các áp lực này, chúng đòi hỏi ứng phó toàn hệ thống.

Mục tiêu 9 đề cập đến quản lý bền vững các loài hoang dã. Điều này phù hợp với khái niệm quản lý hiệu quả được sử dụng trong quá trình xác định OECEMs.

Các OECEM cũng có khả năng góp phần vào **Mục tiêu 11** (chức năng và dịch vụ hệ sinh thái cho con người), và có thể cả **Mục tiêu 12** (lồng ghép đa dạng sinh học vào quy hoạch đô thị).

Yêu cầu về quản lý công bằng trong các OECEMs cần bao gồm chia sẻ lợi ích, phù hợp với **Mục tiêu 13**.

Việc bảo tồn và quản lý các OECEMs có thể hưởng lợi từ việc thực hiện các công cụ và giải pháp được mô tả bởi **Mục tiêu 14-23**. Đặc biệt có liên quan là sự tích hợp đa dạng sinh học vào các chính sách và kế hoạch trên tất cả các lĩnh vực (**Mục tiêu 14**), tăng cường tài chính cho bảo tồn đa dạng sinh học (**Mục tiêu 19**), và cải thiện dữ liệu và tri thức (**Mục tiêu 21**). Việc OECEM tập trung vào công bằng, đồng thuận và sự tham gia sẽ góp phần vào các **Mục tiêu 22 và 23**.

Phụ lục 4

Các câu hỏi có thể được xem xét trong quy trình OECM quốc gia nhằm thiết lập các tiêu chuẩn và hỗ trợ áp dụng Công cụ xác định OECMs tại chỗ

Về việc bao gồm các bên có quyền và các bên liên quan và có được sự đồng thuận của họ

- Những nhóm nào đóng vai trò quan trọng trong quản lý tại khu vực nhưng dễ bị loại trừ khỏi quá trình ra quyết định? Họ nên được tham gia như thế nào?
- Hiện có luật và chính sách nào về quyền của các nhóm được tham vấn và tham gia?
- Hiện có quyền về đất đai và tài nguyên nào (cả chính thức theo luật pháp và theo khẳng định dựa trên quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương), và các chủ thể có quyền này nên được tham gia như thế nào?

Về Tiêu chí 1: “Không phải là khu bảo tồn”

- Sau khi rà soát công cụ và hướng dẫn trong tài liệu này, các loại phân loại đất nào được xem là khu bảo tồn (và do đó không được xem là OECMs) theo định nghĩa của IUCN và theo luật pháp, chính sách quốc gia? Những phân loại đất nào không phải là khu bảo tồn nhưng có thể đóng góp cho bảo tồn đa dạng sinh học và nên được đánh giá là OECMs tiềm năng?

Về các Tiêu chí 2 và 4: “Đa dạng sinh học quan trọng”

- Những nguồn thông tin chính về đa dạng sinh học ở quốc gia là gì (ví dụ: cơ sở dữ liệu, các trường đại học và viện nghiên cứu khác, các chuyên gia, tri thức bản địa và địa phương)?
- Những loài và hệ sinh thái nào hiếm, bị đe dọa hoặc đang nguy cấp hiện diện trong quốc gia? Có Danh lục Đỏ hay một tài liệu tham chiếu tiêu chuẩn tương đương cho các loài và hệ sinh thái này không?
- Những loài và hệ sinh thái nào là quan trọng đối với cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương?
- Những loài và hệ sinh thái nào ít được đại diện trong hệ thống khu bảo tồn hiện tại?
- Những hệ sinh thái tự nhiên quan trọng trong quốc gia là gì, và có ví dụ nào về các khu vực rộng lớn ở trạng thái gần như tự nhiên nhưng chưa nằm trong các khu bảo tồn không?
- Những loài đặc hữu hoặc có phạm vi phân bố hẹp nào hiện diện trong quốc gia? Ngưỡng nào được coi là “quần thể có ý nghĩa” đối với các loài này? Các khu vực quan trọng nhất đối với các loài này có nằm trong khu bảo tồn không?
- Những loài nào dễ bị tác động bởi áp lực do một đặc điểm cụ thể trong vòng đời của chúng, chẳng hạn như tập trung số lượng lớn để sinh sản, kiếm ăn hoặc di cư?
- Những cảnh quan quan trọng nào đối với bảo tồn đa dạng sinh học trong quốc gia, và có các sinh cảnh tự nhiên nào nằm ngoài khu bảo tồn nhưng đóng vai trò thiết yếu cho kết nối trong cảnh quan không?

Về Tiêu chí 3: “Được xác định rõ ràng về mặt địa lý”

- Những dữ liệu không gian nào hiện có về ranh giới của các hệ sinh thái, vùng hành chính, quyền sở hữu đất và phân vùng sử dụng đất?
- Những tiêu chuẩn nào được áp dụng cho việc xây dựng các bản đồ ranh giới?

Về Tiêu chí 7: “Bền vững”

- Những quy định pháp lý cụ thể hoặc tiêu chuẩn nào có thể được xem xét để đảm bảo rằng quản lý khu vực được duy trì lâu dài hoặc vĩnh viễn? Những quy định và tiêu chuẩn nào chỉ mang tính tạm thời, và do đó không (tự nó) đủ điều kiện để đáp ứng tiêu chí cho một OECM?

Về Tiêu chí 8: “Công bằng”

- Xét đến các hình thức quản lý đất đai và tài nguyên có khả năng xuất hiện tại các OECM tiềm năng, liệu có thể thiết lập các tiêu chuẩn tối thiểu nào cho công bằng không? Ví dụ, có các tiêu chuẩn tối thiểu nào về sự tham gia/đại diện, tính minh bạch và phân bổ chi phí và lợi ích không?

Phụ lục 5

Cơ sở dữ liệu Hành tinh được Bảo vệ về Khu bảo tồn và OECMs

Cơ sở Dữ liệu Thế giới về Khu bảo tồn là gì?

WDPA là cơ sở dữ liệu toàn cầu toàn diện nhất về các khu bảo tồn trên cạn và biển, bao gồm cả dữ liệu không gian (ví dụ: vùng và điểm) cùng với dữ liệu thuộc tính đi kèm (ví dụ, thông tin dạng bảng), được thu thập theo cách thức tiêu chuẩn hóa. Thông tin về nguồn dữ liệu cũng được lưu giữ cho tất cả các bộ dữ liệu thu nhận. WDPA được cập nhật hàng tháng và được cung cấp, cho phép tải xuống trực tuyến thông qua trang web Protected Planet, ngoại trừ những dữ liệu có giới hạn chia sẻ do bên cung cấp dữ liệu đặt ra. Sổ tay người dùng WDPA và WD-OECM (UNEP-WCMC, 2019) cung cấp thông tin chi tiết và hướng dẫn liên quan đến dữ liệu được lưu trữ trong hệ thống Protected Planet, bao gồm phương pháp tổng hợp và tiêu chuẩn dữ liệu.

Cơ sở Dữ liệu Thế giới về OECM là gì?

WD-OECM có cấu trúc tương tự như WDPA, chỉ với một số điều chỉnh nhỏ. WDPA và WD-OECM là các nguồn dữ liệu chính thức được sử dụng trong nhiều cơ chế báo cáo toàn cầu, đóng vai trò cung cấp chỉ số và theo dõi tiến độ đạt được các mục tiêu diện tích bảo tồn và được bảo tồn, bao gồm việc cung cấp chỉ số chính cho Mục tiêu 3 của GBF và các chỉ số trong các Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Tiêu chuẩn dữ liệu của Protected Planet

Tất cả dữ liệu trong WDPA hoặc WD-OECM phải tuân thủ một bộ tiêu chuẩn. Các tiêu chuẩn này rất quan trọng để đảm bảo rằng mọi thông tin được cung cấp theo một định dạng thống nhất, có khả năng tương tác và hữu ích cho nhiều mục đích báo cáo và phân tích. Có bốn yêu cầu chính:

- Tất cả các khu vực phải đáp ứng định nghĩa của IUCN/CBD về một khu bảo tồn hoặc OECMs.
- Phải cung cấp dữ liệu không gian từ Hệ thống thông tin địa lý (GIS) kèm theo một danh sách thuộc tính chuẩn hóa.
- Phải cung cấp nguồn thông tin nhằm đảm bảo tính sở hữu và khả năng truy xuất của dữ liệu.
- Phải ký thỏa thuận đóng góp dữ liệu để đảm bảo có hồ sơ bằng văn bản thể hiện bên cung cấp đồng ý cho dữ liệu được đưa vào WDPA hoặc WD-OECM và điều kiện sử dụng dữ liệu đó.

Sử dụng cơ sở dữ liệu Protected Planet để đo lường tiến độ đạt được các Mục tiêu GBF

UNEP-WCMC sử dụng các cơ sở dữ liệu Protected Planet để đo lường tiến độ thực hiện các mục tiêu bảo tồn quốc tế, bao gồm việc cung cấp chỉ số chính cho Mục tiêu 3 của GBF. Đối với báo cáo về Mục tiêu 3, ba thống kê được tạo ra ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu: tỷ lệ bao phủ của khu bảo tồn, tỷ lệ bao phủ của OECM, và tỷ lệ bao phủ tổng hợp.

Để tính toán tỷ lệ bao phủ, UNEP-WCMC loại bỏ sự chồng lặp giữa các khu vực và loại trừ một số danh mục khu vực nhất định (như các khu vực đang được đề xuất, các điểm không có diện tích được báo cáo, và các khu bảo tồn được phân loại là Khu Dự trữ Sinh quyển UNESCO). Mặc dù khu bảo tồn và OECMs không thể trùng khít về diện tích, đôi khi vẫn có thể có những trường hợp chồng lặp một phần. Trong những trường hợp này, phần diện tích chồng lặp được tính là khu bảo tồn. Phương pháp này giúp tránh việc tính trùng lặp. Thông tin chi tiết hơn về cách UNEP-WCMC tính toán các thống kê về tỷ lệ bao phủ có thể tham khảo thêm trên trang web Protected Planet.

Tất cả dữ liệu về OECMs nên được gửi đến UNEP-WCMC. Thông tin và hướng dẫn bổ sung có thể tìm thấy [tại đây](#).

Mọi thắc mắc liên quan đến báo cáo, tổng hợp, sử dụng hoặc xử lý dữ liệu WD-OECM, vui lòng liên hệ: ocem@unep-wcmc.org.

Phụ lục 6

Các cơ chế tài chính khác nhau cho các khu bảo tồn

Cơ chế tài chính	Giải thích
Các chương trình chi trả dịch vụ hệ sinh thái (PES)	Chương trình PES là một phương pháp tiếp cận dựa trên thị trường trong đó những người hưởng lợi từ các dịch vụ hệ sinh thái cụ thể do một khu vực cung cấp sẽ trả tiền cho những dịch vụ này (Smith và cộng sự, 2013). Dịch vụ hệ sinh thái là những lợi ích đa dạng do các hệ sinh thái cung cấp để hỗ trợ con người. Nước và carbon là những dịch vụ hệ sinh thái được giao dịch thường xuyên nhất (xem bên dưới).
Ưu đãi thuế cho OECMs	Hệ thống thuế có thể được sử dụng để (a) tạo doanh thu bằng cách đánh thuế hàng hóa hoặc hành động có hại, hoặc (b) khuyến khích hàng hóa hoặc hành động môi trường tích cực. Các ưu đãi thuế môi trường tích cực nhằm khuyến khích các cá nhân và doanh nghiệp đưa ra các quyết định thân thiện với môi trường hoặc đa dạng sinh học hơn (Sustainable Finance Coalition, 2024a) và là một trong những cách chính để thúc đẩy thay đổi hành vi (OECD, 2020). Các ưu đãi thuế được thiết kế để khen thưởng cam kết bảo tồn lâu dài có thể cung cấp một ưu đãi dành riêng cho OECMs, ví dụ như ở Nam Phi (Stevens và cộng sự, 2024).
Tín chỉ đa dạng sinh học	Tín chỉ đa dạng sinh học được sử dụng để khuyến khích đầu tư vào thiên nhiên (Porras và Steele, 2020). Một người mua trả tiền cho một ‘tín chỉ’, đại diện cho một tác động bảo tồn, chẳng hạn như diện tích hệ sinh thái được bảo tồn hoặc số lượng cá thể của một loài hiếm được bảo vệ. Các khoản tiền được trả cho tín chỉ sẽ hỗ trợ công việc bảo tồn, trong khi người mua có thể sử dụng tín chỉ để chứng minh sự hỗ trợ của họ cho bảo tồn, điều này có thể mang lại lợi ích về danh tiếng và do đó là các cơ hội kinh doanh (NatureFinance, 2023). Việc thiết kế và phát triển các tín chỉ đa dạng sinh học nên bao gồm các biện pháp bảo vệ quyền của cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương, cũng như các phương pháp luận tác động đầy đủ (Sustainable Finance Coalition, 2024b).
Đối tác quản lý hợp tác	Trong một đối tác quản lý hợp tác, một cơ quan quản lý khu bảo tồn ký hợp đồng với một đối tác để quản lý toàn bộ hoặc một phần khu vực (Baghai, 2018). Thời hạn và loại hợp đồng khác nhau và phụ thuộc vào khu bảo tồn và mục tiêu của cơ quan (Fitzgerald, đang xuất bản, a). Có ba loại đối tác quản lý hợp tác chính: (1) chỉ hỗ trợ tài chính và kỹ thuật, (2) đồng quản lý, và (3) quản lý được ủy quyền. Các khu bảo tồn có đối tác quản lý hợp tác đã được chứng minh là có nguồn tài trợ trung bình cao hơn so với những khu không có (Lindsey và cộng sự, 2018).
Phí vào cửa	Phí vào cửa phải trả để tham quan một khu vực là một trong những nguồn doanh thu tự tạo phổ biến nhất của các khu bảo tồn trên toàn thế giới. Phí thường được tính cho mỗi cá nhân hoặc nhóm và đôi khi được bao gồm trong thanh toán cho các dịch vụ vận chuyển hoặc hướng dẫn (van Zyl, đang xuất bản). Phí có thể cao hơn đối với du khách quốc tế. Một vấn đề phổ biến đối với các cơ quan quản lý khu bảo tồn của chính phủ là họ được yêu cầu nộp phí vào một quỹ tập trung, vì vậy khu có thể không được hưởng lợi trực tiếp từ thu nhập.
Tài chính dự án vì tính bền vững lâu dài	Tài chính dự án vì tính bền vững lâu dài được định nghĩa là “Một cách tiếp cận hoặc một sáng kiến đơn lẻ nhằm đảm bảo những thay đổi chính sách quan trọng và toàn bộ nguồn tài chính cần thiết để đạt được các mục tiêu bảo tồn cụ thể của một chương trình trong một khoảng thời gian dài hạn xác định, với mục tiêu cuối cùng là đạt được tính bền vững về sinh thái, xã hội, chính trị, tổ chức và tài chính của chương trình đó” (Cabrera và cộng sự, 2021). Điều này có nghĩa là các bên ký kết cam kết và đồng thuận một loạt các nghĩa vụ ràng buộc, nhằm đảm bảo rằng các mục tiêu bảo tồn và nguồn tài chính liên quan được bảo đảm đầy đủ trước khi dự án được khởi động. Bằng cách này, các dự án theo mô hình PFP hướng tới việc tạo động lực cho tính bền vững tài chính dài hạn, đồng thời chuyển đổi các hoạt động bảo tồn và phát triển sang một cách tiếp cận bền vững hơn, toàn diện hơn và lâu dài hơn (Fitzgerald, đang xuất bản, b).

Cơ chế tài chính	Giải thích
Tài chính carbon	Tài chính carbon bao gồm các công cụ tài chính như giao dịch phát thải carbon, cũng như các cơ chế phi thị trường, với mục tiêu bù đắp cho một chủ thể khi họ thực hiện các hành động giúp giảm phát thải carbon (hoặc các khí nhà kính khác). Khi được áp dụng trong lĩnh vực sử dụng đất và lâm nghiệp, việc đo lường trữ lượng carbon và mô hình hóa các kịch bản phát thải trong tương lai đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao và khoản đầu tư ban đầu đáng kể. Các dự án tín chỉ carbon ngày càng bị giám sát chặt chẽ hơn về tính minh bạch, tác động thực sự và mức độ tham gia của các bên thụ hưởng. Các dự án này cần được thiết kế dựa trên tiếp cận dựa trên quyền và phải đáp ứng đầy đủ các thành phần cốt lõi cần thiết (Sustainable Finance Coalition, 2024c). Các dự án tín chỉ carbon đã và đang được sử dụng để tạo nguồn tài chính cho các hoạt động và chủ thể liên quan đến đa dạng sinh học, cũng như được áp dụng tại các khu bảo tồn.
Các quỹ tín thác bảo tồn (CTF)	Quỹ tín thác bảo tồn được định nghĩa là “Các tổ chức tư nhân, có tư cách pháp nhân độc lập, cung cấp nguồn tài chính bền vững cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Hoạt động cốt lõi của các quỹ CTF là huy động nguồn lực từ nhiều nguồn khác nhau - bao gồm các nhà tài trợ quốc tế, chính phủ quốc gia và khu vực tư nhân - và phân bổ các nguồn lực đó, chủ yếu dưới dạng các khoản tài trợ, cho nhiều chương trình và dự án môi trường khác nhau thông qua các tổ chức phi chính phủ (NGO), tổ chức dựa vào cộng đồng, và các cơ quan nhà nước (như cơ quan quản lý vườn quốc gia)” (Bath và cộng sự, 2020). Các CTF có thể được thiết lập nhằm hỗ trợ các sáng kiến bảo tồn đa dạng sinh học một cách tổng thể, hoặc để cung cấp nguồn tài chính bền vững cho một khu vực bảo tồn cụ thể. Các quỹ CTF có thể được thành lập như một công cụ tài chính bền vững cho các khu bảo tồn và các OECMs (Van Zyl và cộng sự, 2021).
Chứng nhận	Một “chương trình chứng nhận” là một khuôn khổ được sử dụng để thiết lập các tiêu chuẩn và xác thực các quy trình thực hiện. Khuôn khổ này bao gồm chính tiêu chuẩn đó, cùng với các quy định liên quan đến việc thực thi, đánh giá, quản trị và công bố thông tin, cũng như các khía cạnh khác (WWF, 2015). Thông thường, bên đăng ký sẽ phải trả phí để được cấp chứng nhận, bao gồm cả chi phí cho các quy trình hành chính liên quan, khoản kinh phí này có thể được sử dụng để hỗ trợ tài chính cho các khu bảo tồn (Sharma, đang xuất bản). Chương trình Chứng nhận Động vật hoang dã đang được phát triển tại Nam Phi, đã đề xuất việc tích hợp một số khu vực OECMs tiềm năng vào khuôn khổ này, nhằm hỗ trợ cho việc sử dụng bền vững tài nguyên động vật hoang dã (UNDP, 2023).

Nguồn: Nhóm Chuyên gia Tài chính Bền vững của IUCN WCPA và Liên minh Tài chính Bảo tồn (đang xuất bản).

CÁC ĐỊNH NGHĨA VỀ KHU BẢO TỒN VÀ OECMS, CÁC HẠNG MỤC QUẢN LÝ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẢN TRỊ

IUCN định nghĩa một khu bảo tồn là:

Một không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, cam kết và quản lý thông qua các biện pháp pháp lý hoặc hiệu quả khác, nhằm đạt được mục tiêu bảo tồn lâu dài thiên nhiên cùng với các dịch vụ hệ sinh thái và giá trị văn hóa liên quan.

Định nghĩa này được mở rộng bằng 6 phân loại quản lý (1 loại có phân nhóm), tóm tắt như sau:

Ia Khu bảo tồn thiên nhiên nghiêm ngặt: Bảo vệ nghiêm ngặt đa dạng sinh học và có thể bao gồm cả đặc điểm địa chất/địa mạo, việc con người tham quan, sử dụng và tác động được kiểm soát và hạn chế để đảm bảo việc bảo vệ các giá trị bảo tồn.

Ib Khu vực hoang dã: Thường là khu vực rộng lớn, ít hoặc chưa bị biến đổi, vẫn giữ được đặc trưng và ảnh hưởng tự nhiên, không có con người cư trú lâu dài hoặc đáng kể, được bảo vệ và quản lý nhằm duy trì các đặc điểm tự nhiên.

II Vườn quốc gia: Các khu vực tự nhiên hoặc gần như tự nhiên rộng lớn bảo vệ các quá trình sinh thái quy mô lớn cùng các loài và hệ sinh thái đặc trưng; cũng mang lại cơ hội khoa học, giáo dục, giải trí, du lịch và tinh thần phù hợp với môi trường và văn hóa.

III Di tích tự nhiên hoặc đặc điểm tự nhiên: Khu vực được dành riêng để bảo vệ một đặc điểm tự nhiên cụ thể, có thể là địa hình, núi ngầm, hang động biển, đặc điểm địa chất như hang động, hoặc yếu tố sinh học như một khu rừng nguyên sinh.

IV Khu vực quản lý loài/sinh cảnh: Khu vực để bảo vệ loài hoặc sinh cảnh cụ thể, nơi hoạt động quản lý ưu tiên thực hiện mục tiêu này. Nhiều khu cần có can thiệp chủ động thường xuyên, nhưng không bắt buộc với mọi trường hợp.

V Cảnh quan hoặc không gian biển được bảo vệ: Nơi sự tương tác của con người và thiên nhiên qua thời gian đã tạo ra các đặc điểm riêng biệt về giá trị sinh thái, sinh học, văn hóa và giá trị cảnh quan; và nơi việc bảo vệ tính toàn vẹn của sự tương tác này là rất quan trọng để bảo vệ và duy trì khu vực và các giá trị bảo tồn thiên nhiên và các giá trị khác liên quan.

VI Các khu bảo tồn với sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên: Các khu vực bảo tồn các hệ sinh thái, cùng với các giá trị văn hóa liên quan và các hệ thống quản lý tài nguyên thiên nhiên truyền thống. Thường có diện tích lớn, chủ yếu ở điều kiện tự nhiên, với một phần diện tích được quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và nơi việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên phi công nghiệp ở mức độ thấp phù hợp với bảo tồn thiên nhiên là một trong những mục tiêu chính.

Phân loại nên dựa trên các mục tiêu quản lý chính, và mục tiêu đó phải áp dụng cho ít nhất 3/4 diện tích khu bảo tồn - còn gọi là “quy tắc 75%”.

Các phân loại quản lý được áp dụng cùng với các loại hình quản trị - mô tả ai là người nắm quyền và chịu trách nhiệm quản lý khu bảo tồn. IUCN xác định 4 kiểu quản trị như sau:

Loại A. Quản trị bởi chính phủ: Cơ quan/bộ ngành ở cấp quốc gia hoặc liên bang; cơ quan ở cấp địa phương (ví dụ cấp tỉnh, vùng, thành phố); quản lý được chính phủ ủy quyền (ví dụ giao cho NGO).

Loại B. Quản trị chung: Quản trị xuyên biên giới (các thỏa thuận chính thức và không chính thức giữa hai hoặc nhiều quốc gia); quản trị hợp tác (thông qua nhiều cách khác nhau mà các bên và các tổ chức cùng tham gia); quản trị chung (hội đồng đa bên hoặc cơ cấu đồng quản lý).

Loại C. Quản trị tư nhân: Khu bảo tồn do cá nhân sở hữu và quản lý; các tổ chức phi lợi nhuận (ví dụ: NGO, đại học), và tổ chức vì lợi nhuận (ví dụ: công ty sở hữu đất).

Loại D. Quản trị bởi cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương: Các khu vực bảo tồn và lãnh thổ của cộng đồng dân tộc thiểu số - được thành lập và vận hành bởi cộng đồng dân tộc thiểu số; các khu vực bảo tồn cộng đồng - được thành lập và vận hành bởi các cộng đồng địa phương.

Công ước về Đa dạng sinh học định nghĩa một “khu vực có các biện pháp bảo tồn hiệu quả khác” (OECM) là:

Một khu vực được xác định rõ ràng về mặt địa lý, không thuộc khu bảo tồn, được quản trị và quản lý để đạt được các kết quả tích cực và bền vững lâu dài về bảo tồn tại chỗ đa dạng sinh học, cùng với các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan và khi phù hợp các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế - xã hội và các giá trị liên quan khác tại địa phương.

Khái niệm này bao gồm ba trường hợp chính:

1. **Bảo tồn phụ trợ** - các khu vực mang lại kết quả bảo tồn tại chỗ như một kết quả phụ của các hoạt động quản lý, mặc dù bảo tồn đa dạng sinh học không phải là một mục tiêu quản lý (ví dụ, một số nghĩa trang chiến tranh).
2. **Bảo tồn thứ cấp** - khu vực được bảo tồn chủ động nhưng mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học chỉ là mục tiêu phụ trong quản lý (ví dụ, một số hành lang bảo tồn).
3. **Bảo tồn chính** - các khu vực đáp ứng định nghĩa của IUCN về khu bảo tồn, nhưng chủ thể quản trị (ví dụ, cộng đồng, cộng đồng dân tộc thiểu số, tổ chức tôn giáo, cá nhân hoặc doanh nghiệp) không muốn khu vực được báo cáo là khu bảo tồn chính thức.

Để biết thêm thông tin về định nghĩa, các phân loại và các loại hình quản trị của IUCN, xem Dudley (2008). Guidelines for applying protected area management categories, có thể tải xuống tại: <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2008.PAPS.2.en>

Để biết thêm về các loại hình quản trị, xem Borrini-Feyerabend và cộng sự (2013). Governance of Protected Areas: From understanding to action, có thể tải xuống tại <https://portals.iucn.org/library/node/29138>.

Để biết thêm thông tin về OECMs, xem Jonas và cộng sự (2023) Site-level tool for identifying other effective area-based conservation measures (OECMS): first edition, có thể tải xuống tại: <https://doi.org/10.2305/WZJH1425>



**LIÊN MINH BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN QUỐC TẾ**

TRỤ SỞ CHÍNH TOÀN CẦU
Rue Mauverney 28
1196 Gland, Thụy Sĩ
Tel: +41 22 999 0000
Fax: +41 22 999 0002
www.iucn.org
www.iucn.org/resources/publications

